

Lễ Diễu Hành Phục Sinh

Contents

Lễ Diễu Hành Phục Sinh	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2	5
3. Chương 3	13
4. Chương 4	19
5. Chương 5	35
6. Chương 6	43
7. Chương 7	53
8. Chương 8	62
9. Chương 9	71
10. Chương 10	84
11. Chương 11	95

Lễ Diễu Hành Phục Sinh

Giới thiệu

Truyện Lễ Diễu Hành Phục Sinh, ông là một nhà báo tuyệt vời và là một người cha xứng đáng với danh tiếng của mình,

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/le-dieu-hanh-phuc-sinh>

1. Chương 1

Không một ai trong chị em gái nhà Grimes có một cuộc sống hạnh phúc, và nhìn lại thì dường như mọi bất hạnh đều bắt đầu từ việc ly dị của cha mẹ họ. Chuyện đó xảy ra vào năm 1930, khi Sarah lên chín và Emily lên năm. Mẹ của họ, người muốn con gái gọi mình là “Pookie”, đã đưa họ đi khỏi New York đến trú ngụ tại một ngôi nhà đi thuê tại Tenafly, bang New Jersey, nơi mà bà nghĩ trường học ở đó tốt hơn và là nơi bà đặt hy vọng bắt đầu công việc với nghề bất động sản ở vùng ngoại ô. Công việc này đã không thành công - hầu như rất ít những kế hoạch công việc của bà được thực hiện - và họ đã rời Tenafly sau đó hai năm, và đó là một khoảng thời gian đáng nhớ của hai cô con gái.

“Bố của bạn có bao giờ về nhà không?” những đứa trẻ khác thường hay hỏi như vậy, và bao giờ Sarah cũng là người dành quyền giải thích lý do là gì.

“Bạn có bao giờ thăm bố không?”

“Có chứ”.

“Bố bạn ở đâu?”

“Ở New York”.

“Ông viết tiêu đề. Ông viết tiêu đề báo cho tờ New York Chủ nhật”. Và cách cô nói thật sự đã để lại ấn tượng cho bạn cô. Ai cũng có thể là một phóng viên hào nhoáng và vô trách nhiệm hoặc đơn thuần là một người sửa bài cần mẫn; nhưng đây là một người viết tiêu đề! Người mà phải đọc tất cả những tin tức phức tạp hàng ngày để lựa chọn ra những ý chính và tóm tắt lại bằng những từ đắt ý, khéo léo sắp xếp vừa vặn trong một chỗ trống có giới hạn - ông là một nhà báo tuyệt vời và là một người cha xứng đáng với danh tiếng của mình.

Trong một lần các cô con gái đi thăm bố, anh dẫn các cô đi thăm xưởng in Mặt trời và họ đã được tận mắt nhìn thấy mọi thứ.

“Bản in đầu tiên đã sẵn sàng”, anh nói, “Chúng ta đi xuống phòng in và tham quan nào; sau đó bố sẽ dẫn các con đi xem ở tầng trên”. Anh đưa các con đi theo cầu thang bằng sắt toả mùi mực in và giấy in báo đến một tầng hầm rộng nơi có những máy in quay thật cao được xếp theo hàng. Công nhân làm việc hối hả mọi chỗ, tất cả đều đang đội mũ hơi vuông góc, làm bằng giấy báo cứng được gấp rất cầu kỳ.

“Bố ơi, sao họ lại đội những mũ giấy kia ạ?” Emily hỏi. “À, có thể, họ sẽ nói với con là họ đội mũ để tránh không cho mực dây ra tóc họ, nhưng bố nghĩ là họ đội mũ để trông cho vui mắt.”

“‘Vui mắt’ là như thế nào ạ?”

“Ồ, có nghĩa là giống như chú gấu của con vậy”, anh nói trong khi anh chỉ vào một cái ghim hình con gấu màu hồng ở trên váy của cô bé đang mặc, và đây cũng là điều cô mong cha cô nhận thấy. “Đó là một chú gấu vui nhộn”.

Họ xem những chiếc đĩa bằng giấy kim loại đúc khuôn còn mới được uốn cong chuyển động nhẹ nhàng trên băng tải ống lăn mực in được kẹp chặt lại trên trục lăn; rồi sau một hồi chuông họ quay sang xem trục lăn của máy in. Sàn thép rung lên dưới chân họ, làm cho họ cảm thấy buồn buồn và tiếng động quá to làm họ không thể nói chuyện được; chỉ có thể nhìn nhau và cười, và Emily phải dùng tay để bịt tai.

Những sọc trắng của bản in đi theo mọi hướng chạy qua máy in, và những tờ báo hoàn chỉnh được ra khỏi máy in theo trật tự.

“Con nghĩ gì thế?” Water Grimes hỏi con gái khi họ đi lên cầu thang. “Và bây giờ chúng ta sẽ tham quan phòng làm việc nhé!”

Đó là một nơi thật rộng toàn bàn làm việc dành cho những người đánh máy. “Chỗ trước mặt nơi có bàn làm việc được xếp cạnh nhau là nơi làm việc trung tâm”, anh nói. “Người phụ trách tài chính là bác đầu hói đang nói chuyện điện thoại. Và người ngồi ở đằng kia, thậm chí còn quan trọng hơn. Bác ta là người quản lý biên tập.”

“Chỗ ngồi của bố đâu ạ?” Sarah hỏi.

“À, bố ngồi ở bàn viết bản thảo. Ở phía bên cạnh. Con đã nhìn thấy chưa?” Anh chỉ ra chỗ có một chiếc bàn hình bán nguyệt bằng gỗ màu vàng. Một người ngồi ở trung tâm, và sáu người còn lại ngồi xung quanh, đọc và sửa bài bằng bút chì.

“Kia là nơi bố ngồi viết tiêu đề có phải không ạ?”

“À, viết tiêu đề chỉ là một phần công việc thôi con à. Công việc là như thế này - khi phóng viên và người sửa bài hoàn thành tin, họ đưa bản thảo của họ cho nhân viên chạy việc vặt - cậu thanh niên trẻ kia là nhân viên chạy việc vặt - và cậu ta mang bản thảo đến đưa cho bộ phận làm việc của bố. Bộ phận làm việc của bố sẽ kiểm tra ngữ pháp, chính tả và dấu chấm câu, sau đó sẽ viết tiêu đề. Thế là hoàn chỉnh và sẵn sàng cho việc mang đi in.”

“Chào Charles”, anh nói với một người đi ngang qua về phía máy uống nước. “Charle, tôi muốn giới thiệu với anh đây là con gái của tôi. Đây là Sarah và đây là Emily”.

“A”, anh ta nói, cúi rạp người xuống chào. “Thật đúng là những cục cưng, các cháu có vui không?”

Rồi anh đưa con đi thăm phòng điện tín, nơi họ có thể biết tin tức trên toàn thế giới truyền đến qua đường dây thông tin được chuyển đến phòng biên tập và mọi thông tin được viết ra và thể hiện trên những trang báo. “Các con đã đói chưa?” anh hỏi. “Các con có muốn đi vệ sinh trước không?”

Trong ánh nắng ban mai, anh nắm tay các con đi qua Quảng trường Tòa thị chính Thành phố. Các con anh đều mặc áo khoác nhẹ ra ngoài những chiếc váy xinh xắn, đi tất sọc trắng với những đôi giày bằng da được làm rất tinh xảo. Trông các cô bé thật xinh. Sarah tóc đen và rất ngây thơ, còn Emily thì thấp hơn cô chị một cái đầu, tóc vàng hoe, gầy và trông rất nghiêm nghị. “Trông không giống Tòa thị chính lắm, các con nhỉ?” Walter Grimes nói. “Các con có nhìn thấy tòa nhà cao tầng sau rặng cây kia không? Tòa nhà màu đen ý - Đó là văn phòng của tờ báo Thế giới đây, mà thật ra đã là thì đúng hơn. Năm ngoái tờ báo này đã bị đóng lại. Đó là tờ tin tức hàng ngày lớn nhất của Mỹ đây.”

“À, vậy thì tờ Chủ nhật bây giờ là tờ báo nổi tiếng nhất, có phải không hả bố?”, Sarah hỏi.

“Ồ, không đâu, con yêu. Thật ra tờ Chủ nhật không hẳn hoàn toàn là báo.”

“Thế à, sao lại vậy hả bố” Sarah trông rất lo lắng.

“À, đó là một thể loại bình luận cực đoan”.

“Bình luận cực đoan là gì hả bố?”

“Có nghĩa là rất, rất bảo thủ; rất Cộng hòa”.

“Chúng ta có phải là người theo Đảng Cộng hòa không à?”

“Bố nghĩ rằng mẹ thì có nhưng bố thì không”.

“Ồ”.

Anh uống hai ly trước bữa ăn và gọi nước gừng cho con mình, sau đó họ ăn gà và khoai tây nghiền. Emily bây giờ mới mở miệng nói chuyện kể từ lúc họ rời khỏi văn phòng của bố. “Bố ơi, nếu bố không thích tờ Chủ nhật, vì sao bố lại vẫn làm việc ở đó à?”

Khuôn mặt dài của anh, khuôn mặt mà hai cô con gái cho rằng đây là khuôn mặt điển trai, trông thật mệt mỏi. “Vì bố cần việc làm, cực cùng của bố à,” anh nói “Bây giờ rất khó kiếm việc. Hừm, nếu bố giỏi hơn thì bố đã chuyển sang chỗ làm khác, nhưng con thấy đây - bố chỉ là một người biên tập bản thảo”.

Không có gì nhiều để kể với bạn khi họ quay lại Tenaflly, nhưng ít nhất họ cũng có thể nói rằng bố họ là người viết tiêu đề báo.

“... Và nếu bạn nghĩ rằng viết tiêu đề báo là một công việc dễ dàng thì bạn đã sai rồi!” Sarah nói với một cậu bé thô lỗ ở sân chơi như vậy.

Mặc dầu vậy, Emily - một cô bé có tính chính xác - chỉ đợi ngay khi cậu bé đó không còn trong tầm nghe nữa liền nhắc nhở chị mình một thực tế là “Bố chỉ là người biên tập bản thảo”.

* * *

Esther Grimes, hay là Pookie, là một phụ nữ nhỏ bé, năng động có một cuộc sống dường như gắn liền với giá trị không tưởng mà chị cho là “nhảy bèn”. Chị mãi mê với tạp chí thời trang, với việc ăn mặc có thẩm mỹ và đã nhiều lần cố gắng chỉnh sửa lại mái tóc của mình, nhưng không thể giấu nổi đôi mắt hoang mang và thật sự, chưa bao giờ chị biết cách tô son trên môi của mình, một đôi môi luôn thể hiện dáng vẻ của sự thiếu kiên định đến mức độ đáng kinh ngạc và đầy yếu đuối. Chị tìm thấy sự nhảy bèn ở tầng lớp thượng lưu hơn là ở trong tầng lớp trung lưu, và vì thế chị chạy theo việc nuôi con theo kiểu cách và tư tưởng của người giàu. Chị luôn cố tìm cho được những cộng đồng “tốt” để sống tại đó, mặc cho việc chị có khả năng trang trải cho việc sống tại đó hay không, và chị phải cố bắt mình trong khuôn khổ của sự đoan trang.

“Con yêu, mẹ mong rằng con sẽ không làm như vậy nữa”, chị nói với Sarah như vậy trong một bữa sáng.

“Làm như vậy có nghĩa là sao à?”

“Nhúng bánh vào sữa theo cách như vậy”.

“Ồ”, Sarah rút miếng bánh mì bơ nướng thật dài ra khỏi cốc sữa và để nó bị chảy lê thê trước khi đưa bánh mì vào cái miệng đang chờ sẵn của mình. “Tại sao hả mẹ?” Cô hỏi mẹ sau khi đã nhai và nuốt miếng bánh mì.

“Vì, như thế trông không được đẹp mắt. Emily kém con bốn tuổi nhưng em cũng không hành động trẻ con như con”.

Và, hơn thế nữa, chị luôn nói rằng, theo nhiều phương diện, Emily nhạy bén hơn Sarah.

Khi công việc của chị ở Tenaflly trở nên rõ ràng là không thành công, chị bắt đầu hay đi xa cả ngày để tìm kiếm cơ hội ở những thị trấn khác, hoặc trong thành phố, và gửi bọn trẻ ở những gia đình khác. Sarah thì dường như không quan tâm đến việc mẹ vắng nhà, nhưng Emily thì có; cô không thích ngửi mùi nhà lạ; cô không ăn được và lo lắng cả ngày; cô tưởng tượng ra những tai nạn khủng khiếp và nếu Pookie đến đón cô muộn một hoặc hai tiếng thì cô khóc như đứa trẻ.

Một ngày mùa thu các cô bé được gửi ở một gia đình tên là Clark. Các cô mang theo những con búp bê bằng giấy để chơi nếu bị bỏ rơi một mình, dường như là như vậy - ba người con của gia đình Clark đều là con trai - nhưng bà Clark đã giao nhiệm vụ cho con trai cả của mình, cậu Tyron, là một người chủ nhà hiếu khách, và đảm nhận trách nhiệm một cách nghiêm túc. Cậu bé mười một tuổi, và cả ngày cậu thể hiện với các cô bé.

“Nhìn này”, cậu luôn mồm nói “nhìn này”.

Ở phía bên kia sân sau của gia đình nhà Clark có một ống thép nằm ngang được đỡ bằng những ống trụ thẳng đứng, và Myron thì rất giỏi với những trò nghịch ngợm. Cậu thường chạy ra cái xà đó, vạt áo bay phấp phật dưới lớp áo len, nắm lấy cái xà bằng cả hai tay, xoay gót chân ngược lên, qua chiếc xà và cậu treo người qua đầu gối; rồi cậu kéo căng người ra, lộn từ trong ra ngoài, rơi xuống đất trong luồng gió bụi.

Sau đó, cậu để cho các em cậu và các cô con gái nhà Grimes trong một cuộc chiến trò chơi hỗn tạp, rồi bọn trẻ vào trong nhà và xem bộ sưu tập tem của cậu, rồi bọn trẻ lại quay ra sân chơi, nhưng thật sự bây giờ, không còn gì để chơi nữa.

“Này, nhìn kia”, cậu bé nói, “Sarah cao gần bằng chiếc xà nên có thể chui qua xà mà không chạm vào thanh xà đấy.” Khá chính xác: đỉnh đầu của Sarah thấp hơn thanh xà một nửa in-sơ. “Anh biết phải làm gì rồi”, Myron nói, “Sarah hãy chạy đến thanh xà càng nhanh càng tốt và vừa khít chui lướt qua xà”.

Cách thanh xà khoảng gần ba mươi thước Anh, bọn trẻ đứng gọn sang một bên và xem, còn Sarah bắt đầu chạy, bộ tóc dài của cô bay bay. Không một ai nhận ra là khi Sarah chạy thì sẽ cao hơn lúc Sarah đứng - trong một tích tắc, khi Emily phát hiện ra thì đã quá muộn, thậm chí không còn kịp thời gian để kêu lên nữa. Thanh xà đã đập vào Sarah đúng phía trên mắt với một tiếng vang mà không bao giờ Emily có thể quên được - ding! - và rồi cô bé quần quai kêu lên với quầng mắt đầy máu.

Emily ướm hết quần khi cô bé chạy vội vào trong nhà cùng với những cậu bé nhà Clark. Cô Clark kêu lên khi cô nhìn thấy Sarah; cô vội vàng quần Sarah trong chăn - cô biết rằng, đôi khi nạn nhân tai nạn có thể bị sốc - và đưa cô bé đến bệnh viện, cùng với Emily và Myron ngồi ở ghế sau. Sarah thôi không khóc nữa - cô bé chưa bao giờ khóc nhiều cả - nhưng Emily thì lại bắt đầu khóc. Cô bé khóc suốt trên đường đến bệnh viện và trong phòng đợi phía bên ngoài phòng cấp cứu, nơi mà cô Clark lộ mặt ra đến ba lần chỉ để nói với bọn trẻ “không gãy xương”, “không chấn thương” và “khâu bảy mũi”.

Sau đó tất cả mọi người về nhà...

“Mẹ chưa bao giờ thấy ai chịu đau giỏi đến như thế”, cô Clark nói - Sarah nằm ở ghế sofa trong phòng khách được che tối lại với khuôn mặt thâm tím sưng phồng, một miếng gạc to che một bên mắt cô bé và một chiếc khăn toàn đá chườm lên miếng gạc. Các cậu bé lại đi ra ngoài sân chơi, nhưng Emily thì không muốn rời khỏi phòng. “Con phải để cho chị được nghỉ”, cô Clark nói “Cùng, đi ra ngoài chơi đi con”.

“Em cháu ở đây cũng được ạ”, Sarah nói thật xa xăm và kỳ lạ.

Vì thế, Emily được ở lại, điều đó có lẽ lại tốt vì chắc hẳn cô bé đã đâm đá nếu có ai đó cố kéo cô ra khỏi nơi cô bé đang đứng và cắn móng tay trên một tấm thảm xấu xí của nhà Clark. Bây giờ cô bé không còn khóc nữa; cô chỉ nhìn chị của mình đang nằm một mình trong bóng tối và cảm nhận những cơn sóng của sự mất mát khủng khiếp.

“Mọi việc đều ổn thôi Emmy”, Sarah nói bằng giọng rất xa xôi. “Sẽ ổn thôi. Đừng lo lắng quá. Pookie sẽ về nhà sớm mà”.

Mắt của Sarah không bị chấn thương - đôi mắt to, màu nâu sẫm vẫn sẽ là một nét hoàn hảo trên khuôn mặt đáng nhẽ là rất đẹp - nhưng một cái sẹo nhỏ mờ màu trắng xanh từ chân mày đến mi mắt sẽ theo cô suốt quãng đời còn lại, giống như một nét bút chì không dứt khoát, và Emily có thể sẽ không bao giờ quên được cảnh chị cô đã chịu đựng đau đớn đến như thế nào mỗi khi cô nhìn vào vết sẹo. Vết sẹo cũng luôn làm cho cô nhớ đến việc dễ bị hoảng loạn và sự khiếp đảm tột cùng khi phải ở nhà một mình.

2. Chương 2

Chính Sarah là người cho Emily biết kiến thức đầu đời về tình dục. Chúng đang ăn kem que vị cam và đùa cợt với nhau quanh cái vòng bị đứt ở sân sau nhà chúng ở Larchmont, New York - là một trong những thành phố ngoại ô mà chúng sống sau khi sống ở Tenaflly - và khi Emily lắng nghe đầu óc cô bé đầy những suy nghĩ bấn loạn và xáo trộn.

“Và ý chị là họ đưa cái đó vào trong cơ thể mình?”

“Đúng rồi. Cho đến tận cùng. Và nó rất đau.”

“Sẽ như thế nào nếu nó không vừa?”

“Không, nó vừa chứ. Bọn họ sẽ làm cho chúng vừa.”

“Và rồi sẽ thế nào?”

“Rồi thì em sẽ có em bé. Vì thế tại sao em sẽ không làm chuyện đó cho đến khi em lấy chồng. Ngoại trừ, em biết Elaine Simko ở lớp tám chứ? Cô ta đã làm việc đó với một cậu bạn trai và đã có con, và vì thế mà cô ta đã phải bỏ học. Không một ai có thể biết được bây giờ cô ta đang ở đâu.”

“Chị có chắc không? Elaine Simko?”

“Hoàn toàn chắc chắn.”

“Thế tại sao cô ta lại muốn làm một chuyện giống như thế?”

“Bạn trai đã quyến rũ cô ta.”

“Điều đó có nghĩa là gì?”

Sarah mút que kem thật chậm và sâu. “Em còn quá bé để có thể hiểu được.”

“Em không còn bé nữa. Nhưng chị bảo là nó đau cơ mà, Sarah. Nếu nó đau, tại sao cô ta lại...”

“Thật ra, nó đau, nhưng nó cũng có cảm giác dễ chịu. Em biết cảm giác như thế nào khi thỉnh thoảng em tắm trong bồn, hay thỉnh thoảng em đưa tay xuống chỗ đó và rửa, và có cảm giác...”

“Ôi,” Và Emily nhìn xuống ngượng ngùng. “Em hiểu rồi.”

Cô bé thường nói “Em hiểu rồi” về những điều mà cô thật sự không hoàn toàn hiểu - và vì thế, về vấn đề này, với Sarah cũng vậy thôi. Không một ai trong bọn chúng có thể hiểu được tại sao mẹ chúng lại phải chuyển nhà thường xuyên đến như vậy, chẳng hạn - chúng bắt đầu kết bạn được với nơi chúng ở thì cũng là lúc chúng phải chuyển đi nơi khác - nhưng chúng không bao giờ thắc mắc về điều đó cả.

Pookie thật khó hiểu về nhiều chuyện. “Tôi nói với các con về mọi chuyện,” chị sẽ nói khoác với những người khác như vậy; “chúng tôi không có bất kỳ một bí mật nào trong gia đình” - và rồi trong câu nói tiếp theo chị sẽ hạ giọng nói điều gì đó để bọn trẻ không nghe thấy được.

Để giữ đúng cam kết trong ly hôn, Walter Grimes thường đến thăm bọn trẻ hai hay ba lần trong một năm ở bất kỳ ngôi nhà nào chúng đang ở thuê, và thỉnh thoảng anh sẽ ngủ đêm tại ghế sofa ở phòng khách. Vào năm Emily lên mười, cô bé thức trắng cả đêm vào đêm Giáng sinh, lắng nghe âm thanh bất thường phát ra từ bố mẹ chúng ở dưới nhà - họ đang nói và nói - và vì cô phải biết chuyện gì đang xảy ra nên cô hành động như một đứa trẻ: cô gọi mẹ.

“Gì thế con?” Pookie bật đèn và cúi xuống với cô, nồng nặc mùi rượu gin.

“Dạ dày con khó chịu.”

“Con có muốn uống thuốc tiêu hoá không?”

“Không.”

“Vậy con muốn gì?”

“Con không biết.”

“Đừng nhõng nhẽo nữa. Để mẹ bế con vào, và con chỉ cần nghĩ đến những món quà tốt đẹp nhất cho Lễ Giáng sinh và rơi vào giấc ngủ. Và con không được gọi mẹ nữa nhé; con hứa chứ?”

“Vâng ạ.”

“Vì mẹ và bố đang có một chuyện quan trọng muốn nói. Bố mẹ đang nói chuyện về rất nhiều việc mà đáng nhẽ ra bố mẹ đã phải nói từ rất, rất lâu rồi, và bố mẹ đã bắt đầu hiểu nhau...”

Chị dành cho Emily một nụ hôn ướt át, tắt đèn và đi vội xuống tầng, nơi mà cuộc nói chuyện vẫn tiếp diễn, và Emily nằm đó chờ đợi một giấc ngủ trong dạt dào hạnh phúc. Đi đến một sự hiểu nhau! Giống như một lời nói của một bà mẹ ly hôn trong phim được nói trước khi nhạc nổi lên cho hồi cuối.

Nhưng buổi sáng hôm sau mưa ra giống như tất cả các sáng của những lần đi thăm trước: bố lặng lẽ và lịch sự như một người lạ mặt ở bữa sáng, và Pookie tránh không nhìn bố; rồi bố gọi taxi để đưa bố ra tàu. Thoạt đầu Emily nghĩ rằng có thể bố chỉ đi về thành phố để lấy những thứ bố cần, nhưng hy vọng đó đã tan biến trong những ngày và tuần sau đó. Cô bé có thể sẽ không bao giờ tìm ra được từ ngữ để hỏi mẹ mình về điều đó, và cô cũng không nhắc điều đó với Sarah.

Cả hai cô con gái đều mắc những gì mà nha sĩ nói là bị hàm nhô và bọn trẻ gọi là răng vẩu, nhưng tình trạng của Sarah còn xấu hơn: khi cô bé mười bốn tuổi cô không thể ngậm được miệng. Walter Grimes đồng ý chi trả cho việc chỉnh răng, và điều này có nghĩa là Sarah sẽ đi tàu ra New York một tuần một lần có cả buổi chiều với bố để chỉnh hàm. Emily cảm thấy ghen tị, cả về việc chỉnh răng cũng như việc đi ra thành phố, nhưng Pookie giải thích rằng bố mẹ không thể có đủ kinh phí để điều trị cho cả hai con cùng một lúc; rồi sẽ đến lượt cô, khi cô lớn hơn.

Trong thời gian chỉnh sửa, hàm của Sarah thật kinh khủng: chúng giữ lại những mẫu thức ăn màu trắng, và ai đó ở trường gọi cô bé là một nhà kho đồ ngũ kim biết đi. Ai có thể tưởng tượng ra hôn một người như vậy? Ai, với vấn đề đó, có thể chịu đến gần cô được bao lâu? Sarah giặt chiếc áo len rất cẩn thận với sự cố gắng giữ cho màu nhuộm vẫn còn ở chỗ nách áo, nhưng điều đó đã không thực hiện được: chiếc áo len màu xanh hải quân bạc màu thành màu xanh trứng chim cổ đỏ ở chỗ nách, và một chiếc áo màu đỏ thì biến thành màu hồng hơi vàng. Mồ hôi nặng của cô, không ít tồi tệ hơn cái hàm, dường như là một tai họa vậy.

Một tai họa nữa gieo đến cho cả hai cô gái khi Pookie thông báo chị đã tìm thấy một ngôi nhà tuyệt vời trong một thị trấn nhỏ tuyệt vời có tên là Bradley, và rằng họ sẽ chuyển đến đó trong mùa thu. Chúng hầu như đã không thể nhớ nổi số lần chúng chuyển nhà nữa rồi. “Con này, không quá tồi chứ, phải vậy không con?” Pookie hỏi chúng sau buổi học đầu tiên ở trường Bradley. “Kể cho mẹ nghe nào.”

Emily đã cam chịu một ngày với thái độ thù địch trong im lặng - một trong hai cô học sinh mới duy nhất ở toàn khối sáu - và nói rằng cô nghĩ nó sẽ ổn thôi. Nhưng Sarah, một học sinh cấp ba, vui mừng với tin nó đã tuyệt vời đến thế nào.

“Họ có một hội đồng đặc biệt dành cho những học sinh mới,” cô nói, “và ai đó chơi piano và tất cả những học sinh nữ cũ đều đứng dậy và hát. Nghe này: “Bạn thế nào, những học sinh mới, bạn thế nào?”

Liệu chúng tôi có thể làm gì cho bạn?

Chúng tôi rất vui là bạn đã đến đây Vì bạn luôn mang lại những điều vui vẻ Bạn thế nào, những học sinh mới, bạn thế nào?”

“Thế à!” Pookie nói rất vui. “Chẳng phải điều đó là tuyệt vời hay sao?”

Và Emily chỉ có thể quay mặt đi trong sự căm phẫn. Điều đó có thể là “tuyệt vời,” nhưng đó là dối trá; cô biết sự phản bội ngấm ngấm trong một bài hát như vậy.

Trường tiểu học và trường trung học ở trong cùng một toà nhà, điều đó có nghĩa là thỉnh thoảng Emily có thể thoáng nhìn thấy chị mình trong ngày, nếu cô may mắn; điều đó cũng có nghĩa là chúng có thể đi bộ về nhà cùng nhau vào các buổi chiều. Sự thoả thuận là chúng sẽ gặp nhau ở lớp học của Emily sau khi tan học.

Nhưng một ngày thứ sáu trong mùa bóng đá Emily nhận thấy mình đã phải đợi và đợi trong lớp học trống rỗng, với không hề có bóng dáng của Sarah đâu cả, cho đến khi lòng dạ cô bắt đầu cảm thấy lo lắng. Khi Sarah đến, cuối cùng trông cô thật hài hước - cô có một điệu cười hài hước - và đằng sau cô là một cậu bé nghiêm nghị.

“Emmy, đây là Harold Schneider,” cô nói.

“Chào anh.”

“Chào em.” Anh ta thật to lớn, cơ bắp và khuôn mặt nổi mụn.

“Bọn chị sẽ đi xem một trận đấu ở Armonk,” Sarah giải thích. “Em chỉ cần nói với Pookie là chị sẽ về nhà vào bữa tối, được không? Liệu em có thể về nhà một mình được không?”

Vấn đề là Pookie đã đi đến New York sáng hôm đó và đã được thông báo vào bữa sáng. “Thật ra, em nghĩ rằng em sẽ về nhà trước chị, nhưng em không nên hứa.” Điều đó không những chỉ hàm ý là đi về nhà một mình và còn ở trong nhà một mình hàng giờ liền với những đồ đạc tro bụi và chiếc đồng hồ tích tắc, chờ đợi. Và nếu mẹ về nhà... “Sarah đâu?” - làm sao cô có thể nói với mẹ là Sarah đang đi chơi với một cậu bé tên là Harold ra thị trấn tên là Armonk? Nó ngoài tầm kiểm soát.

“Chị sẽ đến đó bằng cách nào?” Cô hỏi.

“Bằng xe của Harold. Anh ấy đã mười bảy tuổi.”

“Em không nghĩ rằng Pookie sẽ thích điều này, Sarah. Và em nghĩ rằng chị cũng biết là mẹ không thích. Chị nên đi về nhà với em.”

Sarah quay lại một cách tuyệt vọng với Harold có bộ mặt to đang co rúm lại với nụ cười nửa miệng ngờ vực, như thể muốn nói rằng cậu ta chưa bao giờ gặp một đứa bé hỗn xược đến như vậy.

“Emmy, đừng như thế nữa mà,” Sarah khấn nài, với giọng run run chứng minh là cô đang yếu thế.

“Đừng như thế nào? Em chỉ nói những gì chị biết.”

Và cuối cùng thì Emily đã thắng. Harold Schneider lừ lừ người quay đi về phía hành lang, lắc lắc cái đầu (cậu ta có thể tìm được một cô gái khác trước thời gian trận đấu bắt đầu), và những cô con gái nhà Grimes cùng nhau đi về nhà - hay đúng ra là đi hàng một, Emily đi trước.

“Quý tha ma bắt mày đi,” Sarah nói đằng sau lưng trong lúc đi bộ về. “Tao sẽ giết mày vì chuyện này...” và cô nhảy ba bước và đá thật mạnh vào mông em mình, làm cho Emily ngã gập tay xuống và sông xoài trên cặp, một bên khoá vắng ra và làm rơi hết sách. Tao sẽ giết mày vì đã làm hỏng chuyện của tao.”

Hoá ra, một cách trở trêu, Pookie đã ở nhà khi chúng về đến nơi. “Có chuyện gì thế con?” Chị hỏi, và khi Sarah kể lại toàn bộ câu chuyện, khóc gào lên - đó là một trong những lần hiếm hoi khi Emily nhìn thấy chị cô khóc đến như vậy - câu chuyện đã trở nên rõ ràng toàn bộ lỗi lầm của buổi chiều ngày hôm đó là tội của Emily.

“Và có nhiều người đi xem trận đấu không, Sarah?” Pookie hỏi.

“Vâng, toàn là những học sinh lớp trên và tất cả mọi người...”

Pookie trông đỡ hoang mang hơn bình thường. “Thế là, Emily,” chị nói một cách nghiêm nghị. “Điều đó thật không hay, những gì con đã làm ấy. Con có hiểu điều đó không? Điều con làm thật không hay tí nào.”

Có những cơ hội tốt hơn ở Bradley. Mùa đông năm đó Emily kết bạn với một vài người ở quanh trường, và việc này đã làm cho cô bớt lo lắng về chuyện Pookie có về nhà hay không; và trong cùng thời gian này Harold Schneider bắt đầu đưa Sarah đi xem phim. “Anh ấy đã hôn chị chưa?” Emily van nài sau lần họ hẹn gặp nhau lần thứ ba hay thứ tư gì đó.

“Đó không phải là chuyện của em.”

“Thôi nào, Sarah.”

“Được rồi. Rồi. Anh ấy đã hôn chị.”

“Nó có cảm giác như thế nào ạ?”

“Nó giống như những gì mà em tưởng tượng.”

“Ôi.” Và Emily muốn nói “Chẳng nhẽ anh ta không quan tâm đến cái hàm đeo hay sao?” nhưng nghĩ chín chắn hơn, thay vào đó cô nói “Chị nhìn thấy ở Harold có gì hấp dẫn?”

“À, anh ấy rất... tuyệt,” Sarah nói, và quay vào giặt áo len.

Rồi lại đến một thị trấn khác sau khi rời khỏi Bradley, và rồi lại đến thị trấn khác nữa; ở thị trấn cuối cùng mà Sarah tốt nghiệp trung học với không một kế hoạch nào cho việc đăng ký học đại học, và cha mẹ cô cũng không có khả năng để chu cấp cho việc đó. Răng của cô bây giờ đã thẳng và cái hàm đã được tháo ra; dường như cô không bao giờ phải toát mồ hôi về việc đó nữa, cô có dáng hình của một bộ ngực đầy đặn làm cho tất cả đàn ông trên phố phải quay lại nhìn và làm cho Emily phải ghen tị. Răng của Emily vẫn hơi nhô và sẽ không bao giờ được chỉnh nữa (mẹ cô đã quên mất lời hứa); cô cao gầy và ngực nhỏ. “Con hãy còn bé, con yêu”, mẹ cô cam đoan. “Con sẽ rất hấp dẫn.”

Năm 1940, họ chuyển về thành phố, và nơi ở mà Pookie tìm thấy cho các con là một căn hộ bình thường: tiền thuê là một nghìn đô, “một căn hộ một buồng” cũ kĩ tồi tàn bên bờ nam của Quảng trường Washington, với những cửa sổ lớn nhìn ra công viên. Nó tốn phí nhiều hơn khả năng của Pookie, nhưng chị tần tiện chi tiêu ở những việc khác; họ không mua quần áo mới và hầu như chỉ ăn mỳ ống. Những đồ đạc cố định ở bếp và phòng tắm là những đồ cổ đã bạc màu, nhưng trần cao một cách khác thường và khách đến chơi chưa bao giờ sai về việc đánh giá nơi này có “cá tính.” Nó ở dưới tầng trệt, có nghĩa là những hành khách ở trên những chiếc ô tô hai tầng của Đại lộ Số 5 có thể ngó thấy khi họ đi vòng qua công viên để đi lên khu trên, và dường như chắc chắn là Pookie nhận ra điều này.

Wendell L. Willkie là ứng cử viên Đảng Cộng hoà năm đó, và Pookie đã gửi các cô gái lên phố trên để làm tình nguyện viên ở cơ quan đầu não quốc gia của một tổ chức đó có tên gọi là Những câu lạc bộ cộng sự Willkie của người Mỹ. Chị nghĩ rằng điều đó có thể tốt cho Emily, người đang cần làm một việc gì đó; quan trọng hơn, chị nghĩ nó sẽ cho Sarah cơ hội để “gặp mọi người”, theo ngụ ý là cơ hội cho việc tìm được người đàn ông thích hợp.

Sarah đã có cơ hội gặp gỡ mọi người ở Những câu lạc bộ của Willkie; sau một vài tuần cô đưa về nhà một thanh niên tên là Donald Clellon. Cậu ta hơi nhợt nhạt và rất lịch sự, mặc quần áo cầu kỳ đến mức điều đầu tiên bạn có thể nhận thấy ở cậu ta là quần áo: một bộ vét kẻ sọc rất nhỏ, một chiếc áo sơ mi vùng Chesterfield có cổ nhung, và một chiếc mũ quả dưa. Chiếc mũ quả dưa khá kỳ cục - chúng đã lạc mốt trong nhiều năm - nhưng cậu ta vẫn đội nó sành điệu đến như vậy với mong mỏi rằng mốt đó sẽ quay trở lại. Và cậu ta cũng nói chuyện hoàn toàn kiểu cách, kỹ càng như cách ăn mặc vậy: thay vì việc nói “điều gì đó giống như thế”, cậu ta luôn nói “điều gì đó với bản chất như vậy.”

“Chị cảm nhận như thế nào về Donald?” Emily hỏi.

“Anh ấy rất chín chắn và rất chu đáo,” Sarah nói. “Và anh ấy rất... chị cũng không biết nữa. Chỉ đơn giản là chị thích anh ấy.” Cô dừng lại và nhìn xuống giống như một ngôi sao điện ảnh ở cận cảnh. “Chị nghĩ là chị sẽ yêu anh ấy.”

Lúc đầu Pookie cũng thích cậu ta vừa đủ - thật là dễ chịu khi Sarah có một người theo đuổi chu đáo đến thế - và khi chúng chính thức hỏi chị xin đính hôn chị đã hơi khó khăn nhưng không phản đối.

Chính Walter Grimes, người mà quan niệm rằng đính hôn là thể hiện sự hoàn thành việc lập gia đình, đã có rất nhiều câu hỏi. Donald Clellon thực ra là ai? Nếu cậu ta hai mươi bảy tuổi, như cậu ta nói, thì công việc gì và chuyên môn gì cậu ta đã làm trước khi cậu ta tham gia vào chiến dịch của Willkie? Nếu cậu ta thật sự là người được giáo dục tốt như tính cách cậu ta thể hiện, cậu ta đã học ở trường đại học nào? Đối với vấn đề này nữa, cậu ta từ đâu đến?

“Tại sao anh không hỏi cậu ta, Walter?”

“Anh không muốn tra tấn bọn trẻ trên bàn ăn, trong lúc Sarah ngồi đó; anh nghĩ rằng chắc hẳn em đã có câu trả lời.”

“Ôi.”

“Ý em là em chưa bao giờ hỏi cậu ta bất kỳ một điều gì?”

“Thật ra, cậu ta luôn dường như... mà không; em chưa hỏi.”

Thế là bắt đầu những cuộc phỏng vấn căng thẳng, thường là vào tối muộn sau khi Pookie đợi chúng về, với việc Emily lắng nghe phía ngoài cửa của phòng khách.

“... Donald, có một vài điều mà cô thật sự chưa hiểu được. Thật sự là cháu đến từ đâu?”

“Cháu đã nói với cô, thưa cô Grimes. Cháu sinh ra ở đây, ở thành phố Garden nhưng cha mẹ cháu thường hay di chuyển chỗ ở. Cháu lớn lên chủ yếu là ở giữa miền Tây. Ở nhiều địa điểm Giữa miền Tây. Sau khi cha cháu mất, mẹ cháu chuyển về Topeka, Kansas; đó là nơi mẹ cháu hiện đang sống.”

“Và cháu học ở trường đại học nào?”

“Cháu nghĩ rằng cháu cũng đã nói với cô về việc này, khi cháu gặp cô lần đầu. Thực tế là cháu không vào đại học; gia đình cháu không đủ khả năng. Cháu đã may mắn tìm được một công việc ở một hãng luật ở Topeka; rồi sau sự bổ nhiệm của ông Willkie cháu làm việc cho Câu lạc bộ Willkie cho đến khi cháu chuyển về đây.”

“À, thì ra là thế.”

Và dường như để quan tâm được hết chuyện này thì chỉ mất một tối thôi, nhưng họ đã mất thêm một vài tối khác nữa.

“... Donald, nếu cháu chỉ làm việc cho hãng luật trong ba năm, và nếu cháu đến đó làm việc ngay sau khi tốt nghiệp trung học, vậy thì sao cháu lại...”

“À, không phải là ngay sau khi tốt nghiệp trung học ạ, thưa cô Grimes. Lúc đầu cháu có làm một vài công việc. Xây dựng, những công việc lao động nặng, những công việc thuộc bản chất như vậy. Bất kỳ một công việc gì mà cháu có thể làm. Cháu có mẹ hỗ trợ, cô biết đấy.”

“Thì ra là thế.”

Cuối cùng thì, sau khi Willkie không trúng cử và Donald làm một vài công việc không rõ ràng với việc môi giới nhà đất ở khu buôn bán, cậu ta mâu thuẫn với chính bản thân mình đủ để lộ ra là cậu ta không phải hai mươi bảy tuổi; cậu ta hai mươi mốt tuổi. Cậu ta đã tăng tuổi của mình lên lúc nào đó vì cậu luôn cảm thấy mình già hơn so với hiện tại; mọi người ở Câu lạc bộ Willkie thường nghĩ rằng cậu ta “đương nhiên” là “hai mươi bảy tuổi”. Liệu cô Grimes không thể suy xét việc này hay sao? Liệu Sarah không thể hiểu được việc này?

“Thật ra, nhưng Donald,” Pookie nói, trong khi Emily căng ra lắng nghe từng sắc thái của câu chuyện, “nếu cháu không thể nói được với cô sự thật về chuyện đó thì làm sao chúng tôi có thể tin được những điều khác ở cháu?”

“Cháu phải làm gì để cô có thể tin cháu? Thật ra cô biết cháu yêu Sarah; cô biết là cháu có một tương lai tốt với công việc môi giới...”

“Làm sao mà chúng tôi có thể biết được? Không, Donald. Điều này không thể được, không thể được.” Khi giọng nói của họ dừng lại, Emily lén nhìn trộm vào phòng khách. Pookie trông thật căng thẳng, còn Sarah trông như bị tác động thật mạnh; Donald Clellon ngồi một mình, tay ôm đầu. Hơi nhô lên là một cái chòm vòng quanh đỉnh đầu được chải cẩn thận bằng sáp, đánh dấu chỗ chiếc mũ mà cậu ta đội.

Sarah không đưa cậu ta về nhà nữa, nhưng cô vẫn tiếp tục gặp gỡ và đi chơi với cậu ta vài lần một tuần.

Những nữ anh hùng trong những bộ phim mà cô đã từng xem cho thấy rõ ràng là cô không thể làm theo cách nào khác; tuy nhiên, đối với những người mà cô đã từng giới thiệu đây là vị “hôn phu” của tôi thì sẽ sao đây?

“... Cậu ta là một kẻ nói dối!” Pookie sẽ hét lên. “Cậu ta là một đứa trẻ! Thậm chí chúng ta còn không biết cậu ta là gì nữa!”

“Con không quan tâm,” Sarah hét trở lại. “Con yêu Donald và con sẽ cưới anh ấy!”

Và không có gì khác để Pookie có thể thể hiện ngoài việc đập tay xuống và khóc. Những cuộc tranh luận thường hay kết thúc bằng việc cả hai bọn họ đều suy sụp trong nước mắt ở nhiều nơi khác nhau của căn hộ xưa cũ thanh đạm, mốc meo, trong khi Emily lắng nghe và mút ngón tay.

Nhưng mọi việc đã thay đổi khi năm mới đến: một gia đình chuyển đến ở tầng trên và Pookie nhận thấy thú vị ngay lập tức. Tên họ là Wilson, một đôi vợ chồng trung niên có một cậu con trai đang lớn, và họ là dân tị nạn trong chiến tranh Anh. Họ đã từng trải qua Cuộc oanh tạc Luân-Đôn (Geoffrey Wilson quá kiêu khi nói về chuyện đó, nhưng vợ ông ta Edna có thể kể những câu chuyện đáng sợ đến kinh hoàng), họ đã trốn thoát khỏi đất nước chỉ với bộ quần áo trên người và những gì họ có thể mang trong vali. Đó là tất cả những gì Pookie thoát biết đến họ, nhưng chị đã Cẩn thận nấn ná với những hộp thư với hy vọng phát hiện ra điều gì đó, và không phải đợi quá lâu để chị có thể biết được thêm.

“Gia đình Wilson không hoàn toàn là người Anh,” chị nói với con gái mình. “Con sẽ không bao giờ đoán được qua trọng âm của họ, họ là người Mỹ. Ông ta đến từ New York - ông ta đến từ một gia đình New York cổ xưa - và bà ta là người dòng họ Tate đến từ Boston. Họ đến Anh cách đây đã nhiều năm để làm ăn - ông ta là một đại diện ở Anh cho một công ty của Mỹ - Tony đã được sinh ra ở đó và đi học trường công ở Anh. Đó là cách người Anh gọi những trường nội trú tư nhân, con biết đấy. Mẹ vừa được biết cậu ta đã đi học ở một trường công của Anh vì cách nói thú vị mà cậu ta sử dụng khi cậu ta nói “Tôi nói,” và “Ồi, hỏng hết cả rồi,” và cách nói tương tự như vậy. Dù sao thì họ cũng là những người tuyệt vời. Con đã nói chuyện với họ chưa, Sarah? Thế còn con, Emmy? Mẹ biết là cả hai con đều ưa thích họ. Họ là - mẹ không biết nữa, những người Anh tuyệt vời.”

Sarah lắng nghe một cách đủ chăm chú, nhưng cô không thích thú lắm. Sự căng thẳng của việc đính hôn với Donald Clellon đang bắt đầu có biểu hiện: cô xanh xao, và sút cân. Thông qua những người ở chiến dịch Willkie cô đã tìm được một công việc với đồng lương chiếu lệ ở những văn phòng Sự cứu trợ Trung Quốc Thống nhất; cô được xem như Chủ tịch của ủy ban Con gái mới lớn, một chức danh mà Pookie thích được thông báo, và công việc của cô là giám sát những cô gái nhà giàu tình nguyện thu nhặt niken và quyên tiền trên dọc Đại lộ thứ Năm để giúp dân chúng Trung Quốc trong chiến tranh chống lại Nhật. Công việc không khó khăn nhưng mỗi tối khi về đến nhà là cô mệt lử, thỉnh thoảng còn bị quá mệt mỗi khi phải đi chơi với Donald, cô dành nhiều thời gian trong im lặng nghiền ngẫm mà cả Pookie và Emmy đều không thể làm phiền được.

Và rồi điều đó đã xảy ra. Tony Wilson trẻ trung chạy vội xuống cầu thang vào một buổi sáng, đôi giày Anh bảnh choẹ chỉ kịp chạm vào mặt bậc cầu thang của mỗi bước méo mó thì cũng vừa lúc Sarah bước ra ngoài hành lang, và họ gần như đâm sầm vào nhau. “Xin lỗi,” cô nói.

“Xin lỗi. Cô là cô Grimes?”

“Vâng. Và anh là...”

“Tony Wilson; tôi sống ở trên gác.”

Cuộc nói chuyện của họ không kéo dài quá ba hay bốn phút trước khi cậu lại xin thứ lỗi để ra khỏi nhà, nhưng nó cũng đủ để cho Sarah mộng du quay trở lại căn hộ, cho phép mình đi làm muộn. Những cô gái mới lớn và dân chúng Trung Quốc có thể đợi được. “Ồi, Emmy,” cô nói, “Em đã gặp anh ta chưa?”

“Thỉnh thoảng em lướt qua anh ta trong hành lang.”

“Thế à, chẳng nhẽ anh ta không để lại ấn tượng gì chẳng? Chẳng nhẽ anh ta không phải là người - người đẹp nhất mà em đã từng gặp hay sao...”

Pookie bước vào phòng khách, mắt chị mở to và đôi môi không kiên định của chị sáng bóng với mỡ món thịt xông khói của bữa sáng. “Ai cơ?” Chị hỏi. “Ý con muốn nói Tony? Ôi, mẹ vui quá; mẹ biết là con sẽ thích cậu ta, con yêu.”

Sarah phải ngồi xuống một trong những chiếc ghế cũ rách để thở. “Ôi, Pookie,” cô nói. “Trông anh ấy - trông anh ấy giống như Laurence Olivier.”

Đúng là như vậy, mặc dầu Emily đã không nghĩ thế trước đó. Tony Wilson cao trung bình, vai rộng và lực lưỡng; mái tóc màu nâu gợn sóng của cậu thả một cách vô tư trên trán và quanh tai; miệng cậu đầy đặn và hóm hỉnh, mắt cậu dường như luôn sẵn ánh cười với chuyện cá nhân tế nhị nào đó mà chắc hẳn là cậu sẽ nói với bạn khi bạn biết cậu nhiều hơn. Cậu hai mươi ba tuổi.

Chính một vài ngày sau đó cậu gõ cửa để xin phép liệu cậu có thể được đồng ý đưa Sarah đi ăn tối một buổi tối nào đó, và đó là sự kết thúc cho Donald Clellon.

Tony không có nhiều tiền... “Tôi là một người lao động,” cậu nói, điều đó có nghĩa là cậu làm việc ở nhà máy sản xuất thủy phi cơ ở Long Island và rất giống như một việc quan trọng “tối mật” nào đó - cậu đã làm chủ một chiếc xe ô tô có thể bỏ được mui hiệu Oldsmobile đời 1929 và lái nó với sự tinh nhạy. Cậu sẽ đưa Sarah ra những nơi xa ngoài Long Island hay Connecticut hay New Jersey, nơi họ có thể ăn tối với những gì mà cô luôn mô tả như một nhà hàng “tuyệt vời”, và rồi họ luôn quay trở lại đúng giờ để uống ở một quán bar “tuyệt vời” có tên là Anatole, nơi Tony phát hiện ra ở phía trên bờ Đông.

“Bây giờ thì chàng trai này là một câu chuyện hoàn toàn khác,” Walter Grimes nói trên điện thoại. “Anh thích cậu ta; em không thể không thích cậu ta...”

“Này chị Grimes, dường như bọn trẻ nhà chúng ta đang có quan hệ tốt,” Geoffrey Wilson nói vào một buổi chiều, cùng với vợ đang đứng cạnh. “Có thể bây giờ là thời điểm để chúng ta kết thân hơn.”

Emily thường hay nhìn thấy mẹ cô đùa cợt với đàn ông trước đó, nhưng chưa bao giờ cởi mở theo cách mà mẹ cô đã ứng xử với Geoffrey Wilson, “Ôi, thế thì thật tuyệt!”, chị sẽ khóc lên với những lời nhận xét dí dỏm nhỏ bé, và rồi chị sẽ rơi vào những chuỗi cười tận sâu trong cổ họng, ấn ngón tay giữa một cách dõm dáng vào môi trên để che đậy thực tế lợi chị bị hở và rằng chị trở nên xấu đi.

Và Emily nghĩ người đàn ông này thật là hài hước - không phải hài hước ở những gì ông ta nói, cô cho là như vậy, mà là cách ông ta nói - nhưng cô thấy ngượng bởi sự nhiệt tình của Pookie. Ngoài ra, quá nhiều sự hài hước của Geoffrey Wilson phụ thuộc vào việc cách nói kỳ lạ, theo cách đó trọng âm nặng của tiếng Anh dường như pha trộn bằng một chương ngại vật của câu nói: ông ta nói như thể ông ta đang giữ một quả bóng bi-a trong mồm. Vợ ông Edna có vẻ thú vị hơn, bà đầy đặn và uống nhiều rượu nặng. Emily luôn được có mặt cùng mẹ vào những buổi chiều và buổi tối ngồi cùng với vợ chồng Wilson - cô ngồi im lặng và cắn hạt dẻ rang muối trong khi họ nói chuyện và cười - nhưng cô thích đi chơi cùng với Sarah và Tony hơn, đi trên chiếc xe cổ trắng lẹ với tóc bay đầy quăn rũ trong gió, tản bộ cùng với họ dọc trên bãi biển vắng vẻ nào đó rồi quay về Manhattan vào nửa đêm, ngồi trong cái lều đặc biệt ở Anatole trong khi người chơi piano chơi bản nhạc của họ.

“Chị và Tony có bài hát nào không?” Cô hỏi Sarah. “Một bài hát á?” Cô đang sơn móng tay, và cô đang vội vì Tony sẽ gọi cô trong mười lăm phút nữa. “Thật ra, Tony thích “Bewitched, Bothered and Bewildered,” còn chị lại thích “All the Things You are”.

“Ôi,” Emily nói, và cô đang có sở thích âm nhạc đồng hành với chị. “Thật ra, chúng đều là những bài hát hay.”

“Và em có biết bọn chị làm gì không?”

“Làm gì cơ?”

“Thật ra, khi bọn chị uống ly đầu tiên bọn chị đã móc tay vào nhau như thế này - ở đây, chị sẽ chỉ cho em. Cẩn thận với móng tay của chị.” Và cô ngoắc cổ tay qua khuỷu tay của Emily, đưa một ly rượu tưởng tượng đến gần môi. “Như thế này này. Chẳng phải là thú vị hay sao?”

Chắc chắn là như thế rồi. Mọi thứ về sự lãng mạn của Sarah với Tony dường như quá đẹp để có thể chịu đựng được.

“Sarah?”

“Mm?”

“Liệu chị có đi đến tận cùng nếu anh ấy yêu cầu chị?”

“Ý em là trước khi cưới á? Ôi, Emily, đừng có ngốc nghếch như thế.”

Vì thế không hẳn hoàn toàn lãng mạn giống như một vài chuyện tình mà cô đã được đọc, nhưng dù thế đi nữa thì điều đó cũng thật là thú vị. Tối hôm đó Emily ngâm mình trong bồn tắm một lúc thật lâu, khi cô bước ra và lau khô người, với nước tắm được tháo ra dần dần, cô đứng ở tư thế khoả thân trước gương. Vì ngực cô gầy gò nên cô tập trung vào vẻ đẹp của vai và cổ. Cô trẻ môi và hé môi, cách mà con gái trong phim hay làm khi họ chuẩn bị hôn.

“Ôi, em thật đáng yêu,” một thanh niên trong tưởng tượng nói giọng Anh, chỉ vừa mới ra khỏi ống quay. “Anh muốn nói điều này hàng ngày, hàng tuần, và nay anh phải: đó chính là em người anh yêu, Emily.”

“Em cũng yêu anh, Tony,” cô thì thầm, và đầu ti cô bắt đầu cứng dần và dâng lên đầy tự nguyện. Đầu đó trong hậu cảnh vang lên tiếng nhạc nho nhỏ bài “All the things You are.”

“Anh muốn ôm em. Ôi, hãy để anh ôm em và anh sẽ không bao giờ để em đi.”

“Ôi,” cô thì thầm. “Ôi, Tony.”

“Anh cần em, Emily. Liệu em... liệu em có đi đến cùng với anh không?”

“Vâng, có, Tony, em sẽ. Em sẽ...”

“Emmy?” Mẹ cô đang gọi ngoài phía cánh cửa. “Con đã ở trong nhà tắm một giờ đồng hồ rồi đấy. Con đang làm gì trong đó đấy?”

Vào Lễ Phục sinh những người chủ của Sarah cho cô mượn một chiếc váy đắt tiền bằng lụa dày, nó được coi là một quần áo dành cho những quý bà Trung Quốc trước chiến tranh, và một chiếc mũ có vành rộng dệt bằng rơm. Nhiệm vụ của cô là hoà lẫn vào đám đông ở phía trên của Đại lộ thứ Năm và để một nhiếp ảnh gia chụp từ văn phòng quan hệ cộng đồng. “Ôi, trông con ấn tượng quá,” Pookie nói vào buổi sáng Phục sinh. “Mẹ chưa bao giờ nhìn thấy con đáng yêu đến thế.”

Nhưng Sarah chỉ cau mày, và điều này làm cho cô đáng yêu hơn. “Con không quan tâm đến việc đi diễu hành trong ngày lễ Phục sinh,” cô nói. “Tony và con đang đặt kế hoạch đi đến Amagansett hôm nay.”

“Thế à, thế thì đi đi,” Pookie nói. “Sẽ chỉ mất khoảng một hay hai giờ gì đó; Tony sẽ không khó khăn gì đâu.”

Rồi Tony đến, cậu nói “Ôi, phải nói là... Thật là quá tuyệt.” Và sau khi nhìn Sarah một lúc cậu nói tiếp “Nhìn này, anh có một ý. Em có thể đợi năm phút được không?”

Họ nghe thấy tiếng cậu chạy lên gác, giống như muốn làm rung chuyển cả ngôi nhà cũ kĩ, và khi cậu quay trở lại cậu mặc một chiếc áo đuôi tôm của người Anh, phối với chiếc cà vạt lớn bay dập dờn, chiếc áo gi-lê màu xám giống màu lông chim bồ câu và cái quần kẻ sọc.

“Ôi, Tony,” Sarah nói.

“Nó cần phải được là có nếp,” cậu nói và quay vòng để mọi người chiêm ngưỡng và nhằm vào chiếc gấu lơ-vê, “và thật sự nên có một chiếc mũ chóp cao màu xám, nhưng anh nghĩ sẽ ổn thôi. Em đã xong chưa?” Emily và Pookie nhìn từ cửa sổ khi cửa xe ô tô mở ra và lăn bánh trên đường đi về phía khu phố trên - Tony hơi quay lại từ chỗ quay xe và mỉm cười với họ, Sarah đang ôm lấy chiếc mũ bằng một tay và tay kia thì vẫy mọi người - rồi họ đi khuất.

Nhà nhiếp ảnh quan hệ cộng đồng thực hiện công việc của mình rất tốt, và người biên tập của bộ phận quay phim của tờ Thời báo New York cũng làm tốt công việc của mình. Bức ảnh được đăng tin ở bản tin Chủ nhật tuần sau đó trong một trang với những bức ảnh khác ít gây ấn tượng hơn. Ống quay đã chụp được lúc Sarah và Tony cười với nhau rất lãng mạn trong nắng tháng Tư, với những hàng cây và một góc cao của khách sạn Plaza vừa vịn trong tầm nhìn của họ.

“Con có thể lấy tám cho đến mười tờ tạp chí ở văn phòng,” Sarah nói.

“Tốt rồi,” Pookie nói. “Lấy càng nhiều càng tốt. Và lấy thêm nữa nhé. Emmy! Lấy cho mẹ ít tiền ở trong ví. Chạy xuống quầy báo và mua bốn tờ nữa nhé. À mà là sáu tờ.”

“Con không thể mang được nhiều đến như thế.”

“Có chứ, con có thể mà.”

Và dù cho cô có cảm thấy khó chịu hay không khi cô rời khỏi nhà, Emily biết là có càng nhiều báo càng tốt quan trọng đến mức nào. Đó là một bức ảnh có thể được đóng khung và treo trên tường và có giá trị mãi mãi.

3. Chương 3

Họ cưới nhau vào mùa thu năm 1941, trong một nhà thờ nhỏ Episcopal mà Pookie lựa chọn. Emily nghĩ là đám cưới khá ổn, ngoại trừ chiếc váy mà cô mặc làm phù dâu dường như thu hút sự chú ý về bộ ngực nhỏ của mình, và cũng là việc mẹ cô khóc suốt trong buổi lễ. Pookie đã dành rất nhiều tiền cho chiếc váy riêng của mình và một chiếc mũ đắt tiền, cả hai đều ở trong sắc thái mới với tên gọi Shocking Pink, và chị đã dành ra nhiều ngày để nói chuyện với bất kỳ ai lắng nghe cùng một câu chuyện đùa tẻ nhạt. “Sẽ trông như thế nào ở trên báo nhỉ?” chị hỏi không biết bao lần, ẩn ngón tay giữa vào môi trên. “Mẹ cô dâu mặc ‘Shocking Pink!’”

“Chị cũng uống quá nhiều ở bữa tiệc, và khi đến lúc chị nhảy với Geoffrey Wilson chị nháy mắt và rơi vào tay ông ta một cách mơ mộng như thể trông ông ta chứ không phải con trai của ông ta giống Laurence Olivier vậy. Ông ta cầm thấy ngưỡng và cổ nổi lông tay mình ra khỏi lưng chị, nhưng chị dính chặt vào ông như một con sên vậy.

Walter Grimes hầu như là chỉ có một mình trong suốt bữa tiệc; anh đứng đó nâng niu ly rượu Xcốt, sẵn sàng mỉm cười với Sarah bất cứ khi nào cô cười với bố. Sarah và Tony đi Cape Cod một tuần, trong khi Emily nằm nhà lo lắng cho họ. (Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Sarah quá lo lắng để làm được việc đó một cách đúng đắn ở lần đầu? Và nếu nó không phải là lần đầu, bạn có thể nói gì trong khi bạn chờ đợi để thử lại? Và nếu nó trở thành một vấn đề của sự cố gắng, chẳng phải nó đã làm hỏng mọi việc rồi hay sao?) Rồi họ sẽ ổn định ở nơi mà Pookie mô tả như một “căn hộ nhỏ bé khốn khổ” gần nhà máy chế tạo Máy bay Magnum.

“Nhưng đó chỉ là tạm thời thôi,” chị sẽ nói với các bạn chị như vậy qua điện thoại. “Trong vài tháng chúng sẽ chuyển đến điền trang của Wilson. Tôi đã nói với bạn về điền trang của Wilson chưa nhỉ?” Geoffrey Wilson thừa hưởng từ cha mình, tám hecta đất ở một làng nhỏ của St.Charles, ở Bờ Bắc của Long Island.

Chỗ đó có một ngôi nhà mười bốn phòng (Pookie luôn tả nó như một “ngôi nhà cổ xưa tuyệt vời”, mặc dầu chị chưa nhìn thấy nó lần nào); đó là nơi mà Geoffrey và Edna sẽ sống ngay sau khi hợp đồng thuê nhà ở đây kết thúc. Có một ngôi nhà nhỏ tách biệt trên khu đất đó và nó thật là thích hợp với Sarah và Tony; chẳng phải nghe như một sự sắp xếp lý tưởng hay sao? Pookie nói quá nhiều về điền trang của Wilson suốt cả mùa đông và dường như chị chỉ kịp nhận ra là chiến tranh đã bắt đầu, nhưng Emily hầu như không nhận ra gì hết. Tony là một công dân Mỹ, cuối cùng thì là như vậy; cậu sẽ có thể bị bắt quân dịch, được đào tạo và bị chuyển đến một nơi nào đó để cái đầu đẹp trai của mình sẽ bị ai đó thổi tung.

“Tony nói sẽ không có gì phải lo lắng cả,” Sarah cam đoan với mẹ vào ngày Pookie và Emily đến thăm “căn hộ khốn khổ”. “Thậm chí nếu anh ấy bị đi quân dịch, người lãnh đạo của Magnum chắc cũng sẽ sắp xếp cho anh ấy quay lại nhà máy như một nhân viên biên chế hải quân. Vì Tony không chỉ làm việc ở Magnum; trên thực tế anh ấy là một kỹ sư. Anh ấy đã có gần ba năm học nghề ở một nhà máy cơ khí ở Anh - đó là cách họ áp dụng ở bên đó, mẹ biết đấy, họ dùng trường đào tạo nghề thay vì trường cơ khí - và mọi người ở Magnum đã nhận ra điều đó. Anh là một người rất có ích”.

Trông cậu không giống như một người có ích khi cậu về nhà chiều hôm đó, mặc bộ quần áo lao động màu xanh với phù hiệu nhân viên kẹp trên đầu, mang trên tay hộp thức ăn trưa mỏng, nhưng mặc dù với trang phục như vậy cậu vẫn toát lên vẻ cường tráng tao nhã thân quen và hấp dẫn. Có thể là Sarah đã đúng.

“Ý con là,” cậu nói. “Mẹ không ở lại uống với chúng con một ly à?”

Cậu và Sarah ngồi sát cạnh nhau trên ghế sofa và cẩn thận thực hiện theo trình tự giống như ở quán Anatole, quàng tay nhau và nhấp ngụm đầu tiên.

“Anh chị luôn làm như vậy à?” Emily gặng hỏi.

“Luôn làm như vậy,” Sarah nói.

Mùa xuân năm đó Emily được nhận học bổng toàn phần của trường Barnard. “Tuyệt quá!” Pookie nói. “Em à, mẹ tự hào về em quá. Xem này: con là thành viên đầu tiên trong gia đình được đi học đại học.”

“Ngoại trừ bố chứ ạ, ý mẹ là như thế?”

“Ừ, mẹ nghĩ thế; nhưng ý mẹ là gia đình mình. Dù sao thì điều đó cũng thật là tuyệt vời. Xem nào, chúng ta cần làm gì ngay nào. Chúng ta hãy gọi Sarah và nói ngay với chị, và rồi con và mẹ sẽ mặc quần áo thật đẹp và đi ăn mừng.”

Họ có gọi Sarah - cô nói cô rất vui - và rồi Emily nói “Con sẽ gọi bố, được không ạ?”

“Được thôi, nếu con muốn.”

“... Học bổng toàn phần?” Bố cô nói.

“Wow, con chắc hẳn đã rất gây ấn tượng với họ...”

Cô sắp xếp thời gian gặp bố ngày hôm sau, ở một trong những nhà hàng ở tầng hầm tối tăm mà bố cô thích gần toà thị chính Thành phố.

Cô đến đó trước và đợi ở gần phòng thay đồ, cô nghĩ trông bố già một cách đáng ngạc nhiên lúc bố đi xuống, mặc một chiếc áo mưa không được sạch lắm.

“Chào mừng” ông nói. “Chúa ơi, con cao quá. Chúng tôi muốn một bàn cho hai người, George.”

“Vâng, thưa ông Grimes.”

Và có thể bố chỉ là một nhân viên bàn giấy, nhưng người quản lý nhà hàng đã biết tên bố. Người hầu bàn cũng biết tên bố nữa - thậm chí còn biết mang ra cả loại uryki nào và đặt nó trước mặt bố.

“Thật là tuyệt quá về việc của con với trường Barnard,” ông nói. “Đó là tin tốt nhất mà bố đã có được không biết là bao năm rồi.” Rồi ông ho, “Xin lỗi con.”

Ly rượu đã làm ông tỉnh lại - mắt ông sáng lên và miệng ông mím lại một cách hài lòng - rồi ông uống ly thứ hai trước khi thức ăn được mang đến.

“Bố đã học có học bổng ở trường Syracuse ạ?” Cô hỏi. “Hay bố học đóng tiền?”

Trông người bố thật khó xử. “Học ở Syracuse? Chắc à, bố không “học”. Bố chỉ đến ở Syracuse có một năm và sau đó bắt đầu công việc làm báo ở đó.”

“Oái.”

“Ý con là con nghĩ bố là một sinh viên tốt nghiệp đại học? Con có suy nghĩ đó từ đâu đấy? Từ mẹ con phải không?”

“Con nghĩ thế, vâng.”

“À, mẹ con luôn xử lý thông tin theo cách riêng của mình.”

Ông không ăn hết thức ăn, cà phê được mang đến, ông nhìn cốc cà phê chăm chú như thể nó không hấp dẫn ông chút nào. “Bố đã mong rằng Sarah có thể vào đại học,” ông nói. “Đương nhiên, cũng tốt thôi khi chị con có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, và với tất cả những điều đó thì dù sao Học vẫn vẫn là một điều tuyệt diệu.” Rồi cơn ho lại tấn công ông. Ông quay ra khỏi bàn, ấn chiếc khăn tay vào miệng và mũi, và một mạch máu nhỏ nổi lên ở thái dương ông khi ông cứ ho mãi như vậy.

Khi cơn ho chấm dứt, hay là gần như chấm dứt, ông với lấy cốc nước và uống một ngụm. Đường như ly nước cũng giúp ích - ông đã có thể thở sâu - nhưng rồi khi ông thở thì cơn ho lại đến.

“Bố họ nặng quá,” cô nói khi bố hồi lại.

“À, chỉ là do bị cảm thôi; chủ yếu là vì thuốc lá chết tiệt. Con có biết gì không? Hai mươi năm kể từ bây giờ trở đi thuốc lá là trái luật. Người ta phải mua chúng từ người buôn lậu, theo cách mà chúng ta đã làm trong thời kỳ cấm nấu và bán rượu. Con đã nghĩ về môn nào là phân môn chính chưa?”

“Tiếng Anh, con nghĩ thế.”

“Tốt. Con sẽ cần phải đọc những cuốn sách tốt. À, mà con cũng cần phải đọc cả những cuốn sách không tốt nữa, nhưng rồi con sẽ học cách phân biệt được những cuốn sách đó. Con sẽ sống trong một thế giới của những ý tưởng trong hoàn toàn bốn năm trước khi con phải tự cảm nhận thấy bất kỳ một điều tầm thường nào như hiện thực hàng ngày vậy - đó là điều thú vị của trường đại học. Con có muốn ăn tráng miệng không, thỏ con?”

Khi cô về nhà ngày hôm đó cô nghĩ phải đối mặt với mẹ về sự thật của trường Syracuse, nhưng lại quyết định không nói nữa. Không có hy vọng là sẽ thay đổi được Pookie.

Hay dường như cũng không hy vọng thay đổi được cách tiêu khiển buổi tối kể từ khi Sarah lấy chồng. Thịnh thoảng Wilson mời họ lên gác, hay ông xuống dưới; thường xuyên hơn là hai người bọn họ ngồi đọc báo ở phòng khách, trong khi ô tô con và ô tô buýt của Đại lộ thứ Năm kêu o o chạy qua cửa sổ. Một trong hai người sẽ ăn đĩa kẹo mềm, dùng để giết thời gian hơn là khao khát thưởng thức chúng thực sự, và vào những ngày Chủ nhật, có những chương trình hay trên đài, nhưng hầu hết thời gian họ lười nhác như thể họ không có gì để làm ngoài việc chờ đợi điện thoại reo. Và liệu có gì có thể ít phù hợp hơn thế? Ai lại muốn đánh thức một người đã ly dị chồng đang già đi với hàm răng xấu xí, hay một cô gái gầy nhom, không ưa nhìn luôn tự ti với chính bản thân mình?

Một tối Emily dành một nửa giờ đồng hồ ngắm mẹ mình lật giở những trang tạp chí. Pookie luôn chậm chạp, một cách lơ đãng nhấp ngón tay cái vào môi dưới ướt át và rồi lại dùng ngón tay cái đó để lật giở dễ dàng hơn từng góc phải của trang tạp chí; nó làm cho góc của mỗi trang lóng lánh và bị hoen mờ vết son. Và tối nay mẹ ăn kẹo, điều này có nghĩa là có một lượng nhỏ pha trộn của kẹo và son trên từng trang giấy. Emily nhận thấy cô không thể quan sát mà không nghiêng răng. Nó cũng làm cho da đầu bị đau, và làm cho cô bị khó chịu ở trên ghế. Cô ngồi dậy.

“Con nghĩ là con sẽ đi xem phim,” cô nói. “Hình như có chiếu một bộ phim hay ở rạp ở Phố thứ Tám.”

“À, thế à. Được thôi, nếu con muốn.”

Cô trốn ra nhà tắm để chải đầu, và rồi cô ra khỏi ngôi nhà, đi bộ về Quảng trường Washington, thở thật sâu không khí dễ chịu và tuý hững bước từng bước kiêu hãnh và treo mình trong chiếc váy màu vàng gần như mới. Trời vừa tối và những chiếc đèn công viên rực rỡ trên cây.

“Thưa cô,” một người lính cao đi bên cạnh cô. “Cô làm ơn chỉ cho tôi quán Nick ở đâu? Quán nhạc Jazz?”

Cô dừng lại trong lúng túng. “Dạ, tôi có biết... ý tôi là tôi đã ở đó đôi ba lần... nhưng hơi khó có thể chỉ cho anh đi đến đó từ đây. Tôi nghĩ rằng tốt nhất là anh nên đi xuống Waverly về phía Đại lộ số Sáu, không, Đại lộ số Bảy, và rồi rẽ trái - ý tôi là rẽ phải - rồi đi lên phố trên vào khoảng bốn hay năm - không, gượng đã; cách đi nhanh nhất là nên đi xuống phố thứ Tám để đến Đại lộ Greenwich; nó sẽ dẫn anh...”

Và hầu như thời gian cô lập bập nói theo cách đó, đưa tay để chỉ những hướng không chính xác, anh đứng đó mỉm cười với cô một cách kiên nhẫn. Anh là một chàng trai chất phác với đôi mắt phúc hậu, và trông anh gọn gàng trong bộ quân phục mùa hè màu nâu vàng nhạt tươi.

“Cám ơn cô,” anh nói khi cô kết thúc việc chỉ đường. “Nhưng tôi có ý hay hơn. Sao cô không thử đi xe tuyến Đại lộ thứ Năm nhỉ?”

Bước lên bậc cầu thang cong, dốc đứng của chiếc xe buýt hai tầng mở mui đường như trước kia chưa bao giờ là sự bắt đầu của một chuyến đi đầy nguy hiểm, hay là nó đã từng làm cho cô nhận ra tim cô đập rộn ràng. Khi họ đi ngang qua nhà cô, cô lùi lại và ngoảnh mặt đi vì nhớ khi Pookie bắt chợt nhìn ra ngoài cửa sổ.

Một điều may mắn là người lính đó là người nói chủ yếu. Tên anh là Warren Maddock hay Warren Maddox gì đó - cô sẽ hỏi lại anh sau. Anh đang ở giai đoạn chuyển quân ba ngày từ Camp Croft, Nam Carolina, nơi anh đã hoàn thành khoá đào tạo bộ binh, và chẳng bao lâu nữa là anh sẽ được “chuyển đến sư đoàn”, dù có là nghĩa gì đi nữa. Nhà của anh ở một thị trấn nhỏ ở Wisconsin; anh là con đầu trong gia đình bốn anh em, bố anh làm những công việc về lợp mái. Đây là lần đầu anh đến New York.

“Cô sống ở đây à, Emily?”

“Không, tôi sống ở ngoại ô.”

“Thì ra là thế. Thật là hài hước nếu một ai đó dành cả đời mình để sống ở đây, không bao giờ có cơ hội ra ngoài để chạy hay làm một điều gì đó. Ý tôi là đó là một thành phố lớn, đừng hiểu sai tôi; tôi chỉ muốn hàm ý là tôi nghĩ ngoại ô sẽ tốt hơn cho sự lớn lên. Cô đang học trung học à?”

“Không, tôi đang chuẩn bị vào trường Barnard vào mùa thu.” Sau một lúc cô nói thêm “Tôi được học bổng ở đó.”

“Học bổng á! Hey, chắc là cô học giỏi lắm. Tôi nên chăm sóc cẩn thận một cô gái như cô.” Và rồi anh để cho tay mình trượt khỏi lưng tựa bằng gỗ của chỗ ngồi để đặt lên vai cô; ngón tay cái to lớn của anh bắt đầu xoa xoa vào phần thịt gần cổ áo cô khi anh nói.

“Bố cô làm nghề gì?”

“Bố tôi là một người làm báo.”

“À. Có phải ở tòa bang New York ở khu phố trên không?”

“Vâng.”

“Tôi nghĩ thế. Hài hước thật. Tôi đã có một bức ảnh của cô, nhưng cô sẽ không tưởng tượng ra được nó to đến mức nào đâu. Cô có một mái tóc đẹp, Emily. Tôi chưa bao giờ thích những cô gái tóc xoăn; tóc thẳng đẹp hơn nhiều...”

Một nơi nào đó ở phía trên khu phố Bốn mươi hai anh đã hôn cô. Đây không phải là lần đầu cô được hôn - thậm chí đây không phải là lần đầu tiên cô được hôn ở trên xe buýt của đại lộ thứ Năm; một trong những cậu bé ở trường trung học đã dừng cảm làm việc đó - những, đây là một nụ hôn thuộc về - mãi mãi.

Ở đại lộ thứ Năm mươi chín, anh thì thầm “Mình đi bộ nhé,” và giúp cô bước xuống những bậc thang kêu ầm ầm; rồi họ ở trong Công viên Trung tâm, tay anh vẫn ôm lấy cô. Chỗ này của công viên toàn lính và các cô gái: họ ngồi âu yếm trên ghế băng dài, họ đi bộ thành nhóm hay thành từng đôi với tay trong tay. Một vài cô gái lang thang để tay ở túi quần của lính; một vài cô khác để tay cao hơn, phía trên dưới lồng ngực. Cô tự hỏi không biết là có nên vòng tay qua Warren Maddock hay Maddox không, nhưng dường như hơi quá sớm với buổi làm quen của họ. Tuy nhiên, cô đã hôn anh: có thể là “sớm” hay “muộn” thì cũng có vấn đề gì đâu?

Anh vẫn đang nói. “Không, nhưng thật là hài hước: thỉnh thoảng bạn gặp một cô gái và thật không may mắn chút nào; những lần khác thì lại may mắn. Giống như, tôi chỉ mới biết em trong vòng nửa giờ, và bây giờ chúng ta như những người bạn cũ vậy...”

Anh đưa cô đến một con đường mà ở đó dường như không có một cái đèn nào. Khi họ thả bộ, anh thả tay từ bờ vai cô xuống và đưa chúng lên, vòng tay đặt tay vào ngực cô. Ngón tay cái của anh bắt đầu dò đúng vào cái núm vú cùng nhạy cảm và dựng đứng lên của cô, làm cho đầu gối cô khuỵu xuống, và vòng tay cô ôm lấy lưng anh như là một việc đương nhiên vậy.

“... Nhiều gã chỉ muốn một điều ở con gái, đặc biệt là sau khi họ ở trong quân ngũ; Tôi không hiểu. Tôi thích được tìm hiểu về con gái - muốn biết cá tính của họ, em có hiểu điều tôi nói không? Em dễ thương lắm, Emily; Tôi luôn thích những cô gái tóc thẳng - ý tôi là em biết đấy, những cô gái mảnh khảnh...”

Chỉ khi cô nhận ra mùi cổ và đất dưới chân, cô mới nhận ra là họ đã rời khỏi con đường. Anh đang dẫn cô đi qua một bãi cỏ nhỏ, và khi họ gần như rơi vào bóng tối dưới một cái cây xào xạc, không có gì là kinh khủng khi họ cùng chìm xuống đất với nhau: nó trơn mượt như một hành động trên sàn nhảy, và nó dường như được ra lệnh là ngón tay anh phải ở trên núm ti của cô. Trong chốc lát họ quấn quai hôn nhau; bàn

tay to của anh đang di chuyển về phía đùi và anh nói “ôi, để anh, Emily, để anh... Được thôi, anh có... để anh, Emily...”

Cô không nói có, những chắc chắn là cô không nói không. Mọi điều anh làm - thậm chí khi anh giúp cô rút một chân khỏi chiếc quần lót - dường như bất chợt vì thật sự khẩn cấp: cô dường như tuyệt vọng và anh đang giúp cô, không còn gì tồn tại trên đời nữa.

Cô mong chờ sự đau đớn nhưng không có thời gian để gồng mình trước khi nó ở đó - nó làm cho cô vô cùng ngạc nhiên - và với nó bắt đầu có một niềm ham muốn tốt độ, trào dâng một sự sung sướng trước khi nó bé lại và lả đi. Anh trượt ra khỏi cô, lún một đầu gối xuống cỏ bên cạnh chân cô và lăn mình, thở gấp; rồi anh lại lăn lại và ôm cô trong vòng tay. “Ồi,” anh nói, “Ồi”. Anh phảng phất mùi thoả mái của mồ hôi còn đó và mùi hồ bột của cô-tông.

Cô cảm thấy đau và ướt át và nghĩ rằng mình đang chảy máu, nhưng điều tồi tệ đáng sợ nhất là họ sẽ không tìm ra được chuyện gì để nói với nhau. Bạn sẽ nói gì sau khi làm điều như thế này? Khi họ đã quay trở lại với ngọn đèn ở công viên, cô nói “Váy của em có bị bẩn không?” và sau đó anh đội chiếc mũ hải ngoại vào vô cùng cẩn thận anh lùi lại một bước sau cô để kiểm tra.

“Không, không có gì cả,” anh nói. “Thậm chí em còn không bị dính một chút cỏ nào. Em có muốn ăn một chút mạch nha hay thứ gì đó không?”

Anh đưa cô vào trong xe taxi, đến Quảng trường Thời báo, ở đó họ đứng uống thật nhiều mạch nha sô-cô-la tại quầy và không nói gì cả. Dạ dày cô dường như thắt lại khi uống phải cái đồ uống - cô biết cô sẽ ốm - nhưng dù sao cô cũng uống vì sẽ tốt hơn nếu chỉ đứng đó mà không nói gì. Khi cô uống xong, cơn buồn nôn cấp tính đến mức cô không biết liệu có nên chịu đựng nó trong suốt cả đoạn đường về nhà hay không.

“Em đã xong chưa?” anh nói, trong lúc lau miệng, và đưa cô ra chỗ đi bộ đông người. “Bây giờ hãy nói cho anh biết em sống ở đâu, và chúng ta sẽ xem xem liệu có tìm thấy nhà em ở tàu điện ngầm hay không.”

Mọi người đi qua trông kỳ cục, giống như những nhân vật trong một giấc mơ lo lắng: một thủy thủ đeo kính liếc mắt dâm dật, một người da đen say xỉn trong bộ vét màu tím, một bà già lẩm bẩm đang xách bốn chiếc túi mua hàng. Có một công-ten-nơ rác thải thành phố về lưới điện ở góc phố và bà ta chạy về phía đó và bắt kịp được nó. Anh đi lên phía cô, cố cầm tay cô nhưng cô đã giữ tay anh ra: cô muốn vượt qua được sự bẽ bàng và trống trải này một mình. Khi cơn đau thắt chấm dứt, thậm chí chỉ là một cơn đau khan, cô thấy một vài tờ giấy ăn Kleenex trong ví và lau miệng, nhưng mùi mạch nha sô-cô-la nôn mửa vẫn còn nhiều trong cổ và mũi cô.

“Em ổn chứ, Emily?” Anh gắng hỏi. “Em có muốn uống một chút nước không?”

“Không, em ổn. Em xin lỗi.”

Trong tàu điện ngầm ở khu vực thương mại anh ngồi đó đọc quảng cáo hay quan sát những khuôn mặt của hành khách đi lại ở lối đi, không nói gì cả. Thậm chí nếu cô biết phải bắt đầu câu chuyện như thế nào thì tàu điện ngầm cũng quá ồn - họ sẽ phải hét lên - và một lúc sau một suy nghĩ khác, u sầu hơn hiện lên trong cô: bây giờ cô đã nôn, anh chắc hẳn sẽ không muốn hôn cô chào tạm biệt. Khi họ ra khỏi tàu điện ngầm, không khí trong lành cảm thấy thật dễ chịu, nhưng sự im lặng của họ vẫn tiếp diễn suốt dọc đường đến tận Quảng trường Washington và tới đến đúng nơi mà họ đã gặp nhau.

“Nhà của em ở đâu, Emily?”

“Ồi, anh không nên đưa em về. Em sẽ chào tạm biệt ở đây.”

“Em có chắc không? Em ổn chứ?”

“Chắc mà. Em ổn thôi.”

“Vây thì được rồi.” Và đúng như dự đoán, tất cả những gì anh làm là siết chặt tay cô và hôn cô vào má. “Hãy保重 nhé.” Chỉ sau khi quay lại nhìn theo anh đi khuất cô mới nhận ra rằng thật sai lầm đến nhường nào: họ đã không trao đổi địa chỉ và hứa là sẽ viết cho nhau; thậm chí cô còn không biết rõ tên họ của anh.

“Emmy?” Pookie gọi tên cô từ giường ngủ. “Bộ phim thể nào con?”

Một tuần sau Pookie trả lời điện thoại vào lúc mười giờ sáng.”... Ôi; vâng, xin chào... Ông ta, gì cơ ạ? ôi, trời ơi... Khi nào?... Tôi biết rồi... Ôi Chúa ơi...”

Khi bà dập máy điện thoại, bà nói “Bố con đã mất sáng nay, con ơi”.

“Bố làm sao ạ?” Emily ngồi xuống một chiếc ghế thẳng cột kẹt với đôi tay buông ở vạt áo, và cô luôn nhớ về giây phút đầu tiên khi cô nghe thấy tin đó, cô cảm thấy trống rỗng.

Pookie luôn mồm nói “Chúa ơi”, như thể chết chìm trong câu nói đó, và rồi bà đã khóc. Khi tiếng nức nở của mẹ dịu đi, bà nói “Đó là bệnh viêm phổi. Bố đã bị ốm khoảng một tuần và bác sĩ cố gắng chữa trị cho bố tại nhà, nhưng con biết bố con mà.”

“Mẹ có ý nói gì, con “biết” bố?”

“Ý mẹ là con biết; chừng nào mà bố con ở nhà một mình, bố con luôn uống urytki và hút thuốc. Rồi cuối cùng ngày hôm qua bố con chấp nhận đến bệnh viện nhưng đã quá muộn.”

“Ai gọi mẹ thế? Bệnh viện ạ?”

“Bà Hammond. Irene Hammond, bạn của bố con.”

Nhưng Emily không biết - cô chưa bao giờ nghe thấy cái tên Irene Hammond - và giờ thì xuất hiện với cô cái tên Irene Hammond có thể còn hơn cả một người bạn mà cô bắt đầu chợt cảm nhận thấy điều gì đó. Nó không hẳn là thương tiếc; nó giống như nuối tiếc hơn.

“Ôi, mẹ sợ phải gọi cho Sarah,” Pookie nói. “Nó luôn là con gái rượu của bố.”

Khi mẹ gọi chị, Emily có thể nhận thấy từ đầu dây bên kia của Pookie sự tiếc thương của Sarah ngay lập tức và sâu thẳm. Nhưng nếu Sarah là con gái rượu của bố, vậy thì Emily là con gái rượu của ai?

Trong lễ tang họ liệm Walter Grimes trông trẻ hơn nhiều tuổi năm mươi sáu của ông; họ làm cho ông có má và môi hồng, và Emily không muốn nhìn bố. Nhưng Sarah đã xoay người ra và hôn lên thi hài, lên trán bố; rồi Pookie hôn lên môi, điều làm cho Emily rùng mình.

Irene Hammond hoá ra là một phụ nữ ưa nhìn, mảnh khảnh ở lứa tuổi bốn mươi. “Tôi đã nghe nhiều về các cháu,” cô ta nói, khi bắt tay Tony cô ta nói cô ta cũng nghe nói đến cậu. Rồi cô quay lại với Emily và nói ‘Tôi không biết phải nói với cháu như thế nào về sự hài lòng của cha cháu về học bổng của cháu.’

Nơi hỏa táng ở một nơi nào đó ở hạt Westchester, họ đi ra đó bằng chiếc Limousine theo sau xe tang - Sarah và Tony ngồi ở ghế phụ, Pookie và Emily ngồi ở đằng sau. Sau họ là một chiếc ô tô khác đưa Irene Hammond và một vài người họ hàng khác của Walter Grimes, những người có thể đến từ bang mạn phía bắc, và rồi đến một chiếc xe khác đưa nhân viên của tạp chí New York Chủ nhật.

Lễ tưởng niệm không quá lâu ở nhà thờ.

Một chiếc đàn oóc điện chơi một bản nhạc, một người đàn ông trông mệt mỏi đọc một vài lời cầu nguyện không thuộc giáo phái nào, quan tài được mang đi, và thế là hết.

“Đợi đã,” Sarah nói khi họ xếp hàng ở phía ngoài, cô vội vàng quay lại chỗ ngồi và cúi gập người một mình để sự thổn thức cuối cùng làm cô hoàn toàn mất tự chủ. Nó như thể tất cả sự để tang của cô trong những ngày qua là chưa hoàn toàn đủ - cần phải cúi đầu đau khổ và bờ vai cô rung lên lần cuối.

Emily cuối cùng đã trào nước mắt. Cô phiến muộn suốt trên đường quay về, và cô lái xe với một tay bị kẹp giữa má và cái cốc đang rung lên từ chiếc cửa sổ của xe Limousine, như thể có thể giúp ích được gì đó. Cô cố gắng thì thầm “Bố ơi” với chính bản thân mình, cố nhắm mắt và tưởng tượng khuôn mặt bố, nhưng đã không thành công. Rồi cô nghĩ đến điều làm cho cổ họng cô khô lại: cô có thể không bao giờ là con gái của bố, nhưng bố đã luôn gọi cô là “thỏ con” mà. Và bây giờ cô có thể khóc một cách dễ dàng, làm cho mẹ cô với ra cô và siết chặt tay; điều rắc rối duy nhất là cô không chắc là cô khóc cho bố cô hay là cho Warren Maddock, hay Maddox, người đã quay về Nam Carolina, đã bị đưa ra sư đoàn. Nhưng cô đã thôi không khóc một cách đột ngột khi cô nhận ra thậm chí có một điều dối trá: những giọt nước mắt này, luôn giống như trước kia trong cuộc sống của cô, hoàn toàn chỉ là cho bản thân mình - cho Emily Grimes nhạy cảm, đáng thương mà không ai hiểu, và họ không hiểu gì cả.

4. Chương 4

Sarah sinh ba con trong ba năm, cách mà Emily có thể luôn kiểm tra được tuổi của chúng là bằng cách tính: Tony bé bỏng được sinh vào năm thứ nhất vào đại học; Peter vào năm thứ hai đại học; Eric khi cô là sinh viên năm thứ ba.

“Ôi, con ơi, cách mà chúng sinh con,” Pookie nói khi nghe tin về việc mang bầu đứa con thứ ba. “Mẹ nghĩ chỉ có nông dân Ý mới làm những việc như thế này.” Việc mang bầu đứa thứ ba hóa ra là lần mang bầu cuối cùng - các cậu con trai sẽ giữ cho gia đình ở số lượng ba người con - nhưng Pookie luôn cố khẳng định, với một cái nhìn liếc đầy đau buồn, rằng ba con là nhiều quá.

Thậm chí cái tin mang bầu đứa đầu tiên cũng dường như làm cho bà không hài lòng. “Thật ra, đương nhiên là mẹ vui,” bà nói với Emily. “Chỉ vì Sarah còn trẻ quá.” Pookie đã thôi ở Quảng trường Washington; bà tìm được một việc làm khiêm tốn ở một văn phòng nhà đất làng Greenwich và chuyển tới đó trong một căn hộ nhỏ bé không có thang máy, cách phố Hudson. Emily đã rời Barnard để dành một tuần đến ở với mẹ, và Pookie làm bánh sandwich cá mời. Bà cào nốt chỗ cá mời đầy dầu cuối cùng từ chiếc hộp bằng hai ngón tay. “Ngoài ra,” bà nói, mút ngón tay. “Ngoài ra, con có thể tưởng tượng làm bà sẽ như thế nào không?”

Emily muốn nói con còn không thể tưởng tượng nổi mẹ như là một người mẹ, nhưng đã phải tự kiềm chế mình. Điều quan trọng ở những ngày nghỉ này là phải sống sót; và ngày mai sẽ đến St.Charles, Long Island, chuyến hành hương đầu tiên của Emily đến đền trang của Wilson. “Cách bao xa ạ?”

“Ôi, mẹ quên mất chính xác là mất bao nhiêu dặm rồi,” Pookie nói, “nhưng nó chỉ mất vài giờ trên xe lửa. Nó thật sự là một chuyến đi thú vị, nếu con mang theo thứ gì để đọc.”

Emily mang theo một trong những bài khoá tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, nhưng cô cũng chỉ kịp ổn định trước khi trường tàu bám lỗ vé của họ và nói “Chuyển Jamake.”

“Ông ta nói gì thế ạ?”

“Mình phải luôn đổi tàu ở Jamaica để đi tàu đến St.Charles,” Pookie giải thích. “Không mất nhiều thời gian đâu.”

Nhưng thật sự đã mất nhiều thời gian: họ đứng mất nửa giờ đồng hồ trên sân ga Jamaica lộng gió trước khi tàu lóc cóc vào ga, và đây mới chỉ là sự bắt đầu của chuyến đi. Liệu tất cả những chuyến tàu đến Long Island đều ồn ào, bẩn thỉu và cần phải được sửa chữa một cách trầm trọng như vậy sao, hay chỉ có những chuyến tàu đến St.Charles mới tồi tệ như vậy?

Cuối cùng, khi họ ra khỏi sân ga bé nhỏ, Pookie nói “Không có một chiếc taxi nào, vì chiến tranh mà, nhưng chỉ là một chút đi bộ thôi. Chẳng phải những rặng cây thật là đẹp hay sao? Hãy tận hưởng không khí trong lành!”

Trên con đường chính, ngắn dẫn đến St.Charles, họ đi qua một cửa hàng bán rượu, một cửa hàng bán đồ dùng gia đình và một cửa hàng bé nhỏ bẩn thỉu có nhiều giun đất; rồi họ đi trên con đường nông trang, và để giấy cao su của Emily cứ bị tuột ra khi cô đi. “Còn xa nữa hả mẹ?” cô hỏi.

“Ngay phía dưới cánh đồng tới. Rồi chúng ta sẽ đi qua một nơi cây cối rậm rạp, một phần của đền trang, rồi chúng ta sẽ đến nơi. Mẹ không thể tưởng tượng nổi làm sao mọi thứ lại đẹp đến thế này.”

Và Emily bằng lòng chấp nhận đây là một nơi đẹp. Rậm rạp nhưng đẹp. Đường vào nhà đưa ta đến con đường vào rừng và những hàng rào cao và có tiếng xào xạc; đến nơi chỗ ngã ba đường Pookie nói “Ngôi nhà chính ở đằng kia - con có thể nhìn thấy một góc của nó, nhưng chúng ta sẽ xem nó sau - còn ngôi nhà của Sarah thì đi theo lối này.”

Đó là ngôi nhà gỗ một tầng bằng ván che màu trắng với một bãi cỏ nhỏ, và Sarah đi ra đón họ. “Con chào mẹ,” cô nói. “Xin chào mừng mọi người đến Ngôi nhà ở cái Góc Xó xinh này.” Cô nói như thể đang diễn tập vậy, và cách cô ăn mặc cũng thể hiện sự chuẩn bị đáng kể: bộ quần áo bà bầu tươi sáng có thể đã được mua để dùng cho những lúc này. Trông cô thật đáng yêu.

Cô chuẩn bị một bữa trưa hoàn toàn không đầy đủ như những bữa ăn của Pookie; rồi vấn đề là câu chuyện cứ đuổi dần. Sarah muốn nghe mọi thứ về Barnard, nhưng khi Emily bắt đầu kể cô nhận thấy mắt chị cô

đờ ra trong khi cười thật buồn tẻ. Pookie nói “Chẳng phải điều này thật tuyệt vời hay sao? Chỉ có ba mẹ con mình?” Nhưng thật sự chẳng có gì thú vị, và hầu hết buổi chiều họ ngồi quanh phòng khách được trang bị đồ đạc thừa thớt với thái độ vui vẻ một cách gượng gạo, Pookie hút rất nhiều thuốc và gạt tàn trên thảm, ba người đàn bà không có gì nhiều để nói với nhau. Những bức hình minh họa màu của những chiếc máy bay chiến đấu hải quân hãng Magnum trong chiến đấu choán hết một bức tường; một bức tường khác là ảnh Lễ Phục sinh được đóng khung của Sarah và Tony. Geoffrey Wilson đã mời họ ghé thăm ngôi nhà chính, và Pookie cứ nhìn đồng hồ mãi: chị không muốn bị muộn.

“Hai mẹ con cứ đi đi ạ,” Sarah nói “Nếu Tony về nhà đúng giờ, bọn con sẽ cùng đi với mẹ, nhưng có thể là anh ấy không về đúng giờ đâu ạ; dạo này anh ấy hay phải làm ngoài giờ.”

Vì thế họ đi đến ngôi nhà chính mà không có cô đi cùng. Ngôi nhà cũng được làm bằng ván che màu trắng, trông nó thật dài và xấu - cao ba tầng ở một vài chỗ, cao hai tầng ở những chỗ khác, với đầu hồi lợp mái màu đen nhô ra phía rặng cây. Ấn tượng đầu tiên đập ngay vào bạn là khi bạn đi ra ngoài sẽ thấy nó bốc mùi ẩm mốc. Nó bốc ra từ những bức tranh sơn dầu màu nâu ở tiền sảnh, từ cái sàn bị nứt, từ thảm và tường và từ những đồ đạc buồn thảm của phòng khác tối đen và dài.

“... Đây là một ngôi nhà cổ,” Geoffrey Wilson nói khi ông ta rót cho Pookie một ly urytki, “và nó quá to để có thể chăm sóc nếu không có người phục vụ, nhưng chúng tôi sẽ cố. Cháu có muốn một chút Xốt không, Emily, hay cháu muốn dùng rượu sherry với Edna?”

“Vâng, cho cháu sherry.”

“Và vấn đề tồi tệ nhất ở đây là hệ thống lò sưởi,” ông ta tiếp tục. “Bố tôi xây ngôi nhà này như là một nơi để nghỉ hè, chị biết đấy, và đương nhiên không có một hệ thống lò sưởi thích hợp. Một trong những tá điền đã đặt chúng trong một mỏ đèn dầu trông hơi tương xứng, nhưng tôi nghĩ chúng tôi sẽ phải đóng hầu hết các phòng vào mùa đông. Mà chúng ta cùng nâng cốc nào.”

“Tôi nghĩ đây là một ngôi nhà có sức hấp dẫn,” Pookie nói, ổn định chỗ ngồi lại để tận hưởng thời gian uống cocktail. “Tôi chưa bao giờ nghe thấy một từ nào phản đối về ngôi nhà này. Nhìn này, Emmy, con có nhìn thấy những bức chân dung cổ xưa kia không? Họ là tổ tiên của Geoffrey đấy. Có những câu chuyện gắn liền với mỗi đồ vật trong căn phòng này.”

“Chủ yếu là những câu chuyện buồn tẻ, tôi sợ rằng như vậy,” Geoffrey nói.

“Những câu chuyện thú vị chứ,” người mẹ gắng nói, “ôi, Geoffrey, tôi không thể nói hết được với anh tôi đã thích đi đến nơi đây như thế nào - tất cả những đồng cỏ và rừng cây đáng yêu, và ngôi nhà của Sarah, và ngôi nhà cổ xưa tuyệt vời này. Nó có một cái gì đó - tôi không biết nữa; một sự tinh nhanh. Nó có tên không?”

“Một cái tên á?”

“Anh biết đấy, cách mà người ta thường hay đặt tên cho bất động sản. Giống như ‘Jalna,’ hay ‘Đầu hồi xanh.’”

Geoffrey Wilson giả bộ như suy nghĩ lắm. “Với kiểu cách như hiện tại,” ông ta nói, “Tôi nghĩ chúng ta nên gọi nó là ‘Bờ giậu um tùm’”.

Và Pookie không nhận ra là ông ta đang nói đùa. “Ôi, tôi thích cái tên đó,” chị nói. “Không phải là ‘Bờ giậu um tùm’, dù sao thì, không hẳn hoàn toàn là như vậy. Hay là, - chị mấp máy - sao lại không dùng tên là ‘Bờ giậu Vĩ đại’ nhỉ?”

“Mm,” ông ta nói một cách nghiêm túc.

“Nghe được đấy.”

“Đó là cái tên mà tôi sẽ gọi, dù sao đi nữa,” chị tuyên bố. “‘Bờ giậu Vĩ đại’, St.Charles, Long Island, New York.”

“Tốt thôi.” Ông ta quay ra Emily. “Cháu thấy trường đại học thế nào?”

“Dạ, rất thú vị ạ.” Emily nhấp một ngụm và ngồi lúi lúi lại quan sát mẹ cô uống rượu. Cô biết là sẽ không phải đợi lâu nữa đâu. Với ly rượu thứ hai Pookie bắt đầu độc thoại, kể về những giai thoại vô nghĩa ở những ngôi nhà mà mẹ đã sống, uốn cong người về phía trước trong chiếc ghế sâu với khuỷu tay tựa vào đầu gối ở vị trí hơi tách ra. Emily, ngồi chéo mẹ, có thể quan sát khuôn mặt mẹ nói lỏng dần khi mẹ nói và uống, quan sát đầu gối mẹ di chuyển dần tách xa nhau cho đến khi lộ ra phần trên của nịt bít tất, phía bên trong vòng xuống, tối sẫm của cái đùi để trần và cuối cùng là phần đũng quần của đồ lót.

“... Không, nhưng cái nhà đẹp nhất mà tôi đã từng có là ở Larchmont. Con có nhớ Larchmont không? Chúng tôi có những chiếc cửa sổ hai cánh thực sự và một cái mái bằng đá thực sự; dĩ nhiên là chúng tôi không có đủ khả năng mua nó, nhưng vào giây phút tôi nhìn thấy ngôi nhà tôi nói đó là ngôi nhà mà tôi muốn sống, tôi đi thẳng vào bên trong và ký hợp đồng thuê nhà, và bọn con tôi cũng thích. Tôi sẽ không bao giờ quên được làm thế nào - ôi, xin cảm ơn, Geoffrey; chỉ một ly nữa thôi và rồi chúng tôi thực sự rất...”

Tại sao mẹ lại không say một cách yên lặng được nhỉ, với đôi chân co tròn lại trên nệm nhũ, giống như Edna Wilson ấ?

“Một chút sherry nữa nhé, Emily?”

“Thôi ạ, cháu cảm ơn.”

“... Và dĩ nhiên trường học thật tuyệt vời ở Larchmont; đó là lý do mà tôi đã mong rằng chúng tôi có thể ở lại; tuy nhiên, tôi luôn nghĩ rằng cũng tốt cho bọn trẻ khi đưa chúng đến những nơi khác nhau, và rồi dĩ nhiên...”

Vào lúc cuối khi bà chuẩn bị về, Geoffrey Wilson phải dìu bà đi ra cửa. Trời sắp tối. Emily cầm lấy tay mẹ - nó thật mềm và yếu đuối - và họ đi theo con đường qua rừng và những bụi cây rậm rạp về phía con đường chạy dài ra sân ga. Cô biết rằng Pookie sẽ ngủ ở trên tàu - cô hy vọng rằng mẹ sẽ ngủ, dù sao đi nữa; sẽ tốt hơn nếu mẹ thức và nói chuyện - và bữa tối của họ, nếu có thể, sẽ là hot dog và cà phê ở Sân ga Penn. Nhưng cô cũng không quan trọng: kỳ nghỉ cuối cùng cũng đã sắp kết thúc, và trong vài giờ nữa cô sẽ quay lại trường.

Trường học là trung tâm của cuộc đời cô. Cô chưa bao giờ nghe thấy từ “trí thức” được sử dụng như một danh từ trước khi cô học ở Barnard, và cô in nó trong tim. Đó là một từ sang trọng, kiêu hãnh, một danh từ ngụ ý sự cống hiến suốt đời cho những công việc cao quý và một sự khinh bỉ lạnh lùng cho những chuyện tầm thường. Một người trí thức có thể mất sự trinh trắng với một quân nhân trong công viên, nhưng cô có thể học được cách nhìn lại nó với sự vô tư hóm hỉnh, hài hước. Một người trí thức có thể có một người mẹ để lộ đồ lót khi say, và điều đó cũng không có nghĩa lý gì với bà. Và Emily Grimes có thể vẫn chưa phải là một người trí thức, nhưng nếu cô ghi nhớ những lời ghi chú thừa thãi thậm chí kể cả những lời ngớ ngẩn nhất trong lớp học, và nếu cô đọc sách mỗi tối cho đến khi mắt cô đau, nó chỉ là vấn đề về thời gian. Có những học sinh nữ trong lớp, và thậm chí một vài cậu bé Columbia, đã nghĩ rằng cô là một trí thức, chỉ bởi qua cách cô nói chuyện. “Câu chuyện không hẳn chỉ là buồn tẻ,” một lần cô nói về một cuốn tiểu thuyết thể kỷ thứ mười tám, “đó là một sự chán ngắt nguy hại”. Và cô không thể không chú ý đến một vài học sinh nữ khác sử dụng tự do từ “nguy hại” quanh phòng tập trong những ngày sau đó.

Nhưng, để là một trí thức cần có những điều gì đó còn lớn hơn cả cách thể hiện ăn nói, thậm chí còn lớn hơn cả việc lên danh sách cho hiệu trưởng mỗi kỳ học, hay là việc dành thời gian ở viện bảo tàng hay buổi hoà nhạc hay là một thể loại điện ảnh được gọi là “phim”. Cũng phải học cách không bị cảm lạnh lắm lì một cách thật ngớ ngẩn khi bạn tham dự ở những bữa tiệc gồm toàn những người trí thức đã có bằng cấp, có thâm niên - và không mắc lỗi lỗi ngược lại là nói quá nhiều làm cho mọi người nhức cả đầu, và thổ ra hết những điều ngu ngốc này hoặc những lời nói làm tổn thương này đến những điều ngu ngốc khác trong một sự cố gắng tuyệt vọng để sửa sai những lời nói vô nghĩa mà mình vừa mới phát ngôn chỉ mới hai phút trước đó. Và nếu bạn đã làm cho mình trở thành một kẻ gốc ở những buổi tiệc như vậy, bạn phải học cách không dằn vặt đau khổ trên giường, sau đấy, với một sự hành xác đầy chán nản.

Bạn phải thật nghiêm túc, nhưng - thật sự là một điều ngược đời đáng bực mình - bạn phải dường như tỏ ra không bao giờ quan trọng hoá về bất kỳ một việc gì cả. “Tôi nghĩ rằng cô cư xử rất được,” một thanh niên bù xù nói với cô ở một bữa tiệc trong năm thứ hai.

“Tôi sao cơ? Ý anh là gì?”

“Vừa mới đây thôi, khi cô nói chuyện với Lazlow. Tôi đã lắng nghe.”

“Nói chuyện với ai cơ?”

“Thậm chí cô còn không biết anh ta là ai? Clifford Lazlow, một nhà khoa học chính trị. Anh ta là một con hổ.”

“Oái.”

“Dù sao thì cô cũng đã ứng xử rất được.”

“Cô không bị người khác dọa nạt và cô cũng không hung hăng.”

“Nhưng anh ta chỉ là một người tí hon hài hước đeo kính hai tròng thôi mà.”

“Thật là hài hước.” Và anh ta rung cái bờ vai béo phúng phình của mình để ra vẻ ta đây đang cười. “Hài hước thật sự đấy.”

Một người tí hon đeo kính hai tròng. Tôi có thể mời cô một ly chứ?”

“Không, thật ra, tôi... mà thôi, cũng được ạ”

Tên anh ta là Andrew Crawford và anh ta là trợ lý cao học môn triết. Lọn tóc ẩm ướt của anh ta vương trên mắt khi anh ta nói, và cô muốn chải nó về đằng sau bằng những ngón tay của mình. Trông anh ta không hẳn là béo lùn như lúc mới thoát nhìn; anh ta hấp dẫn theo cách riêng của mình, đặc biệt là khi anh ta nói chuyện căng thẳng, anh ta có vẻ phần nhiều là làm việc ngoài trời. Khi anh ta nhận bằng tiến sĩ, anh ta nói, anh ta sẽ tiếp tục đi dạy... “Nếu quân đội không gọi tôi, và không có nhiều cơ hội để làm việc đó; Tôi là một người tàn phế về thể lực” - và có thể anh ta cũng sẽ đi xa nữa. Anh ta muốn ngắm nhìn những gì còn sót lại của châu Âu, và anh ta cũng muốn đi sang Nga, và cả Trung Quốc nữa. Thế giới dường như được sinh ra lần nữa ở những nơi không thể nhìn thấy được, và anh ta không muốn lỡ đi một cơ hội nào. Mặc dầu vậy, về mặt cơ bản, anh ta muốn dạy học. “Tôi yêu thích lớp học,” anh ta nói. “Tôi biết nghe có vẻ cổ hủ, nhưng tôi thích cuộc sống học thuật. Lĩnh vực của cô là gì?”

“Thật ra, tôi mới chỉ là sinh viên năm thứ hai; chuyên môn của tôi là tiếng Anh, nhưng tôi thật sự không...”

“Thế à? Trông cô già dặn hơn như vậy. Ý tôi là trông cô không già hơn, nhưng dường như cô già dặn hơn. Cách cô khuấy động; cách cô giao thiệp với Lazlow già nua. Tôi đã nghĩ rằng cô là một sinh viên cao học. Cô có một cái gì rất... Tôi không biết nữa. Cô dường như rất tự tin với bản thân. Theo cách tích cực, ý tôi là như vậy. Những buổi liên hoan như thế này có vẻ hơi thái quá sau một lúc, cô có nghĩ thế không? Mọi người gào thét với nhau, mọi người cố gắng ghi điểm. Tất cả chỉ là cái tôi, cái tôi, cái tôi. Cô có muốn thêm chút nữa không?”

“Không, có lẽ tôi nên về thôi.”

“Cô sống ở đâu? Tôi đưa cô về nhé.”

“Không, thật ra, tôi còn đi với một người nữa.”

“Ai cơ?”

“Chắc anh không biết anh ấy, Dave Ferguson. Anh ấy ở đằng kia, bên cạnh cửa ra vào, người có tầm vóc cao ấy.”

“Anh ta á? Nhưng trông anh ta chỉ như có mười lăm tuổi.”

“Vớ vẩn quá. Anh ta đã hai mươi một tuổi rồi.”

“Tại sao anh ta lại không ở trong quân ngũ? Trói buộc tuổi trẻ như vậy à.”

“Anh ấy bị đau đầu gối.”

“Một ‘cái đầu gối thủ thuật’, phải vậy không?” Andrew Crawford nói. “Một ‘cái đầu gối bóng đá.’ À, thì ra, lạ Chúa lòng lành, tôi biết kiểu này rồi.”

“Thật ra tôi không biết anh đang có ý gì, nhưng tôi...”

“Tôi không có ý gì cả. Tôi không bao giờ nói bóng gió. Luôn nói chính xác những gì tôi muốn nói.”

“Dù sao thì tôi cũng phải đi rồi.”

“Đợi đã.” Và rồi anh ta đi theo cô qua đám đông. “Liệu tôi có thể gọi cho cô một lúc nào đó được không? Tôi có thể có số điện thoại của cô chứ?”

Khi cô viết số điện thoại cô tự hỏi tại sao cô lại làm như vậy. Chẳng phải là dễ dàng hơn khi nói không với Andrew Crawford hay sao? Nhưng vấn đề là: nó không hẳn dễ dàng như vậy. Có một cái gì đó ở anh ta - đôi mắt anh ta, cái miệng anh ta, bờ vai trông có vẻ mềm mại của anh ta - tất cả đều nói rằng anh ta sẽ bị tổn thương dù với bất kỳ lý do gì nếu bạn nói không. “Xin cảm ơn,” anh ta nói, dứt số điện thoại của cô vào trong túi, và trông anh ta có vẻ hài lòng như đứa trẻ được lựa chọn khen thưởng, “ôi, xin cảm ơn.”

“Gã thanh niên bé nhỏ béo phì là ai đấy?” Dave Ferguson gắng hỏi khi họ đi ra đến ngoài phố.

“Tôi không biết. Một sinh viên cao học môn triết. Tôi sẽ không hẳn gọi anh ta là béo.” Sau một lúc cô nói “mặc dầu vậy thì cũng thật ngạo mạn.” Và rồi cô cũng bị tự mâu thuẫn: bạn cũng không nên gọi anh ta là ngạo mạn.

“Đằng ấy có nghĩ rằng anh ta thật sự hấp dẫn với đằng ấy không?”

“Cậu cứ nói như vậy với tất cả mọi người.”

Đó là một đêm trong trường, và cô thích đi bộ với Dave Ferguson. Cậu ta ôm sát cô nhưng không theo cách thật chặt, gần như tuyệt vọng mà những cậu con trai vẫn làm; chân cậu ta đi đều với những sải chân của cô một cách hoàn hảo, và những gót chân của họ đánh nhịp sắc gọn, đầy hăng hái.

“Tôi có thể lên được chứ?” Cậu ta hỏi cô ở ngưỡng cửa. Hiện cô có một căn hộ của riêng mình trong “khu nhà cho sinh viên được chấp nhận”; cô đã để cho cậu ta lên nhà ba hay bốn lần gì đó, và hai lần đã để cho cậu qua đêm.

“Tôi không nghĩ là tối nay, Dave,” cô nói, không hoàn toàn nhìn vào mắt cậu ta. “Tôi thật sự rất...”

“Có vấn đề gì thế? Đằng ấy bị ốm à?”

“Không, chỉ vì tôi bị mệt nên tôi muốn được đi ngủ ngay. Và ngày mai tôi có một bài kiểm tra kinh khủng về Chaucer.”

Sau khi quay lại để quan sát cậu ta đi về phía đường dành cho người đi bộ, không người trong chiếc áo mưa, cô tự hỏi tại sao cô lại đuổi cậu ta đi. Cuộc sống thật là khó hiểu.

Một điều đau khổ mà Emily trải nghiệm được ở trường đại học là cô cảm thấy mình thông minh hơn chị mình. Cô đã cảm thấy thông minh hơn mẹ mình hàng nhiều năm nay rồi; khi điều này xảy ra với Sarah cô cảm thấy cô như bị phản bội một niềm tin.

Cô bắt đầu nhận ra điều đó khi cô và Pookie đi thăm St.Charles ngay sau khi Sarah sinh con thứ hai. Tony Junior hiện đứng được rồi, thò lò mũi xanh và dính chặt vào chân mẹ khi họ nhìn sẫm soi vào chiếc cuỉ để ngắm gương mặt mới bé xinh.

“Oái, mẹ nghĩ Peter là một cái tên hay,” Pookie nói. “Và con đã đúng, Sarah, cu con khác thật. Cu con và Tony bé hoàn toàn khác nhau về cá tính. Có phải vậy không, Emmy?”

“Mm.

Khi việc xem xét kỹ lưỡng kết thúc và bọn trẻ đã ngủ, họ ngồi quanh trong phòng khách và Sarah rót ba ly rượu sherry. Rõ ràng là cô đã mang rượu sherry từ Edan Wilson về.

“Ôi, thật là dễ chịu khi được ngồi xuống,” cô nói, và trông cô thật mệt mỏi; nhưng cô bắt đầu hồi tỉnh lại khi cô nói chuyện. Có những lần, đặc biệt chỉ với một chút rượu trong máu, thì Sarah đã có thể gần như nói nhiều như Pookie.

“...Con không thể không nghĩ về Cha ngược dòng thời gian trong khoảng tháng tám hay có thể là thời gian nào đó, khi Ý đầu hàng. Mẹ đã xem báo hôm nay chưa? Những Tiêu đề? Thật ra, Tin tức - đó là tờ báo duy nhất mà bọn con có; Tony thích nó - tiêu đề trong tờ Tin tức là “Ý BỎ CUỘC”; nhưng hôm đó vô

tình con đi xuống làng, con còn nhìn thấy cả những tờ báo khác nữa. Tờ Tin tức và Tribune nói “Ý ĐẦU HÀNG”, hay là một tiêu đề gì đó như vậy, và hầu như tất cả những tờ báo khác. Nhưng mẹ có biết tờ Chủ nhật viết gì không? Tờ báo của cha ý? Tiêu đề của tờ Chủ nhật yêu quý là “Ý ĐẦU HÀNG CÓ ĐIỀU KIỆN”. Mẹ có thể tưởng tượng được không? Mẹ có tưởng tượng được một tiêu đề viết như vậy được bố đồng ý chẳng, hay cho phép một tiêu đề được viết như vậy? Chắc hẳn ông sẽ chết mất, ý con muốn nói là như vậy,” cô thêm nhanh vào, “bố sẽ không bao giờ để cho chuyện đó xảy ra.” Và cô uống một ngụm thật dài.

“Con không hiểu,” Emily nói.

“Ôi, Emmy,” Sarah nói. “Liệu có bao nhiêu người hiểu được từ “đầu hàng có điều kiện” có nghĩa là gì?”

“Chị có hiểu từ đó có nghĩa gì không?” Sarah chớp mắt. “Thật ra, nhưng ý chị là có bao nhiêu người khác hiểu được? Và với một tờ báo hàng ngày nó cần phải đáp ứng được cho hàng triệu con người - Chị không biết; Chị nghĩ nó thật là khôi hài, chỉ vậy thôi.”

“Thật là tuyệt,” Pookie nói.

Sarah ngồi lù lại vào trong ghế sofa, khép phía mắt cá chân vào - có phải cô cũng đã cóp nhặt hành động đó từ Edna Wilson chẳng? và lao vào việc đọc thoải tiếp theo với sự thích thú của một người biểu diễn hiểu rằng khán giả của cô ta sẽ bị mê hoặc. “À, mà con phải nói mẹ nghe chuyện này,” cô bắt đầu. “Trước tiên con nhận được một lá thư từ Donald Clellon hồi năm ngoái, và anh ta...”

“Donald Clellon?” Emily hỏi. “Chị thật sự?”

“Ôi, đó chỉ là một bức thư ngắn buồn bã; thật không quan trọng. Anh ta nói anh ta hiện đang ở trong quân ngũ và anh ta thường xuyên nghĩ đến con - mẹ biết đấy - và anh ta nói anh ta đã ở đây, Doanh trại Upton. Vì thế dù sao...”

“Chuyện đó cách đây bao lâu rồi?”

“Con không nhớ chính xác; một năm hay gì đó. Dù sao thì, tháng trước bọn con đã gặp phải một trận kinh hoàng của máy bay oanh tạc - mẹ có nghe thấy tin này không ạ?”

“Không, không,” Pookie nói, trông rất lo âu.

“Thật ra, điều đó không có nghĩa lý gì cả, dĩ nhiên rồi, đó là toàn bộ vấn đề. Nó mới chỉ một vài giờ trôi qua. Con đã bị hoảng sợ, nhưng một vài người dân thị xã đã... họ đã nói về điều đó hàng nhiều ngày sau đó. Dù sao, họ thông báo trên đài là một trong những người lính ở Doanh trại Upton đã báo động nhầm, và con nói - con nói chuyện với Tony và anh ấy không thể nhin cười được - con nói “Con cá rằng đó chính là Donald Clellon.”

Pookie ngả đầu về đằng sau hết tràng cười này đến tràng cười khác, nhe ra hàm răng xấu xí, và Sarah cũng cười một cách không thể kiềm chế được.

“Nhưng gớm đã,” Emily nói trong khi mẹ cô và chị cô đang cố nhin cười. “Doanh trại Upton chỉ là một trung tâm tuyển quân; họ chỉ ở đó vài ngày trước khi họ chuyển đến những doanh trại khác để đào tạo cơ bản, và rồi họ được chuyển đến sư đoàn. Nếu như Donald Wilson viết thư cho chị cách đây một năm thì hiện anh ấy đang phải ở nước ngoài rồi.” Và cô còn muốn thêm vào có thể anh ấy đã hy sinh, nhưng không muốn làm lớn chuyện này. “Ôi?” Sarah nói. “Thật ra chị không biết, nhưng dù cho có thể đi nữa.”

“Ôi, Emmy,” Pookie nói. “Đừng phá hỏng câu chuyện, con. Khả năng hài hước của con đâu rồi?” Và bà nhắc lại đoạn kết của câu chuyện cười, để nhăm nháp chúng. “Em cá đó chính là lỗi của Donald Wilson.”

Emily không biết khả năng hài hước của cô để ở đâu, nhưng cô biết rằng nó không phải ở đây - mà cũng không phải ở trong ngôi nhà chính, vào buổi chiều hôm đó, khi mà cô và Pookie qua đó đáp lễ với gia đình Wilson lớn. Cô nghĩ rằng cô sẽ bỏ nó lại, cùng với mọi thứ quan trọng khác, để quay trở về trường.

Một thời gian ngắn cô đã mong chờ Andrew Crawford gọi cho cô một ngày nào đó; rồi cô không nghĩ về điều đó nữa, và hơn một năm trôi đi trước khi anh ta gọi - năm mà cô trở thành một sinh viên năm thứ ba.

Cô đã thôi không quan hệ với Dave Ferguson nữa và dành sáu tuần lẳng mạn, u sầu với một anh chàng tên là Paul Resnick người đang đợi đi quân dịch; sau đó anh ta viết cho cô một lá thư dài từ Fort Sill, Oklahoma, giải thích rằng anh ta yêu cô nhưng không muốn bị ràng buộc. Cô làm việc ở mùa hè năm đó ở một cửa hàng sách phía trên Broadway... “Người chuyên môn về tiếng Anh là những người bán sách chạy,” người quản lý nói với cô; “mỗi lần cần tôi lại tuyển một người có chuyên môn tiếng Anh” - và rồi mùa đông năm sau, hoàn toàn bất ngờ, Andrew Crawford gọi cô.

“Tôi hoàn toàn không chắc rằng em nhớ tôi,” anh ta nói khi họ ngồi ở quán ăn Hy Lạp gần khu ký túc Columbia.

“Tại sao mãi anh mới gọi cho em?”

“Vì tôi ngưng,” anh ta nói trong lúc mở khăn giấy. “Tôi ngưng và cũng vì tôi bị mắc với một quý cô mà không nên nhắc đến tên ở đây.”

“Ôi, mọi người gọi anh là gì, dù sao đi nữa? Andy?”

“Ôi, Chúa ơi, không. “Andy” gọi đến kiểu tuýp người quý quái, mạnh mẽ; không phải tuýp người của tôi, tôi e là như thế. Tôi luôn được gọi là Andrew. Hơi khó gọi một chút, tôi khẳng định - một thể loại giống như Ernest hay Clarence - nhưng tôi đã quen với nó rồi.”

Theo cách anh ta ăn, cô có thể nói là anh ta thích món ăn của mình - anh ta hơi mập - và không nói nhiều cho đến khi anh ta no, khi mà có một chút mỡ bóng loáng quanh miệng. Rồi anh ta bắt đầu nói như thể nói chuyện là một thú vui khoái lạc khác nữa, sử dụng những từ như “lộn xộn” và “cải cách”. Anh ta nói chuyện về chiến tranh không như một biến động lớn có thể nuốt chửng được mình - anh ta nói lần thứ hai là anh ta là một người tàn phế về thể chất - nhưng như là một “trò chơi” quốc tế tuyệt vời và phức tạp; anh ta tiếp tục nói về những cuốn sách mà cô chưa bao giờ đọc và những tác giả mà cô chưa bao giờ nghe nói đến, và rồi anh ta lại nói đến nhạc cổ điển, một lĩnh vực mà hầu như cô không biết chút nào...” Và như em có thể biết, phần chơi piano trong bản sonata đó là một trong những phần khó nhất trên đời này. về mặt kỹ thuật, ý tôi là như vậy.”

“Anh cũng là một nhạc công à?”

“Đã từng, một kiểu như vậy. Tôi học piano và clarinet trong nhiều năm - em biết đấy, tôi là một trong những kẻ tí hon buồn chán được gọi “những đứa trẻ tài năng” - rồi hoá ra là khi tôi không có năng khiếu biểu diễn tôi đã cố gắng sáng tác. Nghiên cứu nghệ thuật sáng tác ở Eastman cho đến khi rõ ràng là tôi cũng cả không có nhiều năng khiếu cho việc đó; rồi tôi thôi không theo đuổi âm nhạc nữa.”

“Chắc là phải đau khổ lắm khi phải từ bỏ những công việc như vậy.”

“Ôi, nó làm tan nát trái tim tôi. Nhưng rồi, khi nhớ lại những ngày đó trái tim tôi dường như bị vỡ ra, trung bình một tháng một lần, vì thế nó chỉ còn là vấn đề về thời gian nữa thôi. Em muốn ăn tráng miệng gì không?”

“Hiện giờ bao lâu trái tim anh lại bị tan vỡ?”

“Mm? Ôi, có phần nào đã bớt hơn. Có thể là hai hay ba lần trong năm. Tráng miệng nhé? Họ có món bánh ngọt baklava tuyệt hảo đấy.”

Cô quyết định là cô sẽ thích anh ta. Cô không thích mỡ bám quanh miệng anh ta, nhưng anh ta đã lau nó đi trước khi thưởng thức món baklava, và cô thích cả những thứ khác nữa. Không một cậu con trai nào mà cô đã từng biết có một kiến thức sâu rộng và nhiều quan điểm lập luận tốt đến như thế - anh ta là một trí thức - và cũng không một cậu con trai nào khác có được tính chín chắn để tự đánh giá về mình được. Nhưng đó mới là một vấn đề: anh ta không phải là một cậu con trai. Anh ta đã ba mươi. Anh ta đã đạt đến những giới hạn của cuộc đời.

Cô cho phép bản thân nép mình thật gần trong vòng tay anh ta khi họ thả bộ, và khi họ đi đến ô cửa nhà cô, cô nói “Anh có muốn lên nhà làm một ly cà phê không?” Anh ta lùi lại hai bước ở lối người đi bộ, trông ngạc nhiên. “Không”, anh ta nói, “không, thật sự; rất cảm ơn, lần khác nhé.” Và thậm chí anh ta còn không thêm hôn cô; tất cả những gì anh ta làm là mỉm cười và làm một động tác vẫy tay xấu hổ khiếp khi anh

ta quay đi. Ở trên nhà, cô đi bộ trên sàn một lúc lâu, miệng mút ngón tay, cố gắng suy nghĩ xem mình đã làm gì sai.

Nhưng sau đó một vài ngày anh ta có gọi điện lại cho cô. Lần này họ đi nghe hoà nhạc Mozart, và khi họ quay về nơi ở của cô anh ta nói anh ta nghĩ rằng có một chút cà phê thì thật là thú vị.

Anh ta ngồi ở băng ghế sofa mà mẹ cô đã giúp cô mua ở một đại lý Cứu trợ Quân đội, và khi cô đi quanh phòng bếp cô không biết liệu nên ngồi bên cạnh anh ta hay ở ghế đối diện với bàn cà phê. Cô đã lựa chọn ngồi bên cạnh anh, nhưng anh ta dường như không nhận ra điều này.

Khi cô tựa người về phía sau thì anh ta thả người về phía trước, khuấy cốc cà phê, và khi cô thả người về phía trước thì anh ta lại ngả người về phía sau. Trong suốt thời gian anh ta nói liên tục, trước tiên là về buổi hoà nhạc và rồi đến chiến tranh và thế giới và đến bản thân mình.

Cô với lấy thuốc lá (cô cần có một thứ gì đó để làm với bàn tay của mình) và khi cô vừa mới châm lửa thì cũng là lúc anh ta tấn công cô. Tia lửa loé trên tóc cô và xuống phía dưới váy; cô đang ngồi, tảng lờ, và anh ta luôn xin lỗi. “Chúa ơi, tôi xin lỗi; thật là vụng về quá; tôi luôn bị như vậy - chắc hẳn em nghĩ tôi...”

“Không sao mà anh,” cô nói với anh. “Anh chỉ làm em giật mình thôi mà.”

“Tôi biết; Tôi... tôi vô cùng xin lỗi.”

“Không sao đâu mà.” Cô bỏ thuốc lá đi và ngồi lại với anh ta, và lần này cánh tay anh ta vòng qua ôm lấy cô. Khuôn mặt anh ta ửng đỏ khi hôn cô, và cô nhận thấy anh ta không mò tìm bầu ngực và đùi cô ngay lập tức như những cậu con trai khác thường làm; anh ta dường như thích thú với việc ôm và hôn, và đi kèm với một vài tiếng rên nhẹ.

Sau một lúc anh ta rời khỏi miệng cô và nói “Khi nào là giờ học đầu tiên vào buổi sáng của em?”

“Điều đó không quan trọng.”

“Nó quan trọng chứ. Nhìn xem mấy giờ rồi này. Thật sự tôi nên đi.”

“Không, anh ở lại đi. Làm ơn mà. Em muốn anh ở lại.”

Và rồi thì anh ta bắt đầu yêu cô. Rên nhẹ, anh ta cởi bỏ áo choàng và cà vạt và thả chúng trên sàn; rồi anh ta vội vàng giúp cô cởi váy. Chỉ với một cử chỉ nhanh nhẹn khiếp cô đã biến ghế sofa thành giường và họ ngập chìm trong đó, quần quai và hỗn hển và dính chặt vào nhau. Sự ấm nồng của anh, thân hình nặng nề sờ vào thật mềm mại, nhưng anh khỏe.

“Ôi,” anh ta nói. “ôi, Emily, tôi yêu em.”

“Đừng, đừng nói thế.”

“Nhưng điều đó là sự thật; tôi phải nói thế. Tôi yêu em.”

Anh ta há miệng và mút một bên bầu ti cô một lúc, lấy tay vuốt ve cô; rồi miệng anh ta lại mút bầu ti bên kia. Một lúc lâu anh ta quay đi và nói “Emily?”

“Dạ?”

“Tôi xin lỗi, không... tôi không thể. Thỉnh thoảng lại xảy đến với tôi như thế này.”

“Ôi.”

“Tôi không biết phải nói xin lỗi em như thế nào; chỉ vì một trong những... Điều đó có làm cho em ghét tôi không?”

“Không, không đâu. Andrew.”

Với một tiếng thở dài xả hơi, anh ta cố nâng mình lên và ngồi ở cạnh giường, và trông anh ta thất vọng đến nỗi cô phải ôm anh ta từ phía đằng sau.

“Tốt rồi,” anh ta nói. “Thế là tốt rồi. Tôi thích được em ôm như thế này. Và thật sự là: tôi yêu em. Em thật thú vị. Em ngọt ngào và mạnh khỏe và là một kiểu người tôi yêu. Chỉ vì tôi dường như không thể... chúng tôi được mình đêm nay.”

“Sh-sh. Thôi nào.”

“Hãy nói cho tôi biết sự thật. Điều này đã bao giờ xảy ra với em trước đó chưa? Đã bao giờ có một người đàn ông làm em thất vọng đến thế này chưa?”

“Có chứ ạ.”

“Em có thể nói thậm chí đó không phải là sự thật. Ôi, Chúa ơi, em là một cô gái dễ thương. Nghe này, dẫu sao, Emily: điều đó chỉ thỉnh thoảng xảy ra với tôi. Em có tin không?”

“Vâng, đương nhiên rồi.”

“Những thời gian khác thì tôi ổn. Chúa ơi, thỉnh thoảng tôi có thể quan hệ, và quan hệ cho đến khi...”

“Sh-sh, thôi nào. Sẽ ổn thôi anh. Chỉ là tối nay thôi mà. Sẽ có những tối khác nữa.”

“Em có hứa không? Em hứa chứ?”

“Vâng, đương nhiên rồi.”

“Thật là tuyệt,” anh nói, và quay lại ôm cô vào lòng.

Nhưng trong vòng một tuần liền, cả chiều cũng như tối cũng như cả sáng, họ cố và cố nhưng không thành công. Cuối cùng, những gì cô có thể nhớ nhiều nhất về cái tuần đó là hơi nóng, mồ hôi của cuộc vật lộn và mùi của chiếc giường.

Luôn mềm cô nói “Đó là lỗi của em,” và anh ta bảo cô nếu cô còn tiếp tục nói như vậy thì sẽ làm cho vấn đề tồi tệ hơn.

Một lần anh ta gần như đạt được điều đó: anh đã đưa được nó vào trong cô, và cô có thể cảm nhận được nó. “Đó, nó đấy!” Anh ta nói. “ôi Chúa ơi, nó đấy; đấy...” nhưng điều đó đã không kéo dài được bao lâu trước khi anh ta tuột ra ngoài và nằm nặng nề lên cô, thở hổn hển và nức nở trong thất bại. “Tôi lại thua cuộc rồi,” anh ta nói. “Tôi lại thua cuộc rồi.”

Cô vuốt ve mái tóc ẩm ướt của anh ta. “Nó thật tuyệt trong giây lát.”

“Em tốt quá, nhưng tôi biết rằng nó không “thật tuyệt”. Nó chỉ vừa mới bắt đầu.”

“Dạ, nó vừa mới bắt đầu, Andrew. Chúng ta sẽ làm tốt hơn trong lần tới.”

“Chúa ơi. Đó là điều tôi luôn nói. Mỗi lần tôi bỏ rơi em và quay về trạng thái gào thét, sôi sục, khốn khổ tôi luôn nghĩ ‘Mình sẽ làm tốt hơn ở lần sau’. Và nó luôn như vậy - luôn như vậy.”

“Sh-sh. Hãy ngủ một chút đi anh. Rồi có thể buổi sáng chúng ta sẽ...”

“Không, thậm chí còn tồi tệ hơn vào buổi sáng. Em biết mà.”

Vào một ngày nóng nực của tháng Hai anh ta gọi để thông báo với cô một quyết định. Không thể nói chuyện qua điện thoại; liệu cô có thể gặp anh ta ở Bờ phía Tây lúc 4:30?

Cô tìm thấy anh ta một mình ở quầy bar với một vai bia, một chân vech lên lan can, và anh ta rải những bước dài khi anh ta đưa cô vào chỗ ngồi, vai thông xuống. Đó là những gì cô nhận thấy trước kia: khi cô gặp anh ở một nơi nào đó, trong quán bar hay một góc phố, anh luôn đi lại với dáng vẻ của một vận động viên điền kinh trong tư thế nghỉ.

Anh ta ngồi gần cô trong quầy bar, cầm lấy một tay của cô giữa những cốc bia, và nói với cô rằng anh ta đã quyết định đi gặp nhà phân tâm học. Anh ta đã có tên của người bác sĩ từ một ai đó “trong khoa”; anh ta đã sắp xếp lần điều trị đầu tiên và mong muốn được gặp thường xuyên nếu cần - hai, ba lần một tuần gì đó, anh ta không quan tâm. Có thể sẽ tiêu tốn hết tiền tiết kiệm và hầu hết lương của anh ta - thậm chí anh ta có thể phải mượn tiền - nhưng không còn cách nào khác.

“Thế ạ, anh thật dũng cảm quá, Andrew.” Anh ta siết chặt tay cô. “Đó không phải là dũng cảm; đó là một hành động tuyệt vọng. Đó là điều mà tôi có thể là đã phải làm từ lâu rồi. Và Emily, đây là phần khó khăn nhất: tôi không nghĩ rằng chúng ta nên gặp nhau trong khi tôi điều trị. Hãy xác định là việc này sẽ phải mất đến một năm. Rồi tôi sẽ tìm đến em, và đương nhiên là em có thể quan hệ với người đàn ông khác; tôi chỉ có thể hy vọng em vẫn chờ tôi. Vì vấn đề là tôi muốn cưới em, Emily, và tôi...”

“Anh muốn cưới em? Nhưng anh thậm chí chưa...”

“Làm ơn,” anh ta nói, nhắm mắt lại như thể đau đớn. “Tôi biết những gì tôi thậm chí chưa làm.”

“Em không nói như vậy. Em chỉ muốn nói là anh thậm chí còn chưa cầu hôn em.”

“Em là một cô gái tốt nhất, khỏe mạnh nhất, ngọt ngào nhất mà tôi đã từng gặp,” anh ta nói, và vòng tay quanh cô. “Đương nhiên tôi không... sao tôi có thể, với tình trạng như thế này? Nhưng ngay khi cái năm này kết thúc, ngay khi tôi - em biết mà - tôi sẽ quay lại và dâng hiến cho em một lời cầu hôn chân thành nhất mà em có thể được nghe thấy. Em có hiểu không, Emily?”

“Vâng, ngoại trừ em - thật ra, chắc chắn là như vậy, em hiểu.”

“Thật là tuyệt diệu. Nào chúng ta hãy ra khỏi đây trước khi tôi vỡ òa trong nước mắt.”

Đó là một ngày dễ chịu - những đôi trai gái tụ tập trên lối người đi bộ, để hưởng thụ mùa xuân giả tạo - và anh ta dẫn cô đi nhanh đến một quầy hoa ở góc phố.

“Tôi sẽ đưa em vào xe taxi để đưa em về nhà,” anh ta nói, “nhưng trước tiên tôi sẽ mua hoa tặng em.”

“Không, thật là vớ vẩn; em không muốn bất kỳ một bông hoa nào.”

“Có, em có đấy. Đợi đã”. Anh ta ra khỏi cửa hàng bán hoa với một tá hoa hồng màu vàng và ấn chúng vào tay cô. “Đây, hãy cắm chúng vào nước; rồi em sẽ nhớ đến tôi ít nhất là cho đến khi chúng héo. Emily? Liệu em có nhớ tôi không?”

“Đương nhiên rồi ạ.”

“Hãy cứ nghĩ là tôi phải đi quân dịch, giống như bao người khác, tốt hơn những người đàn ông khác mà em đã gặp. Tốt thôi. Không chia tay lâu nhé.” Anh ta hôn vào má cô; rồi anh ta lết đi trên phố, vẫn là đáng vẻ điển hình không một chút nào tự nhiên đối với anh ta; anh ta vẫy một chiếc taxi và đứng đó mở cửa xe cho cô, cười với đôi mắt sáng trông hơi lơ đãng.

Khi chiếc taxi chuyển bánh đi cô quay đầu lại trong một mùi hương nặng nề của hoa hồng để xem là liệu anh ta có giờ tay vẫy, nhưng cô bắt gặp chỉ là một nét thoáng qua cái lưng anh ta đang hoà lẫn vào trong đám đông.

Ngoại trừ việc mà cô muốn khóc, cô không thật sự biết cô cảm thấy gì nữa. Cô cố gắng suy nghĩ suốt dọc đường về nhà cho đến khi cô phát hiện ra, khi đi lên cầu thang, rằng cô nhận thấy một cảm giác hết sức thư giãn.

Ngay khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu, một thủy thủ viễn dương trẻ bước vào quầy sách và bắt đầu nói chuyện với cô như thể anh ta đã biết về toàn bộ cuộc đời của cô vậy. Những móng tay của anh ta bị bầm dập và đen sì, nhưng anh ta có thể kể lại những đoạn văn của Milton và Dryden và Pope từ trí nhớ mà dường như không cần phải thể hiện: có, anh ta nói, nhiều thời gian để đọc ở trên tàu. Anh ta mặc một chiếc áo len trông như quá ấm đối với thời tiết của mùa này, và anh ta có một cái đầu đẹp trai, tóc màu vàng và to mà cô tự tả với bản thân mình như “người Bắc Âu.” Anh ta đứng đó nói chuyện, chuyển trọng lượng từ chân này sang chân khác, ôm một chồng sách tựa vào hông mình, và cô cảm thấy một sự khẩn cấp mãnh liệt muốn đặt tay mình lên anh ta. Cô sợ rằng anh ta có thể rời khỏi quầy sách mà không cho cô một cái hẹn, và gần như là anh ta làm như vậy - anh ta nói “Thế đã nhĩ, hẹn gặp cô,” và bắt đầu quay đi, và rồi anh ta quay lại và nói “Cô này, mấy giờ thì cô hết giờ?”

Anh ta ở trong một khách sạn xuống cấp ở Heir's Kitchen - chẳng bao lâu cô biết mọi thứ về khách sạn đó, từ mùi nước tiểu và chất tẩy uế ở hành lang đến cái khoang thang máy chậm chạp cho đến cái thảm màu xanh được quét son đỏ trong phòng của anh ta - và cả cái tàu đang phải chịu đựng sự sửa chữa kéo dài ở Khu Hải quân Brooklyn, điều đó có nghĩa là anh ta sẽ ở New York suốt mùa hè. Tên anh ta là Lars Ericson.

Anh ta rắn chắc và trơn mượt như ngà voi vậy, và có kích thước thật đẹp; trước tiên cô nghĩ rằng cô có thể sẽ không bao giờ hiểu được đầy đủ về anh ta. Cô thích nằm trên giường và ngắm anh ta khoả thân đi quanh phòng: anh ta làm cô nhớ đến Michelangelo's David. Có những cái bướu nhỏ đỏ rực ở sau gáy anh ta và ở cả trên vai nữa, nhưng nếu cô nheo mắt lại là không nhìn thấy chúng nữa.

“... Và thật sự anh không đi học thật à?”

“Dĩ nhiên là anh có. Anh đã nói với em; anh học hết lớp tám.”

“Và anh thật sự nói được bốn thứ tiếng?”

“Anh chưa bao giờ nói với em như vậy. Anh chỉ nói trôi chảy tiếng Pháp và Tây Ban Nha. Tiếng Ý của anh rất sơ sài, rất nguyên thủy.”

“Chúa ơi, anh thật tuyệt vời. Anh lại đây nào...”

Cô hy vọng rằng anh ta có thể sẽ muốn trở thành một nhà văn hay là một hoạ sĩ - cô tưởng tượng thấy anh ta làm việc ở một nhà tranh trên bãi biển lộng gió, giống như Eugene O'Neill, trong khi cô phải lội thật sâu để bắt con trai, con hầu cho bữa đêm và những người ngớ ngẩn đi qua gào thét - nhưng anh chỉ đơn thuần là một thủy thủ hoàn hảo. Anh ta nói anh ta thích sự tự do mà nó mang lại cho anh.

“Thật ra, nhưng ý em là, tự do để làm gì?”

“Không cần thiết là phải để ‘làm gì’. Chỉ đơn giản là được tự do thôi.”

“Ôi, em biết rồi. Ít ra là em cũng nghĩ rằng em hiểu.”

Cô nghĩ rằng cô đã nhìn thấy nhiều điều thú vị trong mùa hè hăng hái, đầy khoái lạc với Lars Ericson. Cô nghĩ rằng cô nhận thấy thời gian ở đại học thật là một sự lãng phí thời gian. Có thể đối với bất kỳ ai, thời gian ở đại học của họ cũng đều là lãng phí cả. Và cũng có thể có một điều gì đó cần được giải quyết với bi kịch của một người đàn ông như Andrew Crawford: anh ta đã cống hiến cuộc đời mình cho học thuật - không chỉ là suy nghĩ, mà là cả cuộc đời của anh ta - và nó đã làm teo lại tuổi trưởng thành của mình.

Dù với bất kỳ trường hợp nào, chắc chắn là không có một điều gì sai sót xảy ra với tuổi trưởng thành của Lars Ericson. Nó lớn lên từ bên trong anh ta giống như một nhánh cây vững chắc; nó khêu gợi cô và đưa được vào trong cô và ngập chìm trong cô; nó làm cho cô chậm chạp và vững vàng rơi vào trạng thái mê mê thật lâu mà chỉ có thể diễn tả bằng một tiếng rên; nó cho phép sự yếu đuối và sự ham muốn và sự hưng phấn của cô để lại giống như một người đàn bà, chờ đợi muốn được tận hưởng nữa.

Một tối khi họ nằm mệt lử trên giường anh ta thì có một tiếng gõ cửa, và tiếng nói của một cậu bé mới lớn gọi “Lars? Anh có nhà chứ?”

“Tôi đang ở nhà,” anh ta nói lại, “nhưng tôi đang bận. Tôi có khách.”

Oái.”

“Ngày mai tôi sẽ gặp cậu, Marvin,” anh ta nói. “Hoặc có thể là không phải ngày mai, nhưng cậu biết mà; tôi sẽ gặp cậu.”

“Được thôi.”

“Ai đấy?” Cô hỏi khi tiếng bước chân đi khỏi.

“Chỉ là một đứa trẻ ở trên tàu. Thỉnh thoảng cậu ta thích đến chơi cờ. Anh cảm thấy đáng thương cho cậu ta: cậu ta ở đây một mình, không có nhiều việc để làm.”

“Cậu ta nên đi chơi và tìm bạn gái.”

“Ôi, anh nghĩ là cậu ta sẽ quá ngưỡng nếu như làm việc đó. Cậu ta chỉ mới có mười bảy tuổi.”

“Em cá rằng anh đã không quá ngưỡng ở cái tuổi đó. Ồ, không, gớm đã - em cá là anh đã ngưỡng, nhưng bọn con gái không để cho anh ở một mình. Không hẳn chỉ là bọn con gái - kể cả những phụ nữ già hơn nữa. Những người phụ nữ có tuổi, sành điệu, thanh lịch có nhà ở tầng mái. Có đúng vậy không? Và họ đã kéo anh đến những căn nhà ở tầng mái đó, cởi bỏ quần áo của anh bằng răng cửa họ, họ sẽ dùng lưỡi của họ đi

khấp ngực anh, và họ sẽ đi xuống đầu gối của anh và cầu xin anh. Có đúng vậy không? Chẳng phải đã như vậy sao?”

“Anh không biết, Emily. Em có trí tưởng tượng tốt đấy.”

“Anh đã làm bốc cháy sự tưởng tượng của em; anh đã nuôi trí tưởng tượng của em. Ồi, cho em nữa đi, cho em nữa đi.” Một buổi chiều anh ta hiện diện ở căn hộ của cô, mặc một bộ vét màu xanh mới rẻ tiền được đệm vai - không một cậu con trai Columbia nào bắt phải bị chết trong một bộ vét như vậy, nhưng điều đó chỉ làm cho anh ta thêm hấp dẫn - và nói anh ta đã mượn được một chiếc ô tô cho buổi tối nay. Liệu cô có thích đi ra vịnh Sheepshead và ăn tối trên bờ biển không?

“Thật là thú vị. Anh mượn xe của ai đấy?”

“Ồ, một người bạn. Một người anh biết.” Trên đoạn đường dài qua Brooklyn dường như anh ta bị ám ảnh. Anh ta lái xe bằng một tay, còn tay kia đùa nghịch với cái miệng của mình, liên tục kéo môi dưới ra và lại đưa nó vào phía bên trong hàm răng, và anh ta không nói gì với cô cả. Cô đã hy vọng là họ sẽ ngồi cạnh nhau trong nhà hàng, để anh ta có thể quàng tay qua cô và họ có thể lảm nhảm và cùng cười trong suốt bữa ăn; thay vào đó họ ngồi chéo nhau ở một cái bàn to giữa cái sàn rải rác toàn mùn cưa.

“Có một nơi nào đó ngoài kia không?” Cô gắng hỏi, “Chúng ta có thể nhảy ở đâu sau bữa tối?”

“Đó không phải là điều anh biết,” anh ta nói với một cái miệng đầy tôm hùm.

Thức ăn dè dặt dày cô trên suốt đường về nhà - có quá nhiều dầu ở món khoai tây rán - và Lars không phá vỡ sự im lặng của mình cho đến khi anh ta tìm được một chỗ đỗ xe gần toà nhà của cô. Rồi, ngồi trong chiếc xe bất động và nhìn thẳng qua kính chắn gió, anh ta nói “Emily, anh không nghĩ rằng chúng ta nên gặp nhau nữa.”

“Anh không? Nhưng tại sao?”

“Vì anh phải sống thật với bản thân con người anh. Em rất dễ thương và chúng ta đã có với nhau những lúc thật tuyệt vời, những anh phải nghĩ về những nhu cầu của riêng anh.”

“Em không trói buộc anh, Lars. Anh tự do như...”

“Anh không nói rằng em ràng buộc anh. Chỉ đơn giản anh nói là anh phải sống thật với bản thân mình - Emily, vấn đề là có một người khác.”

“Ồi, trông cô ta như thế nào?”

“Đó không phải là một cô gái,” anh ta nói như thể điều đó sẽ làm cho tình hình dễ chịu hơn, “đó là một người đàn ông. Anh đột nhiên trở thành người ái nam ái nữ, em biết mà.”

Tất cả nước trong miệng trào ra. “Ý anh là đồng tính á?”

“Dĩ nhiên là không; em chắc hẳn đã phải hiểu về điều này. Anh nói anh là ái nam ái nữ.”

“Chẳng phải điều đó là giống nhau hay sao?”

“Không, không hẳn.”

“Nhưng anh thích đàn ông hơn đàn bà?”

“Anh thích cả hai. Anh thích thú với cảm giác khi được ở gần em; và hiện anh đang thích thú với cảm giác khác.”

“Em hiểu rồi,” cô nói. Và khi nào cô có thể học được cách không nói “tôi hiểu” về những điều mà cô chẳng hiểu gì cả?

Anh ta đi bộ với cô về nhà và họ đứng đối diện trên lối đi bộ, chỉ cách nhau một vài bước chân.

“Anh xin lỗi là đã kết thúc theo cách như thế này,” anh ta nói. Anh ta đặt một tay xuống thấp dưới hông và nhìn chăm chăm xuống đường để làm cho cô ngưỡng mộ hình ảnh của mình, và trông anh ta hơn bao giờ hết rất giống Michelangelo’s David, thậm chí kể cả trong bộ vét xấu đến thế này.

“Thật lâu, Lars,” cô nói.

Sẽ không có quan hệ tình dục nữa, cô tự hứa với bản thân mình khi cô đắm liên tục vào chiếc gối khi lên đến tầng trên. Cô có thể gặp đàn ông, cô có thể ra ngoài với họ và cười và nhảy và làm mọi điều khác mà bạn cần phải làm với họ, nhưng không có quan hệ tình dục nữa cho đến khi - thật ra, cho đến khi cô hoàn toàn chắc chắn điều cô đang làm.

Cô đã phá vỡ lời hứa của mình với một sinh viên luật phờ phạc người nói là anh ta là một người cộng sản, và lại cắt đứt mối quan hệ trong tháng Hai với một cậu bé hóm hỉnh chơi trống ở một ban nhạc Jazz. Sinh viên luật không quan hệ với cô nữa vì cậu ta cho rằng cô bị “ô uế về ý thức,” và hoá ra là người chơi trống đang có quan hệ với ba cô gái khác nữa.

Và rồi mùa xuân lại đến. Cô sắp tốt nghiệp đại học với không một ý tưởng nào là sẽ làm gì cho cuộc đời mình, và nó gần đến lúc Andrew Crawford kết thúc thời kỳ chữa trị tâm lý.

“Emily?” Anh ta nói trên điện thoại. “Em có ở một mình không?”

“Có, xin chào anh Andrew.”

“Anh không thể nói với em là đã bao nhiêu lần anh đã bắt đầu quay số điện thoại và bỏ cuộc ở con số thứ bảy. Nhưng em đang ở đó, có phải vậy không? Tôi đang thực sự nói chuyện với em đấy chứ. Nghe này: trước khi tôi đi xa hơn, tôi cần phải biết một điều. Em có... em có người đàn ông nào chưa?”

“Chưa...”

“Hoàn toàn là một điều quá tốt... Tôi hầu như không hy vọng điều đó.”

Cô gặp anh ở West End chiều hôm sau. “Cho hai cốc,” anh nói với hầu bàn. “Không, đợi đã. Hai martini, thật nặng nề.”

Trông anh ta vẫn thế - có thể hơi nặng hơn một chút; cô cũng không chắc - và khuôn mặt anh ta sáng lên với những căng thẳng.

“Không có gì khác nhằm chán hơn khi phải nghe theo sự phân tích của người khác,” anh ta nói, “vì thế tôi sẽ miễn cho em. Hãy nói rằng đó là một kinh nghiệm to lớn. Khó khăn, đau đớn - Chúa ơi, em không thể tưởng tượng nổi nó đau đớn đến như thế nào - nhưng là một kinh nghiệm to lớn. Có thể phải mất hàng nhiều năm, nhưng tôi đã vượt qua được giai đoạn khó khăn đầu tiên. Tôi cảm thấy khá hơn nhiều. Cuộc sống không còn bị lo lắng nữa. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy được tôi là ai.”

“Thế thì tuyệt vời quá, Andrew.”

Anh ta nhấp một ngụm martini đầy ham muốn và ổn định lại chỗ ngồi với một tiếng thở dài, đặt một tay lên đùi cô. “Còn em thế nào?” Anh ta hỏi. “Năm vừa rồi của em thế nào?”

“Ôi, em cũng không biết nữa. Ổn thôi.”

“Tôi thề rằng tôi sẽ không hỏi em điều này,” anh ta nói, “nhưng nay trong tay tôi là cái đùi thật bự của em nên tôi phải hỏi. Em đã quan hệ với những ai?”

“Ba người.”

Anh ta nhăn mày cau mặt. “Chúa ơi. Ba người. Tôi sợ rằng em sẽ nói tám hay mười gì đó, nhưng theo cách là ba người còn tồi tệ hơn. Ba người này là những quan hệ nghiêm túc, thật sự. Em đã yêu ba người khác nhau.”

“Em không biết tình yêu là gì, Andrew. Em đã nói với anh điều này.”

“Em đã nói với tôi năm ngoái. Và hiện tại em vẫn không biết? Tốt thôi; đó là một điều gì đó, dù sao đi nữa. Vì em biết đây tôi thật sự cảm nhận được tình yêu, và tôi sẽ tác động đến em và tác động đến em cho đến khi em cảm nhận được điều đó. Hãy nghe tôi nói này... “tác động đến em” - Nghe như thế, ý tôi là - Chúa ơi, tôi xin lỗi.”

“Anh không phải xin lỗi.”

“Tôi biết. Đó là những gì mà bác sĩ Goldman cứ nói mãi với tôi. Ông ta nói tôi đã dành cả đời mình để nói lời xin lỗi.”

Họ uống nhiều rượu martini hơn ở nhà hàng Hy Lạp, và rượu vang ở bữa tối, khi họ bắt đầu về chỗ ở của cô dường như anh ta bắt đầu ngày ngày say. Cô không biết liệu đây là một tín hiệu tốt hay không tốt nữa.

“Điều này choán lấy tất cả mọi phương diện của một sự kiện thể thao chính,” anh ta nói khi họ đi lên cầu thang. “Một cuộc chiến giành giải vô địch, hoặc là một thứ gì đó. Đối thủ đã được đào tạo trong một năm; liệu anh ta có giành chiến thắng lần này không? Sự bền bỉ đã vào Vòng Một, sau khi cái từ này phát ra từ...”

“Đừng, Andrew.” Cô ôm vòng tay quanh cái lưng rộng của anh ta. “Không giống như thế một chút nào. Chúng ta hãy đi lên gác và yêu nhau nhé.”

“Ôi, em ngọt ngào quá. Em ngọt ngào quá và khỏe mạnh nữa, và tốt bụng nữa.”

Họ cố gắng hàng giờ liền - họ cố đủ mọi cách - và không khá gì hơn lần tốt nhất của năm trước. Cuối cùng anh ta ngồi sụp xuống cạnh giường như thể ngồi trên một chiếc ghế đầu của võ sĩ quyền Anh, cái đầu anh ta như đang treo lên.

“Vì thế,” anh ta nói. “Một cú đo ván kỹ thuật ở vòng bốn. Hay là lần thứ tư nhỉ? Em đã là người chiến thắng và vẫn là người vô địch.”

“Đừng, Andrew.”

“Tại sao lại không? Tôi chỉ thấp được ngọn lửa lên. Ít ra là người viết phóng sự thể thao cũng có thể nói rằng tôi thật là phong nhã trong thất bại.”

Và đêm tiếp theo anh ta đã giành chiến thắng. Nó không hoàn hảo - trong những khoảnh khắc lên đến đỉnh điểm cô bị thất bại vì không đáp được lại hoàn toàn như cô đã nghĩ rằng cô nên - nhưng đó là những gì tác giả của bất kỳ cuốn sách hướng dẫn làm tình nào cũng đều có thể coi đó là một sự thể hiện thỏa đáng.

“... Ôi, Emily,” anh ta nói khi anh ta lấy lại được hơi thở, “Ôi, nếu như chỉ xảy ra lần đầu, năm ngoái, thay vì tất cả những đêm khủng khiếp của...”

“Sh-sh.” Cô vuốt vai anh. “Bây giờ tất cả đã là quá khứ.”

“Đúng thế,” anh ta nói. “Tất cả đều đã là quá khứ. Bây giờ chúng ta hãy nghĩ về tương lai.”

Họ cưới nhau ngay khi cô tốt nghiệp, trong một lễ kỷ niệm lịch sử ở Tòa nhà Municipal. Những người đến dự duy nhất, hay là những người làm chứng duy nhất, là một đôi vợ chồng trẻ người quen của Andrew tên là Kroll. Khi họ đi qua Công viên Quảng trường Thành phố sau những gì mà cô Kroll cố gắng làm một “bữa sáng tân hôn,” Emily nhận thấy mình đang ở trong một những nhà hàng bận rộn mà cô đã từng đến với cha mình cách đây đã lâu.

Họ thông báo với những người mẹ của họ trước. Pookie đã khóc trên điện thoại, như Emily đã dự đoán, và làm cho họ phải hứa đến thăm vào tối hôm sau. Mẹ của Andrew, đang sống ở Englewood, New Jersey, mời họ đến vào Chủ nhật tuần tiếp theo.

“... Ôi, cậu ta thật dễ thương, cưng à.” Pookie nói khi kéo Emily vào góc trong một cái bếp chật hẹp ở khu buôn bán, trong khi Andrew ngồi nhấp cà phê ở phòng bên cạnh. “Mẹ hơi... thật ra, hơi sợ cậu ta thoát nhìn lúc đầu, nhưng khi hiểu được cậu ta thì cậu ta thật sự dễ thương. Và mẹ thích cách nói chuyện nghiêm túc của cậu ta; chắc hẳn cậu ta rất thông minh...”

Mẹ của Andrew già hơn Emily tưởng tượng, một người phụ nữ đánh phấn, có nếp nhăn, tóc còn xanh, đi một đôi tất co dân dài đến đầu gối. Bà ta ngồi trên ghế sofa được bọc vải hoa sặc sỡ với những chú mèo trắng Ba Tư, trong một cái phòng bốc mùi vừa mới hút bụi, và bà ta nháy mắt liên tục với Emily như thể phải tự nhắc mình đang có Emily ở đây. Trong một cái hành lang thiếu không khí mặt trời, sáng sủa được gọi là “phòng nhạc”, có một chiếc piano được kê thẳng và ở phòng quay có một bức ảnh được đóng khung của Andrew lúc tám hay chín tuổi gì đó, mặc một bộ quần áo thủy thủ, ngồi trên ghế chơi piano với một chiếc clarinet để trong lòng mình. Bà Crawford mở bàn phím và nhìn cậu con trai cầu khẩn. “Hãy chơi bản nhạc nào đó cho mọi người nghe đi, Andrew,” bà ta nói. “Emily đã bao giờ nghe con nói chưa?”

“Ôi, mẹ ơi. Mẹ biết là con không còn chơi nữa mà.”

“Con chơi nhạc như một thiên thần. Thỉnh thoảng khi có những bản nhạc của Môda hay Sôpanh phát trên đài mẹ chỉ nhắm mắt lại...” bà ta nhắm mắt lại..., “và tưởng tượng con ở đây - ở ngay đây bên cạnh cây đàn piano này...”

Cuối cùng thì anh cũng ngồi vào chơi: anh chơi một trích đoạn ngắn của Sô-panh, Emily có thể thấy rằng anh đang chơi vội, dường như chỉ chơi một cách cầu thả để đạt mục đích.

“Chúa ơi!”, anh ta nói khi họ ngồi trên tàu quay về New York. “Mỗi khi anh về nơi đó, nó làm cho anh mất hàng nhiều ngày để hồi phục lại - toàn bộ thời gian chỉ để đạt được một điều: Khi nào tôi lại có thể thở được đây...”

Chỉ còn lại một chuyến đi vẫn chưa được thực hiện - đi chào Sarah và Tony ở St.Charles - và họ đã không thực hiện chuyến đi mãi cho đến tận mùa hè, khi Andrew mua một chiếc ô tô đã qua sử dụng.

“Vây là,” anh ta nói khi họ phóng tốc độ dọc theo con đường cao tốc rộng ở Long Island. “Cuối cùng thì tôi cũng gặp người chị xinh đẹp và người anh rể lãng mạn, bảnh bao của em. Tôi có cảm giác như tôi đã biết họ từ lâu lắm rồi.”

Anh ta ở trong một trạng thái nhạy cảm và chanh chua, và cô biết vì sao. Sự thực hiện tình ái của anh ta đã đầy đủ trong suốt mùa hè, với thỉnh thoảng có sai sót, như chỉ mới gần đây - trong một tuần qua hay là gì đó - anh ta lại quay trở lại tình trạng của thói quen thất bại cũ. Đêm qua anh ta đã phải chịu đựng một lời thốt ra hấp tấp chống lại cái chân của cô, và sau cùng thì anh ta khóc trong vòng tay của cô.

“Anh ta có đi quân ngũ không?”

“Ai cơ ạ?”

“Laurence Olivier. Em còn nghĩ anh có thể nói đến ai bây giờ?”

“Em đã nói,” cô nói. “Anh ta bị đi quân dịch ở Hải quân, nhưng họ đã điều anh ta quay lại Magnum như một công chức hải quân.”

“Thế à, ít nhất là anh ta không đột chiếm bãi biển ở Normandy,” Andrew nói, “và thắng Ngôi sao Bạc với mười bốn Nhóm Lá sồi - chúng ta sẽ được miễn một thể loại buổi tối như vậy.”

Không dễ dàng tìm thấy St.Charles từ những dòng ngoằn ngoèo, khằng khiêu trên bản đồ, nhưng khi họ ở trong làng cô nhìn thấy đủ biển chỉ dẫn (NHỮNG CON GIUN CÁT VÀ MÁU) để chỉ cho Andrew đến chỗ của Wilson. Bên cạnh đường đi là một biển hiệu viết bằng tay BỒ GIẬU VĨ ĐẠI, và cô nhận ra đó là nét chữ của Sarah.

Gia đình Wilson con ngồi trên một cái chăn ở bãi cỏ sân trước với ba cậu con trai đi chập chững và nói líu lo quanh họ trong một buổi chiều đầy nắng; họ đang mê mải với nhau đến nỗi không biết là đang có khách.

“Giá mà em có chiếc máy ảnh nhỉ,” Emily gọi. “Anh chị đã có một bức tranh đẹp quá.”

“Emmy!” Sarah nhảy bật lên và chạy qua đám cỏ tươi giờ cả hai tay ra. “Và anh chắc là Andrew Crawford - Rất vui được gặp anh!”

Sự chào đón của Tony ít dạt dào hơn - đôi mắt đang cười của anh, nhăn ở khoé mắt, dường như bày tỏ sự hài hước hơn là sự hài lòng, như thể anh đang nghĩ “Liệu mình có thật sự phải cố gắng quan hệ với anh chàng này không nhỉ? Chỉ vì anh ta đã lấy em gái của vợ mình?” - nhưng rồi anh cũng bắt tay Andrew đủ chặt và có thể lầm nhấm một vài câu thích hợp. “Thậm chí em còn không biết là Eric đã biết đứng rồi,” Emily nói.

“Đương nhiên rồi,” Sarah nói với cô. “Cu cậu đã mười tám tháng rồi còn gì. Và Peter ở đằng kia, cu cậu có đầy vụn bánh ở trên mặt ý, còn cậu to béo nhất là Tony Junior. Cu cậu được ba tuổi rưỡi rồi. Em nghĩ gì về chúng?”

“Chúng thật đáng yêu, Sarah.”

“Bọn chị vừa ra ngoài để hưởng những tia nắng cuối cùng,” Sarah nói, “nhưng vào trong nhà thôi. Đã đến lúc uống cocktail rồi. Anh à? Anh có thể giữ chiếc chăn được không? Nó toàn vụn bánh thôi.”

Thời gian uống cocktail, trong một phòng khách được lau chùi cẩn thận, có nghĩa là vợ chồng Crawford phải ngồi xuống và quan sát với những nụ cười được ấn định trong lúc vợ chồng Wilson thực hiện việc nhấp ngụm đầu tiên theo cách vòng tay uống rượu ở quán Anatole xưa. Dù cho việc đó dường như mất nhiều thời gian, cuối cùng thì buổi tiệc cũng không thể hoạt náo được. Bóng chiều trải dài trên sàn nhà và những cửa sổ hướng tây đã ngả màu vàng tươi, vẫn bốn con người đó ngồi cứng đờ, đờ đẫn và ngượng nghịu. Thậm chí Sarah còn ít nói hơn mọi khi: cô không kể những giai thoại rời rạc nào cả, và ngoại trừ một vài câu hỏi được diễn đạt một cách ngớ ngẩn về công việc của Andrew cô dường như phải kiềm chế với sự có mặt của anh ta, như thể sợ rằng cô có thể thể hiện mình tầm thường trước một người đàn ông có học.

“Triết học,” Tony nói, xoay viên đá trong cái cốc trống rỗng. “Tôi sợ rằng toàn bộ lĩnh vực ấy là một bí ẩn đối với tôi. Chắc hẳn là sẽ khó đọc, huống hồ nói chỉ đến chuyện dạy học. Anh cố gắng dạy môn học này như thế nào?”

“Thật ra,” Andrew nói, “anh biết đấy, chúng tôi đến đó và cố gắng giáo dục những học trò bé nhỏ.”

Tony cười thầm đồng ý, Sarah quay lại cười đối diện với anh như thể muốn nói: anh thấy không? Anh thấy không? Em đã nói với anh rằng Emmy không nên cười một kẻ dở hơi.

“Có lẽ là, chúng ta sẽ dùng bữa chứ?” Tony yêu cầu.

“Em sẽ thêm một điều nữa,” Sarah nói.

“Rồi em sẽ cho bọn trẻ đi ngủ, và rồi chúng ta sẽ ăn tối.”

Món thịt nướng ít ỏi bị nấu quá tay vô cùng tệ và món rau cũng thế, nhưng Andrew đã được báo trước đừng có mong chờ quá nhiều vào cách nấu ăn. Dường như bắt đầu có sự báo hiệu là chuyến đi này cuối cùng cũng là một chuyến đi thành công, với tất cả bọn họ, cho đến khi họ quay trở lại phòng khách sau khi uống cà phê.

Họ uống thêm, trong những chiếc ly cao, và sự cố có thể một phần là vì: Andrew chưa quen với việc uống nhiều đến như thế, và anh ta hơi sốt sắng khi bình luận về việc xem bộ phim về Jugoslavia, mà anh ta và Emily đã xem.”... tôi không hiểu sao lại có người không cảm động về một bộ phim như thế,” anh ta kết luận, “bất kỳ một ai cũng đều có niềm tin vào lòng nhân đạo.”

Tony trông thật buồn ngủ trong suốt lúc nghe kể chuyện, nhưng câu cuối làm cho anh tỉnh ngủ. “ôi, tôi tin vào lòng nhân đạo,” anh ta nói. “Lòng nhân đạo là sự mong mỏi đối với tôi.” Rồi miệng anh trở nên có dáng vẻ hài hước, gợi mở cho lời nhận xét tiếp theo của anh sẽ làm nổ tung ngôi nhà. “Tôi thích mọi người ngoại trừ những tên ranh ma, Do thái và Thiên chúa giáo.”

Sarah bắt đầu cười ủng hộ với bất kỳ điều gì anh nói, nhưng khi lắng nghe cô làm cho nụ cười của mình trở nên ngán lại và nhìn xuống, để lộ ra một vết sẹo trắng xanh của thanh tập thể dục để lại cách đây đã lâu. Một sự im lặng thật không dễ dàng chút nào.

“Đó có phải là những gì mà anh học được ở trường công của Anh không?” Andrew gặng hỏi.

“Mm?”

“Tôi hỏi liệu đó có phải là những gì họ dạy anh ở trường công của Anh không? Sẽ cần phải nói như thế nào về việc đó?” Tony nháy mắt bối rối; rồi anh lẩm bẩm điều gì đó không thể nghe thấy - câu đó có thể là “Ồ, ý tôi là” hay “Xin lỗi” hay cũng có thể không phải là cả hai - và với cái lý của mình, bắt đầu một nụ cười mỉm mệm mỗi để chỉ ra rằng vì một lý do gì đó anh đã có quá đủ những điều vô lý khó chịu rồi.

Bằng cách nào đó mà sự xã giao đã được phục hồi trở lại. Họ có thể nỗ lực vượt qua được buổi hội ngộ bằng câu chuyện nhỏ với những nụ cười và những lời chúc nhau ngủ ngon, và rồi họ được tự do. “Điền chủ nông thôn”, Andrew nói, nắm chặt tay lái bằng cả hai tay khi họ nói chuyện đều đều dọc trên con đường cao tốc về nhà. “Anh ta được nuôi dạy từ gia đình trên trung lưu. Anh ta “là một kỹ sư thực hành”. Anh ta sống trong một miền đất có tên gọi Great Hedges. Anh ta đã được làm cha của ba đứa trẻ với một người

vợ xinh đẹp; và anh ta có một nhận xét về cuộc sống như vậy. Anh ta là một người vườn gốc Nêandectan. Anh ta là một con lợn.”

“Thật là không thể bào chữa được,” Emily nói. “Hoàn toàn không thể bào chữa được.”

“À, nhân tiện, thật đúng là những gì em đã nói với anh,” Andrew tiếp tục, “họ đã không đọc một thứ gì ngoài tờ Tin tức hàng ngày. Khi anh đi ra nhà vệ sinh anh đi qua một chồng báo Tin tức hàng ngày cao khoảng ba phút - chủ đề được đọc duy nhất là ngôi nhà yêu thương.”

“Em biết mà.”

“À, mà em đã yêu anh ta, đúng không?”

“Gi cơ ạ? Ý anh là gì? Em không ‘yêu’ anh ta.”

“Em đã nói với anh,” Andrew nói. “Em không thể lấy lại câu nói đó. Em đã nói với anh rằng khi họ vừa mới thành hôn em đã mơ tưởng về anh ta. Em đã mơ tưởng đến mức em nghĩ em là người duy nhất mà anh ta thực sự yêu.”

“Ôi, thôi nào, Andrew.”

“À, anh có thể hình dung em đã làm gì để củng cố những mơ tưởng đó - làm cho sự mơ tưởng thêm dồi dào, vì thế mới nói ra. Anh cá là em đã thủ dâm vì anh ta? Có phải vậy không? ôi, anh cá là em đã kích thích đầu ti bé nhỏ của mình cho đến khi chúng trở nên cứng, và rồi em...”

“Thôi đi, Andrew.”

“... và rồi em tiếp tục với âm vật của mình - luôn tưởng tượng có anh ta, tưởng tượng những điều anh ta sẽ nói, ồ những điều anh sẽ cảm thấy và những gì anh ta sẽ làm với em - và rồi em sẽ xoạc chân mình ra và đưa hai ngón tay của mình lên đến tận...”

“Em muốn anh dừng lại ngay, Andrew! Nếu anh không dừng lại, em sẽ mở cửa xe và nhảy ra khỏi chiếc ô tô này và...”

“Được rồi.”

Cô nghĩ rằng cơn thịnh nộ của anh ta sẽ làm cho anh ta lái xe quá nhanh, nhưng anh ta cẩn thận giữ cho xe ở tốc độ giới hạn. Đáng vốc anh ta, trong ánh sáng xanh nhạt nhòa của bảng đồng hồ, bị siết chặt trong hình ảnh của một người đàn ông đang kiểm chế bản thân chống lại những điều kỳ lạ không tránh khỏi. Cô quay đi và nhìn ra ngoài cửa xe một lúc lâu, quan sát sự di chuyển chậm chạp của bóng tối vô tận, mặt đất bằng phẳng và ánh sáng phát ra từ tiếng đập rộn ràng màu đỏ của dải phát thanh ở trên cao.

Liệu đàn bà có thể ly dị chồng khi chưa được một năm chung sống không nhỉ? Anh ta không nói cho đến khi họ đi qua cầu Queensboro, cho đến khi họ vượt qua được tắc đường để đi về phía Bờ Tây và quay về khu phố trên rồi đi thẳng về nhà.

Rồi anh ta nói “Em có muốn biết một điều không? Emily? Anh căm thù cơ thể em. À, mà anh cũng muốn nói anh cũng yêu nó, ít nhất, có Chúa chứng giám, là anh đã cố gắng, nhưng trong cùng một lúc anh cũng ghét nó. Anh căm ghét những gì nó đã bắt anh trải qua trong suốt năm ngoái - những gì mà nó đang bắt anh phải trải qua. Anh căm thù cái bầu ngực bé nhỏ nhạy cảm của em. Anh căm thù cái mông của em, cái hông của em, cái cách mà chúng đung đưa; anh ghét cặp đùi của em, và cách mà chúng mở ra. Anh căm thù cái eo của em và cái bụng em và cái gò rậm rạp của em và cái âm vật của em và toàn bộ cái bộ phận khó nắm giữ được của em. Anh sẽ nhắc lại chính xác những từ này với bác sĩ Goldman sáng mai và ông ta sẽ hỏi anh tại sao anh lại nói như vậy, và anh sẽ nói “Vì tôi phải nói nó ra”. Vậy em có nhìn thấy vấn đề không, Emily? Em có hiểu không? Anh đang nói cái điều mà anh phải nói. Anh căm thù thân thể của em.” Má của anh ta rung lên. “Anh căm thù cái thân thể của em.”

5. Chương 5

Sau vài năm ly dị Andrew Crawford, Emily làm việc như một thủ thư ở một văn phòng môi giới ở Phố Wall. Rồi cô lại có một công việc khác: cô tham gia vào nhóm biên tập của một tờ bán nguyệt san thương mại có

tên Nhà quan sát Lĩnh vực Thực phẩm. Đó là một công việc thú vị, không đòi hỏi nhiều, viết tin và chuyên mục cho ngành công nghiệp rau xanh; thỉnh thoảng cô sáng tác tiêu đề nhanh và tốt, để khoảng cách chữ được đếm vừa vặn ngay từ lúc đầu.

BỜ CHO QUẦY BAR KHÁCH SẠN ĐẠT ĐƯỢC ĐỈNH CAO BÁN HÀNG; BỜ THỰC VẬT LỤI TÀN.

Cô nghĩ về bố mình. Luôn có một việc gì đó cần làm với một tờ tạp chí thực thụ, nó khá thú vị; ngoài ra, trường đại học đã dạy cô rằng mục đích của giáo dục nghệ thuật tự do không phải là để đào tạo mà là để tự do suy nghĩ. Nó không quan trọng là bạn có thể làm gì cho cuộc sống; mà điều quan trọng là bạn thuộc tuýp người nào. Và hầu hết thời gian cô tự nghĩ về bản thân như một người tròn trịa và có trách nhiệm. Hiện cô sống ở Chelsea, ở một nơi với những cửa sổ cao quay mặt ra một con phố yên tĩnh. Thật là dễ dàng để biến thành một căn hộ “thú vị”, nếu cô quan tâm đến những việc như vậy; dù với bất kỳ trường hợp nào nó cũng đủ rộng để tổ chức được những bữa tiệc, và cô thích tiệc. Nó cũng được sắp xếp thành một ngôi nhà nhỏ bé ấm cúng cho hai người, và trong thời gian đó có rất nhiều đàn ông. Trong vòng hai năm cô đã phải phá thai hai lần. Lần đầu là con của một người đàn ông cô không thích lắm, và vấn đề chính với đứa con thứ hai là cô không chắc chắn đó là con của ai. Sau việc phá thai lần thứ hai, cô nằm nhà không đi làm trong vòng một tuần, nằm quanh nhà một mình hoặc bước những bước đau đớn ngập ngừng dọc theo những con phố trống rỗng. Cô nghĩ đến một bác sĩ tâm lý - một vài người cô biết đã đi gặp bác sĩ tâm lý - nhưng tốn nhiều tiền quá và có thể là không xứng đáng phải làm như vậy. Ngoài ra cô còn có một suy nghĩ sáng sủa hơn. Ở trên một cái bàn thấp, vững chắc trong căn hộ của mình cô đặt một chiếc máy chữ xách tay mà bố đã cho cô như một món quà tốt nghiệp trung học và bắt đầu làm việc với bài báo của tạp chí.

NẠO THAI: QUAN ĐIỂM CỦA MỘT PHỤ NỮ

Cô thích tiêu đề thăm dò, nhưng không thể mở đầu được, hay những gì mà cô đã học được gọi là một “dẫn bài.”

Thật là đau đớn, nguy hiểm, “không đạo đức” và trái pháp luật, tuy nhiên hàng năm hơn... triệu phụ nữ đã phá thai ở Mỹ.

Nó như một tiếng chuông dẫn đường, nhưng nó làm cho cô trở thành một kiểu kích động mà bằng cách nào đó cô sẽ phải theo suốt cả bài báo.

Cô thử một “dẫn bài” khác.

Giống như những cô gái khác ở tuổi tôi, tôi luôn cho rằng nạo thai là một điều khủng khiếp - để gặp phải, nếu cuối cùng, với sự sợ hãi và run rẩy duy trì một sự xuống dốc nhấn chìm trong những vòng quay bên ngoài của địa ngục.

Nghe có vẻ khá hơn, nhưng thậm chí sau khi cô thay đổi “các cô gái” sang “phụ nữ”, cũng không làm cho cô được hài lòng. Có điều gì đó không ổn.

Cô quyết định bỏ qua lời dẫn bài và tập trung vào phần thân bài. Trong nhiều giờ cô viết rất nhiều đoạn, hút nhiều thuốc mà cô không nhận thức được là đang châm thuốc hay bỏ chúng đi. Rồi cô kết thúc chúng với một cái bút chì, những chữ sửa lại nguệch ngoạc ở lề và thỉnh thoảng ở trên đầu trang mới (Xem lại A, đoạn 3, trang 7), cảm thấy một cảm giác hưng hăng khi nhận ra thiên hướng của mình. Nhưng cái đồng bản thảo bữa bãi đã ở đó suốt buổi sáng chờ đợi cô, sau một giấc ngủ chập chờn; và cô phải biết rằng, với con mắt lạnh lùng của một người biên tập, nó nghe không được tốt lắm.

Khi một tuần nghỉ ốm của mình kết thúc, cô đi làm lại, dễ chịu với nhịp điệu xưa của một ngày tám tiếng. Vào mỗi tối và hầu hết các ngày nghỉ cô làm việc với bài báo có chủ đề nạo thai, nhưng cuối cùng cô đã xếp nó vào trong một cái hộp bìa cứng mà cô đặt tên “Hồ sơ của tôi”, và cất chiếc máy chữ đi. Cô cần cái bàn cho buổi tiệc.

Rồi đột nhiên giờ đã là năm 1955, và cô đã ba mươi tuổi.

“... Và dĩ nhiên nếu con muốn là một người dành hết thời gian cho nghề nghiệp thì cũng tốt thôi,” mẹ cô nói ở một trong những buổi tối kinh hoàng và hiếm có khi Emily đến chỗ bà để ăn tối. “Mẹ chỉ mong mẹ tìm được một nghề vừa ý khi mẹ bằng tuổi con. Đó chỉ là vì mẹ cảm thấy...”

“Đó không phải là một ‘nghề’; đó chỉ là một công việc.”

“Thật ra, dù với nhiều lý do hơn như thế thì. Đó là vì mẹ cảm thấy có thời gian cho con để - ôi, mẹ sẽ không nói ‘ổn định’; Có Chúa chứng giám mẹ chưa bao giờ ổn định; mẹ chỉ muốn nói...”

“Lại lấy chồng. Có con.”

“Thế ra chuyện đó là kỳ lạ lắm sao?”

“Chẳng nhẽ con không biết một thanh niên nào mà con muốn lấy làm chồng hay sao? Sarah nói với mẹ chị con và Tony thích cậu lần trước mà con đưa đến chơi; tên cậu ta là gì nhỉ? Fred gì đó?”

“Fred Stanley.” Anh ta đã đến làm phiền ngoài sự chịu đựng của cô sau một vài tháng; cô đưa anh ta đến St.Charles chỉ vì một ý chợt nảy ra, vì anh ta quá bảnh bao. “À, mẹ biết, mẹ biết,” Pookie nói với một nụ cười chán đời, đào xới món mì spaghetti đã nguội lạnh; hiện bà đã có toàn bộ hàm là răng giả, thứ đã cải thiện phần nhiều nụ cười của bà. “Đó không phải là chuyện của mẹ.” Công việc của bà đã trở thành vấn đề thảo luận vào buổi tối đó, sau khi bà đã uống quá nhiều: đó là một lời than phiền mà Emily đã nghe nhiều lần trước đó. “Con có biết là đã hơn sáu tháng kể từ khi mẹ đến St.Charles? Sarah chưa bao giờ mời mẹ. Chưa bao giờ mời mẹ. Và nó biết là mẹ thích đến nơi đó đến như thế nào, mẹ thích dành thời gian cho bọn trẻ đến như thế nào. Mẹ gọi điện vào các ngày Chủ nhật và nó nói ‘Thế ạ, con nghĩ mẹ thích nói chuyện với bọn trẻ bây giờ’ và dĩ nhiên là mẹ thích nói chuyện với chúng, nghe giọng nói của chúng - đặc biệt là Peter, nó là đứa mẹ yêu nhất - và rồi khi bà cháu vừa kết thúc nói chuyện nó quay lại và nói ‘Pookie, sẽ tốn nhiều tiền mất, mẹ nên nghĩ về hoá đơn điện thoại.’ Và mẹ nói ‘Không có vấn đề gì với tiền điện thoại, mẹ muốn nói chuyện với con,’ nhưng nó không bao giờ mời mẹ. Và đôi lần, rất hiếm khi chính mẹ gợi ý thì nó nói ‘Con sợ ngày nghỉ tuần tới không tiện, Pookie’. Ha. ‘Thuận tiện’...”

Có một giọt nước sốt mỳ spaghetti trên má mẹ, và Emily phải đấu tranh thôi thúc đứng dậy và cô lau nó đi.

“... Và khi mẹ nghĩ; khi mẹ nghĩ về những tuần mẹ đã ở đó khi Tony đi Hải quân và cả ba đứa đều còn dùng tã, mẹ đã nấu ăn như thế nào và lau chùi, và lò sưởi không làm việc phải đến một nửa thời gian hay máy bơm cũng vậy, và mẹ phải xách nước từ nhà chính - liệu có ai hỏi mẹ có ‘thuận tiện’ cho mẹ không?” Để nhấn mạnh vào vấn đề, bà giữ một đợt tàn thuốc thật dài một cách ngang ngược xuống sàn và uống một ngụm urytki pha xô-đa nữa, hằn vết vân tay u buồn, “ôi, mẹ nghĩ mẹ có thể luôn gọi điện cho Geoffrey; ông ta hiểu, ông ta và Edna có thể mời mẹ, nhưng tuy vậy...”

“Sao mẹ lại không?” Emily nói, trong lúc xem đồng hồ. “Gọi điện cho Geoffrey, và có thể ông ta sẽ mời mẹ đến chơi vào một ngày nghỉ.”

“À, thật ra, con đang nhìn vào đồng hồ. Được thôi, được thôi. Mẹ biết. Con phải quay trở lại với công việc và bữa tiệc, những người đàn ông của con và tất cả những gì khác mà con làm nữa. Mẹ biết. Hãy cứ đi đi.” Pookie ve vẩy điều thuốc lá ẩm ướt xoa cô đi. “Cứ đi đi,” bà nói. “Cứ đi đi; cứ chạy đi.”

Vào mùa xuân năm sau chân quản lý biên tập của tờ Nhà quan sát lĩnh vực Thực phẩm bị trống, và trong một vài ngày Emily nghĩ rằng cô có thể được thăng chức, nhưng thay vào đó họ tuyển một người đàn ông vào khoảng bốn mươi tên là Jack Flanders. Anh ta rất cao và gầy gò với bộ mặt nhạy cảm và buồn, và Emily nhận thấy cô không thể rời mắt được khỏi anh. Văn phòng của anh cách phòng của cô bằng một tấm vách ngăn bằng kính: cô có thể nhìn thấy anh nghiêm mặt qua cây bút chì hay là máy chữ, quan sát anh nói chuyện điện thoại, quan sát anh đứng dậy và đứng nhìn trân trân qua cửa sổ như thể bị lạc vào suy nghĩ (và anh không thể đang nghĩ về công việc được). Anh làm cho cô nhớ về bố, cách đây đã lâu rồi. Một lần khi anh đang nói điện thoại cô nhìn thấy khuôn mặt dài của anh một nụ cười vui sướng một cách tinh khiết đến mức như thể anh chỉ có thể đang nói chuyện với một phụ nữ, và cô cảm thấy một cơn đau ghen tức phi lý.

Anh có một cái giọng vang và sâu, và anh rất nhã nhặn. Anh luôn nói “Cảm ơn Emily,” hay là “Tốt rồi, Emily” khi cô mang đến cho anh một thứ gì đó trong phạm vi hoạt động theo trách nhiệm, một lần anh nói “Thật là một cái váy đẹp,” nhưng dường như anh không bao giờ nhìn vào mắt cô.

Vào một ngày đến hạn, khi mọi người mệt mỏi và làm việc quá sức, cô mở một phong giấy làm bằng sợi cây chuối để tìm sáu bức ảnh bóng láng, mỗi một bức ảnh giống như một chiếc hộp nông hay một cái khay làm bằng bìa cứng màu trắng xốp. Mỗi hộp là một tỉ lệ khác nhau và mỗi bức ảnh được chụp ở những góc

độ khác nhau, với ánh sáng khác nhau, để nhấn vào một kiểu thiết kế tách biệt. Thông cáo báo chí đến với họ không thể thở được với những tí như “nhận thức cách mạng” và “cách tiếp cận mới táo bạo,” nhưng cô chưng cất từ những cái tí thông tin đó thành làm thế nào những lớp cắt của một miếng thịt tươi được đóng gói để bán ở siêu thị. Cô viết một câu chuyện đủ dài để lấp đầy một cột, với một phần đầu hai cột; rồi cô đánh dấu bốn trong những bức tranh dành cho những lớp cắt cột đơn, viết tiêu đề ngắn gọn cho chúng và đưa công việc hoàn thành đến cho Jack Flanders.

“Sao lại có nhiều ảnh đến thế này?” Anh ta hỏi.

“Họ chuyển đến sáu; tôi chỉ sử dụng có bốn.”

“Mm,” anh nói, nghiêm nghị. “Không hiểu tại sao họ lại không đưa bất kỳ chữ thịt nào bắt đầu bằng chữ cái M(1)? Đồi sườn lợn hay là một thứ gì đó. Hay chỉ ra bàn tay của một gã đang ôm cái hộp, vì thế cô đã có được ý tưởng về kích cỡ chưa?”

“Mm”

Anh xem xét kỹ lưỡng bốn bức ảnh một lúc lâu. Rồi anh nói “Cô có biết vài điều, Emily?” Và anh nhìn cô với việc bắt đầu cùng một nụ cười mà cô đã nhìn thấy anh thể hiện trên điện thoại vào ngày hôm đó. “Đôi khi một từ - một từ trị giá bằng hàng triệu bức ảnh.”

Sau này nhớ lại cô đã có thể đồng ý với anh rằng không hẳn đã hoàn toàn là hài hước, nhưng vào lúc đó - và có thể đó là cách anh nói - nụ cười của cô áp đảo quá. Cô không thể dừng lại; cô yếu đuối; cô phải tựa vào bàn làm việc của anh tìm sự hỗ trợ. Khi cơn cười kết thúc cô nhận thấy anh nhìn cô với khuôn mặt hạnh phúc, ngượng ngịu.

“Emily?” anh nói, “Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể ra ngoài uống một ly sau khi tan sở tối nay?”

Anh đã ly dị cách đây sáu năm. Anh có hai con sống cùng với mẹ, và anh làm thơ. “Đã xuất bản chưa ạ?” cô hỏi.

“Ba lần.”

“Trên tạp chí, ý anh là?”

“Không, in sách. Ba cuốn sách.”

Anh sống ở một trong những khu buồn tẻ, xám xịt của West Twenties, chỉ cách qua Đại lộ thứ Năm, nơi những toà nhà để ở ngẫu nhiên được ẩn vào giữa những chuồng chim bồ câu, và căn hộ của anh với những gì cô tưởng tượng có thể được gọi là Spartan - không thảm, không rèm, không vô tuyến.

Sau cái đêm dễ chịu đầu tiên với nhau, khi dường như rõ ràng là người đàn ông gầy nhom, đặc biệt dài này chính là tuýp người mà cô luôn muốn, cô đi lảng vảng dọc theo giá sách của anh, mặc chiếc áo tắm của anh, cho đến khi cô đến gần ba tập mỏng với cái tên John Flanders ở gáy sách. Anh đang pha cà phê ở ngoài bếp. “Chúa ơi, Jack,” cô kêu lên. “Anh là một nhà thơ trẻ Yale.”

“À, đó là một kiểu trùng số,” anh nói. “Họ phải đưa cho ai đó hàng năm.” Nhưng sự khiêm tốn của anh không hoàn toàn nói lên sự thật: cô có thể nhận thấy anh hài lòng đến như thế nào khi cô tìm thấy cuốn sách - anh gần như chắc chắn sẽ chỉ nó cho cô nếu cô không nhận ra nó.

Cô lật nó lên và đọc to một trong những lời khen: “‘Với John Flanders, chúng ta nhận thấy một giọng thơ mới đích thực, giàu tình cảm, thông thái, và sử dụng kỹ thuật thật hoàn hảo. Hãy để cho chúng tôi hân hoan với tài năng của anh.’ Wow.”

“À,” anh nói theo cùng một cách “tự hào rụt rè”. “Có gì ghê gớm đâu, hừ? Em có thể mang nó về nhà, nếu em thích. Thực tế thì anh thích em mang về. Cuốn sách thứ hai cũng được; có thể là không hay như cuốn thứ nhất. Vì Chúa, chỉ xin đừng nhầm lẫn với cuốn thứ ba. Nó thật tệ. Em sẽ không thể tin được nó tồi đến mức nào. Đường và sữa nhé?”

Khi họ ngồi nhấp nhấp ngụm cà phê, nhìn ra ngoài tòa nhà chuồng chim bồ câu màu nâu vàng xanh, cô nói “Anh làm gì với tờ báo thương mại?”

“Phải có một công việc gì đó. Và vấn đề là nó thật dễ; anh có thể làm công việc này như một nghề tay trái và hoàn toàn quên nó khi anh về đến nhà.”

“Chẳng phải các nhà thơ hay làm việc ở trường đại học hay sao?”

“À, anh đã làm công việc đó. Anh đã làm công việc đó nhiều năm hơn anh có thể đếm. Hôn mông ông trưởng khoa, đổ mồ hôi suốt nhiệm kỳ, chống đỡ với những khuôn mặt bé nhỏ, dằn dặt và trang nghiêm suốt ngày và chúng ám ảnh anh suốt đêm - và phần tồi tệ nhất là kết thúc bằng việc viết thơ hàn lâm. Không, em yêu, hãy tin anh, Nhà Quan sát Lĩnh vực Thực phẩm là một công việc tốt hơn.”

“Tại sao anh không xin làm cho một... anh gọi nó là gì nhỉ? Một Guggenheim?”

“Hiểu rồi. Cả Rockefeller nữa chứ.”

“Anh có thể nói cho em biết tại sao quyển sách thứ ba lại tồi tệ không?”

“À, cả cuộc đời anh là một mớ hỗn độn. Anh vừa mới ly dị, anh uống quá nhiều; hãy tưởng tượng xem anh nghĩ anh biết những gì anh làm trong những bài thơ đó, nhưng anh không biết sự dằn dặt của anh từ cuốn sách thứ ba. Một thể loại khốn khổ - tự thương xót mình, bê tha, uỷ mị. Lần trước anh gặp Dudley Fitts, anh ta chỉ kịp gạt đầu với anh.”

“Và bây giờ cuộc sống của anh thế nào?”

“Vẫn còn là một mớ hỗn độn, anh nghĩ thế, trừ những lúc thỉnh thoảng anh nhận ra điều đó” - anh đưa tay mình vào trong ống tay áo của chiếc áo tắm để với lấy khuỷu tay cô, chỗ anh vuốt ve như thể nó là một nơi kích thích tình dục vậy... “thỉnh thoảng, nếu bạn đi những nước cờ đúng, bạn sẽ gặp được một cô gái dễ thương.” Trong vòng một tuần họ không bao giờ tách khỏi nhau - họ dành cho nhau những đêm khi thì ở chỗ của anh, khi ở chỗ của cô - và cô không bao giờ có đủ không gian một mình để đọc được hết cuốn sách thứ nhất của anh, cho đến khi cô xin nghỉ một ngày làm vì việc đó.

Nó thật chẳng dễ chút nào. Cô đã đọc nhiều thơ đương thời ở Barnard và luôn giải nghĩa tốt nhưng cô chưa bao giờ đọc chúng với sự vui thích. Cô đọc lướt qua những bài thơ đầu tiên quá nhanh, chỉ lấy ấn tượng với những ý nghĩa; rồi cô phải quay lại và nghiên cứu từng câu để đánh giá được nó đã được viết như thế nào.

Những bài thơ sau này giàu nghĩa hơn, dù chúng vẫn giữ lại được chất giọng thơ của Jack, và hầu như toàn bộ phần cuối của cuốn sách được dành hết cho một bài thơ dài, quá phức tạp, khó hiểu và chứa đựng những gì cô phỏng đoán là ở quá nhiều cấp độ ngữ nghĩa đến nỗi cô phải đọc nó đến ba lần. Phải đến gần 5 giờ cô mới có thể gọi cho anh ở toà báo và cô nói cuốn sách thật tuyệt.

“Thế có Chúa chứ?” Cô có thể hoàn toàn cảm nhận được niềm hân hoan trên khuôn mặt anh. “Em sẽ không trêu đùa anh chứ, Emily? Bài thơ nào em thích nhất?”

“Ôi, em thích tất cả những bài thơ của anh, Jack. Thật đấy. Để em nghĩ nào. Em thích bài có tên “Một buổi lễ kỷ niệm”, nó gần như làm em khóc.”

“Ôi,” anh nói như thất vọng. “Thật ra, đó là một bài thơ trữ tình hơi công thức, thân mật, nhưng nó không có nghĩa nhiều lắm. Thế còn bài thơ về chiến tranh thì thế nào, bài thơ có tiêu đề ‘Lựu đạn ném tay’?”

“À, vâng, cả bài đó nữa. Nó có một sự sâu cay dễ chịu.”

“Sâu cay từ đất. Đó chính là những gì mà bài thơ đó cần đạt được. Thế còn bài thơ dài thì sao?”

“Em đang chuẩn bị nói đến bài thơ đó. Nó thật tuyệt, Jack. Nó rất, rất, rất cảm động. Nhanh lên, về nhà đi anh.”

Vào đầu mùa hè anh được mời dạy trong hai năm cho Trại viết văn ở trường Đại học Iowa của bang.

“Em có biết điều này không, em yêu?” anh nói khi họ cùng đọc bức thư. “Có thể là một sai lầm khi gạt bỏ lời đề nghị.”

“Em nghĩ rằng anh căm ghét dạy học.”

“Thật ra, với trường Iowa thì khác. Cách mà anh hiểu, “trại” sáng tác này hoàn toàn tách biệt với khoa tiếng Anh. Đó là một chương trình cao học, một loại trường chuyên nghiệp. Sinh viên được lựa chọn cẩn

thận - họ không hẳn là những sinh viên, họ là những cây viết trẻ - và chỉ có “giảng dạy” là việc anh phải làm, bốn hay năm giờ một tuần gì đó. Vì ý tưởng này, xem nào, các giảng viên được yêu cầu tự làm việc của họ khi ở đó, vì thế họ sẽ cho mình nhiều thời gian. Và ý anh, vì Chúa, nếu anh không thể làm gì với cuốn sách này trong vòng hai năm thì thật sự với anh sẽ là một vấn đề.”

“Ngoài ra,” anh nói tiếp, ngượng ngịu lấy tay xoa cằm, và cô có thể nói rằng sự suy xét tiếp theo sẽ là lý lẽ đánh thép của sự tranh luận. “Ngoài ra, - ôi, anh biết điều này nghe như ngớ ngẩn, nhưng nó là một niềm vinh hạnh khi anh được mời ra đó. Điều đó không có nghĩa là ai đó không nghĩ rằng cuốn sách cuối cùng của anh đã bị chìm mãi mãi.”

“Được thôi, Jack, nhưng niềm vinh hạnh vẫn còn đó cho dù anh có nhận lời hay không. Vì thế hãy nghĩ về điều đó: liệu anh có thật sự muốn đến Iowa?”

Họ đều đang đứng rồi đi lại trên sàn nhà căn hộ anh ở, vì họ đã làm như vậy kể từ khi họ mở bức thư. Anh đi qua những cái bàn trống rỗng để đi về phía cô, vòng tay quanh cô và cúi xuống giấu mặt mình vào mái tóc cô. “Anh thật sự muốn đi,” anh nói, “nhưng anh chỉ đi với một điều kiện.”

“Điều kiện gì ạ?”

“Nếu em đi cùng anh,” anh nói khàn khàn, “ở cùng với anh, và là bạn gái của anh.” Trong tháng tám, cả hai bọn họ đều xin nghỉ việc ở Nhà quan sát Linh vực Thực phẩm, và với ngày nghỉ cuối tuần cuối cùng trước khi họ đi Iowa, cô đưa anh đến St.Charles.

“... Ôi, chị thích anh ta,” Sarah nói khi cô và Emily ngồi một mình trong căn phòng bếp đầy tia nắng. “Chị thật sự rất thích anh ta - và Tony cũng như vậy, chị có thể nói như vậy.” Cô dừng lại để liếm miếng pa-tê gan vương trên ngón tay mình. “Em có biết chị nghĩ em nên làm gì không?”

“Làm gì cơ?”

“Cưới anh ta.”

“Ý chị là gì, ‘cưới’ anh ấy? Chị lúc nào cũng bảo em ‘cưới’ chồng, Sarah. Chị đã nói điều đó với tất cả những người đàn ông em đưa đến đây. Liệu lấy chồng có phải là câu trả lời cho mọi vấn đề không?” Sarah trông tổn thương. “Đó là câu trả lời cho một loạt các vấn đề tồi tệ.”

Và Emily gần như định nói “Làm sao mà chị biết được” nhưng cô đã kiềm chế đúng lúc. Thay vào đó, cô nói “Thật ra, để bọn em xem đã,” và họ mang những cái đĩa đựng món đồ nguội luộm thuộm ra phòng khách.

“Thật ra việc tôi tham gia là một công việc khá ảm đạm,” Jack nói, “lê bước quanh Guam với chiếc radio trên vai nhưng tôi nhớ rằng những cái đó dùng để đánh bóng những chiến binh hải quân Magnum. Tôi thường tự hỏi sẽ có những gì trên đó, một trong số đó, được trang bị máy móc xung quanh.”

“Anh nên xem những máy bay mà chúng tôi đang chế tạo ra,” Tony nói. “Những chiếc máy bay chiến đấu phản lực. Cột mình vào một trong những công việc như vậy và Cất cánh!” Anh làm ra một kiểu chào, để lòng bàn tay thẳng cắt ngang đưa xéo qua thái dương để diễn tả sự cất cánh.

“Vâng,” Jack nói. “Vâng, tôi có thể hiểu.” Khi bọn trẻ chạy vào, bị hụt hơi, Emily cố không quá phun trào tình cảm để thốt lên chúng đã lớn nhanh quá kể từ lần đến chơi trước của cô, nhưng sự phát triển thật là kỳ diệu. Tony Junior bây giờ đã mười bốn và lớn so với tuổi của mình, hoàn toàn lực lưỡng như cha cậu. Cu cậu trông thật ưa nhìn, nhưng có một cái gì đó trống rỗng trong nụ cười của cu cậu, như kiểu thừa nhận ít nhất khả năng cậu lớn lên là một sự ngu xuẩn dễ thương; và Eric, đứa bé nhất, đã lớn với vẻ ý tứ ủ rũ hơn là ngượng ngập. Chỉ có Peter, đứa ở giữa, đứa mà Pookie luôn nói là đứa cháu cưng, đã thu hút sự chú ý của cô. Nó gầy và căng thẳng như một chú chó đua vậy; nó có đôi mắt màu nâu to của mẹ, trông nó thông minh kể cả trong những lúc nhai kẹo cao su.

“Di Emmy!” Cu cậu nói trong lúc nhai kẹo. “Di có nhớ những Tổng thống mà di cho con lúc con lên mười không?”

“Quà á? Quà gì cơ?”

“Không, những Tổng thống.”

Và cuối cùng cô đã nhớ. Mỗi mùa Giáng sinh cô dành hàng nhiều giờ mua đồ cho bọn trẻ; cô qua lại một cách bất đắc dĩ những quầy hàng với cái bàn chân đau của mình, hít thở không khí hỗn tạp và cãi nhau với những nhân viên chạy việc đã kiệt sức, và một năm cô quyết định với món đồ chơi mà cô chỉ có thể hy vọng sẽ là một món quà thích hợp với Peter: một hộp bìa cứng phẳng chứa những tượng bằng nhựa màu trắng của mỗi đời Tổng thống Mỹ dưới thời Eisenhower, “ôi, những ông Tổng thống,” cô nói.

“Đúng rồi. Dù sao thì con thực sự thích đồ chơi đó.”

“Ồ, thế à,” Sarah nói. “Em có biết là cu cậu làm gì không? Cu cậu sửa soạn một nơi thật rộng, giống như công viên, ở trong sân, với bãi cỏ và những lùm cây nhỏ và một con sông chảy qua, và cầu qua sông, và cu cậu đặt tất cả những ông Tổng thống ở những nơi khác nhau, cùng với mỗi một cái bệ có kích thước khác nhau. Cu cậu cho Lincoln cái bệ cao nhất vì ông là người vĩ đại nhất, và đặt những cái bệ dành cho Franklin Pierce và Millard Fillmore rất thấp - ôi, và cu cậu cho William Howard Taft một cái bệ rất rộng vì ông ta là người béo nhất, và cu cậu...”

“Được rồi, mẹ”, Peter nói.

“Không, nhưng thực sự,” cô tiếp tục nói. “Giá mà em có thể xem chúng. Và em có biết cu cậu làm gì với Truman? Trước tiên cu cậu không thể quyết định làm gì với Truman, và rồi cu cậu...”

“Anh nghĩ em gần như nói át con rồi,” Tony nói với một cái nháy mắt chỉ kịp nhận thấy với những người khách.

“Ôi,” cô nói. “Được thôi.” Và cô nhanh chóng uống một ngụm để giấu đi cái miệng của mình. Cái phong cách riêng đó không bao giờ thay đổi: mỗi khi Sarah ngượng, sau khi cô kể một câu chuyện phiếm và đợi mọi người cười, hay khi cô sợ rằng cô đã nói quá nhiều, cô sẽ tấn công cái miệng của mình như thể muốn che giấu đi sự khoả thân vậy - với Coca hay một kem que khi còn là một đứa trẻ, và hiện giờ là với rượu và thuốc lá. Có thể với những năm của những chiếc răng xiên và nhô ra, và rồi đến cái hàm đeo, đã làm cho miệng cô trở thành một phần đời dễ bị tổn thương nhất.

Vào cuối buổi chiều, các cu cậu bắt đầu đánh vật với nhau trên sàn cho đến khi chúng va vào cái bàn nhỏ, và cha chúng nói ‘Thôi nào, các con. Chỉnh tề nào.’ Đó chính là nghi thức, lời nhắc nhở vụn vặt; rõ ràng đó là điều mà anh đã học được ở Hải quân.

“Không có gì cho chúng chơi ở đây cả, Tony,” Sarah nói.

“Cho chúng ra ngoài chơi vậy.”

“Không,” cô nói, “em có ý hay hơn.” Và cô quay sang Emily. “Có cái này em phải biết. Peter! Đi lên gác đi con.”

Eric vòng tay quanh ngực để chỉ rằng cậu ta không cần để ý là bị gạt ra ngoài, và những cậu bé lớn tuổi hơn leo lên phòng và quay trở lại với hai cây ghita rẻ tiền.

Khi chúng chắc rằng khán giả của chúng đã sẵn sàng, chúng đứng ở giữa sàn, lấp đầy ngôi nhà với những âm thanh, và với sự hiện thân của “Anh em nhà Everly”: Xin tạm biệt, tình yêu Xin tạm biệt, hạnh phúc...

Tony Junior chỉ đánh một vài dây đơn giản và hát; Peter chơi tất cả những nốt nhạc khó, và dường như cậu ta đặt cả trái tim mình vào bài hát.

“Chúng thật là những đứa trẻ tuyệt vời, Sarah,” Emily nói khi chúng đã đi ra ngoài. “Đặc biệt là Peter có một cái gì đó.”

“Chị đã nói với em là Peter muốn trở thành người như thế nào khi nó trưởng thành chưa nhỉ?”

“Gi cơ... Tổng thống á?”

“Không,” Sarah nói, như thể đó là một trong những sự lựa chọn có thể làm được. “Không, em thử đoán xem nào. Nó muốn trở thành một linh mục nhà thờ Tân giáo. Chị đưa chúng đến buổi Lễ Phục sinh ở một nhà thờ nhỏ trong thị trấn cách đây vài năm, và Peter không bao giờ không nói về nhà thờ. Hiện cu cậu yêu cầu chị đưa cậu ta đến nhà thờ vào chủ nhật hàng tuần, hoặc nếu không cu cậu sẽ đi nhờ xe.”

“Ôi, thế à,” Emily nói, “Em nghĩ rằng đó là điều cu cậu có thể phát triển nhanh hơn.”

“Sẽ không như vậy nếu chị không hiểu Peter.”

Ở bàn ăn tối, hồ hởi vì buổi chiều đã diễn ra, Peter ngắt lời người lớn với quá nhiều những lời nhận xét ngắn gọn đến nỗi Tony phải nhắc nhở cậu trật tự đến hai lần. Lần thứ ba, khi cậu ta đặt chiếc khăn ăn lên đầu, Sarah giả bộ ra lệnh, “Peter,” cô nói. “Trật tự nào.” Cô liếc nhìn Tony thật nhanh để xem liệu cô nói có đúng không, rồi nhìn Emily liệu xem nó có lỗi bịch không, và rồi cô ấn vào miệng mình một cái cốc.

“Tôi biết chị đã được phát thanh,” Jack Flanders nói với Sarah vào lúc cuối buổi tối, khi người lớn chỉ còn lại một mình trong phòng khách.

“À, không còn như vậy nữa,” cô nói, trông thật hài lòng. “Tất cả những chuyện đó đã xong rồi.” Đầu những năm 50 cô làm việc như “xướng ngôn viên trên đài” ở chương trình các bà nội trợ vào mỗi sáng thứ bảy ở một đài địa phương ở hạt Suffolk - Emily được nghe kể về chuyện này một lần, và nghĩ rằng chị mình đã làm rất tốt - nhưng chương trình đã dừng lại sau mười tám tháng. “Đó chỉ là một đài nhỏ của địa phương,” Sarah giải thích, “nhưng chị rất thích - đặc biệt là viết kịch bản. Chị thích viết.”

Và thế là dẫn đến một chủ đề mà rõ ràng là cô muốn đưa nó ra để nói hàng giờ liền: cô đang viết một cuốn sách. Một trong những cụ kị của Geoffrey Wilson về phía mẹ của ông ta, một người New York có tên là George Fall, đã là một tình nguyện viên của miền Tây. Cùng với một nhóm khác người miền Đông ông đã giúp khai hoang và định cư phần của những gì mà hiện nay là Montana. Ít người biết về George Fall, nhưng ông đã viết nhiều thư về nhà trong những chuyến thám hiểm của ông, một trong những cháu trai của ông đã sao chép lại thành hình thức của một cuốn sách mỏng có bìa mềm, được in mật, một bản sao của cuốn sách này đã trở thành tài sản của Geoffrey Wilson.

“Đó là một sản phẩm thật quyến rũ,”

Sarah nói. “Dĩ nhiên, nó hơi khó đọc - nó được viết theo cách viết cổ, kỳ lạ, và phải sử dụng trí tưởng tượng để điền vào chỗ trống - nhưng tất cả tài liệu còn đó. Chị suy nghĩ là phải có ai đó làm gì với cuốn sách này; người đó có thể sẽ là chị.”

Ồi, công trình vẫn còn trong giai đoạn đầu, cô khẳng định, như thể để làm giảm thiểu sự ghen tị của họ; cô làm ra một đề cương phác thảo, kết thúc phần giới thiệu và viết nháp phần đầu của chương mở đầu, nhưng chương này vẫn cần phải làm thêm. Cô thậm chí chưa có tiêu đề cho chương này, mặc dầu cô đang nghĩ có thể đặt tên là Người Mỹ của George Fall, và cô phải mất nhiều công với việc nghiên cứu ở thư viện theo từng giai đoạn mà cô viết. Cuốn sách có thể sẽ mất nhiều thời gian, nhưng cô yêu thích công việc này - và đó là một cảm giác tuyệt vời, một cảm giác như lại đang được làm một việc gì đó.

“Mm,” Emily nói. “Em có thể tưởng tượng ra được rồi.”

“Có thể sẽ phải tốn một chút tiền vào đó,” Tony nói, cười mỉm. “Đó thật là một cảm giác tuyệt vời.”

Sarah trông ngượng ngịu, và rồi bất chợt trở nên táo bạo. “Mọi người có muốn nghe phần Giới thiệu không?” cô hỏi. “Không phải lúc nào tôi cũng có một cơ hội là có hai độc giả là hai nhà văn thực thụ. Anh à!” cô nói với chồng, “Sao anh không giúp em tiếp rượu cho mọi người, và rồi em sẽ đọc cho mọi người phần Giới thiệu.”

Với đôi giày được cởi ra và mắt cá chân quặp vào móng, cầm bản thảo run run trên tay và cho phép giọng mình lấp đầy âm sắc cho một giảng đường nhỏ bé, Sarah bắt đầu đọc to.

Phần Giới thiệu nói về những lá thư của George Fall đã được bảo quản như thế nào, và nói về phần cơ bản của cuốn sách ra sao. Ở phần mở đầu giới thiệu qua về những chuyến lưu hành của ông, điền ngày tháng và địa điểm, và thậm chí nghe thật là trôi chảy: Emily đã ngạc nhiên sao các câu viết lại được trôi chảy đến như thế; nhưng không những thế, kịch bản của chương trình trên đài của Sarah còn làm cho cô ngạc nhiên nữa.

Tony trông buồn ngủ trong lúc nghe đọc - chắc hẳn anh đã được nghe từ trước rồi - và nụ cười nhìn xuống độ lượng của anh, khi anh nhìn chăm chăm vào cái ly của mình, dường như muốn nói rằng cái công việc này đã mang lại niềm vui cho người phụ nữ bé nhỏ này, tốt bụng và giỏi giang. Sarah đã đến phần kết: “George Fall với nhiều phương diện là một người đàn ông cao quý, nhưng ông không phải là duy nhất. Cùng thời với ông còn có những người khác nữa giống như ông - những người quan tâm, những người từ bỏ sự an nhàn và

an toàn để đương đầu với một sự hoang vu, tiêu điều, để đối diện với những điều kỳ lạ dường như là tuyệt vọng, để chiến thắng một lục địa. Ở chính cảm giác thật này, cuốn sách của George Fall là câu chuyện của người Mỹ.”

Cô đặt bản thảo xuống, lại trông thật ngượng nghịu, uống một ngụm urytki và nước thật lâu.

“Thật là tuyệt vời, Sarah,” Emily nói. “Thật sự tuyệt vời.” Và Jack nói một vài từ lịch sự để chứng tỏ anh hoàn toàn đồng ý. “Thật ra, có thể cần phải chỉnh sửa,” Sarah nói, “nhưng đó chỉ là những ý chính.”

“... Chị em thật ngọt ngào,” Jack Flanders nói khi anh và Emily trên tàu về nhà. “Và thật sự là cô ấy viết tốt; chẳng phải anh vừa nói vậy sao?”

“Chẳng phải em cũng vừa nói như vậy sao. Em biết là chị ấy viết tốt. Dẫu sao, em không thể dừng được suy nghĩ là sao chị ấy lại buồn chán và mềm yếu đến như vậy. Chị ấy vẫn luôn là người có hình ảnh đẹp nhất mà em đã từng biết.”

“À, thật ra điều đó xảy ra với tất cả những phụ nữ đang phát triển,” anh nói. “Vì vậy anh thích chữ M mượt mà. Không, nhưng anh hiểu những gì em nói về anh rể em; anh ta thuộc loại cục mịch.”

“Em luôn có cảm giác đau đầu kinh khủng khi em ra khỏi đó,” Emily nói. “Em không biết tại sao, nhưng cảm giác đó không bao giờ sai. Anh có thể bóp gáy cho em một lát được không?”

6. Chương 6

Thành phố Iowa là một thành phố thú vị, được xây dựng dưới bóng trường đại học dọc theo bờ sông. Một vài khu nhà ở rực rỡ ánh mặt trời, với cây được trồng theo hàng, thẳng, những con phố nhắc Emily nhớ lại những bức tranh minh họa của tờ Bưu điện tối thứ Bảy - liệu đây có phải là những gì mà người Mỹ trông thật sự như vậy? - và cô muốn sống trong một trong những ngôi nhà màu trắng cổ xưa rộng rãi của họ; nhưng rồi họ phát hiện ra một boongalô bằng đá trông thật kỳ lạ trên một con đường bụi bặm ở ngoại thành, cách thành phố bốn dặm. Nó đã được xây dựng như một xưởng làm việc của các nghệ sĩ, người phụ nữ buôn bán đồ sơn mài; điều đó giải thích nguyên nhân vì sao phòng khách được để ở bên ngoài và cửa sổ được thiết kế cao. “Nó thật không thích hợp cho những người có con,” bà ta nói, “nhưng nếu chỉ dành cho hai anh chị thì ngôi nhà này là một điều thú vị.”

Họ mua một chiếc xe ô tô rẻ tiền và dành nhiều tối để khám phá vùng ngoại ô, nơi hoá ra ít buồn tẻ hơn họ tưởng. “Em nghĩ đó là những cánh đồng ngô và thảo nguyên,” Emily nói, “Anh có nghĩ vậy không? Và ở đây toàn là đồi và rừng - à, và chẳng phải nó có mùi thật tuyệt diệu hay sao?”

“Ừ, đúng thế.”

Và thật là thú vị khi về với ngôi nhà bé nhỏ.

Chẳng bao lâu có một buổi họp nhân viên khiến Jack quay trở lại trạng thái hân hoan. “Em à, anh không có ý cáo biệt tính khiêm nhường trẻ con đã thành thói quen của anh,” anh nói, đi tới đi lui trên sàn với ly rượu trong tay, “nhưng anh chợt trở thành nhà thơ sáng giá nhất mà họ có ở đây. Có thể là người duy nhất. Chúa ơi, em cần phải gặp những chú hề này - em cần phải đọc được họ.”

Cô không đọc họ, nhưng cô gặp họ, ở mọi buổi tiệc khó hiểu, gàn gàn.

“Em thích người đàn ông già hơn,” cô nói với Jack khi họ lái xe về nhà một tối. “Tên ông ta là gì nhỉ? Hugh Jarvis?”

“À, Jarvis thì cũng ổn, anh nghĩ thế. Anh ta viết một vài tác phẩm cách đây hai mươi năm, nhưng bây giờ anh ta đã thôi không viết nữa. Em nghĩ gì về chàng trai Krueger bé nhỏ?”

“Trông cậu ta có vẻ ngượng nghịu. Em thích vợ cậu ta, dẫu sao, cô bé - thật thú vị. Cô bé là người em thích được giao thiệp.”

“Mm,” anh nói. “Thật ra, nếu điều đó chỉ có nghĩa là đưa vợ chồng Krueger đi ăn tối, hay một cái gì tương tự như vậy thì em nên quên chuyện đó đi. Anh không muốn cái thứ đom đóm vờ vẩn đó trong nhà mình.”

Và thế là không có một ai trong nhà của họ ngoại trừ họ ra. Họ bị tách biệt. Jack đặt cái bàn làm việc ở trong góc phòng chính và anh ngồi đó hầu như cả ngày, uốn cong người cùng chiếc bút chì.

“Anh nên sử dụng cái phòng nhỏ làm việc,” cô nói. “Chẳng phải như vậy sẽ tốt hơn sao?”

“Không. Anh thích có thể nhìn lên và thấy em. Đi vào đi ra trong bếp, kéo cái máy hút bụi, hoặc bất kỳ việc gì em làm. Điều đó làm cho anh biết là em thật sự đang ở đây.”

Một buổi sáng, khi công việc dọn nhà đã xong, cô mang ra một chiếc máy chữ xách tay và đặt nó càng xa càng tốt căn phòng của anh.

MỘT NGƯỜI NEW YORK PHÁT HIỆN RA MIỀN TRUNG TÂY

Ngoại trừ khu vực của New Jersey, và có thể là cả Pennsylvania, tôi luôn hình dung mọi vật đều giữa dòng sông Hudson và Rokies (những tảng đá) như một miền đất bị bỏ hoang.

“Em viết thư à?” Jack hỏi.

“Không, một việc khác ạ. Chỉ là những suy nghĩ xuất hiện trong em. Liệu máy chữ có làm phiền anh không?”

“Đương nhiên là không mà.”

Ý tưởng đã sôi sục trong cô nhiều ngày, hoàn thành với cái tiêu đề đó và lời dẫn đầu; bây giờ cô có thể ổn định làm việc. Vâng, đương nhiên, những ốc đảo không đầy đủ và thô cứng về phía bắc của Chicago, có những chốn bị biệt lập như Madison, Wisconsin, được nổi bật với những sự mô phỏng duyên dáng xinh đẹp của văn hoá phương Tây, ngoại trừ phần chủ yếu không có gì được nhìn thấy ở đó ngoài những cánh đồng bao la của ngô và lúa mì và sự kém hiểu biết đến nghệt thở. Những thành phố hối hả với những con người như Goerge F. Babbitt; những thị trấn bé nhỏ không thể đếm hết bị ám ảnh bởi những gì mà F. Scott Fitzgerald đã nói “sự điều tra vô tận của họ chỉ miễn cho trẻ nhỏ và người già.”

Liệu chẳng có sự hoài nghi rằng tất cả những nhà văn nổi tiếng được sinh ra ở Trung Tây đều phải bỏ chạy ngay khi có thể? Ôi, cuối cùng họ có thể tự cho phép mình trong những khúc ngâm thơ khoa trương buồn về cuộc sống, nhưng đó chỉ là sự hoài cổ; bạn sẽ không bao giờ nghe thấy tiếng của họ quay trở lại đó để sống. Như một người miền Tây, sinh ra ở chính New York, tôi thật sự vui mừng chỉ cho những người khách miền Trung Tây hoang mang, tản mạn qua phần đời của tôi. Đây, tôi sẽ giải thích; đây là con đường mà chúng tôi...

“Đây có phải là bí mật to lớn của em không?” Jack hỏi với qua phòng. “Liệu em có thể kể với anh về điều đó không?”

“Ôi, nó chỉ là... em không biết chính xác đó là gì nữa. Nó có thể trở thành một mẫu tạp văn hay gì đó.”

“Ôi!”

“Em không biết. Em chỉ làm việc linh tinh mà”

“Tốt,” anh nói. “Đó cũng là điều anh đang làm”

Vào những ngày thứ Hai và thứ Năm anh biến mất trong trại sáng tác, và khi anh quay về anh luôn dễ cáu - hoặc là chán nản hoặc là hồ hởi, phụ thuộc vào lớp học ngày hôm đó như thế nào.

“À, những đứa trẻ này,” một lần anh cầu nhàu, trong lúc rót cho mình một ly rượu, “những đứa trẻ này... Dành cho chữ M một nửa cơ hội và chúng sẽ nuốt sống mình.”

Anh cũng uống quá nhiều vào những ngày đẹp, nhưng anh thoải mái hơn khi có người đi cùng: “Này, công việc này là một cơn gió nhẹ, em à, nếu không cố gắng quá nhiều. Đến đó và nói chuyện về những gì mình biết, và họ nuốt lấy từng lời như thể họ chưa bao giờ nghe thấy vậy.”

“Có thể họ chưa bao giờ nghe thấy trước đó,” cô nói. “Em tưởng tượng anh là một người thầy rất giỏi. Anh đã dạy em rất nhiều.”

“Thật á?” Trông anh ngượng ngịu và rất hài lòng. “Về thơ á? Ý em là?”

“Về tất cả mọi thứ. Về thế giới, về cuộc sống.”

Và đêm đó họ chỉ kịp đợi ăn cho xong một bữa tối mát mẻ trước khi họ rơi vào giường.

“Ôi, Emily,” anh nói, vuốt ve và mơn trớn cô. “Em à, em có biết em là gì không? Anh muốn nói mãi “Em thật tuyệt” và “Em hoàn hảo” và “Em thật khác thường,” nhưng không một từ nào trong số đó là đúng. Em có biết em là gì không? Em là phép kỳ diệu. Em là phép kỳ diệu.”

Anh nói cô là phép kỳ diệu rất nhiều lần, nhiều đêm, và cuối cùng cô nói “Jack, giá anh đừng nói như vậy nữa nhỉ.”

“Sao thế?”

“Chỉ vì. Em đang bắt đầu già rồi.”

“Già á? Hừ! Được thôi” Và anh dường như bị tổn thương.

Nhưng cô chưa bao giờ nhận thấy anh hạnh phúc hơn như thế khi anh về nhà muộn ba tiếng một ngày lên lớp, một tuần hay hơn gì đó. “Xin lỗi, em yêu.” anh nói. “Anh phải đi uống với một vài đứa trẻ sau khi tan lớp. Em đã ăn chưa?”

“Chưa ạ, đồ ăn vẫn để trong lò hấp.”

“Khỉ thật. Đáng nhẽ anh đã phải gọi điện cho em, nhưng chỉ vì anh không nhìn giờ.”

“Không sao đâu anh.”

Khi họ ăn món sườn lợn đã bị khô đi, làm cho anh phải nuốt cùng ực tử và nước, anh không thể dừng nói. “Điều tệ nhất là: Có một học sinh tên là Jim Maxwell - anh đã nói với em về cậu ta chưa?”

“Em không nghĩ thế.”

“Một gã to béo, vạm vỡ, đến từ một nơi hoang vắng ở miền Nam Texas, đi ủng cao bồi và những đồ tương tự như vậy. Hắn ta luôn làm anh kinh hoàng trong lớp vì hắn quá hung bạo - và cũng rất thông minh. Cũng là một nhà thơ giỏi, ngớ ngẩn nữa, chẳng bao lâu nữa hắn sẽ như vậy. Dù sao, tối nay hắn ta đã đợi đến lúc tất cả những học sinh khác rời quán bar, chỉ còn lại hai bọn anh, hắn lé mắt nhìn anh và nói hắn ta có một vài điều muốn chia sẻ với anh. Rồi hắn ta nói - khỉ thật, em à, thật là thái quá - hắn ta nói khi hắn đọc quyển thơ thứ nhất của anh, nó đã làm thay đổi cuộc đời hắn. Chẳng phải đó là một điều khỉ thật hay sao?”

“Thế à,” cô nói. “Đó là một lời khen vĩ đại.”

“Không, nhưng ý anh là anh không thể dừng được. Em có thể tưởng tượng anh có thể viết được những điều có thể làm thay đổi cuộc sống của một người hoàn toàn lạ mặt ở Nam Texas không?” Và anh xiên một miếng sườn lợn vào miệng và nhai chúng hết sức, nhắm nháp niềm vui. Đến tháng mười một anh phải công nhận, hay đúng hơn là khẳng khẳng, rằng công việc của anh không trôi chảy tí nào. Anh phải đứng lên ra khỏi bàn nhiều lần trong ngày để đi lại trên sàn, búng mẩu thuốc còn lại vào lò sưởi (lớp tàn thuốc ở lò sưởi trở nên tắc nghẽn với mẩu thuốc lá mà chỉ có làm bùng cháy một khúc gỗ mới có thể đốt được chúng), và nói những điều như “Ai là người đã nói với tôi là tôi có thể là một nhà thơ giỏi, dù thế nào đi nữa?”

“Em có thể đọc một vài dòng những gì anh đang viết không?” Một lần cô hỏi. “Không. Em sẽ chỉ làm mất đi chút ngưỡng mộ nhỏ nhoi còn lại của em dành cho anh. Em có biết nó giống như thế nào không? Nó giống như một mẩu thơ tâm thường tồi tệ. Thậm chí không phải là một mẩu thơ tâm thường nữa. Anh chắc sẽ là một người sáng tác bài hát ở thế mười chín mất thôi, chỉ có anh mới có thể thất bại, thậm chí ngay cả với việc đó. Nó sẽ mất hai mươi bảy năm của anh để làm nên một Irving Berlin.” Anh đứng đó đờ đẫn và nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ lớn chỗ bãi cỏ đã héo úa và hàng cây trần trụi. “Một lần anh đã đọc một bài phỏng vấn I g Berlin,” anh nói. “Tên nhà báo hỏi ông nỗi sợ lớn nhất của ông là gì, và ông nói “Một ngày nào đó tôi sẽ gặp điều đó, và điều đó sẽ không hiện diện ở đó.” Thật ra, đó là anh, em à. Anh biết anh đã có nỗi sợ đó - anh có thể cảm nhận nỗi sợ đó, giống như kiểu em cảm thấy máu trong người mình vậy - và hiện giờ anh đang gặp nó, đang gặp nó và nó vẫn không hiện diện ở đó.”

Rồi mùa đông Trung Tây trắng dài đã đến. Jack quay về New York để thăm con nhân dịp Giáng sinh, và cô có ngôi nhà cho riêng mình. Đầu tiên nó thật trống vắng, cho đến khi cô nhận ra cô thích được một mình hơn. Cô cố gắng làm việc với bài tản bút của mình, nhưng những đoạn văn căng thẳng, đóng cục lại với nhau dường như chẳng đi đến đâu; rồi vào ngày thứ ba cô nhận được một lá thư Giáng sinh sôi nổi từ chị cô. Cô đã quan tâm riêng đến Jack Flanders quá lâu đến nỗi thật là kỳ lạ khi ngồi xuống một cách thích thú với lá thư này và nhớ ra mình là ai.

... Tất cả mọi việc đều tốt ở Great Hedges, và tất cả đều gửi đến em những lời yêu thương. Tony ngày càng làm việc ngoài giờ nhiều, vì thế mẹ con chị ít gặp anh ấy. Mấy cậu bé đang trưởng thành...

Chữ viết tay của Sarah vẫn là những chữ viết gọn gàng, thời con gái mà cô đã tự luyện khi còn ở hồi trung học. (“Thật ra, đó là những dòng chữ viết tay ngọt ngào, con à,” Pookie nói với cô, “nhưng nó hơi thiếu tự tin. Nhưng không sao, dấu sao; nó sẽ phát triển cứng cỏi hơn khi con nhiều tuổi hơn.”) Emily đọc lướt qua những phần vụn vặt của lá thư cho đến khi cô đọc đến phần cốt lõi:

Như em đã biết, Pookie đã mất việc làm - công ty bất động sản bị phá sản - và lẽ đương nhiên là chúng ta phải quan tâm đến mẹ. Nhưng Geoffrey đã đưa ra một ý kiến rất rộng lượng. Ông ấy thu xếp một căn hộ ở phía chỗ gara thành một ngôi nhà nhỏ cho mẹ, nơi mẹ có thể sống mà không cần phải trả tiền thuê nhà. Mẹ có đủ tư cách để hưởng bảo hiểm xã hội. Tony cảm thấy hơi kỳ cục khi có mẹ ở đây, và chị đồng ý - không phải vì chị không yêu mẹ, nhưng em biết những gì chị nói - nhưng chắc chắn rằng chúng ta sẽ có thể giải quyết được.

Bây giờ là dành cho những tin nóng hổi: bọn chị sẽ được thừa hưởng ngôi nhà chính! George và Edna sẽ quay trở lại New York vào mùa xuân - bà ấy không được khoẻ và ông ấy mệt mỏi với việc đi lại dài như vậy và muốn về gần văn phòng của ông ta hơn. Khi họ chuyển đi, bọn chị sẽ chuyển vào, và cho thuê túp lều cho những ai có thu nhập rất thấp. Em có thể hình dung ra không, chị phải chăm sóc một nơi rộng đến như thế?

Chị đã xếp xó George Fall vì hoá ra chị không thể phát triển nó quá xa nếu như chị không làm nghiên cứu ở Montana. Em có thể hình dung chị đã từng đến Montana không? Chị vẫn đang viết, mặc dầu vậy, đặt kế hoạch cho một sê-ri các bản thảo chuyện hài hước về cuộc sống gia đình - thể loại mà Cornelia Otis làm rất tốt. Chị vô cùng ngưỡng mộ công việc của bà ta. Còn nhiều hơn như thế - Sarah luôn kết thúc thư với những lời tốt đẹp, thậm chí nếu như cô phải bắt mình làm như vậy - nhưng nỗi buồn chính của mẫu tin từ St.Charles đã quá rõ.

Khi Jack về nhà anh được lấp đầy với mục đích tối cao. Anh thông báo, không một kẻ ngớ ngẩn nào lãng vãng xung quanh. Không uống quá nhiều mỗi tối. Trên tất cả, không để cho công việc của sinh viên choán hết thời gian của anh.

Liệu cô có nhận ra anh đã để cho mọi việc trượt đến điểm công việc của anh đã làm với những bản thảo của sinh viên đã choán như hầu hết các ngày không? Điều vô lý ở đây là gì vậy?

“... Bởi vì đây là vấn đề, Emily: anh đã suy nghĩ rất nhiều trong chuyến đi. Liệu anh có tốt khi đi vắng và đưa mọi chuyện vào viễn cảnh, vấn đề là, anh nghĩ, anh thật sự có một cuốn sách. Và điều duy nhất đang đứng ngáng trên đường để có thể hoàn thành công việc vào mùa hè là - điều duy nhất - là một nửa trong anh là con lừa. Nếu anh cẩn thận, và may mắn - phải may mắn cũng như cẩn thận - anh có thể cứu vãn được tình thế.”

“Thế à,” cô nói. “Thật là tuyệt diệu, Jack.” Mùa đông dường như cứ kéo dài mãi. Lò sưởi bị vỡ hai lần - họ phải ngồi sát vào với nhau cạnh lò sưởi, cả ngày mặc áo len và áo choàng, với chăn quàng qua vai - và ô tô bị hỏng ba lần. Thậm chí khi cả hai làm việc theo thứ tự thì cũng vẫn có một khoảng khó chịu ảm đạm đối với những ngày như vậy. Đi vào thị trấn có nghĩa là phải đi tát dầy và ủng, quán khăn choàng quanh cằm và rừng mình cho đến khi bộ phận làm nóng trong ô tô thổi ra gió ấm, mùi xăng sực nức quanh mặt, rồi lái xe bốn dặm không thể tin được trong đá và tuyết, dưới một bầu trời dày đặc và trắng như chính tuyết vậy.

Một hôm khi Emily hoàn thành việc đi chợ - cô đã học được cách làm thế nào để không bị ngớ ngẩn khi đi chợ, làm thế nào để giải quyết việc đi chợ nhanh chóng, thành thạo để mang lại kết quả - cô ngồi một lúc lâu trong sự rục rịch chói của máy giặt hơi nước. Cô quan sát xà phòng xoay tít và quần áo được ngâm qua ô cửa của máy giặt; rồi cô ngắm những khách hàng khác, cố gắng hình dung ai là sinh viên, ai là cán bộ giảng

dạy và ai đến từ thị trấn. Cô mua một thanh sô-cô-la và ăn nó ngon một cách đáng ngạc nhiên - như thể, nếu không có sự nhận biết của cô, ngồi đó và ăn sô-cô-la là điều duy nhất cô muốn làm cả ngày. Chờ đợi cho việc sấy khô xong quần áo, cô bắt đầu cảm thấy mơ hồ một nỗi kinh hoàng, nhưng nó không rõ ràng cho đến khi cô ngồi bên cạnh cái bàn gấp điểm một vài vết đốm, ám áp thì cô nhận ra: cô không muốn về nhà. Và đó không phải vì lái xe qua tuyết và đã làm cho cô chết khiếp, đó là vì về nhà với Jack.

“A, cái thằng Krueger chết tiệt,” anh nói khi đóng sầm cánh cửa lúc vào nhà một tối tháng Hai. “Anh muốn đá vào hai cái hõn của hắn, nếu hắn có.”

“Bill Krueger, ý anh là?”

“Đúng rồi, ‘Bill’, cái thằng nhỏ thó chó đẻ với má lúm đồng tiền và cái con vợ duyên dáng và ba cô con gái xinh phát ghét.” Và đó là tất cả những gì anh nói cho đến khi anh rót cho mình một ly rượu và uống hết một nửa chỗ đó. Rồi, với một nắm đầm tựa vào thái dương và bàn tay anh kéo dài ra lông mày, như thể anh lo sợ làm cho cô nhìn thấy mắt anh, anh nói. “Vấn đề là ở chỗ, em à. Cố gắng hiểu nhé. Anh là những gì mà bọn trẻ ở đây gọi anh là ‘truyền thống.’ Anh thích Keats và Yeats và Hopkins và - khỉ thật, em biết những gì anh thích mà. Và những gì của Krueger được gọi là ‘thí nghiệm’ - hắn ta đã thử đi tất cả. Tính từ phê phán ưa thích của hắn ta là ‘táo bạo.’ Một vài bọn trẻ vợ được hõn đá để ở trong nôi và viết nguệch ngoạc ra điều đầu tiên thẩm thấu vào đầu của hắn, và Krueger sẽ nói ‘Mm, đó là một dòng táo bạo.’ Sinh viên của hắn tất cả đều giống nhau, là những đứa trẻ thò lò mũi xanh nhất, ít trách nhiệm nhất trong thị trấn. Chúng nghĩ rằng con đường để là một nhà thơ là mặc những bộ quần áo kỳ dị và viết lách sang một bên giấy. Krueger đã xuất bản ba cuốn sách, một cuốn nữa sẽ ra trong năm nay, và hắn ta luôn được quảng cáo trên mọi tạp chí. Thậm chí sẽ không thể mua một tờ báo mà không có quảng cáo của Willima Krueger chết tiệt, và em à, đây là con ngựa non hấu đá - đây là điểm nút: gã nịnh hót nhỏ thó đó trẻ hơn anh chín tuổi.”

“Ôi, thế ạ. Nhưng thế thì sao? Đã có chuyện gì xảy ra hả anh?”

“Đúng là vớ vẩn. Chiều nay là cái mà họ gọi là ngày Lễ Tình yêu. Có nghĩa là họ phân phát ‘phiếu lựa chọn’ và tất cả bọn trẻ đều viết xuống tên giảng viên mà chúng muốn học ở kỳ tới; rồi các giảng viên ngồi lại với nhau và phân loại. Em không cần phải quan tâm đến việc này, đương nhiên rồi, và mọi người làm việc này rất thờ ơ, nhưng Chúa ơi, em cần phải nhìn thấy những bộ mặt đỏ ửng và những bàn tay run run. Dù sao, anh cũng đã tuột mất bốn sinh viên sang tay Krueger. Bốn sinh viên. Và một trong những sinh viên đó là Harvey Klein.”

“Ôi.” Cô không biết Harvey Klein là ai - Có những tối cô không thật sự lắng nghe - nhưng đây đơn thuần là lúc cần được an ủi. “Jack à, em có thể rõ ràng nhận thấy điều đó đã làm anh cảm thấy phiền lòng như thế nào, nhưng vấn đề là không cần thiết phải như vậy. Nếu em là một sinh viên ở một lớp học như vậy, em sẽ muốn làm việc với càng nhiều những giảng viên khác nhau càng tốt. Chẳng phải điều đó là hợp lý hay sao?”

“Không hẳn.”

“Và ngoài ra, anh không đến đây để lãng phí sức lực chỉ để căm thù Krueger - hay thậm chí để dạy dỗ Harvey Klein. Anh đến đây để hoàn thành công việc của mình.” Anh bỏ tay khỏi trán mình, cuộn lại thành nắm đấm và đấm vào bàn, điều đó làm cho cô nhảy lên. “Đúng,” anh nói. “Emily, em hoàn toàn đúng về việc này. Cuốn sách ngớ ngẩn là tất cả những gì phải quan tâm đối với anh, hàng ngày. Thậm chí, vào chính giây phút này, nếu anh có một nửa giờ trước bữa tối anh cần phải ngồi ở đằng kia, bên cạnh bàn làm việc, thay vì kêu than với em những điều tầm thường, đồ kị như thế này. Em đã đúng, em à; em đúng. Anh muốn cảm ơn em đã lưu ý anh về việc này.”

Nhưng anh đã dành thời gian còn lại của buổi tối trong sự trầm uất chết lặng không thể phá vỡ được. Hoặc có thể là chính đêm đó hoặc cũng có thể là chính một vài đêm sau đó, khi cô tỉnh dậy lúc ba giờ cô thấy anh đi ra khỏi giường. Rồi cô nghe thấy tiếng anh đi quanh bếp, thả những viên đá vào cốc. Không khí quanh phòng nồng nặc mùi khói thuốc, như thể anh đã ngồi đó hàng giờ liền hút thuốc.

“Jack à,” cô gọi.

“Anh đây. Xin lỗi đã làm em thức giấc.”

“Không sao mà. Quay vào đi ngủ đi anh.” Và anh đã quay vào, nhưng không vào giường. Anh ngồi thụp trong bộ áo choàng tắm trong bóng tối, uống, và một lúc lâu âm thanh duy nhất ở trong nhà là tiếng ho khan thì thoảng của anh.

“Em à, đây không phải là anh,” cuối cùng anh đã cất lời. “Đây không phải anh.”

“Ý anh là gì? Không phải anh? Hình như giống anh hoàn toàn đấy chứ.”

“Ý anh là anh ước mong với Chúa giá mà em biết anh khi anh còn đang viết cuốn thứ nhất, hay thậm chí cuốn thứ hai. Đó là anh. Anh mạnh mẽ hơn nhiều. Anh biết những gì ngớ ngẩn anh đang làm và anh đã làm, và mọi việc khác nữa diễn ra xung quanh việc này. Anh không luôn than vãn và cầu nhàu và la hét và nôn mửa. Anh không đi lang thang giống như một gã không da, không thịt, và lo lắng không biết liệu mọi người đang nghĩ gì về mình. Anh không...”, anh hạ thấp giọng để thể hiện vấn đề tiếp theo sẽ là điều cần nói nhất và ngớ ngẩn nhất... “Anh chưa phải bốn mươi ba tuổi.”

Mùa xuân đang đến làm cho mọi việc khá hơn một chút. Trong nhiều ngày có sự xuất hiện của bầu trời xanh thẫm và ẩm áp; tuyết tan dần trên những cánh đồng và thậm chí cả ở trong rừng nữa, và một buổi sáng trên đường đến trường, Jack háo hức quay về nhà để nói rằng anh đã tìm thấy một cây nghệ tây ở trong sân.

Họ bắt đầu đi thả bộ mỗi chiều, đi xuống con đường bụi bặm, đi qua bãi cỏ và dưới những cây to. Họ không nói chuyện nhiều - Jack luôn đi bộ, cúi gằm mặt xuống và tay đút túi, ngẫm nghĩ - nhưng thời gian đi ra ngoài của họ chẳng bao lâu trở thành mục đích tối cao trong ngày của Emily. Cô ngóng chờ việc đi ra ngoài hăm hở như Jack ngóng chờ việc được uống khi họ về nhà. Mỗi chiều cô chờ đợi với sự thiếu kiên nhẫn ngày càng tăng cho đến lúc cô có thể mặc áo jacket da lộn, đi đến bàn của anh và nói “Anh có muốn đi dạo không?”

“Đi dạo nào,” anh sẽ nói, ném chiếc bút chì xuống như thể vui mừng rũ bỏ được nó. “Lạy Chúa, đó là một ý kiến tuyệt vời.”

Và những lần đi dạo thậm chí còn hay hơn sau khi họ “thừa kế” một con chó từ vài người hàng xóm ở dưới phố, một nàng chó săn lai trắng-và-vàng nâu tên là Cindy. Nàng nhảy cẫng lên theo họ hoặc nhảy dựng lên quanh họ, thể hiện, hoặc chạy đua trên cánh đồng để đào bới cái gì đó.

“Xem này, Jack,” một lần Emily nói, trong lúc nắm lấy tay anh. “Cô nàng sẽ đi vào trong cái ống dưới phố - cô nàng muốn đi qua cái ống và ra bằng đầu bên kia.” Và khi cô nàng hiện ra mập mờ và run run ở đầu phía bên kia của cái ống, cô kêu lên “Tuyệt quá, Cindy! ôi, chó con! Chó con!” Cô vỗ tay. “Chẳng phải là khéo quá hay sao, Jack?”

“Ừ, khéo quá, em nhỉ.”

Lần đi dạo đáng ghi nhớ nhất là vào một buổi chiều gió hiu hiu tháng Tư. Ngày hôm đó họ đi dạo xa hơn, và đi về nhà qua một cánh đồng bị lầy nặng nề, mệt mỏi nhưng háng hái, họ đi đến một cây sồi độc nhất dường như vươn thẳng lên trời giống như một bàn tay khổng lồ. Nó buộc hai người phải im lặng khi họ đứng dưới bóng cây nhìn lên qua những tán lá, và cả hai đều nhớ ra rằng Emily có sáng kiến này trước. Cô cởi chiếc áo da lộn và thả nó xuống đất. Rồi cô mỉm cười với anh - cô nghĩ rằng anh trông thật đẹp trai khi gió thổi tóc anh bám vào trán - và bắt đầu cởi những chiếc cúc áo.

Rất nhanh họ đều khóa thân và quỳ gài chặt lấy nhau; rồi anh giúp cô nằm xuống chỗ đất ẩm, “Ôi, em yêu, em yêu...” Và cả hai người đều biết rằng Cindy chắc chắn sẽ sủa nếu ai đó dám bước vào nơi thiêng liêng này.

Một nửa giờ sau, khi về đến nhà, anh nhìn rụt rè e thẹn từ ly urytki và nói “Wow, wow. Thật sự là một điều gì đó.”

“Thật ra,” cô nói, nhìn xuống, và cô cảm nhận thấy bản thân mình xấu hổ, “Còn nghĩa lý gì nữa khi sống ở ngoại ô nếu như thỉnh thoảng mình không làm chuyện ấy như thế anh nhỉ?”

Hầu như trời toàn mưa trong tháng sau đó. Những cơn giun đất chết làm bẩn quãng đường đi bộ từ cửa nhà ra ô tô, và những chiếc lá của năm ngoái được thổi hất vào chiếc cửa sổ quảng cáo và trượt thành dòng.

Emily dành hàng giờ liền với chiếc cửa sổ đó, thỉnh thoảng đọc nhưng ít thường xuyên, nhìn chăm chăm ra ngoài mưa.

“Dù sao, em nhìn gì ở ngoài đó đấy?”

Jack hỏi cô.

“Em chẳng nhìn gì cả. Chỉ suy nghĩ thôi, em nghĩ thế.”

“Em đang nghĩ gì?”

“Em không biết. Em phải mang đồ giặt vào thôi.”

“Thôi nào; đồ giặt có thể đợi được mà. Tất cả những gì anh muốn nói, nếu có gì đang làm em phiền muộn thì anh đều muốn được biết.”

“Không, không mà,” cô nói. “Không có gì làm em phiền muộn cả.” Và cô đi lấy đồ giặt vào.

Khi cô đi qua bàn làm việc của anh trên đường đi ra cửa, kéo mạnh cái túi vải bông nặng nề, anh nhìn lên và nói “Emily!”

“Mm?”

Anh đã bốn mươi ba tuổi, nhưng vào lúc đó khuôn mặt với nụ cười nửa miệng của anh làm cho anh trông tuyệt vọng như khuôn mặt của một đứa trẻ. “Em vẫn thích anh chứ?” Anh hỏi.

“Vâng, đương nhiên rồi,” cô nói với anh, và làm cho mình bận bịu với cái áo mưa. Gần như vào cuối học kỳ mùa xuân anh nói anh nghĩ rằng cuốn sách của anh về căn bản là hoàn thành. Nhưng đó không phải là một chiến thắng để công bố, hay thậm chí có thể coi như một điều đáng mừng. “Vấn đề là,” anh giải thích, “Anh vẫn chưa cảm thấy sẵn sàng gửi đi. Phần việc quan trọng đã hoàn thành, anh nghĩ thế, nhưng nó cần phải được gọt tĩa và sắp xếp. Anh nghĩ rằng có thể sẽ sáng suốt hơn nếu như giữ lại chờ đến mùa hè. Tạm đặt ra một giới hạn là đến tháng Chín và có cả mùa hè để kết thúc công việc.”

“Thế à,” cô nói. “Tốt thôi. Anh có ba tháng không phải lên lớp.”

“Anh biết; nhưng anh không muốn ở đây. Trời sẽ nóng kinh khủng và sẽ chết mất thôi. Ngoài ra, em có biết mình còn bao nhiêu tiền trong ngân hàng không? Chúng ta có thể đi đến một nơi nào gần đây.”

Cô vụt có hai viễn tưởng - một là lướt trên đá và cát trắng, bờ biển Đông hay Tây gì đó, và một là những rặng núi mây che phủ tím ngắt. Liệu yêu nhau ở bãi biển và trên núi thì ở đâu sẽ thú vị hơn nhỉ? “Thế à,” cô nói, “Anh muốn đi đâu?”

“Cái đó thì anh sẽ theo em, em à.” Và cách mà anh nhìn cô làm cho cô nhớ đến bố cô cách đây đã lâu vào buổi sáng Lễ Giáng sinh, khi cô và Sarah xé toạc những tờ giấy bọc quà và đó chính là những món quà họ muốn. “Anh có muốn đi châu Âu không?”

Họ bay trên vòng quay của trái đất; Sân bay Heathrow đón họ lúc bảy giờ sáng thật ngỡ ngàng, chợt thấy họ run rẩy và bắt gặp đôi mắt trũng trũng gan góc do việc thiếu ngủ. Không có gì nhiều để xem trên đường về đến Luân Đôn - dường như không khác lắm như việc đi từ St.Charles đến New York - và khách sạn rẻ tiền được hãng du lịch giới thiệu đây những hướng dẫn viên du lịch không định hướng, thận trọng như chính bản thân họ vậy.

Jack Flanders đã sống ở Luân Đôn với vợ mình ngay sau khi chiến tranh kết thúc, và bây giờ anh liên tục điểm mọi cảnh vật đã thay đổi như thế nào. “Toàn bộ thành phố trông giống Mỹ quá,” anh nói. “Anh nghĩ rằng chúng ta sẽ tìm thấy điều gì đó hay hơn.” Anh cứ gắng nói là tàu điện ngầm thật tuyệt... “Hãy xem tàu điện ngầm ở đây tốt hơn ở New York như thế nào” - và đưa cô đến nơi mà anh gọi là người hàng xóm cũ của anh, nơi South Kensington và Chelsea đã được chia ra bởi đường Fullham.

Người phục vụ ở quầy rượu không nhận ra anh, cho đến khi Jack nói tên và bắt tay anh ta; rồi anh ta trở nên rất thân mật, những rõ ràng là theo cách anh ta không nhìn vào mắt Jack cho việc anh ta đang cố tỏ ra.

“Vấn đề là anh quá già để quan tâm xem liệu một vài người phục vụ quầy rượu kém cỏi có nhận ra anh không,” Jack nói khi họ uống bia nóng ở cái bàn trong góc, tránh xa khỏi trò chơi ném lao. “Và ngoài ra, anh luôn căm ghét những người Mỹ quay lại từ Anh với những câu chuyện cũ rích về những quán rượu nhỏ tuyệt diệu. Hãy ra khỏi đây em.”

Anh đưa cô đi trên hè phố đến một ngôi nhà tối đen mà ở đó có lần anh đã thuê căn hộ tầng hầm, và anh tách ra khỏi cô để nhìn nó chăm chăm, ngồi sụp xuống và ngẫm nghĩ, một lúc lâu. Emily đứng gần lề đường nhìn vợ xuống con phố quá tĩnh mịch đến nỗi cô có thể nghe thấy tiếng kêu vo vo và lách cách phần máy của đèn giao thông ở góc phố. Cô biết sẽ thật là ngớ ngẩn khi thiếu kiên nhẫn - có thể anh đang nảy sinh ý tưởng cho một bài thơ - những điều đó cũng không giúp cô làm tăng tính kiên nhẫn.

“Khỉ thật,” anh nói khẽ khi cuối cùng quay lại từ toà nhà. “Những kỷ niệm, kỷ niệm. Thật là sai lầm, em à, khi mình đi đến ngôi nhà này; nó thật đã làm anh bị mất tinh thần. Đi uống đi em. Một ly thật sự, ý anh là như vậy.”

Nhưng những quán rượu đã đóng cửa. “Được thôi,” anh khẳng định lại với cô.

“Có một tụ điểm nhỏ ở gần góc phố tới có tên là Apron Strings; anh là một thành viên; anh nghĩ là họ sẽ cho chúng ta vào. Có thể chúng ta sẽ đụng với một vài người mà anh đã từng biết.” Thay vào đó họ gặp phải một người mặt lạnh như tiền người Tây Ấn không cho họ vào; tụ điểm đã thay đổi người từ thời của Jack.

Họ vào trong một chiếc taxi và anh ngả người về phía trước một cách tha thiết để nói với người lái xe. “Anh có thể đưa chúng tôi đến một nơi nào đó để uống một ly được không? Tôi không có ý đến nơi với giá cắt cổ; tôi muốn đến nơi kha khá để uống một ly.” Và khi anh ngồi lùi lại bên cạnh Emily, trong lúc đi anh nói “Anh biết em sẽ nghĩ điều này thật ngớ ngẩn, nhưng nếu anh không cho được vào người một chút uýtki thì tối nay anh sẽ không ngủ được.”

Họ được đón chào trong một phòng chờ với một người trong bộ ximôckinh trông giống như người Ai Cập hay Libăng gì đó. “Ồ đây rất đắt,” anh ta nói với họ với một nụ cười đáng tin, tử tế. “Tôi không khuyến khích anh chị.” Nhưng cơn khát của Jack đã thắng, và họ ngồi trong một cái hầm được trải thảm nơi một người thanh niên da đen giống như đàn bà chơi piano cầu thả ở quầy bar, và là nơi mà hoá đơn cho hai ly lên đến hai mươi hai đô.

“Có thể đây là một trong những quãng thời gian vớ vẩn nhất mà anh đã làm trong cuộc đời mình,” Jack nói khi họ đi về khách sạn, và khi họ bước vào sảnh và tìm thấy một quầy bar còn đang mở. “Ồi, Chúa ơi,” anh nói, đập tay vào thái dương mình, “Thật đúng là - anh quên mất. Quán bar ở khách sạn cũng mở cửa muộn. Chẳng phải đây là điều ngớ ngẩn nhất hay sao? Thật là; đáng nhẽ chúng ta đã có thể mua được một chiếc mũ mềm.”

Nhấp ly rượu mà cô không muốn, lắng nghe những âm thanh nghịch tai the thé của những giọng Anh và Mỹ - một thanh niên đẹp trai người Anh ở quầy bar đã làm cô nhớ đến Tony Wilson có thể đã có vẻ như thế vào năm 1941 - Emily biết rằng cô sắp khóc. Cô cố gắng ngoảnh đi với một mảnh khoe của trẻ con mà thỉnh thoảng đã có tác dụng trước đó - ấn cả hai móng tay của ngón cái thật mạnh vào thái dương phía dưới ngón tay trỏ, để đau đớn này có thể đau hơn nỗi đau của cái cổ họng đang căng phồng lên - nhưng nó không có giá trị gì cả.

“Em à, em ổn chứ?” Jack hỏi. “Trông em... Ôi Chúa ơi, trông em như sắp... Đợi đã. Đợi anh trả tiền đã, và chúng ta sẽ... Em có thể chờ cho đến khi chúng ta lên trên gác không?”

Trong phòng cô đã khóc và khóc, trong khi anh ôm cô và vuốt ve cô, hôn cái đầu đang rung lên của cô, và nói “Em à, thôi nào. Anh biết điều đó thật là khủng khiếp, nhưng đó là lỗi của anh; nhưng nó chỉ có hai mươi đô thôi mà.”

“Không phải vì chuyện hai mươi đô,” cô nói.

“Vậy thì, là tại toàn bộ buổi tối tệ hại. Việc anh đã kéo em đến ngôi nhà và phải trải qua một trong những sự chán nản bê tha của anh; việc anh...”

“Không phải tại anh; tại sao lúc nào anh cũng nghĩ mọi việc là tại anh? Đó là vì... vì đêm đầu tiên của em ở nước ngoài và đã làm cho em nhớ nhà kinh khủng.” Và điều đó cũng đủ là sự thật rồi, cô nghĩ vậy khi cô ra khỏi giường để xì mũi và lau mặt, nhưng nó chỉ là một phần của sự thật. Phần còn lại của sự thật là cô không muốn đi du lịch với một người đàn ông mà cô không yêu.

Paris đẹp hơn: mọi thứ trông giống như những bức ảnh Paris mà cô đã xem suốt đời mình, và cô muốn đi dạo hàng giờ liền, “Em không mệt à?” Jack nói, đi chậm lại phía sau cô. Anh cũng đã sống ở đây, ở những ngày xa xưa, nhưng bây giờ khi anh lê bước chậm chạp với một vẻ hoang mang bức tức thể hiện qua đôi mắt anh là hiện thân của một người du lịch Mỹ đi lang thang vô định. Khi họ bước vào không gian tĩnh mịch vô tận của nhà thờ Notre Dame cô phải ấn hai ngón tay vào đằng sau thắt lưng để ngăn không cho anh đi thẳng vào chỗ ngồi của những người đang cầu nguyện.

Họ đặt kế hoạch kéo dài ngày nghỉ ở Cannes, để Jack có thể làm việc. Anh nói anh đã hoàn thành tác phẩm hay nhất đời mình ở Cannes; nó mang đến cho anh một sự hấp dẫn đa cảm.

Và cô hưởng thụ không khí ở biển. Cô thích bơi, và cô bằng lòng thú nhận cô thích những người đàn ông Pháp rầm rập nhìn cô chằm chằm trong bộ đồ bơi bikini. Mảnh khảnh, vâng, dường như họ muốn nói; ngực bé, chắc chắn rồi; nhưng xinh. Rất xinh.

Khi ngày kết thúc cô thường quay về khách sạn và nhận thấy phòng mình đặc màu xanh và cay xè của khói thuốc. “Khói sẽ bay đi đâu nhỉ?”, cô thường hỏi vậy. “Kinh khủng.” Anh thường đứng lên và đi tới đi lui, trông phờ phạc. “Em có biết không? Một quyển thơ không thể át được một bài thơ tồi của chính nó. Và một vài... năm hay sáu bài gì đó - quá tồi đến nỗi chúng sẽ kéo những bài khác xuống. Toàn bộ cuốn sách vớ vẩn sẽ bị lắng xuống như một hòn đá vậy.”

“Anh hãy nghỉ một ngày đi. Ngày mai anh hãy ra biển.”

“Không, điều đó chẳng giúp ích được gì.”

Không gì có thể giúp ích được, và trong nhiều ngày anh cáu bẳn và cầu nhàu.

Cuối cùng anh nói “ở đây quá đắt; chúng ta đang tiêu hết nhiều tiền quá. Chúng ta nên đến Ý, hay là Tây Ban Nha.”

Và họ đến cả hai nơi.

Cô thích kiến trúc và điêu khắc của Florence - cô tiếp tục nhìn mọi vật theo cách cô đã được học ở những giờ lịch sử nghệ thuật cách đây đã lâu - và trong cửa hiệu và quầy hàng quanh cái cầu có mái che cô mua những món quà nhỏ cho Pookie, Sarah và bọn trẻ; nhưng Rome thì đủ nóng để làm đổ mồ hôi mắt. Cô gần như ngất xỉu đi trên đường đi thăm quan Nhà thờ Sistine: cô phải lảo đảo loạng choạng đi vào một quán cà phê không thiện cảm để uống một cốc nước; cô phải ngồi nhìn chằm chằm vào ly cà phê một lúc lâu trước khi cô lấy lại được sức lực quay trở về cái khách sạn ngọt ngào, nơi Jack đang ngồi chờ đợi với một chiếc bút sau tai và cái kia thì kẹp vào miệng.

Họ đều khẳng định là họ thích Barcelona - có cây và gió biển; họ tìm thấy một căn phòng mát mẻ trong khả năng tài chính của họ và cũng có những nơi thú vị để ngồi nghỉ và uống bia trong những buổi chiều - nhưng Madrid thì bí hiểm và kiên định như London. Điều thú vị duy nhất ở Madrid, Jack nói, là quán bar ở khách sạn của họ, nơi bạn luôn có một nửa ly hào phóng khi bạn gọi một ly urytki.

Rồi họ nghỉ tại Lisbon, và đã đến lúc về nhà.

Không có gì thay đổi ở thành phố Iowa. Cảnh vật của ngôi nhà bé nhỏ của họ, và rồi căn phòng to trong đó, gọi lại những kỷ niệm của một năm trước đó: cứ như thể là họ chưa bao giờ đi vắng vậy.

Emily đi đón Cindy từ nhà mà họ đã nhờ trông hộ, và khi cô nâng nhận ra cô, vẫy đuôi ve vẫy và vui mừng nhe răng, cô chợt nhận ra cô đang mong chờ khoảnh khắc này trong suốt mùa hè.

Vào tháng Mười, Jack nói “Em có nhớ anh đã nói anh đặt ra kỳ hạn cho anh là vào tháng Chín? Điều đó để thuyết phục em tin anh và những cái kỳ hạn vớ vẩn của anh.”

“Sao anh không cứ để thế gửi nó đi?” Cô hỏi. “Một biên tập giỏi có thể sẽ giúp anh loại bỏ được những bài thơ yếu; có thể thậm chí người ta còn giúp anh làm cho nó được hay hơn.”

“Không, không có một biên tập nào có thể giải đến mức đó. Tuy nhiên nó không chỉ hẳn có một vài bài thơ yếu; toàn bộ cuốn sách có một sắc thái đau khổ và hoảng loạn. Nếu anh có can đảm để em đọc nó em sẽ hiểu điều anh nói. Anh sẽ làm điều em gợi ý. Anh sẽ chuyển đồ của anh vào phòng nhỏ, và làm việc ở đó.”

Đó là một sự cải thiện: cô không còn cảm giác anh đang nhìn cô cả ngày nữa.

Ngay sau khi anh bắt đầu làm việc ở cái phòng nhỏ cô đi vào trong phòng lớn và dọn dẹp, trong lúc anh đến trường, cố gắng sắp xếp chỗ cho chiếc hộp bìa cứng đựng quần áo mùa đông. Nó bị nghiêng và đổ ra ngoài, và cô tìm thấy một phần năm chai rượu uýtki, bị gói giấu dưới cái áo choàng. Cô định mang nó ra và để vào giữa những chai rượu chính ở trong tủ bếp, nhưng cuối cùng cô lại đặt nó cẩn thận vào nơi mà nó dường như thuộc về. Cô phục hồi lại bản thảo Một người New York phát hiện ra miền Trung Tây và làm việc hoàn toàn nghiêm túc với bản thảo này trong vài ngày, nhưng cô không thể làm cho nó mạch lạc, chặt chẽ. Vấn đề, cô quyết định, chính là điểm chính của bài báo là một sự nói dối: cô đã không phát hiện ra Trung Tây, không khác hơn việc cô phát hiện ra châu Âu.

Một buổi sáng Chủ nhật cô ngồi trên chiếc ghế đá trong chiếc áo choàng, với Cindy cuộn tròn trong vạt áo. Một tay cô cầm ly cà phê sáng, còn tay kia thì vuốt ve bộ lông dựng đứng của cô nàng Cindy, cô hát khẽ bài hát thuở ấu thơ, hoàn toàn không nhận thức được là đang hát nó: Mày có khoẻ không, Cindy?

Hôm nay mày thế nào?

Mày không phải là bạn của tao à?

Tao sẽ chỉ cách cho mày?

“Em có biết không?” Jack nói, cười với cô bên bàn ăn sáng. “Cách em chơi với cô nàng chó đó, với bất kỳ một ai đều có thể nói rằng em muốn có con.”

Cô giật mình. “Con á?”

“Ừ, đúng rồi.” Anh đứng lên và đến bên cạnh cô, những ngón tay đùa với một mái tóc cô. “Chẳng phải một lúc nào đó người phụ nữ đều muốn có con hay sao?”

Sự dễ chịu khi được ngồi, trong lúc anh đứng, là cô không phải gặp mắt anh. “Ôi, em không biết,” cô nói. “Vâng, chắc chắn rồi. Đôi khi em có cảm giác đó.”

“Điều đó chỉ ra rằng,” anh nói, “em sẽ không thể trẻ mãi được.”

“Điều đó có nghĩa là gì, Jack?”

“Hãy để Cindy xuống. Em đứng dậy đi. Đến ôm anh nào. Và anh sẽ nói em biết.” Anh ôm cô trong vòng tay mình và cô tựa đầu mình vào ngực anh, để không phải gặp đôi mắt anh. “Nghe này,” anh nói. “Khi anh lấy vợ anh đã không biết được là anh đang làm gì; lấy vợ vì tất cả những lý do sai lầm; và hàng nhiều năm nay, kể từ khi ly dị, anh vẫn tự nhủ là anh sẽ không bao giờ lấy vợ nữa. Nhưng vấn đề là em đã thay đổi tất cả, Emily. Nghe này. Không phải bây giờ - không phải bây giờ, có con ý, nhưng chóng thôi - ngay khi cuốn sách này được hoàn thành - em có nghĩ rằng em sẽ lấy anh chứ?”

Anh cầm lấy cả hai tay cô và ôm lấy cánh tay cô. Mắt anh đang sáng lên, và môi anh đang cong lên nụ cười nghịu và tự hào giống như một cậu bé vừa mới hôn nụ hôn đầu. Một giọt lệ rơi trên cằm anh. “Thật ra em cũng không biết nữa, Jack,” cô nói. “Đó là điều mà em cần phải suy nghĩ, em nghĩ vậy.”

“Được thôi,” trông anh bị tổn thương. “Được thôi; anh biết rằng anh không có giá trị gì mà.”

“Đó không phải tại anh; đó là tại em. Em chỉ không biết liệu em đã sẵn sàng cho việc đó...”

“Được thôi,” và sau một lúc anh đi vào phòng nhỏ và đóng cửa lại.

Họ vẫn đi thả bộ gần như hàng chiều - thôn quê thật nhiều lá mùa thu - nhưng hiện giờ chính Emily là người có chiều hướng thả bộ với cái đầu cúi xuống, không để lộ ra suy nghĩ của mình, nhìn xuống đôi giày. Không nói bất kỳ điều gì về việc đó, họ tránh con đường đi qua cây sồi đơn độc đó.

Tháng Mười một cô quyết định chia tay với anh. Cô muốn quay về New York nhưng không phải quay lại với Nhà quan sát Lĩnh vực Thực phẩm, cô sẽ tìm một công việc tốt hơn, và một căn hộ cũng tốt hơn; cô sẽ bắt tay vào một cuộc sống mới tốt hơn, và cô sẽ tự do.

Tất cả những điều cần làm là phải thông báo. Cô chuẩn bị những lời mở đầu trong đầu và luyện chúng nhiều lần: “Mọi việc đều không ổn, Jack. Em nghĩ cả hai ta đều biết. Em đã quyết định điều tốt nhất để làm, cho cả hai ta, là...” Và cô đợi anh phía bên ngoài cửa phòng nhỏ.

Khi anh đi ra ngoài anh đi như thể anh đã bị bắn ở đằng sau gáy. Anh rơi vào chiếc ghế sofa chéo qua cô, và cô nhìn anh thật gần với những dấu hiệu chắc hẳn anh đã nốc rượu ở cái chai rượu bí mật, nhưng anh không say. Mắt anh to tròn như mắt diễn viên ở cảnh cuối của tấm bi kịch. “Anh không thể,” anh nói, gần như là thì thầm, và cô được gợi nhớ đến cách Andrew Crawford đã nói “Anh không thể” trên giường, cách đây nhiều năm.

“Không thể làm gì ạ?”

“Không thể viết.”

Cô đã thường xuyên an ủi anh với những lần như thế này nhưng bây giờ cô cảm thấy trống rỗng bởi những lời an ủi và vỗ về; cô chỉ có thể nói với anh những gì là sự thật. “Em mong anh không nói như vậy,” cô nói.

“Em mong thế á? Anh cũng mong thế. Anh mong rất nhiều điều.”

Rõ ràng là cô không thể nói điều đó bây giờ. Cô đợi trong vòng hai, ba ngày, cho đến khi cô quyết định liệu cô có nên đợi lâu hơn nữa hay không, và rồi cô đã nói.

“Mọi việc đều không ổn; Em nghĩ rằng cả hai chúng ta đều biết. Em đã quyết định tốt nhất là...”

Sau đó cô không thể nhớ được cô đã kết thúc câu nói của mình như thế nào, và anh đã trả lời như thế nào, và cô đã nói gì tiếp theo. Cô chỉ nhớ được sự vô cảm thoáng qua của anh rồi đến cơn thịnh nộ, khi anh hét lên và ném ly urytki vào tường - dường như anh cảm thấy là anh có thể giữ cô ở lại nếu họ chỉ cần cãi nhau thật to - và rồi sự sụp đổ của anh trở thành một sự van nài: “Em à, em đừng làm thế; xin đừng làm thế với anh...”

Đó là lúc hai giờ sáng trước khi cô có thể dọn giường ngủ cho mình ở ghế sofa.

Rồi mùa thu se lạnh nhanh chóng chuyển sang đông, cô quay về New York chỉ có một mình.

7. Chương 7

Cô biết rằng cô đã thức giấc vì cô nhìn thấy ánh sáng ban mai hiện ra mờ mờ, xám xịt qua chiếc cửa chớp lật đã được đóng, ở đằng xa. Đó không phải là mơ: cô đang trần truồng trên giường với một người đàn ông lạ mặt, ở một nơi xa lạ, và không một ý thức về đêm qua. Người đàn ông, dù cho là ai đi nữa, có một cánh tay và một cái chân vạm vỡ gác qua người cô, kẹp chặt cô, và trong sự cố gắng làm cho mình thoát ra được thì cô chạm vào cái bàn cạnh giường gồm toàn mảnh vụn của chiếc ly đã vỡ. Điều đó đã không làm cho anh ta tỉnh dậy, trái lại anh ta lẩm bẩm và quay đi; và điều đó đã làm cho cô dễ dàng tụt xuống và ra khỏi giường, đi tránh cái ly, và dò tìm trên tường cái công tắc đèn. Cô không hoảng sợ: chưa bao giờ một việc như thế này đã xảy ra với cô trước đó, nhưng cũng sẽ không có nghĩa là nó sẽ lại xảy ra như thế này nữa. Nếu cô có thể tìm thấy quần áo và ra khỏi đây và gọi một chiếc taxi, và về nhà thì mọi thứ sẽ có thể lại đi vào trật tự.

Khi cô tìm thấy công tắc, căn hộ hiện lên quanh cô, nhưng cô không nhận ra nó. Cô cũng không nhận ra được người đàn ông. Anh ta đang quay mặt đi nhưng cô có thể nhìn thấy hình dáng của anh ta; cô nhìn rất cẩn thận như thể cô đang vẽ một bức tranh đồ họa từ cuộc sống; nhưng nó chẳng có nghĩa gì cả. Những đồ vật duy nhất trong phòng là quần áo của cô, được vắt qua lưng của chiếc ghế tựa bằng vải nhung kẻ trong khi quần áo, giày và đồ lót của người đàn ông vương vãi trên sàn. Cái từ “nhộp nhúa” hiện lên trong đầu cô; thật là nhộp nhúa.

Cô mặc quần áo thật nhanh và tìm thấy buồng tắm, và trong lúc chải đầu trước gương cô nhận ra rằng việc ra khỏi đây ngay hoàn toàn không phải là thiết yếu; còn có một sự lựa chọn khác. Cô có thể tắm nước nóng

và đi vào bếp, pha cà phê và đợi anh ta tỉnh dậy; cô có thể chào anh ta bằng một nụ cười dễ chịu buổi sáng - một nụ cười khá dè dặt và thao diễn - và khi họ nói chuyện cô có thể chắc rằng cô sẽ nhớ mọi thứ mà cô cần phải nhớ: anh ta là ai, họ đã gặp nhau như thế nào, tối qua cô đã ở đâu. Tất cả mọi thứ sẽ được tái hiện lại, và rất có thể cô sẽ dễ dàng quyết định là cô thích anh ta. Anh ta có thể làm một ly Bloody Marys để xóa bỏ đi tàn tích của họ, và đưa cô đi ăn sáng, và cũng có thể sẽ là...

Nhưng đó là sự mách bảo của sự vô trách nhiệm, bữa bãi, bữa thối, và cô nhanh chóng chống lại sự mách bảo đó. Quay trở lại phòng chỗ anh ta ngủ, cô dựng cái bàn khằng khiu đã bị đổ với đồng chai và ly. Cô tìm thấy một tờ giấy và viết một lời ghi chú cho anh ta, và cô để nó trên bàn:

Hãy cẩn thận: Cốc vỡ trên sàn.

E.

Rồi cô tự ra khỏi căn hộ và tự do. Phải ra đến phố cô mới có cảm giác là hoàn toàn được tự do - hoá ra là phố Morton, gần Đại lộ thứ Bảy - rằng cô cảm thấy nặng nề do việc uống thứ rượu không quen mà cô đã uống tối qua. Mặt trời tán công cô, chiếu những ánh nắng chói lọi và đầu; cô cũng chỉ kịp nhìn và bàn tay run lên khi mở cửa xe taxi. Nhưng trên đường về nhà, luồng gió nóng lùa vào cửa xe làm cô cảm thấy khá hơn. Đó là ngày thứ bảy - sao cô có thể chắc được hôm nay là thứ bảy khi cô đã hoàn toàn quên hết mọi việc? - và nó đã cho hai ngày trọn vẹn để hồi phục lại sức khoẻ trước khi cô phải quay lại với công việc.

Đó là mùa hè năm 1961, và cô đã ba mươi sáu tuổi.

Ngay sau khi trở về từ Iowa cô là một người viết bài quảng cáo cho một công ty quảng cáo nhỏ, và trở thành một gì đó như người được bảo trợ đối với người sếp của cô. Đó là một công việc tốt, mặc dầu cô nên viết báo thì hơn, và điều hay nhất của công việc này là cô có thể sống ở một căn hộ rộng rãi, cao gần Công viên Gramercy.

“Chào buổi sáng, cô Grimes,” Frank nói khi ngồi ở bàn. Không một sự thể hiện nào trên nét mặt của anh ta nói lên điều anh ta đã phỏng đoán về việc cô đã có một buổi tối như thế nào, nhưng cô cũng không chắc là khi cô đi qua sảnh với sự chịu đựng một cái giọng châm biếm khác thường thì liệu anh ta có nhìn theo cô không.

Giấy dán tường của hành lang được trang trí theo thiết kế vàng-trên-xám của những chú ngựa cuồng; cô đã đi qua nơi đây hàng trăm lần mà không có một lần nào thềm liếc nhìn qua kiểu trang trí này, nhưng giờ thì điều đầu tiên cô nhìn thấy khi ra khỏi thang máy là ai đó đã vẽ bút chì một cái dương vật thật đậm và dài, thò ra giữa một trong những cái chân sau của ngựa, với những hòn tinh hoàn to treo lủng lẳng dưới dương vật. Sự thôi thúc đầu tiên của cô là tìm một cái xoá bút chì và lau thật sạch, nhưng cô biết rằng việc cô làm cũng chẳng giải quyết được gì: chỉ có thể sạch hoàn toàn khi thay bằng một tờ giấy dán tường mới.

Một mình và an toàn đằng sau cánh cửa đã được khoá, cô thoải mái khi nhìn thấy mọi thứ trong nhà mình đều sạch sẽ. Cô dành hẳn một nửa giờ cho việc xát xà phòng và kì cọ thân thể mình dưới vòi hoa sen, và trong lúc đó cô bắt đầu nhớ lại những việc đã xảy ra đêm qua. Cô đã đến một căn hộ của một đôi vợ chồng cô vừa mới biết, ở Đại lộ East Sixties (miền Đông thứ Sáu mươi), và thế là hoá ra lại là một bữa tiệc ồn ào, với quy mô lớn hơn cô tưởng - và điều đó chính là nguyên nhân gây ra sự lo lắng làm cho cô uống quá nhanh. Cô nhắm mắt lại dưới vòi nước nóng như đang trút xuống và gọi lại một biển người cười và nói gồm toàn những khuôn mặt xa lạ hiện lên thật đông đúc: một người đàn ông hơi chệnh choáng nói rằng toàn bộ ý kiến lỗi bịch về Kennedy với vị trí Tổng thống chỉ là một sự chiến thắng của tiền bạc và làm quảng bá; một thanh niên bánh bao, mảnh khảnh trong bộ vét đắt tiền nói ‘Tôi hiểu chị cũng chỉ trong cùng trò chơi quảng cáo này thôi’; và người, mà chắc là cô đã ngủ cùng, với giọng tha thiết đã nói chuyện với cô dường như hàng giờ vậy và với khuôn mặt có lông mày rậm và chất phác rất giống như khuôn mặt mà cô đã nghiên ngẫm sáng nay. Nhưng cô không thể nhớ được tên của anh ta. Ned à? Ted à? Hình như là như thế.

Cô mặc quần áo sạch, và tiện dụng và uống cà phê - thật ra cô muốn uống bia nhưng lại sợ không mở ra - và vừa mới bắt đầu nhâm nhi cảm giác cuộc sống của mình đang quay trở lại độ vững chắc thì chuông điện thoại reo. Chắc hẳn anh ta đã thức giấc; chắc hẳn anh ta đã rên rỉ suốt lúc tắm rửa buổi sáng và bù khú với một vài bia; chắc hẳn anh ta đã tìm thấy số điện thoại mà có thể là cô đã để lại và chuẩn bị một lời chào khá lịch sự dành cho cô, một sự pha trộn của sự thứ lỗi và ham muốn lại bị đánh thức. Giờ thì chắc hẳn anh ta sẽ mời cô đi ăn sáng, hay là ăn trưa, và cô sẽ phải chuẩn bị quyết định nói gì. Cô cần môi và để

cho điện thoại rung bốn hồi trước khi cô nhắc máy. “Emmy đấy à?” Đó là giọng của Sarah, chị cô, và nghe có vẻ giống như giọng một đứa trẻ ngượng nghịu, lo lắng. “Em này, chị gọi về chuyện của Pookie, chị sợ đó là một tin tồi tệ”

“Mẹ chết rồi á?”

“Không; nhưng mẹ rất - hãy để chị được nói từ đầu nhé? Chị không gặp mẹ khoảng bốn hay năm ngày gì đó, điều này thật ra là kỳ lạ vì mẹ thường - em biết đấy - hay đến đây, vì thế sáng nay chị bảo Eric đến chỗ phòng garage để xem mẹ thế nào, và cu cậu chạy về và nói “Mẹ, mẹ nên đến chỗ đó đi.” Mẹ nằm trên sàn không mặc quần áo, và lúc đầu chị nghĩ rằng mẹ đã chết: thậm chí chị không thể chắc rằng liệu mẹ có còn thở hay không, nhưng chị chắc rằng chị cảm nhận thấy nhịp mạch yếu ớt. Và một điều khác nữa: mẹ đã - chị có thể nói thẳng vào vấn đề được không?”

“Ý chị là mẹ đã moi ruột?”

“Đúng thế.”

“Nhưng, Sarah, người ta chỉ làm như thế khi họ...”

“Chị biết, nhưng vẫn còn mạch. Dù sao thì, vận may chỉ có thể vì bác sĩ của gia đình chị đi nghỉ, và làm thay là một gã bác sĩ trẻ thô lỗ mà chị chưa từng gặp trước đó; hẳn ta khám mẹ và nói mẹ vẫn còn sống nhưng đang hôn mê, và hẳn ta hỏi chị mẹ bao nhiêu tuổi và chị đã không trả lời được - em biết đấy Pookie luôn tỏ thái độ như thế nào khi nói về tuổi của mình - và hẳn ta nhìn quanh và thấy toàn là những chai uýtki trống rỗng và hẳn ta nói “Bà Wilson, không ai có thể sống mãi.”

“Mẹ đang ở bệnh viện à?”

“Vẫn chưa. Hẳn ta nói hẳn ta sẽ thu xếp những sẽ phải chờ. Hẳn ta nói chúng ta có thể chờ xe cứu thương đến vào một lúc nào đó chiều nay.”

Xe cứu thương vẫn chưa đến khi mà Emily nhẹ nhõm bước ra khỏi con tàu ngọt ngào ở St.Charles, nơi mà Sarah đón cô trong chiếc Plymouth dùng chung với con trai, “ôi, chị mừng lắm khi em ở đây, Emmy,” cô chị nói. “Chị cảm thấy mọi việc đã khá hơn.” Và lái xe rất chậm chạp, lúng túng giữa việc sang số và chân côn như thể cô chị chưa thật sự bao giờ điều khiển được chúng thông thạo, cô chị bắt đầu đưa cô em về nhà.

“Thật là hài hước,” Emily nói khi họ đi qua một trung tâm thương mại khổng lồ màu hồng-và-trắng. “Khi lần đầu tiên em đặt chân đến đây mới chỉ là một vùng quê rộng rãi thoáng đạt.”

“Cuộc sống thay đổi mà em,” Sarah nói. Nhưng không có gì thay đổi ở chốn của Wilson già nua, ngoại trừ những lùm cỏ dại cao ngút che khuất cái biển GREAT HEDGES bé nhỏ. Chiếc ô tô đời Thunderbird màu hạt dẻ của Tony nằm sáng chói trên lối vào nhà. Anh tự mua cho mình xe mới cứ hai năm một lần, và không một ai được phép sử dụng nó; có lần Sarah đã giải thích rằng đó là hành động ngông cuồng duy nhất của anh. “Tony ở nhà à?” Emily hỏi.

“Không; anh ấy đi câu cá cả ngày với một vài người bạn đến từ Magnum. Thậm chí anh ấy chưa biết một chút gì về việc này.” Rồi, sau khi cô đỗ xe cách chiếc Thunderbird ở một khoảng cách cần thiết và bước ra khỏi xe đứng nhìn mặt với chìa khoá xe trong tay, cô nói “Này em, Emmy, chị biết rằng chắc hẳn em đang đói lắm nhưng chúng ta nên đến chỗ Pookie trước đã nhé. Ý chị là chị không muốn để mẹ nằm như thế ở đó, được không em?”

“Vâng, đương nhiên rồi,” Emily nói. “Vâng, đương nhiên rồi.” Và họ bước trên sỏi lạo xạo đến một cái lều “garage” được mặt trời hun nóng, nơi không gian thật quá chật hẹp để có thể đỗ được những chiếc ô tô đắt tiền. Emily đã đến thăm mẹ nhiều lần ở căn hộ trên gác - lắng nghe mẹ nói hàng giờ dưới cái trần gỗ ép quá thấp, nhìn chằm chằm vào những bức ảnh của chính cô và Sarah khi còn bé được treo trên tường gỗ ép bẩn thỉu, chờ đợi cơ hội có thể thoát ngay từ lúc đầu - nhưng không một cảnh tượng nào như vậy làm cho cô liên tưởng được đến những gì mà giờ cô đang nhìn thấy ở trên nóc của những bậc thang op ẹp.

Một bà già trần truồng nằm sấp, như thể bà ta bị vướng chân vào thảm và ngã về đằng trước. Một chỗ chỉ toàn hơi nóng, hơi nóng mà không thể chịu đựng nổi - có thể mẹ đã bị ngộp chỉ vì hơi nóng - và với những chai uýtki thì quả đúng là như vậy: có sáu hay tám chai gì đó ở quanh phòng, tất cả đều là các chai hiệu “Bellows Partners’ Choice”(1) và tất cả đều hết nhãn. (Liệu mẹ có cảm thấy ngượng khi tổng tất cả những

chai rượu này vào thùng rác để bọn trẻ đi đổ không nhỉ?) “Các con, mẹ thật sự xin lỗi về điều này,” bà dường như muốn nói như vậy. “Chẳng phải chúng ta không thay đổi được gì hay sao?”

“Em có nghĩ là chúng ta nên đưa mẹ lên giường?” Sarah hỏi. “Để khi mà xe cứu thương đến?”

“Đúng đấy.”

Trước tiên họ dọn phòng ngủ. Những cái ga trải giường lộn xộn trông như thể đã hàng tuần nay rồi chúng không được thay, và Sarah không thể tìm thấy một cái ga sạch nào, nhưng họ làm tốt nhất có thể để dọn giường trông cho được mắt; rồi họ quay lại để bế bà lên. Rồi đến lúc cả hai bọn họ đều toát hết mồ hôi và thở dốc.

Cúi mình xuống, họ dễ dàng lật ngửa bà lên. Emily xốc nách bà và Sarah ôm gối bà, và họ nhấc bà lên. Bà nhỏ người nhưng rất nặng.

“Hãy cẩn thận khi đi qua khung cửa,” Sarah nói, “nó hẹp đấy.”

Họ đặt bà lên giường và cho bà nằm thẳng trong khi Sarah chải cái mớ tóc thừa thớt của bà bằng lược.

“Không sao đâu, con yêu,” bà dường như muốn nói khi cái đầu của bà gục xuống dưới cái lược. “Mẹ có thể làm việc đó sau. Chỉ cần mặc quần áo cho mẹ thôi. Mặc quần áo cho mẹ đi.”

“Thế đấy,” Sarah nói. “Khá hơn rồi đấy. Nào, bây giờ thì, nếu em có thể xoay được mẹ, chị sẽ nâng chân mẹ lên và chúng ta sẽ - đấy, dễ thôi mà, đấy, dễ thôi mà...”

Bà đang nằm ngửa với đầu để trên gối, và những cô con gái của bà lùi lại nhìn cái thân thể già nua xấu xí với một cảm giác thư giãn và hoàn thành xong nghĩa vụ. “Em biết không?” Sarah nói với vẻ rạng rỡ. “Khi chị bằng tuổi mẹ, chắc hẳn chị sẽ xuống cân để có một thân hình thon thả như thế kia.”

“Mm, mẹ có áo ngủ hay đồ gì khác không nhỉ?”

“Chị không biết. Hãy xem nào.”

Tất cả những gì họ tìm thấy là một chiếc áo choàng mùa hè vẫn còn sạch. Tựa vào nhau, họ luồn một ống tay áo vào cánh tay mềm mại và lên chặt cái váy mỏng xuống dưới lưng bà để mặc được nốt cái ống tay còn lại; rồi cuối cùng thì cái áo choàng cũng được cài khuy và thít nơ, và mẹ họ cũng đã được mặc đồ, và họ kéo phần trên của tấm ga đắp lên má bà.

“Thế đấy, thật đúng là không dễ dàng gì,” Sarah nói khi họ quay trở lại phòng khách để thu dọn những cái chai uýtki. “Thật không dễ dàng gì khi có mẹ ở đây trong suốt thời gian qua... thế nào nhỉ, bốn năm rồi đấy?”

“Em biết mà.”

“Ý chị là hãy xem nơi này này.” Cầm trong tay ba hay bốn chai rượu, cô dùng tay kia để làm điệu bộ diễn tả quanh căn hộ. Mọi thứ trong tầm nhìn đều ngập trong dơ bẩn. Những cái gạt tàn được chất đồng chan chứa với những mẩu thuốc lá ngấn còn lại. “Ra đây mà xem này.” Cô kéo Emily vào trong phòng tắm và chỉ vào cái bệ xí, toàn một màu nâu cả trên và dưới bề mặt nước, “ôi, giá như mẹ vẫn sống ở thành phố nhỉ,” Sarah nói, “có việc để làm và có thể gặp gỡ được mọi người. Vì mọi công việc ở đó không giống như bất cứ việc gì mà mẹ đang làm ở đây. Mẹ luôn sang nhà, và mẹ không thèm xem ti vi; và mẹ cũng không để cho mọi người xem ti vi; mẹ nói và nói và nói cho đến khi Tony gần như mất hết bình tĩnh, và mẹ... me...”

“Em biết mà, chị” Emily nói.

Họ đi xuống gác... không khí trong lành thật dễ chịu, thậm chí cả trong cái nóng nữa... và mang đầy ôm tay với những chai uýtki đến cửa phòng bếp của nhà chính, nơi họ tổng chúng thật sâu vào một cái sọt rác có những con ruồi đang bò ra.

“Em có biết chị nghĩ gì không?” Sarah nói khi họ ngồi mệt lử ở bàn ăn. “Chị nghĩ là cả hai chị em mình đều xứng đáng được hưởng một ly.”

Xe cứu thương đến vào lúc giữa chiều... bốn thanh niên hoạt bát nhanh nhẹn trong bộ đồ trắng bóng đường như thích thú với công việc của họ. Họ cột bà già vào trong một cái cang, đưa bà xuống thang với cử chỉ khéo léo mau lẹ, tống bà vào trong xe và đóng sầm cửa lại và đi mất.

Tối hôm đó Sarah đưa Emily đến bệnh viện, nơi có một bác sĩ trông thật mệt mỏi giải thích về bản chất của việc xuất huyết não. Mẹ của họ có thể sẽ ra đi trong một vài ngày tới, anh ta nói, hoặc có thể mẹ của họ sẽ sống trong rất nhiều năm với tình trạng não bị tổn thương trầm trọng. Với trường hợp sau, mẹ có thể phải đưa vào sống điều dưỡng.

“... Và đương nhiên sống ở trạng thái điều dưỡng là sẽ mất chi phí,” Sarah nói khi họ chậm chậm lái xe về nhà, đi qua những vùng ngoại ô mới sạch sẽ, “và chúng ta không hề có một đồng nào.”

HÃY ẮN ĐÃ, một cái biển điện tử lớn ở ngay đằng trước ghi hàng chữ; dưới hàng chữ đó, với chữ thường, là từ COCKTAILS, và Sarah lái chiếc xe Plymouth già nua vào sân đỗ.

“Chị chưa cảm thấy muốn về nhà,” cô nói, “em có muốn không?” Khi họ ổn định trong một cái phòng tốt bên trong cô nói “Chị thật sự cần điều hoà hơn là muốn uống; chẳng phải là hay hơn hay sao?”

Rồi cô nâng cốc chúc mừng và đột nhiên trông cô thật trẻ, và nói “Hãy vì sự phục hồi hoàn toàn của Pookie.”

“Thật ra,” Emily nói, “em không nghĩ chúng ta nên tính toán về bất kỳ điều gì như thế này, Sarah. Bác sĩ nói...”

“Chị hiểu những gì ông ta nói,” cô vật nài, “nhưng chị cũng hiểu Pookie. Mẹ là một người phụ nữ khác thường. Mẹ thật cứng rắn. Chị cá là mẹ sẽ thoát ra được khỏi tình trạng này. Hãy đợi xem nhé.”

Không có gì để tranh luận; Emily đồng ý chờ đợi. Trong khoảnh khắc không có một lời nào cả, và Emily dùng sự im lặng giải quyết sự hoang mang và phiền muộn theo cách mà cô đã thức dậy vào sáng nay. Ned? Hay Ted nhỉ? Liệu cô có thể luận ra được điều gì không nhỉ? Liệu cô đã rơi vào tình trạng hoa mắt giống như người say thường hay gặp phải không nhỉ?

Khi cô lại tập trung vào khuôn mặt của chị cô, nó rực sáng với cách kể chuyện đầy tự hào về Peter đang sắp bắt đầu vào đại học trong mùa thu này, với quan điểm trường đại học chỉ như một sự chuẩn bị cần thiết để được chấp nhận vào Trường dòng Tổng Thần học.

“... Trong suốt những năm này, và tham vọng của cu cậu không hề bị lung lay đến một lần. Đó là điều cu cậu muốn làm, và cu cậu sẽ thực hiện điều mơ ước đó. Cu cậu là một cậu bé kiệt xuất.”

“Mm. Thế còn Tony Junior thì sao? Cu cậu đã phải tốt nghiệp trung học rồi chứ?”

“Đúng rồi; ngoại trừ việc cu cậu đã không tốt nghiệp.”

“Ôi, ý chị là điểm số của cu cậu không tốt à?”

“Đúng thế. Thật ra cu cậu đã có thể tốt nghiệp, nhưng thực ra cu cậu đã dành cả năm trời chạy quanh vào việc... chị chưa nói với em về điều này à?”

“Về một cô gái à, ý chị là?”

“Cô ta không phải là một cô gái, đó mới là vấn đề chính. Cô ta đã ba mươi nhăm tuổi. Cô ta đã bỏ chồng và rất giàu và cô ta đã huỷ hoại con. Huỷ hoại con. Chị thậm chí còn không thể nói chuyện được với con nữa, và bố nó cũng vậy. Thậm chí Peter cũng không thể nói chuyện được với anh mình.”

“Ôi, thật là,” Emily nói, “rất nhiều cu cậu bây giờ phải trải qua những việc như vậy. Em nghĩ rằng con sẽ ổn thôi. Có thể đây lại là một điều tốt với con, nếu tính về dài hạn.”

“Đó là những gì mà bố nó nói.” Sarah trông thật trầm ngâm với cái cốc của mình. “Và Eric... thật ra, Eric cũng giống như Tony Junior. Cùng một giuộc với bố chúng, chị nghĩ thế. Chưa từng bao giờ là sinh viên; tất cả những điều anh ta quan tâm chỉ là ô tô.”

“Chị đã - hoàn thành tác phẩm của mình chưa, Sarah?”

“Chưa, chưa thật sự. Không nhiều thì ít chị cũng đã từ bỏ những bản phác thảo truyện hài về cuộc sống-gia đình. Chị đã viết đến bốn chương, nhưng Tony nói nó chẳng hài hước chút nào. Anh ta nói chúng cũng khá

- nó được viết cẩn thận, những chi tiết cũng khá, hãy nuôi dưỡng niềm đam mê và tất cả là... nhưng anh ta nói chúng chẳng hài hước chút nào. Có thể vì chị cố gắng quá.”

“Liệu một lúc nào đó em có thể đọc chúng được không?”

“Đương nhiên rồi, nếu em muốn. Cũng có thể chính em cũng nghĩ nó cũng không hề hài hước. Chị không biết nữa. Viết truyện hài thật khó hơn - em biết đấy - viết những vấn đề nghiêm túc. Dù sao, thì với chị là nó cũng khó hơn.”

Và dòng suy tưởng của Emily lại tiếp tục, nghĩ về những vấn đề của riêng cô; cô quay trở lại với thực tế chỉ khi cô nhận ra Sarah bắt đầu đưa câu chuyện vào vấn đề tiền bạc.

“Và em có biết tiền lương thực cầm về mà Tony được Magnum trả là bao nhiêu không?” cô vẫn đang nói. “Gượng đã, để chị nói với em,” Cô lục ví của mình. “Đây là cuốn séc của đợt trả lương đợt trước của anh ta. Em xem này.”

Emily không mong chờ là nó sẽ có nhiều, nhưng thậm chí với sự xác định như vậy cũng vẫn làm cho cô bị ngạc nhiên: cuốn séc có ít hơn cả tiền của cô được trả lương ở công ty quảng cáo.

“Và anh ta đã làm ở đó được hai mươi-mốt năm,” Sarah nói. “Em có thể tưởng tượng nổi? Đó là một thứ ngu xuẩn già nua của bằng cấp đại học, em thấy đấy. Tất cả những người cùng tuổi với anh ta với bằng kỹ sư giờ đã ở vị trí lãnh đạo cấp cao rồi. Dĩ nhiên, Tony cũng có một vị trí được làm giám sát, nhưng nó thấp hơn nhiều trong... em biết đấy... trong cơ quan. Thu nhập duy nhất khác nữa của bọn chị là từ việc cho thuê cái lều, và phần lớn số tiền đó dùng vào việc tu sửa. Và em có biết bọn chị phải trả bao nhiêu tiền thuế không?”

“Em đoán là Geoffrey đã giúp đỡ gì chứ.”

“Tiền lương của Geoffrey còn ít hơn cả của bọn chị, em yêu ơi. Cái văn phòng nhập khẩu bé nhỏ chỉ vừa đủ để họ trả được tiền thuê nhà ở thành phố, và Edna đang bị ốm rất nặng.”

“Vậy là không có - thừa kế hay gì đó tương tự như vậy sao?”

“Thừa kế á? Ồ, không. Không bao giờ có chuyện như vậy.”

“Vậy, Sarah, làm sao mà chị có thể quán xuyến được mọi việc?”

“Thế mà bọn chị vẫn phải thu xếp thôi. Chỉ vừa đủ, nhưng bọn chị vẫn phải xoay sở được. Vào đầu tháng chị phải ngồi ở bàn ăn - và chị cũng bắt bọn trẻ phải ngồi lại với chị, ít nhất là chị đã bắt đầu làm điều đó khi chúng còn bé hơn; sẽ tốt cho chúng khi chúng biết cách quản lý tiền - và chị cũng chia mọi thứ theo tài khoản. Trước tiên và trên hết là tài khoản G.H. Tài khoản đó bao gồm “G.H?”

“Great Hedge,” Sarah nói.

“Tại sao chị lại gọi nơi này như vậy?”

“Ý em là gì? Nó vẫn thường được gọi như vậy mà...”

“Chị ơi, Pookie đã đặt ra cái tên đó. Em đã ở đó khi mẹ nghĩ ra cái tên đó mà.”

“Mẹ đặt tên cho nó á?” Và Sarah trông thật sững sờ đến nỗi Emily hối tiếc là đã nói ra điều đó. Cả hai bọn họ đều tìm đến ly rượu.

“Nghe này, Sarah,” Emily bắt đầu. “Có thể đó không phải là chuyện của em, nhưng tại sao Tony và chị không bán nơi này đi? Ngôi nhà thì sẽ chẳng có giá trị gì, nhưng còn đất thì. Chị có đến bốn mẫu ở một trong những nơi phát triển nhanh nhất của Long Island. Chị có thể đã có Sarah lắc đầu. “Không, không, điều đó nằm ngoài khả năng. Bọn chị không thể làm thế; nó thật là không công bằng với bọn trẻ. Chúng yêu nơi này, em thấy đấy. Hãy nhớ lại xem thật là kinh khủng biết bao khi bọn chị đã phải ở một nơi chật chội. Không bao giờ có một...”

“Nhưng bọn trẻ đang lớn lên,” Emily nói, và rượu bắt đầu phát tán trong cô: cô nói sắc sảo hơn ý mà cô muốn nói. “Chẳng bao lâu chúng sẽ dời xa nơi đó. Chẳng phải đã đến lúc chị và Tony phải nghĩ đến bán

thân mình rồi hay sao? vấn đề là chị có thể có được một ngôi nhà hiện đại, tiện nghi và tốt chỉ với giá một nửa so với những gì mà chị đang sử dụng.”

“Đó lại là một vấn đề khác,” Sarah nói. “Thậm chí nếu nó không phải dành cho bọn trẻ, chị cũng không thể tưởng tượng nổi chị và Tony ở trong cái gì đó mô phạm...”

“Mô phạm?”

“Em biết đấy, vài ba cái nhà nhỏ thông thường giống nhau như đúc.”

“Đó không phải nghĩa của từ “mô phạm”

“Không phải thế à? Chị nghĩ nó có nghĩa là thông thường. Dù sao, chị không thấy là bọn chị có thể làm một điều gì đó tương tự như vậy.”

“Tại sao không?”

Và cuộc tranh luận kéo dài đến một nửa giờ, nói đi nói lại cùng một nguyên do, cho đến khi cuối cùng, khi họ quay trở lại chiếc xe ô tô, đột nhiên Sarah nói. “à, mà em đứng đấy, Emmy,” cô nói. “Thật là tốt cho bọn chị nếu bán đi khu đất. Cũng tốt cho bọn trẻ nữa. Đó là một cú nhảy đấy.”

“Có nghĩa là gì?”

“Em chưa từng bao giờ thuyết phục Tony mà.”

Khi quay về nhà họ bước qua cái sọt rác bốc mùi nhà bếp, đi qua phòng ăn, đi qua phòng khách cọt kẹt bốc mùi - nơi mà Emily luôn mong tìm thấy Edna già nua thu mình lại và cười trên ghế sofa - và với những gì mà Sarah gọi là phòng xép - nơi mà Tony và Peter thường hay xem ti vi ở đó.

“Con chào đi Emmy,” Peter nói giọng đầy chất nam tính, cuối xuống chân mình.

Tony đứng dậy chậm chạp, như thể bất đắc dĩ phải rời khỏi màn hình, và tiến về phía trước với một lon bia trong tay. Anh vẫn mặc bộ đồ đi đánh cá, lồm đồm những miếng mồi bắn dính vào, và khuôn mặt anh rạn nứt vì sạm nắng, “ý anh là,” anh nói. “Anh rất xin lỗi về chuyện của Pookie.”

Peter tắt tiếng tivi oang oang và Sarah nói với họ đầy đủ về những gì bác sĩ nói, kết thúc bằng sự tự dưng đoán bất chấp thực tế: “Chắc chắn rằng mẹ sẽ tỉnh lại.”

“Mm,” Tony nói.

Hàng giờ liền đêm đó - một lúc lâu sau khi Tony và Peter đã đi ngủ, một lúc lâu sau khi Eric và thậm chí Tony Junior rũ xuống miệng lẩm bầm chào đi của chúng và lẩm bầm thể hiện sự thương cảm cho việc của bà - chị em nhà Grimes vẫn ngồi đó nói chuyện và uống rượu. Họ bắt đầu nói chuyện ở phòng xép và sau đó chuyển vào phòng khách, nơi mà Sarah nói là ở đó mát hơn. Ở đó, Emily ngồi bắt chéo chân trên sàn, để có thể dễ dàng với được rượu trên bàn cà phê, và Sarah ngáp chìm trong ghế sofa.

“... Và chị sẽ không bao giờ quên được Tenaflly,” Sarah nói. “Em có còn nhớ khi chúng ta sống ở Tenaflly không? ở trong một cái nhà trát bằng xtucô với phòng tắm ở tầng trệt ý?”

“Đương nhiên là em nhớ chứ.”

“Lúc đó chị chín tuổi còn em chắc là năm tuổi; đó là nơi đầu tiên chúng ta sống sau khi bố mẹ ly dị. Dù sao, bố cũng đã đến đó thăm chúng ta một lần, và sau khi em đi ngủ, bố đưa chị đi tản bộ. Bố và chị đi vào một hiệu thuốc và ăn soda kem đen- và-trắng. Và trên đường về nhà - chị vẫn nhớ con phố đó, cái khúc đường vòng - trên đường về nhà bố nói “Con yêu, bố có điều này muốn hỏi con?” Rồi bố hỏi “Con yêu ai hơn, bố hay mẹ?”

“Trời đất. Bố thật sự đã hỏi như vậy ư? Thế chị đã trả lời như thế nào?”

“Chị đã nói với bố.” Sarah khụt khịt. “Chị nói với bố là chị cần phải suy nghĩ thêm. Tất nhiên là chị biết” - giọng cô lạc đi, nhưng cô đã trấn tĩnh được - “Chị biết rằng chị rất yêu bố, yêu bố hơn yêu Pookie nhiều, nhưng dường như thật là kinh khủng khi không trung thành với Pookie và nói ra điều đó. Vì thế chị nói chị sẽ suy nghĩ thêm và nói với bố ngày hôm sau. Bố nói “Con hứa chứ? Nếu bố gọi con vào ngày mai qua điện thoại, liệu con có nói với bố không?” Và chị đã hứa. Chị nhớ là chị đã không thể nhìn thẳng vào Pookie tối

đó và không thể ngủ ngon được, nhưng khi bố gọi chị đã nói với bố. Chị nói “Bố ơi,” và chị nghĩ là bố sẽ khóc, ở ngay trên điện thoại. Bố thường hay khóc, em biết mà.”

“Bố hay khóc á? Em chưa bao giờ nhìn thấy bố khóc.”

“Thật ra là bố hay khóc. Bố là một người đàn ông dễ cảm động. Dù sao, bố nói ‘Thật tốt, con yêu,’ và chị nhớ là chị đã cảm thấy thư giãn khi bố không khóc. Rồi bố nói ‘Con này. Ngay khi bố thu xếp được một vài thứ bố sẽ đón con về ở với bố ngay. Có thể sẽ không phải là ngay lập tức nhưng sẽ chóng thôi, và chúng ta sẽ luôn bên nhau.’”

“Chúa ơi,” Emily nói. “Và dĩ nhiên là bố đã không bao giờ làm điều đó.”

“à, chị đã thôi không mong điều đó xảy ra sau đó; chị đã thôi không nghĩ về điều đó”

“Và chị đã phải sống với Pookie và em.”

Emily lần mò điều thuốc. “Em không hề có một may mắn nào là chị đã phải trải qua bất kỳ một chuyện nào đó giống như vậy.”

“À, em đừng hiểu nhầm đấy,” Sarah nói. “Bố cũng yêu em; bố luôn hỏi chị về em, đặc biệt là sau này, khi em lớn lên - em như thế nào, em thích gì vào ngày sinh nhật - em biết đấy. Cứ như thể là bố chưa bao giờ thật sự hiểu em vậy.”

“Em biết.” Emily uống một ngụm, tìm kiếm nỗi buồn da diết được tăng thêm do rượu dường như đi thẳng vào vòm miệng cô rồi vào thẳng mạch máu cô vậy. Cô có một câu chuyện của riêng mình để kể ngay bây giờ; nó không hẳn là một câu chuyện buồn như Sarah, nhưng nó là một câu chuyện buồn. “Chị có nhớ Larchmont không?” cô bắt đầu.

“Đương nhiên rồi.”

“Thật ra, khi Bố đến thăm vào Giáng sinh năm đó...”

Cô kể rằng cô đã nằm lắng nghe bố mẹ nói chuyện và nói chuyện mãi với nhau ở tầng dưới như thế nào và cô đã gọi mẹ như thế nào, và mẹ đã lên gác người sực nức mùi rượu gin như thế nào và nói họ “đang đi đến một sự đồng cảm mới,” và mọi sự hy vọng đều bị sụp đổ trong ngày hôm sau như thế nào.

Sarah gật đầu chứng thực. “Chị biết,” cô nói. “Chị nhớ đêm hôm đó. Chị cũng thức. Chị nghe thấy tiếng em gọi.”

“Chị đã như vậy á?”

“Và chị nghe thấy tiếng Pookie lên gác. Chị cũng vui như em vậy. Và rồi sau đó một lúc, có thể là một nửa giờ sau đó, chị thức dậy và đi xuống gác.”

“Chị đi xuống gác á?”

“Và không có nhiều ánh sáng trong phòng khách nhưng chị vẫn có thể nhìn thấy bố mẹ nằm cùng nhau trên sofa.”

Emily nuốt chửng, “ý chị là họ cùng... nằm với nhau?”

“Ừ, thật ra không có nhiều ánh sáng lắm, nhưng bố nằm trên và đó là - em biết đấy - đó là một sự ôm ấp rất tình cảm.” Và Sarah cầm cốc thật nhanh lấp vào miệng mình.

“Ôi,” Emily nói. “Thế thì em hiểu rồi.”

Cả hai bọn họ đều im lặng một lúc. Rồi Emily nói “giá mà chị nói với em chuyện này từ lâu rồi mới phải, Sarah, à mà không, hãy nghĩ sâu hơn một chút, em nghĩ là em sẽ vui hơn nếu như chị không nói. Chị hãy kể cho em chuyện khác đi. Chị đã bao giờ hiểu được là tại sao họ lại bỏ nhau không? à, mà em biết kiểu của mẹ - mẹ cảm thấy ‘bị kìm hãm’; mẹ muốn tự do; mẹ luôn so sánh mình với một người phụ nữ trong truyện Một ngôi nhà Búp bê.”

“Một ngôi nhà Búp bê, đúng rồi. Thật ra, nó chỉ là một phần thôi; nhưng rồi một vài năm sau khi ly dị mẹ đã quyết định mẹ muốn quay trở lại với bố, nhưng bố lại không muốn có mẹ.”

“Chị có chắc không?”

“Hoàn toàn chắc chắn.”

“Tại sao?”

“Thật ra, hãy nghĩ sâu về điều đó, Emmy. Nếu em là một người đàn ông, liệu em có chấp nhận lại người đàn bà đó không?” Emily nghĩ về điều đó. “Không. Nhưng rồi, tại sao lúc đầu bố lại cưới mẹ?”

“À, bố yêu mẹ; đừng có lo lắng về điều đó. Bố nói với chị một lần rằng mẹ là người phụ nữ tuyệt vời nhất mà bố đã từng gặp.”

“Chị đang đùa đấy à.”

“Thật ra, có thể bố không nói ‘tuyệt vời’. Nhưng bố nói mẹ thật sự quyến rũ.”

Emily nghiêng ngẫm ly rượu trên tay. “Dù sao đi nữa thì chị nói chuyện với bố khi nào vậy?”

“À, hầu như vào thời gian chị đeo hàm. Chị không phải đi vào thành phố một lần một tuần, em biết mà - nha sĩ chỉ yêu cầu gặp chị một tháng một lần. Cái câu chuyện một-tuần-một-lần là chuyện mà bố và chị dựng lên, vì thế bố và chị có thêm thời gian bên nhau. Pookie chưa bao giờ nhận ra điều đó.”

“Em cũng vậy.” Và thậm chí, kể cả ngay bây giờ, ở tuổi ba mươi sáu, Emily cũng vẫn cảm thấy ghen tỵ. “Và ai là Irene Hammond?” cô hỏi. “Người phụ nữ em gặp ở đám tang của bố?”

“Ôi, Irene Hammond chỉ mới trong một vài năm cuối, vào lúc cuối đời của bố. Có những người khác nữa cơ.”

“Thật á? Chị có gặp họ không?”

“Một vài người trong số họ? Hai hay ba gì đó.”

“Họ có dễ chịu không?”

“Một người trong số họ chị chẳng thích tí nào; những người khác thì cũng được.”

“Tại sao chị lại cho là bố sẽ không bao giờ lấy vợ nữa?”

“Chị không biết. Bố nói một lần - bố nói điều này khi chị đính hôn với Donald Clellon - bố nói một người đàn ông phải mãn nguyện với công việc trước khi anh ta thành thân, và có thể đó là một phần. Bố không bao giờ thoải mái với công việc, em biết đấy. Ý chị là, bố muốn trở thành một phóng viên vĩ đại, một ai đó giống như Richard Harding Davis hay là Heywood Broun. Chị không nghĩ là bố đã hiểu được điều tại sao bố chỉ mãi là - em biết đấy - chỉ là một người hiệu đính bản thảo”

Và điều đó đã không dừng được. Suốt tối họ đã phải kiềm chế không khóc, suốt buổi tối, nhưng điều này nặng nề quá. Sarah bắt đầu khóc trước và Emily phải dời khỏi sàn để ôm chị mình trong vòng tay và an ủi chị mình, cho đến khi rõ ràng là cô cũng không thể an ủi được ai vì chính bản thân cô cũng đang khóc. Với một người mẹ đang nằm hôn mê cách hai mươi dặm, họ dính vào với nhau uống cho đến say mềm và thương xót cho việc mất đi một người cha.

Pookie đã không chết ở ngày hôm sau, và ngày sau đó. Vào cuối ngày thứ ba, rõ ràng là tình trạng của bà trở nên “ổn định,” và Emily quyết định về nhà. Cô muốn quay trở lại căn hộ có điều hoà, nơi không có bất cứ một thứ mùi ẩm mốc nào và mọi thứ đều sạch sẽ, và cô muốn đi làm trở lại.

“Tiếc quá, anh chị không được ở được thêm với em, Emmy,” Tony nói khi anh nhanh chóng đưa cô ra sân ga trong chiếc Thunderbird. Khi anh đỗ chiếc xe gần sân ga để đợi tàu, cô nhận ra rằng cô có thể sẽ không bao giờ có được cơ hội tốt hơn như thế này để đưa ra vấn đề về việc bán trang trại. Cô cố gắng thực hiện điều đó thật khéo léo, rõ ràng cô biết rằng đây không phải là việc của cô, ngụ ý rằng chắc hẳn anh đã phải nghĩ đến điều đó từ trước rồi.

“Ôi, Chúa ơi,” anh nói khi anh nghe thấy tiếng của con tàu đang đến gần. “Anh muốn bán chúng đi lâu rồi. Hãy cho xe ủi đất và chôn vùi chúng đi cho xong. Nếu điều đó thuộc về anh, anh đã...”

“Ý anh là chuyện này không nằm trong tầm kiểm soát của anh?”

“Không, em ơi; mà là chính Sarah, em biết đấy. Cô ấy chưa bao giờ nghe nói về điều này.”

“Nhưng Sarah nói là chị ấy muốn thực hiện việc này. Chị ấy nói anh chính là người không muốn.”

“Ôi?” anh nói, trông thật sững sốt. “Thật á?”

Tàu đang vào ga với một tiếng động áp đảo; không có gì cho Emily làm cả ngoại trừ việc chào tạm biệt.

Khi cô ra khỏi thang máy ở tầng của mình - cái dương vật và tinh hoàn vĩ đại vẫn còn hiển hiện ra từ con ngựa giấy trên tường - cô gần như quá mệt để có thể đứng vững được. Căn hộ thật mát mẻ và đón chào cô như cô đã biết là nó sẽ là như vậy, và cô thả mình vào trong chiếc ghế sâu với gót chân duỗi thẳng trên sàn nhà. Thật là mệt quá. Ngày mai cô sẽ lái xe lên khu phố trên đến Baldwin Advertising, cô sẽ làm việc với tất cả sự thông minh và hiệu quả mà họ đã mong chờ ở cô, và cô sẽ không uống một chút nào trong vòng một tuần ngoại trừ một lon bia hay một ly rượu vang sau mỗi ngày làm việc. Chẳng bao lâu nữa cô lại có thể là chính mình.

Nhưng trong lúc này mới chỉ là tám giờ tối; không có gì ở đây làm cho cô muốn đọc; không có gì để xem; không có gì để làm ngoại trừ việc ngồi đây và trong đầu lật đi lật lại quãng thời gian ở St.Charles. Sau đó một lúc cô ngồi dậy và đi quanh phòng mút tay. Rồi chuông điện thoại reo. “Có phải Emily không?” một giọng đàn ông nói. “Ôi, em có khoẻ không? Anh gọi em suốt.”

“Ai đấy ạ?”

“Ted đây; Ted Banks... tối thứ sáu, em nhớ chứ? Anh gọi em suốt từ sáng thứ bảy... ba hay bốn lần gì đó một ngày, và em không bao giờ có mặt ở nhà. Em ổn chứ?”

Nghe giọng của anh ta và tên họ của anh ta đã gợi lại tất cả mọi thứ. Cô có thể cảm nhận thấy khuôn mặt với hàng lông mày rậm rì, chất phác và nhớ về vóc dáng, độ nặng và cảm giác về anh ta; cô có thể nhớ được tất cả mọi thứ. “Em đã không ở trong thành phố một vài ngày,” cô nói. “Mẹ em ốm nặng.”

“Ôi, thế bây giờ bà thế nào?”

“Bà đã... khá hơn.”

“Thế thì ổn rồi. Nghe này, Emily, trước tiên anh muốn xin lỗi - anh đã không uống nhiều như thế trong hàng năm nay rồi. Anh không quen với điều đó.”

“Em cũng vậy.”

“Vì thế nếu anh đã ngớ ngẩn anh vô cùng...”

“Không sao đâu mà; cả hai ta đều thật ngớ ngẩn.” Cô không còn cảm thấy mệt nữa, ngoại trừ việc xứng đáng được hưởng thoải mái. Cô cảm thấy tốt.

“A, em này: em có nghĩ rằng anh có thể gặp lại em chứ?”

“Vâng, em xin sẵn lòng.”

“Thế thì tuyệt quá; tuyệt quá. Vì anh thật sự - Khi nào? Sớm nhất có thể là bao giờ?”

Cô nhìn quanh căn hộ của mình với niềm vui. Mọi thứ đều sạch; mọi thứ đều đã sẵn sàng. “Dạ,” cô nói, “bất cứ khi nào cũng được, Ted. Tại sao lại không phải là tối nay nhỉ? Cho em nửa giờ để tắm rửa và thay đồ, và rồi - anh biết đấy - anh đến đi.”

8. Chương 8

Nhà an dưỡng, một nhà dưỡng lão thuộc về nhà thờ Tân giáo bình thường mà ở đó hai chị em nhà Grimes chia sẻ chi phí chăm sóc mẹ mình, đại khái nằm giữa thành phố và St.Charles. Lúc đầu Emily đến đó tháng một lần; sau đó cô cắt bớt xuống còn ba hay bốn lần trong năm. Lần đến thăm đầu tiên của cô, mùa thu sau sự suy sụp của Pookie, là lần đến thăm đáng nhớ nhất.

“Emmy!” Người phụ nữ già nua khóc lên, nằm nâng cao một nửa người trên giường bệnh. “Mẹ biết là con sẽ đến ngày hôm nay!”

Nhìn thoáng qua trông bà ngạc nhiên một cách sững sốt - mắt bà yếu ớt và hàm răng giả của bà để lộ ra một nụ cười chiến thắng - nhưng rồi bà bắt đầu nói. Cái miệng ướm của bà thật nỗ lực làm việc, lúu nhúu những âm tiết theo cách bắt chước chậm biểm chậm chạp mà bà đã nói trong suốt cả đời mình.

“... Và chẳng phải thật là tuyệt vời khi mọi thứ đều được thu xếp ổn thoả cho tất cả chúng ta hay sao? Hãy xem này! Sarah thật sự là một bà hoàng, và nhìn con này. Mẹ luôn biết rằng có một cái gì đó thật đặc biệt về gia đình chúng ta.”

“Mm,” Emily nói. “Trông mẹ khoẻ. Mẹ cảm thấy thế nào?”

“À, mẹ hơi mệt một chút, nhưng mẹ vui lắm... rất vui và tự hào về cả hai con. Đặc biệt là con, Emmy. Rất nhiều cô gái do hôn nhân mà trở thành thành viên của hoàng gia châu Âu - chỉ có, con có biết điều hài hước không? Mẹ vẫn không thể phát âm được tên họ của anh ta! - Nhưng bao nhiêu người phụ nữ có thể trở thành Đệ nhất Phu nhân?”

“Mẹ có... thoả mái không?”

“Ôi, khá thoả mái con à... dĩ nhiên mẹ biết là điều đó thật tuyệt, xây ngay trong Nhà Trắng... nhưng mẹ sẽ nói với con điều này, con yêu.” Bà hạ thấp giọng xuống thành như thì thầm khẩn cấp. “Một vài y tá ở đây không biết phải ứng xử như thế nào khi họ tiếp xúc với mẹ vợ của Tổng thống. Dù sao thì...” Bà lùi lại vào cái gối. “Dù sao thì, mẹ biết là con rất bận; mẹ không giữ con đâu. Cậu ta đã ghé qua thăm mẹ hôm nọ.”

“Anh ta đã làm vậy?”

“À, chỉ một vài phút thôi, sau buổi họp báo, và anh ta gọi mẹ là Pookie và dành cho mẹ một cái hôn. Thật đúng là một người đàn ông có vóc dáng đẹp quá, với nụ cười thật đẹp. Anh ta thật... thật tinh tế. Xem này! Người đàn ông trẻ nhất đã từng được bầu là Tổng thống trong lịch sử Mỹ!”

Emily nói câu tiếp theo rất cẩn thận. “Pookie,” cô nói, “mẹ đã mơ rất nhiều đúng không ạ?”

Người phụ nữ già nua nháy mắt liên tục. “Mơ á, à, đương nhiên rồi. Cũng thỉnh thoảng...” Đột nhiên trông bà thật hoảng sợ. “Thỉnh thoảng mẹ có những giấc mơ rất xấu, những giấc mơ thật khủng khiếp về tất cả những điều kinh khủng, nhưng mẹ luôn thức giấc.” Khuôn mặt bà thư giãn đôi chút. “Và khi mẹ tỉnh dậy mọi thứ lại tuyệt vời trở lại...”

Trên đường ra khỏi nơi đây, đi qua những cánh cửa mở toang của những cái phòng rì rầm toàn những giường và xe đẩy, thỉnh thoảng mới thoáng thấy những cái đầu của bệnh nhân, cô thấy một phòng trực của y tá nơi có hai người phụ nữ với đôi chân to mặc đồ trắng đang uống cà phê và đọc tạp chí.

“Xin lỗi. Tôi là con gái của bà Grimes - Bà Grimes ở phòng Hai-F.”

Một trong những y tá nói “Ôi, chắc chị là bà Kenedy”; còn người kia, với một nụ cười khá mệt mỏi muốn nói cô ta đang đùa, nói “Tôi có thể có ảnh của chị được không?”

“Đó là những gì mà tôi muốn nói chuyện với các chị. Mẹ tôi luôn như vậy à?”

“Đôi lúc thôi; không phải lúc nào cũng vậy.”

“Bác sĩ của mẹ tôi có biết chuyện này không?”

“Thế thì chị phải hỏi ông ta. Bác sĩ chỉ có mặt ở đây sáng thứ ba và sáng thứ sáu hàng tuần.”

“Thế à,” Emily nói. “Thế này thì: liệu sẽ tốt hơn nếu chơi cùng với bà về những chủ đề như vậy không, hay là cố gắng và...”

“Cũng không có sự khác biệt gì mấy, dù theo cách này hay cách khác,” cô y tá nói.

“Tôi sẽ không lo lắng về điều đó, bà...?”

“Grimes; tôi chưa thành thân.”

Và ảo tưởng đã không kéo dài. Qua mùa đông, Pookie dường như đã biết mình là ai, hầu hết thời gian, nhưng cuộc trò chuyện của bà ít gắn kết hơn nhiều. Bà đã có thể ngồi trên ghế và thậm chí còn đi được xung quanh nữa, mặc dầu có lần bà đã làm đổ nước tiểu ra sàn. Đến mùa xuân bà trở nên rầu rĩ và im lặng,

chỉ phàn nàn về thị lực giảm sút và sự sao lãng của y tá và việc thiếu thuốc lá. Một lần, lúc yêu cầu một y tá mang đến cho bà một thỏi son và một cái gương, bà đã nghiền ngẫm sự phản chiếu cái bộ dạng cau có của mình và đã trát cái miệng toàn son lên mặt gương.

Trong năm đó Emily được thăng chức lên vị trí “giám sát hiệu đính” của hãng Baldwin Advertising. Hannah Baldwin, một “cô gái” sôi nổi và gọn gàng ở tuổi năm mươi thích được nổi tiếng rằng công ty quảng cáo của cô ta là một trong ba công ty quảng cáo duy nhất ở New York do phụ nữ quản lý, nói với cô rằng cô thật sự có một tương lai với ngành kinh doanh này. “Chúng tôi yêu quý chị, Emily,” cô ta nói như vậy hơn một lần rồi, và Emily phải thừa nhận rằng cô đã được đền đáp xứng đáng. À, không phải yêu quý, chính xác - chắc chắn không phải là yêu quý theo nghĩa đó - mà nghiêng nhiều hơn về nghĩa của sự tôn trọng và hài lòng. Cô yêu thích công việc của mình.

Nhưng cô cũng thích thời gian nghỉ ngơi hơn nhiều. Ted Banks chỉ tồn tại được mấy tháng; vấn đề chính là cả hai bọn họ đều cảm thấy một nhu cầu khẩn thiết không thể chống lại được là muốn được uống quá nhiều khi họ cùng nhau, như thể họ không muốn âu yếm nhau một cách nghiêm túc vậy.

Mọi thứ trở nên có cơ sở quan hệ thông minh hơn với Michael Hogan. Anh ta là một người đàn ông lịch lãm một cách đáng ngạc nhiên, mạnh mẽ và vạm vỡ; anh ta quản lý một xưởng quảng cáo nhỏ, nhưng nói chuyện quá ít về công việc của mình đến nỗi thỉnh thoảng cô còn quên mất là anh ta làm gì để sống, và điều hay nhất về anh ta là anh ta không hề có nhu cầu tình cảm với cô. Thậm chí họ còn không được coi như là những người bạn thân nữa: cả tuần trôi đi mà cô có thể hầu như không nhận được một liên lạc nào từ anh ta, hay là sự quan tâm nào của anh ta, và khi anh ta gọi (“Emily! Có cảm thấy muốn ăn tối không?”) nó như thể họ chưa bao giờ xa cách. Cả hai người đều thích cách như vậy.

“Anh có biết không?”, cô nói với anh ta một lần nọ. “Thật sự không có nhiều người để mình có thể chia sẻ niềm vui cùng nghỉ ngơi ngày thứ bảy.”

“Mm,” anh ta nói. Anh ta đang cạo râu, đứng ngay trong phía cánh cửa đang mở của phòng tắm; cô nằm tựa vào gối trong chiếc giường lớn của anh ta, giở lướt qua cuốn tạp chí Bình luận Thời báo New York.

Cô giở đến một trang và một bức ảnh của Jack Flanders đập ngay vào cô, trông già hơn và thậm chí buồn hơn lần gặp cuối cùng của cô với anh. Có những tấm hình của ba người đàn ông khác nữa trong cùng một khổ quảng cáo toàn trang, dưới đó có tiêu đề “Một cuộc họp mặt mùa xuân của các nhà thơ”; cô đọc lướt qua bài báo và tìm thấy phần nói về Jack.

“Ở tuổi trung niên, một Jack Flanders không kiên định trước kia đã trở nên lảng xuống với một sự chấp nhận thật đáng yêu về những sự việc như nó vốn có - xuyên thấu, không biết bao lần, bằng một sự hối tiếc mạnh mẽ về những điều đã qua. Ngày và đêm, tuyển tập thứ tư của anh, mang đến một sự khéo léo tài tình mà chúng ta vẫn dành cho anh, nhưng sẽ là quá nhảm nếu sự ca ngợi trở nên quá thường xuyên. Liệu sự chấp nhận và hối tiếc có thể lấp đầy được chẳng? Với cuộc sống hàng ngày, có thể - không, một độc giả đã hoài nghi, với những đòi hỏi cao hơn về nghệ thuật. Độc giả này nhớ chất lửa của Flanders già nua.

Một vài trong số những bài thơ tình thật xúc động, đặc biệt bài “Cây sồi Iowa”, với khổ thơ cuối đầy tình ái mạnh mẽ, và “Lời cầu hôn”, với những dòng khơi gợi tò mò “Anh ngắm em chơi quanh với chú chó và tự hỏi / Liệu người con gái này cần gì ở tôi?” ở đâu đó trong bài thơ, tuy nhiên, đã bị hối thúc bỏ qua những vần thơ và trở nên cổ điển và ủy mị.

Bài thơ dài cuối cùng có thể đã bị cắt từ bản thảo trước khi được mang đi in. Thậm chí tiêu đề bài thơ cũng thật kỳ dị... “Hồi tưởng lại chuyến đi thăm lại London” - và chính bản thân tác phẩm thể hiện sự hoang mang trong phần hồi tưởng kép: nhà thơ tiếc nuối thời gian khi anh đứng ở một cổng chào của London trong khi lại vẫn tiếp tục nuối tiếc về một khoảng thời gian khác, trước đó. Sự buồn chán sẽ chất đầy đến như thế nào để có thể làm cho một nhà thơ độc thân chịu đựng được nếu như không trở thành trò cười?

Bài thơ đã kết thúc tuyển tập thơ mỏng này với những trắc ẩn của nhà thơ về tình trạng bất ổn của riêng mình với nuối tiếc- trong-nuối tiếc, và chỉ với một chút hy vọng mong manh.

Quay sang tác phẩm mới táo bạo, tươi sáng của William Krueger, chúng ta có thể tìm thấy những gì được gọi là một sự lúng túng của việc giàu chất thơ...”

Tiếng rì rì của máy cạo râu bằng điện của Michael Hogan đã dừng được cách đây một lúc; cô nhìn lên và thấy anh ta nhìn chăm chăm vào bờ vai cô.

“Có chuyện gì thế?”, anh ta hỏi.

“Không có gì; chỉ là một vài điều về một người đàn ông mà tôi đã từng biết.”

“Thế à? Bài nào vậy?”

Có bốn bức ảnh trên trang giấy, cô có thể dễ dàng chỉ vào một trong bốn người bọn họ - thậm chí kể cả Krueger - và Michael Hogan sẽ chẳng bao giờ biết được, hay quan tâm đến, nhưng cô cảm thấy động lòng trắc ẩn. “Anh ta,” cô nói, chỉ ngón tay của mình vào khuôn mặt của Jack.

“Trông như thể anh ta vừa mới mất đi người bạn cuối cùng vậy,” Michael Hogan nói.

Một buổi sáng thứ sáu Sarah gọi Emily ở văn phòng, van nài liệu cô có thời gian ăn trưa không.

“Ý chị là chị đang ở trong thành phố?”

“Đúng thế.”

“Vâng, được thôi,” Emily nói. “Nhân dịp gì vậy?”

“Thật ra, Tony phải đi họp hôm nay, đó chỉ là một phần thôi, nhưng vấn đề chính là bọn chị có vé đi xem Roderick Hamilton với vở Về nhà đi, hồi người xa lạ vào tối nay, và sau đó bọn chị sẽ đi ra sau cánh gà để gặp ông ta.”

Roderick Hamilton là một diễn viên người Anh nổi tiếng, người có vở kịch gần đây được trình diễn ở New York. “Tuyệt quá,” Emily nói.

“Ông ta và Tony học cùng trường ở England, em biết đấy... chị đã kể với em chuyện này chưa?”

“Vâng, em nghĩ là như thế.”

“Lúc đầu Tony cảm thấy quá ngượng khi phải viết cho ông ta, nhưng chị đã hối thúc anh ta làm chuyện đó, và bọn chị được nhận hồi âm rất thú vị, lá thư thật sự thu hút nói rằng ông ta còn nhớ Tony và muốn gặp lại anh ta, và muốn gặp chị. Điều đó có thú vị không em?”

“Đương nhiên rồi.”

“Vì thế nên, bọn chị đang ở tại Roosevelt, và Tony sẽ ra ngoài cả ngày. Tại sao em không qua đây ăn trưa? Họ có một nơi rất tuyệt gọi là Phòng Rough Rider.”

“Thật ra,” Emily nói. “Nghe có vẻ như thích hợp với đôi lái già nua mạnh mẽ như chị và em.”

“Em nói gì cơ?”

“Không có gì đâu ạ. Liệu một giờ có được không ạ?”

Lúc đầu khi cô bước vào nhà hàng cô nghĩ là Sarah vẫn chưa đến - các bàn toàn là những người lạ mặt - nhưng rồi cô nhìn thấy một mệnh phụ ăn mặc quá diện, hơi mập, ngồi một mình, đang cười với cô.

“Lại đây em,” Sarah nói. “Trông em tuyệt quá.”

“Chị cũng vậy,” Emily nói, nhưng đó lại không phải là sự thật. Ở St.Charles, mặc quần áo đồng quê, Sarah có thể vẫn còn trông đúng như tuổi của mình - Emily tính thật nhanh là bốn mươi một - nhưng ở đây trông cô già hơn nhiều. Mất đã có nếp nhăn và thâm và cảm xị. Cô bị vai thông xuống. Rõ ràng là cô đã không quyết định được lựa chọn bộ trang sức sáng màu nào có thể hợp được với bộ vét rẻ tiền màu be, và đã giải quyết vấn đề đó bằng cách đeo tất cả chúng lên người. Năm ngoái rằng cô đã trở nên nhuốm màu nâu đậm.

“Hai người có muốn uống chút gì không?” Bồi bàn hỏi.

“À, vâng,” Sarah nói. “Tôi muốn martini nặng, nguyên chất, với một chút chanh vat.”

Emily gọi một ly rượu vang trắng (“Chiều nay em phải làm việc”) và cả hai bọn họ đều cố thư giãn.

“Em biết không?” Sarah nói, “Chị vừa chợt nghĩ. Đây là lần đầu tiên chị quay trở lại New York trong vòng chín năm. Thật là thú vị khi mọi thứ đã thay đổi.”

“Chị nên thường xuyên ra đây.”

“Chị biết; chị cũng thích thế; chỉ vì Tony không thích như vậy. Anh ta căm ghét xe cộ chật chội, và anh ta nói mọi thứ quá đắt.”

“Mm.”

“À!” Sarah nói, vui vẻ trở lại. “Chị đã kể với em là bọn chị đã nghe Tony Junior nói gì chưa nhỉ?” Cách đây vài tháng, nó đã chấm dứt mối quan hệ tình cảm với kẻ ly dị chồng (con mụ đó đã tìm được người già hơn), Tony Junior đã đăng ký tham gia vào Đoàn lính thủy đánh bộ. “Cu cậu đang ở doanh trại Pendleton, California, và cu cậu gửi về cho bọn chị một lá thư dài,” Sarah nói. “Dĩ nhiên, Tony vẫn còn tức giận với cu cậu - thậm chí anh ta còn dọa không cho cu cậu được hưởng thừa kế...”

“Không được hưởng thừa kế từ cái gì?”

“... Thật ra, em biết đấy, không thừa nhận cu cậu; nhưng chị nghĩ kinh nghiệm sẽ làm cho cu cậu hướng tới một cuộc sống tốt lành.”

“Thế còn những cu cậu kia thì thế nào?”

“Ôi, Peter bận bịu với trường đại học, luôn ở trong danh sách của thầy hiệu trưởng mỗi kỳ, và Eric... thật ra, thật khó nói về Eric. Cu cậu vẫn say mê ô tô lắm.”

Và rồi câu chuyện quay sang nói về mẹ họ, người mà Emily đã không đến thăm một thời gian rồi. Nhân viên xã hội ở nhà an dưỡng, Sarah nói, đã gọi cô lên để thông báo về tình hình của Pookie đang trở thành một vấn đề về thi hành kỷ luật.

“Ý chị là gì, một vấn đề về thi hành kỷ luật?”

“Ừ, anh ta nói rằng mẹ làm những điều gây buồn phiền cho những bệnh nhân khác. Một đêm, vào khoảng bốn giờ, mẹ đi vào phòng một ông già và nói ‘Tại sao anh lại chưa sẵn sàng? Anh đã quên hôm nay là ngày cưới của chúng ta hay sao?’ Và đương nhiên là mẹ sẽ cứ nói mãi như vậy, cho đến khi ông già phải gọi y tá đến để đưa mẹ về phòng.”

“Ôi, Chúa ơi.”

“Không, nhưng anh ta đã nói rất nhã nhặn về việc đó - ý chị là, nhân viên xã hội. Anh ta nói đó là một loại hành vi lặp lại và chúng ta sẽ phải đưa mẹ ra khỏi đó.”

“Thế à, nhưng nơi nào chúng ta... ý em là chúng ta có thể đưa mẹ đi đâu?”

Sarah châm thuốc. “Trung tâm Islip, chị nghĩ vậy,” cô nói trong lúc thả khói thuốc. “Đó là gì?”

“Bệnh viện bang. Nó miễn phí. À, nhưng chị biết sẽ ổn thôi mà.”

“Em hiểu,” Emily nói.

Với ly martini thứ hai Sarah rút rè thông báo. “Chị nghĩ chị thật sự không nên như vậy,” cô nói. “Bác sĩ nói chị uống quá nhiều.”

“Ông ta nói vậy á?”

“Ừ, nó không hẳn chỉ là một lời cảnh báo ghê gớm hay là một điều gì tương tự như thế; ông ta còn nói với chị là phải dừng việc uống lại. Ông ta nói - em biết đấy - gan của chị đang to ra. Chị không biết nữa. Thôi, mình không nói về những điều phiền muộn nữa. Chị hầu như không gặp em, Emmy, và chị muốn nghe em kể mọi điều về công việc, về cuộc sống tình cảm và mọi thứ khác nữa. Ngoài ra, chị sẽ đi gặp Roderick Hamilton tối nay, và chị muốn chuẩn bị một tâm trạng tốt. Chúng mình hãy cùng vui nào.”

Nhưng một vài phút sau đó cô nhìn quanh phòng chăm chú, buồn bã. “Ồ đây thật đẹp nhỉ,” cô nói. “Đây là một trong những nơi bố thường hay đưa chị ghé qua, trước khi đưa chị ra tàu. Thỉnh thoảng bố và chị cũng đến Biltmore, hay Commodore, nhưng đây là nơi chị nhớ nhất. Những người hầu bàn ở đây đều biết

ông, và họ cũng biết chị nữa. Họ thường hay mang đến cho chị một suất kem đúp, với bố cũng là một ly scotch đúp, rồi bố và chị nói và nói...”

Sau đó, Emily không thể nhớ nổi Sarah đã uống ba hay bốn ly martini gì đó ở bữa trưa trong Phòng Rough Rider; cô chỉ có thể nhớ bản thân cô đã quá chén với rượu vang khi món gà a-la-king của họ được đem đến, và rằng Sarah chỉ ăn rất ít khẩu phần của mình. Cô cũng không uống cà phê của mình nữa.

“Ôi, Emmy yêu quý,” cô nói. “Chị nghĩ là chị hơi say rồi. Liệu có lỗi bịch không? Chị không hiểu tại sao chị... Ôi, nhưng ổn thôi mà. Chị có thể chớp mắt một chút trên phòng. Chị còn nhiều thời gian trước khi Tony quay lại; rồi bọn chị sẽ ăn tối, đi nhà hát và chị sẽ ổn thôi.”

Cô cần trợ giúp để bước ra khỏi ghế. Cô cũng cần trợ giúp để đi qua nhà hàng - Emily xóc cô lên cao và chắc chắn dưới cánh tay mềm mại - và đi dọc hành lang để ra thang máy.

“Ổn thôi, Emmy,” cô liên tục nói. “Sẽ ổn thôi. Chị nghĩ vậy.” Nhưng Emily không thể đi khỏi, mãi cho đến khi họ lên đến phòng nghỉ, nơi Sarah đi lảo đảo về phía trước được một vài bước và ngã sụp xuống giường. “Chị sẽ ổn thôi,” cô nói. “Giờ chị sẽ ngủ một chút, và chị sẽ ổn thôi.”

“Chị không muốn cởi quần áo ra à?”

“Không sao đâu. Đừng lo về điều đó. Chị sẽ ổn.”

Và Emily quay về văn phòng để chuẩn bị cho công việc bề bộn của buổi chiều. Mãi cho đến gần năm giờ chiều cô mới bắt đầu cảm nhận thấy một niềm vui tội lỗi: giờ thì cô đã gặp chị mình, nó có thể là đã nhiều tháng nay - có thể là hàng năm rồi - trước khi cô lại có thể gặp chị mình.

Thật là một buổi tối trông vắng; và thỉnh thoảng, khi lên kế hoạch thích hợp, cô nhận thấy cô không quan tâm là mình có trông vắng hay không. Trước tiên cô thay đồ với bộ quần áo dễ chịu và chuẩn bị nguyên liệu để nấu bữa đệm ở căn bếp nhỏ, rồi cô tặng cho mình một ly - không bao giờ vượt quá hai - và xem chương trình tin tức CBS Buổi tối. Sau đó, sau khi cô ăn xong và rửa bát đĩa, cô sẽ ngồi trong cái ghế sâu hay là nằm trên sofa với một cuốn sách, đọc và từng giờ trôi qua không đếm được cho đến lúc lên giường đi ngủ.

Khi chuông điện thoại reo vào lúc chín giờ, nó đã làm cho cô giật mình, và âm thanh yếu ớt, buồn thảm của Sarah vang lên... “Emmy?” - làm cho cô nhanh chóng đứng dậy. “Em này,” Sarah nói. “Chị ghét phải nói với em điều này, nhưng em có nghĩ là em có thể đến đây được không? Đến khách sạn được không?”

“Có chuyện gì thế? Tại sao chị không đi nhà hát?”

“Chị... đã không đi. Chị sẽ giải thích khi gặp em, được không?”

Suốt dọc đường đi lên khu phố trên, trong một chiếc taxi luôn gặp tắc đường, Emily cố làm cho đầu óc mình được trống không; cô vẫn cố giữ cho đầu óc mình được trống không khi cô đi dọc hành lang được trải thảm dài dẫn đến phòng của Sarah, chỉ khép hờ. Cô định đẩy vào để mở cửa, nhưng thay vào đó cô đã gõ cửa. “Anthony?” Sarah nói với giọng đầy hy vọng, rụt rè.

“Không, là em đây.”

“Ôi, vào đi, Emmy.”

Emily bước vào căn phòng tối và để cho cửa tự đóng đằng sau mình. “Chị ổn chứ?” Cô hỏi. “Đèn đâu hết rồi ạ?”

“Đừng bật đèn. Hãy nói chuyện trước đã, được không em?”

Trong ánh sáng xanh mờ nhạt của cửa sổ, Emily có thể nhìn thấy Sarah đang nằm trên giường, theo đúng cách khi cô đi về chiều nay, ngoại trừ việc giờ thì cái giường không được dọn và cô chị chỉ mặc mỗi đồ lót.

“Chị vô cùng xin lỗi về việc này, Emmy; chị đã không nên gọi cho em, nhưng sự việc là... mà, chị bắt đầu từ đâu được không? Khi Tony quay về chị vẫn... em biết đấy... chị vẫn say, chị nghĩ thế, và bọn chị đã cãi nhau to về điều đó và anh ta nói anh ta sẽ không đưa chị đi nhà hát, và anh ta... dù sao đi nữa, thì anh ta cũng đi nhà hát một mình rồi.”

“Anh ta đi nhà hát một mình á?”

“Đúng thế. Ôi, em không thể đổ lỗi cho anh ta được; chị không ở trong trạng thái tốt để có thể gặp Roderick Hamilton sau cánh gà; đó hoàn toàn là lỗi của chị. Nhưng chị vừa mới... vấn đề là, chị và em đã có một buổi nói chuyện thú vị vào mùa hè năm ngoái, và chị gọi em vì chị cần một ai đó để nói chuyện cùng.”

“Em hiểu. Mà, thật ra em vui khi chị gọi. Em có thể bật đèn được không?”

“Chị nghĩ là em bật được rồi đây.”

Emily cảm nhận dọc bờ tường để dò tìm công tắc, và khi cô tìm thấy, căn phòng như đột nhiên trở nên bừng sáng. Có máu vương trên thảm đã bị làm cho lộn xộn, trên gối; có máu ở phía dưới đằng trước đồ lót của Sarah, trên cả khuôn mặt nhợt nhạt, sưng tấy và trên cả tóc của cô chị nữa.

Emily ngồi xuống ghế và dùng một tay che mắt. “Em không thể tin được,” cô nói. “Em không thể tin nổi được điều này, dù chỉ là một giây. Ý chị là anh ấy đã đánh chị?”

“Đúng thế. Cho chị một liều thuốc, em?”

“Được thôi, nhưng Sarah, chị có đau lắm không? Để em xem nào.”

“Không, đừng. Đừng đến gần chị, được không? Chị sẽ ổn mà. Nếu chị có thể đứng dậy và đi rửa mặt chị sẽ... đáng nhẽ chị đã phải làm điều đó trước khi em đến.” Cô cố gắng gượng dậy và đi lảo đảo về phía buồng tắm, phát ra tiếng nước chảy vào bồn. “Chúa ơi,” cô gọi lại. “Em có thể tưởng tượng được nỗi khuôn mặt này đáng được giới thiệu với Roderick Halmiton ở đằng sau cánh gà không?”

“Sarah, nghe này,” Emily nói khi họ cùng ngồi trên giường. “Chị sẽ phải nói với em điều gì đó. Điều này có xảy ra trước kia không?”

Sarah đã làm sạch khuôn mặt mình; cô đang mặc áo choàng tắm và hút thuốc.

“Đương nhiên,” cô nói. “Luôn xảy ra. Chị tính có thể xảy ra một hoặc hai lần trong một tháng trong vòng... để xem nào, hai mươi năm. Nhưng nó thường không hay tồi tệ như thế này.”

“Và chị chưa bao giờ nói với ai?”

“Chị có nói với Geoffrey một lần, cách đây một năm. Ông ta nhìn thấy một vết thâm trên mặt chị và đã hỏi chị về điều đó và chị gần như là kể hết với ông ta, nhưng chị nghĩ, không, thực ra điều đó chỉ gây thêm phiền toái. Chị không biết nữa; Chị nghĩ chị đã nên nói với Bố về điều này, nếu ông còn sống. Bọn trẻ đôi ba lần nhìn thấy chuyện này. Tony Junior nói với anh ta một lần rằng nếu nó còn nhìn thấy anh ta làm như thế một lần nữa thì nó sẽ giết anh ta. Nó nói thế với cha đẻ của mình.” Có những chai rượu và một khay đá ở gần thấp dính vào tường, và Emily nhìn chúng với vẻ ham muốn mãnh liệt. Tất cả những gì cô có thể làm là pha cho mình một ly - và cô muốn một ly thật nặng - nhưng cô đã dùng ý chí bắt mình phải ngồi trong ghế, vắn ôm mắt bằng một tay như thể không dám nhìn toàn bộ khuôn mặt của chị mình, “ôi, Sarah,” cô nói. “ôi, Sarah. Tại sao chị lại để cho sự việc đến mức độ như thế này?”

“Đó là hôn nhân,” Sarah nói. “Nếu em muốn có gia đình, em cần phải học cách thích nghi với mọi việc. Ngoài ra, chị yêu hẳn ta.”

“Ý chị là gì, ‘Chị yêu hẳn ta’? Nghe có vẻ suýt sượt quá nhỉ - Làm sao chị có thể yêu được người đã đối xử với chị như...” Một chiếc chìa khoá xúng xoảng được tra vào ổ, và Emily đứng dậy để đối diện với anh ta. Cô chuẩn bị những câu mở đầu và đã sẵn sàng.

Anh ta bước vào, chớp mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy cô. Nét mặt anh ta trông có vẻ như hơi say, và anh ta ăn vận cho buổi tối trong bộ vét mùa hè thâm màu mà Sarah có thể đã mua ở cửa hàng tổng hợp rẻ tiền ở ngoại ô.

“Vỡ kịch thế nào? ông anh rể đáng kính,” Emily hỏi anh ta.

“Đừng, Emmy,” Sarah nói.

“Đừng cái gì? Chẳng phải bây giờ là lúc để ai đó nói thẳng ra ở đây hay sao? Roderick Halmiton thế nào? Anh, một thằng đàn ông ức hiếp và đánh vợ?”

Tony lờ cô đi, đi qua cô với cái nhìn của một cậu bé khinh khỉnh lờ đi người bị mình ức hiếp, nhưng căn phòng quá nhỏ đến nỗi anh ta phải đẩy cô để lấy lối đi ra tử rượu. Anh ta sắp ra ba cốc đựng nước được cung cấp cho phòng khách sạn, thịnh soạn rót rượu whiskey.

Sự im lặng của anh ta không làm cô lúng túng, và cô quyết định nếu anh ta đưa cho cô cốc rượu thì cô sẽ ném cốc rượu vào mặt anh ta, nhưng trước tiên cô sẽ nói vài điều. “Anh là loại vượn người Nêandectan,” cô sẽ nói với anh ta như vậy, nhớ lại những gì Andrew Crawford đã gọi anh ta cách đây đã lâu. “Anh là đồ bẩn thỉu. Và tôi thề rằng... anh đang nghe tôi nói đấy chứ? Tôi thề có Chúa, nếu anh còn động vào chị tôi, tôi sẽ...” Không còn cách nào khác kết thúc được câu nói ngoại trừ nhắc lại câu của Tony Junior, và cô nhắc lại: “Tôi sẽ giết anh.”

Cô uống - hình như anh ta đang đưa rượu cho cô, và hình như cô đang chấp nhận ly rượu mà không cần suy nghĩ gì - và chỉ có bây giờ, với nồng độ rượu lan tỏa sức nóng qua ngực và xuống phía dưới cánh tay, cô bắt đầu cảm nhận thấy cô đang thỏa mãn với bản thân mình đến mức như thế nào. Thật là tuyệt khi có được cái quyền để giải quyết vấn đề này - cô em gái trẻ con hay gây gỗ đóng vai thiên thần đi báo thù; cô muốn sự hồ hởi này cứ kéo dài mãi. Liếc nhìn Sarah, mặc dầu vậy, cô ước rằng Sarah chưa rửa mặt, chưa che đồ lót và chưa mặc chỉnh tề quần áo ngủ để dấu đi những vết máu; cần phải có một bức tranh bi hài hơn theo một cách khác. “Thôi mà, Emmy,” Sarah nói theo cùng một cách thấu hiểu, bình tĩnh mà cô luôn nói khi còn bé thơ lúc Emily mất bình tĩnh. Hiện giờ Sarah trên tay đang cầm ly rượu; trong khoảnh khắc Emily sợ rằng cô có thể sẽ phải đứng đây và nhìn Tony ngồi xuống giường bên cạnh vợ anh ta và họ sẽ biểu diễn cái trò vòng tay cũ rích và mỉm cười giống như ở quán Anatole, nhưng điều đó đã không xảy ra.

Tony dường như lấy lại được bình tĩnh từ phía Sarah “Sẽ ổn thôi, Emmy”; anh ta nhìn vào mắt Emmy lần đầu, với sự gợi mở một nụ cười làm người ta tức điên lên, và nói “Thật sự là không có gì nhiều để nói, phải vậy không? Em không ngồi à?”

“Tôi sẽ không ngồi,” cô trả lời, và ngay lập tức làm mất hứng của kết quả câu nói đó bằng việc uống một hơi dài cốc rượu của cô. Sự vui thích tột độ của việc đối đầu thế là đã tan biến. Cô cảm thấy giống như một người không mời mà đến the thé trong những việc không phải của mình. Cô đã có thể nói ra một vài điều buồn thảm trước khi ra về - những điều mà về sau này cô cũng không nhớ nổi, có thể nhắc lại những điều của chính mình và những lời đe dọa giết chóc giống như của Tony Junior - và cô hỏi Sarah nhiều lần, với những gì nghe có vẻ như sự quan tâm giả tạo, liệu cô chị có chắc là cô chị sẽ “ổn”; rồi cô ra khỏi phòng, đi vào trong thang máy và cô đi về nhà, cảm thấy mình đúng là một kẻ ngớ ngẩn.

Phải rất cố gắng để chống lại ham muốn gọi điện cho Michael Hogan (“Chỉ vì tôi cảm thấy tôi không thể cô đơn tối nay,” cô có thể sẽ nói, “và có cả ngày nghỉ cuối tuần để vượt qua được chuyện này...”); thay vào đó cô uống thêm một vài ly và đi ngủ.

Chuông điện thoại reo vào sáng muộn hôm sau và cô hoàn toàn chắc rằng đó là của Michael Hogan (“có muốn ăn trưa không?”) nhưng lại không phải như vậy. “Emmy!”

“Sarah? Chị ổn chứ? Chị đang ở đâu?”

“Chị đang ở khu phố dưới - chị đang ở buồng điện thoại công cộng. Tony đã quay về, nhưng chị nói với anh ta rằng chị muốn ở lại thành phố. Chị muốn kết thúc mọi việc. Chị đã ngồi trong công viên và...”

“Ngồi trong công viên?”

“Quảng trường Washington. Thật là kỳ khi mọi việc đã thay đổi. Chị không biết rằng ngôi nhà cũ của chúng ta đã bị phá.”

“Cả tòa nhà đã bị phá cách đây nhiều năm,” Emily nói, “khi họ xây Ký túc xá Sinh viên.”

“Ồ, thế à. Chị đã không biết điều đó. Dù sao thì, nếu em không có kế hoạch gì đặc biệt, chị nghĩ, có thể em nên đến đây với chị. Chúng ta sẽ ăn sáng, hoặc là bữa gộp hay là cái gì đó.”

“Được thôi,” Emily nói. “Em có thể tìm thấy chị ở đâu?”

“Ở trong công viên có được không? Một trong những chiếc ghế băng dài ở bên phải gần sát ngay nhà cũ của chúng ta. Em không phải vội đâu, cứ thong thả.” Trên đường xuống khu phố dưới, Emily ước đoán về những khả năng. Nếu Sarah đã bỏ chồng mình, cô chị có thể muốn ở với mình một thời gian - có thể là

một thời gian dài - và điều đó thật bất tiện cho Michael Hogan. Dù sao thì Michael cũng có một căn hộ của riêng mình; họ có thể dàn xếp được việc này. Ngoài ra, có thể cô chỉ “nghĩ sâu về mọi việc”; có thể cô chỉ sẽ quay về St.Charles tối nay.

Công viên toàn những xe đẩy của trẻ con và những tiếng cười, những thanh niên thể thao lực lưỡng đang ném đĩa. Toàn bộ thiết kế đã thay đổi - những con đường giờ đi theo nhiều ngã - nhưng Emily không gặp phải rắc rối nào trong việc nhớ lại, khi đi qua, cái khoảng trống nơi Warren Maddock, hay là Maddox gì đó, đã đỡ cô dậy.

Sarah trông thật thảm hại trên chiếc ghế băng theo như dự đoán của Emily - bé nhỏ, tồi tàn trong bộ đồ len nhàn nhúm, khi nâng khuôn mặt thâm tím và mềm mại của cô lên ánh mặt trời, dường như rõ ràng phẳng phất ảo giác của một thời nào đó.

Emily đưa cô đến một quán cà phê lịch sự và mát mẻ (cô biết rằng nếu họ đến một nhà hàng thực sự thì sẽ không thể tránh khỏi việc gọi Bloody Marys hay bia gì đó) và trong vòng một hay hai giờ đồng hồ gì đó họ đã nói chuyện vòng quanh.

“... Chúng ta chẳng đi được đến đâu cả, Sarah,” cuối cùng cô nói. “Chị nói chị biết là chị phải từ bỏ hẳn ta; thậm chí chị còn nói chị muốn từ bỏ hẳn ta, và rồi khi chúng ta bắt đầu đi vào thực tế thì chị lại quay trở lại việc ‘Chị yêu hẳn ta.’ Chúng ta đang đi vòng quanh.”

Sarah nhìn xuống phần trứng và xúc xích đã đông lại trên đĩa của cô. “Chị biết,” cô nói. “Chị luôn nói vòng quanh, và em luôn đi thẳng vào vấn đề. Giá mà chị có được suy nghĩ như em.”

“Đó không phải là vấn đề của ‘suy nghĩ’, Sarah, đó là vấn đề...”

“Đúng thế. Chúng ta rất khác nhau, chị và em. Chị không có ý nói nhìn sự việc theo cách của bên nào tốt hơn, chỉ vì chị luôn nghĩ hôn nhân là - thật ra, là thiêng liêng. Chị không mong người khác nghĩ giống như chị theo cách đó, đó là cách chị nghĩ. Chị là một người con gái trinh trắng khi đi lấy chồng và chị luôn trinh trắng kể từ ngày đó tới giờ. Ý chị là,” cô nói nhanh, “em biết đấy... chị chưa bao giờ đi chơi hay làm điều gì đó tương tự.” Với những từ ngữ “đi chơi hay làm điều gì đó tương tự” cô đưa điều thuốc thật nhanh lên môi và nheo mắt lại, hoặc là để che giấu đi sự ngượng ngùng hoặc cũng có thể là nói lên một sự nguy biến đã được che giấu.

“Tốt thôi,” Emily nói. “Nhưng thậm chí nếu hôn nhân là thiêng liêng, chẳng phải điều đó muốn nói rằng cả hai người đều phải trân trọng điều đó hay sao? Những gì được coi là thiêng liêng theo như cách mà Tony đối xử với chị á?”

“Anh ta đã cố hết sức, Emmy. Chị biết là điều này nghe thật ngớ ngẩn, nhưng đó là sự thật.”

Emily phả ra một làn khói thuốc dày đặc và ngồi lù lù lại để nhìn quanh quán cà phê. Ở trong ngăn đối diện với lối đi là một cặp tình nhân trẻ đang lăm lăm, ngồi sát với nhau, ngón tay của cô gái đang lăn theo họa tiết hình oval ở phần đùi phía bên trong của chiếc quần jeans màu xanh bạc, chặt cứng của cậu con trai.

“Nghe này, Sarah,” cô nói. “Chúng ta hãy bàn lại toàn bộ vấn đề mà chúng ta đã dừng cách đây ít phút. Chị có thể ở tại căn hộ của em bao lâu tùy chị. Chúng ta có thể cùng bàn để tìm ra một nơi cho riêng chị, và một công việc. Và chị không phải nghĩ về nó như một sự ly thân dài hạn; hãy cứ nghĩ về nó như...”

“Chị biết mà em, và điều đó thật là ngọt ngào, nhưng có quá nhiều sự phức tạp. Chỉ với một điều thôi, chị sẽ làm được nghề gì?”

“Có hàng đồng việc mà chị có thể làm được,” Emily nói, mặc dầu công việc duy nhất mà cô có thể vẽ ra cho chị cô là làm lễ tân ở phòng khám hoặc phòng nha khoa. (Tất cả những người phụ nữ trung niên, không có khả năng, khôi hài đến từ đâu nhỉ, và làm thế nào để họ có thể có được việc?) “Điều đó không quan trọng,” cô hỏi thúc. “Điều quan trọng duy nhất bây giờ là chị hãy quyết định. Hoặc là quay về St.Charles, hoặc là bắt đầu một cuộc sống mới của mình ở ngay tại đây.”

Sarah im lặng, như thể đang suy nghĩ sâu lắng vì sĩ diện; rồi cô nói “Chị nên quay về,” như Emily biết rằng mình sẽ như vậy. “Chiều nay chị sẽ đáp tàu đi về.”

“Vì sao?” Emily nói. “Vì hẳn ta ‘cần’ chị á?”

“Bọn chị cần nhau.”

Vì thế sự việc được an bài: Sarah quay về; tất cả ngày và đêm của Emily được dành cả cho Michael Hogan, hay là cho bất kỳ một người đàn ông nào tiếp theo sau anh ta. Cô phải thừa nhận rằng cô cảm thấy nhẹ cả người, nhưng đó là một sự nhẹ nhõm mà không thể thể hiện ra bên ngoài. “Và những gì mà chị thật sự lo ngại là,” cô nói, có vẻ như một lời chế nhạo, “những gì mà chị thật sự lo ngại là Tony có thể sẽ từ bỏ chị.”

Sarah sụp mắt xuống, để lộ ra vết sẹo trắng xanh. “Đúng thế,” cô nói.

9. Chương 9

Bất cứ khi nào Emily nghĩ về chị mình trong những năm sau đó - và không thật thường xuyên - cô luôn tự nhủ với mình rằng cô đã gắng hết sức. Cô đã quyết định nói chuyện với Tony, và cô cũng đã đưa cho Sarah cơ hội nơi trú ngụ. Liệu có ai có thể làm tốt được hơn như thế? Thỉnh thoảng cô phát hiện ra Sarah xây dựng những câu chuyện thú vị để nói với đàn ông.

“Tôi có một cô em gái luôn bị chồng đánh,” cô nói.

“Thế á? Đánh cô ta thật sự á?”

“Thật sự. Đã đánh nó được hai mươi năm rồi. Và anh có biết điều hài hước là gì không? Tôi biết điều này nghe thật khủng khiếp, khi nói về chính em ruột của mình, nhưng tôi nghĩ rằng con bé lại thích thú với chuyện ấy.”

“Thích thú á?”

“Thật ra, có thể con bé không thích thú gì, chính xác là như thế, nhưng nó vượt qua khó khăn. Nó tin tưởng vào hôn nhân, anh thấy đấy. Nó nói với tôi một lần “Em còn trinh trắng khi em đi lấy chồng, và kể từ đó đến giờ em vẫn là một phụ nữ trinh trắng.” Chẳng phải đó là một lời tuyên bố đáng ngạc nhiên nhất hay sao?”

Khi cô chị nói chuyện như vậy với một người đàn ông - thường là đã ngà say rồi, thường là đã khuya rồi - sau đó cô chị thường rất hối tiếc; nhưng không khó khăn gì để làm dịu đi tội lỗi của cô chị bằng cách thể rằng cô chị sẽ không bao giờ nói như vậy nữa.

Nhưng thật ra không có nhiều thời gian để lo lắng. Cô em bận rộn suốt ngày. Đầu năm 1965, công ty Quảng cáo Baldwin nhận được cái mà Hannah Baldwin thường gọi là một tài khoản ước mơ: National Carbon, là nơi sáng chế ra loại sợi tổng hợp mới hiệu Tynol dường như hoàn toàn chắc chắn đã làm nên một cuộc đại cách mạng về ngành công nghiệp dệt. “Hãy nghĩ về những gì được làm từ nylon!” Hannah hoan hỉ. “Bầu trời là giới hạn của công trình này, và chúng ta đã may mắn kéo được công trình này chạm đất.”

Emily phát triển một loạt các quảng cáo giới thiệu về loại sợi này, và Hannah thích tất cả những bài quảng cáo. “Cưng à, tôi nghĩ rằng em đã thành công rồi đấy,” bà ta nói. “Chúng ta sẽ làm cho họ ngỡ ngàng.”

Nhưng thay vào đó lại có sự bế tắc thật phiền hà. “Tôi không hiểu có gì sai nhỉ,” Hannah nói với Emily. “Tư vấn luật của National Carbon vừa mới gọi tôi; ông ta muốn cô đến và nói chuyện với ông ta về chiến dịch này. Ông ta không muốn nói bất cứ một điều gì qua điện thoại, nhưng ông ta có vẻ rất dữ. Tên ông ta là Dunninger.”

Cô tìm thấy ông ta trong một cái tháp bằng thép-và-kính đồ sộ, ngồi một mình trong văn phòng trải thảm. Ông ta to béo và sung sức, với một cái quai hàm bạnh và một giọng nói làm cho cô muốn cuộn tròn người lại và loạt xoạt trong cái ví của ông ta như một chú mèo con.

“Hãy để tôi giúp cô cởi chiếc áo choàng ra, cô Grimes,” ông ta nói. “Mời ngồi - à, mà không, hãy đi qua đây và ngồi cạnh tôi; rồi chúng ta sẽ cùng nhau xem xét chất liệu. Nói chung tôi nghĩ rằng cũng ổn thôi,” ông ta bắt đầu nói, khi ông ta nói cô nhìn ra xa, bỏ qua cách bài trí và những chồng tài liệu để khám phá toàn bộ mặt bàn làm việc rộng rãi của ông ta. Đồ trang trí duy nhất là một bức ảnh một cô gái tóc đen đáng yêu, có thể là con gái ông ta; họ có thể sống ở Connecticut, và mỗi khi về nhà chắc hẳn ông ta sẽ phải chơi một vài set tennis nhanh với cô ta trước khi đi tắm thay quần áo và cùng uống cocktail với bà Dunninger trong thư viện. Và trông bà Dunninger sẽ như thế nào nhỉ?

“... Chỉ có một điểm thôi,” ông ta nói. “Một đoạn đoản ngữ, và thật không may cái đoạn này xuất hiện lặp đi lặp lại trong bản thảo của cô. Cô nói Tynol có “nét đẹp tự nhiên của len.” Điều này có thể dễ dàng bị phân tích thành như sự xuyên tạc, cô thấy đấy, khi chúng ta nói về một chất tổng hợp. Tôi e rằng nếu chúng tôi cứ tiến hành thì chúng tôi sẽ có traps của F.T.C(1) kể cổ ngay”.

“Tôi không hiểu,” Emily nói. “Nếu tôi nói “Anh có sự kiên nhẫn của một vị thánh,” chắc chắn điều đó không có nghĩa anh chính là người đó.”

“À,” ông ta tựa lưng vào ghế, mỉm cười với cô. “Nhưng nếu tôi nói “Anh có đôi mắt của con điểm,” sẽ gây nên sự hiểu nhầm có thể hiểu được.”

Họ ngồi đó cười và nói chuyện lâu hơn công việc yêu cầu, và cô không thể không nhận ra dường như ông ta đang lưu tâm đến chân cô, cơ thể cô và khuôn mặt cô. Cô đã ba mươi chín, nhưng mắt ông ta làm cho cô cảm thấy cô trẻ hơn.

“Kia có phải là con gái của ông không?”

Cô hướng về bức ảnh.

Trông ông ta ngượng ngập. “Không, đó là vợ tôi.”

Và cô không thể cất lời “tôi xin lỗi” hay bất cứ lời nào tương tự như vậy mà không làm cho tình hình trở nên xấu đi. “Ồi,” cô nói, “Cô ấy đáng yêu quá.” Rồi cô lẩm bẩm rằng cô nên đi, và đứng dậy.

“Tôi nghĩ cô sẽ nhận thấy “tự nhiên” là một từ sai lầm,” ông ta nói, khi đưa cô ra cửa. “Nếu cô có thể tìm từ tương tự thì tôi không nghĩ rằng sẽ có thêm bất kỳ một phiền phức nào.”

Cô nói với ông ta rằng cô sẽ cố gắng hết sức, và khi thang máy đưa cô quay trở lại hiện thực cô kiểm tra lại những suy nghĩ kỳ quặc của mình: ông ta không sống ở Connecticut; ông ta sống ở một căn hộ tầng áp mái của chung cư Bờ Đông nơi có cô gái xinh đẹp luôn bấu môi và tô điểm trước gương suốt cả ngày, đang chờ ông đi làm về.

“Cô Grimes!”, ông ta nói chuyện trên điện thoại vài ngày sau đó. “Howard Dunninger. Tôi không biết liệu cô có thể ăn trưa với tôi được không?”

Hầu như điều đầu tiên ông ta nói chuyện với cô, khi họ nhấp rượu theo những gì cô mô tả với chính mình như một nhà hàng Pháp “tuyệt vời”, là ông ta chưa thực sự có gia đình: ông ta và vợ ông ta đã ly thân cách đây ba tháng.

“Thật ra, “ly thân” là một uẩn ngữ,” ông ta nói. “Vấn đề là cô ta đã bỏ tôi. Không phải để chạy theo một người đàn ông khác; chỉ bởi vì cô ta quá mệt mỏi vì tôi - tôi tưởng tượng đôi khi cô ta rất mệt mỏi vì tôi - và cô ta muốn biết tự do là gì. Ồi, có thể hiểu được mà, tôi nghĩ thế. Tôi đã năm mươi; cô ta hai mươi tám. Khi chúng tôi quyết định sống với nhau tôi bốn mươi hai và cô ta hai mươi.”

“Chẳng phải là khá lãng mạn hay sao khi trên bàn làm việc của ông có ảnh của cô ta?”

“Một sự hèn nhát trong sáng,” ông ta nói. “Nó đã được đặt ở đó quá lâu và tôi nghĩ rằng mọi người trong văn phòng sẽ cho là thật hài hước nếu tôi cất nó đi.”

“Bây giờ cô ta ở đâu?”

“California. Cô ta muốn có một khoảng cách lớn nhất có thể giữa chúng tôi, cô thấy đấy.”

“Ông đã có con chưa?”

“Với cuộc hôn nhân thứ nhất của tôi; cách đây lâu lắm rồi. Hai con trai. Giờ chúng đã lớn hết rồi.”

Nhai miếng bánh mì Pháp tươi và salad, nhìn quanh với những người trông thật sành điệu, ăn vận chau chuốt ở những cái bàn khác, Emily nhận ra thật dễ dàng có thể làm tình được với ông ta ngay trong chiều nay. Hannah sẽ không quan tâm đến việc chiều nay liệu cô có mặt ở văn phòng hay không, và chắc chắn là luật sư cho chương trình National Carbon cũng sẽ xếp lịch cho riêng mình. Họ đều bỏ qua được thời gian dành cho trách nhiệm của những công việc bình thường.

“Mấy giờ thì cô muốn quay lại văn phòng, Emily?” Ông ta hỏi khi người hầu bàn đặt một ly cognac sáng bóng lên bên cạnh cốc cà phê của cô.

“Ôi, không thành vấn đề gì; không có việc gì đặc biệt.”

“Hay quá.” Cái môi mỏng của ông ta cong lên thẹn thùng. “Tôi đã nói nhiều quá rồi, hầu như tôi không biết gì về cô. Hãy kể cho tôi về cô nào.”

“Thật ra thì cũng không có gì nhiều để kể về tôi.”

Nhưng thật ra là có: tự truyện của cô, được biên tập và được làm nổi bật ở đâu đó để gây ấn tượng sâu sắc, dường như làm cho cô đi vào đoạn kết được. Cô vẫn nói khi ông ta đưa cô đi qua lối dành cho người đi bộ đang sáng rực lên cho đến lúc vào trong taxi, và đến tận khi taxi thả họ ở căn hộ của ông ta. Cuối cùng thì cô đã không nói nữa khi đi vào trong thang máy - không phải vì cô đã đi được vào phần kết, mà bởi vì dường như thật quan trọng khi phải giữ im lặng ở nơi đây.

Nó không phải căn hộ ở tầng áp mái, và nó cũng không rộng như cô tưởng. Nó có màu xanh, nâu và trắng và bốc mùi của da; nó hoàn toàn là một căn hộ bình thường, và sàn nhà dường như nghiêng đi ở những góc nguy hiểm khi ông ta bắt đầu phần mở đầu một cách lịch sự: “... Tôi có thể lấy cho em một ly chứ? Ngồi gần lại đây nào...” Chẳng bao lâu sau khi ông ta ngồi gần cô trên chiếc sofa, họ đã xoắn lấy nhau, và những âm thanh của tòa nhà mười chín tầng của thành phố ở phía dưới đã bị chôn vùi bởi những âm thanh lớn hơn của tiếng thở; khi ông ta đưa cô vào buồng, nó giống như thể một cuộc hành trình đi vào vũ trụ mà đã chờ đợi từ lâu và xứng đáng được hưởng vậy. Howard Dunniger đã lấp đầy cuộc sống của cô. Ông ta cũng quyến rũ như Jack Flander vậy, nhưng hoàn toàn không bị bất kỳ một sự lệ thuộc nào giống như của Jack; ông ta dường như hoàn toàn có ít nhu cầu với cô giống như Michael Hogan; và khi cô lục tìm sự so sánh trong cách ông ta làm cho cô cảm thấy lúc trên giường như thế nào, hằng đêm, cô phải hồi tưởng lại tận thời kỳ với Lars Ericson. Sau một vài tuần đầu họ không sử dụng căn hộ của ông ta nữa - ông ta nói ông ta không muốn luôn phải nhớ đến vợ mình - và bắt đầu sử dụng căn hộ của cô. Điều đó làm cho cô dễ dàng hơn trong việc đi làm đúng giờ vào buổi sáng, và còn có sự thuận lợi tinh tế khác nữa: khi cô là một người khách ở chỗ của ông ta, dường như sự việc trở nên thật là ngập ngừng và tạm bợ; khi ông ta đến chỗ cô, điều đó ngụ ý cho một sự cam kết mạnh mẽ hơn.

Hay thật sự nó là như vậy nhỉ? Cô càng nghĩ về điều đó nhiều thì cô càng nhận ra luận cứ của cô có thể dễ dàng bị đảo lộn: khi ông ta là một người khách, ông ta có thể đứng dậy và bỏ đi bất kỳ lúc nào.

Dù với bất kỳ trường hợp nào thì căn hộ của cô đã trở thành nhà của họ. Lúc đầu ông ta hơi ngại khi chuyển đồ của mình vào, nhưng chẳng bao lâu sau một trong những ngăn kéo chứa đồ của cô đã được lấp đầy bởi những chiếc áo sơ mi đã được giặt là của ông, và có ba bộ vét sẫm và một đồng hồ đeo tay treo trong phòng để đồ. Cô thích được vuốt tay mình dọc theo chiều dài của những chiếc cà vạt đó, như thể chúng là một sợi dây thừng làm bằng lụa dày vậy.

Howard có một chiếc xe bỏ mui hiệu Buick được gửi ở một garage khu phố trên, và khi thời tiết tốt họ lái xe đi chơi ngoại ô. Một lần, khi khởi hành đi Vermont vào chiều thứ sáu, họ đi suốt cả chặng đường đến thành phố Quebec, nơi họ đăng ký phòng nghỉ ở khách sạn Chateau Frontenac như thể là đăng ký phòng ở một nhà nghỉ vậy; và tối Chủ nhật, trong chuyến đi dài quay về nhà, họ uống champagne Pháp bằng những cái cốc làm bằng bọt biển.

Thỉnh thoảng họ đi nhà hát, và đến những quán rượu nhỏ mà cô chỉ biết đến nó qua việc đọc trước đó, nhưng hầu hết các buổi tối họ ở nhà, im lặng và lịch sự với nhau như những cặp vợ chồng có cuộc sống gia đình hạnh phúc hàng nhiều năm rồi. Mỗi khi cô kể chuyện cho ông ta nghe - và cô biết có thể là sẽ sáng suốt hơn nếu như không nói với ông ta - cô chưa bao giờ tự cảm thấy thích thú nhiều đến như thế với bất kỳ một người nào khác trước đó.

Vấn đề là ông ta vẫn còn yêu vợ.

“Đó!”, một lần ông ta nói, vào lúc cô thậm chí không biết là ông ta đang nhìn mình. “Những gì mà em vừa mới làm - cách mà em túm tóc bằng một tay và cong người qua bàn cà phê để với lấy cái cốc - trông hết như Linda.”

“Em không nghĩ là em đã làm cho ông nhớ về cô ta,” cô nói. “Thật ra là, cô ta là một cô gái trẻ, còn em đã bốn mươi rồi.”

“Tôi biết; và em thật sự không giống bất kỳ điều gì, ngoại trừ việc cô ta cũng có ngực bé và em có cùng một kiểu chân như cô ta, nhưng đôi khi, một vài phong cách riêng của em... nó thật kỳ lạ.”

Một lần khác, khi ông ta về nhà trong một trạng thái cấu kỉnh và uống nhiều rượu vào bữa tối, ông ta ngồi chơi với cái ly rượu và cốc nước thật lâu, im lặng, cho đến khi ông ta bắt đầu cuộc nói chuyện với cách cho thấy là ông ta sẽ không bao giờ dừng.

“... Không, nhưng em phải biết về Linda,” ông ta nói. “Không hẳn chỉ là cô ấy là vợ tôi; cô ấy là tất cả những gì mà tôi muốn có ở một người đàn bà. Cô ấy... tôi có thể giải thích như thế nào bây giờ nhỉ?”

“Ông không phải giải thích đâu.”

“Không, có chứ. Tôi phải bắt tâm trí mình nhìn thẳng vào vấn đề, nếu không tôi sẽ không bao giờ loại bỏ được cô ấy ra khỏi đầu. Hãy để cho tôi kể cho em nghe tôi đã gặp cô ấy như thế nào. Có hiểu điều này nhé, Emily. Khi tôi bốn mươi hai tuổi, tôi cảm thấy tôi già hơn. Tôi đã lấy vợ và đã ly dị, dường như tôi đã có cả tá các em; tôi nghĩ rằng tôi cảm thấy tôi đã hơi mất đi khả năng của mình. Tôi đi khỏi Đông Hampton trong một vài tuần và có người đã mời tôi đến một buổi tiệc. Một cái bể bơi tràn ngập ánh sáng, đèn lồng Nhật treo trên cây, bài hát của Sinatra vọng ra từ trong nhà - một thể loại không khí như vậy. Một đám đông hỗn độn: có rất nhiều diễn viên trên những chương trình quảng cáo thương mại của vô tuyến, một cặp người vẽ tranh minh họa cho sách của thiếu nhi, một cặp nhà văn, một vài thương gia đang cố tỏ vẻ nghệ sĩ trong bộ sọc Bermuda màu đỏ tía. Và khi thật, Emily, tôi nhìn quanh và chính sinh vật bé nhỏ này đang nằm dài trên ghế màu trắng. Tôi chưa bao giờ gặp một ai có một làn da như vậy, đôi mắt như vậy hay là đôi môi như vậy. Cô ấy đang mặc...”

“Ông sắp sửa nói với em là cô ta mặc gì đấy à?”

“... mặc một chiếc váy ngắn màu đen, đơn giản, tôi làm một ngum thật to để lấy can đảm và đi về phía cô ta và nói ‘Chào cô. Cô là vợ của ai đấy?’ Và cô ấy ngược mắt nhìn lên - cô ấy quá ngượng hoặc, tôi đoán, cũng có thể là quá dè dặt để nở một nụ cười - và cô ấy...”

“Ôi, Howard, thật ngốc quá,” Emily nói. “Ông đang bắt mình phải nhớ lại. Ông thật là quá lãng mạn rồi đấy.”

“Được rồi, tôi sẽ nói vắn tắt nhất có thể. Tôi không muốn làm em chán.”

“Ông không ‘làm phiền’ em; chỉ vì ông đang...”

“Được rồi. Vấn đề là tối hôm sau cô ấy đã ở trên giường của tôi, và mọi tối sau đó; khi chúng tôi quay trở lại thành phố, cô ấy chuyển đồ của mình lên căn hộ của tôi. Cô ấy vẫn đang đi học - cô ấy học ở Barnard, cùng trường với em - và khi lớp học của cô ấy kết thúc, hàng ngày cô ấy vội về chỗ tôi vì cô ấy muốn có mặt ở đó khi tôi đi làm về. Tôi không thể tả hết được với em điều đó ngọt ngào đến như thế nào. Tôi về nhà gắng hết sức mình, suy nghĩ. Không, quá tốt đẹp để có thể coi đó là hiện thực; cô ấy sẽ không ở đó - và cô ấy luôn có mặt ở đó. Tôi nhìn lại quãng thời gian đó, trong vòng một năm rưỡi đầu tiên, đó là quãng thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi.”

Ông ta đứng dậy, đi quanh trên sàn với ly rượu trong tay, và Emily biết rằng tốt hơn nên dừng ông ta lại.

“Rồi chúng tôi lấy nhau, và tôi đoán là đã làm mất đi một chút thi vị - đối với cô ấy, tôi nghĩ vậy, hơn là cho tôi. Tôi vẫn - thật ra, tôi ghét phải dùng mãi cái từ ‘hạnh phúc’, nhưng chỉ có từ đó mới có thể diễn tả được. Quá tự hào; một sự tự hào quá lớn. Tôi đưa cô ấy đến mọi nơi, mọi người chúc mừng tôi và tôi nhớ tôi đã nói ‘Tôi không tin tưởng cô ấy; tôi vẫn chưa tin được điều này.’ Rồi dĩ nhiên, sau một khoảng thời gian tôi bắt đầu tin tưởng cô ấy; tôi bắt đầu cho đó là điều dĩ nhiên theo cách mà chưa một ai đã từng coi đó là điều hiển nhiên đến như vậy. Trong những năm đầu cô ấy thường nói tôi chưa bao giờ làm cho cô ấy cảm thấy chán, và tôi coi đó như là một lời khen cao cả, nhưng tôi không nhớ liệu cô ấy đã từng nói như vậy ở thời gian về sau này. Tôi chắc hẳn đã bắt đầu làm cho cô ấy cảm thấy nhàm chán vì thói kiêu căng và tự phụ của tôi và... tôi không biết nữa. Đúng là sự oán thán của riêng tôi. Và tôi nghĩ rằng khi cô ấy bắt đầu cảm thấy bồn chồn, thì cũng là thời gian tôi làm cho cô ấy chán nản. Khi thật, Emily, làm thế nào

để tôi có thể làm cho em hiểu được cô ấy duyên dáng đến mức nào nhỉ? Đó là một cảm nhận mà không thể diễn tả được. Dịu dàng, đáng yêu, đồng thời cô ấy cũng rất cứng rắn. Tôi không có ý muốn nói từ ‘cứng nhắc’ theo nghĩa miệt thị, ý tôi là kiên cường và can đảm; cô ấy có một cách riêng nhìn cuộc đời hoàn toàn không ủy mị. Thông minh! Chúa ơi, thỉnh thoảng thật là giật mình mỗi khi cô ấy giải quyết những vấn đề phức tạp, khó nắm bắt bằng cách đi thẳng vào cốt lõi của sự việc với một sự thấu hiểu bằng trực giác sâu sắc. Cô ấy cũng hài hước - ôi, cô ấy không ngồi ì ra đấy để rũ bỏ những lời bông đùa không bình thường, mà cô ấy luôn có một cái nhìn sắc sảo về những điều phi lý ẩn giấu dưới bất kỳ một thứ gì kiêu căng, tự phụ. Cô ấy là một người bạn đồng hành tuyệt vời. Tại sao tôi cứ nói mãi từ “đã” thế nhỉ? Nó không giống như thể cô ấy đã chết. Cô ấy là một người bạn đồng hành tuyệt vời đối với tôi và giờ thì cô ấy là một người bạn đồng hành đối với một người đàn ông khác - hay là với nhiều người đàn ông khác. Tôi hình dung cô ấy sẽ thử với một vài người đàn ông trước khi cô ấy ổn định lại.”

Ông ta rơi mình nặng nề xuống chiếc ghế tựa, nhắm mắt lại, và bắt đầu xoa cái sống mũi mông của mình bằng ngón cái và ngón trỏ. “Và bây giờ thỉnh thoảng mỗi khi tôi nghĩ về cô ấy trong một bối cảnh cụ thể,” ông ta nói với một cái giọng hoàn toàn tê cóng và dứt khoát, “khi tôi hình dung cô ấy ở đó với một vài người đàn ông khác, mở chân của mình ra cho hắn ta và...”

“Howard, em sẽ không để cho ông tiếp tục nữa,” Emily nói, đứng lên nhấn mạnh. “Thật là ủy mị. Ông giống như một cậu bé si tình vậy, và rất không ổn. Thêm nữa, thật là rất không...”, cô không hoàn toàn chắc chắn nếu cô kết thúc câu này, nhưng cô đã làm “... ý tứ với em chút nào.”

Câu nói đó đã làm cho ông ta mở mắt, nhưng ông ta lại nhắm mắt lại. “Tôi nghĩ tôi và em là những người bạn,” ông ta nói. “Tôi quan niệm là, tôi có thể nói thoải mái với em như một người bạn.”

“Chẳng nhẽ ông không mấy may nghĩ rằng em có thể sẽ hơi ghen chăng?”

“Mm,” ông ta nói. “Không, trên thực tế thì tôi không nghĩ về điều đó. Tôi không cảm nhận điều đó. Làm sao em có thể ghen với một điều gì đó đã xảy ra trong quá khứ?”

“Ôi, Howard. Thôi nào. Chuyện sẽ như thế nào nếu em dành những buổi tối để ôn lại những điều thú vị mà em đã có với những người đàn ông khác?” Nhưng chính câu hỏi đó đã là câu trả lời: cô có thể nói với Howard Dunninger bất cứ chuyện gì về bất kỳ một người đàn ông nào mà cô đã biết, hoặc có thể là tất cả bọn họ, và ông ta cũng không mấy may về điều đó.

Tháng mười hai năm đó, National Carbon điều ông ta đến California trong hai tuần. “Và em nghĩ là ông sẽ đến thăm Linda ở đó, phải vậy không?” Cô nói khi ông ta chuẩn bị đi.

“Tôi không nhìn thấy có cách nào để làm được việc đó.” Ông ta nói. “Tôi sẽ ở Los Angeles; cô ấy ở mãi tận phía bắc San Francisco. Đó là một bang rất rộng lớn. Ngoài ra, tôi...”

“Ngoài ra, ông còn gì cơ?”

“Ngoài ra tôi chẳng là gì. Dường như tôi không thể đóng được cái va li chết tiệt này lại.”

Đó là hai tuần tồi tệ - ông ta chỉ gọi cô có hai lần, vào lúc sắp về - nhưng cô vẫn tồn tại được; và ông ta đã về nhà.

Rồi vào tháng hai, vào ban đêm, lúc họ chuẩn bị đi ngủ, Sarah gọi.

“Emmy! Em ở một mình chứ?”

“Không, thật ra, em...”

“Ôi, em không. Chị hiểu rồi. Chị đã mong là em sẽ...” Nhịp điệu và nội dung trong giọng nói của Sarah gợi lên một cảm giác nhói buốt về ngôi nhà kính khủng ở St.Charles - mùi ẩm mốc, sự ớn lạnh, những ông cổ bà cổ nhìn chằm chằm trên những bức tường, mùi thùng rác trong phòng bếp.

“Có chuyện gì thế, Sarah?”

“Chuyện là thế này. Trích câu của John Steinbeck, đây là mùa đông của sự bất bình.”

“Em không nghĩ rằng đó là câu nói gốc của Steinbeck, chị à,” Emily nói. “Tony đã...?”

“Đúng thế. Và chị đã quyết định, Emmy. Chị sẽ không ở đây nữa. Chị muốn đến ở với em.”

“Thật ra, Sarah, vấn đề là... em e rằng điều đó bây giờ là không thể được.” Cô liếc nhìn Howard, đang mặc áo choàng ngồi cách một vài phút(1), lắng nghe và trông như rất quan tâm. Cô đã nói với ông ta về chị mình. “Vấn đề là, hiện giờ em không ở đây một mình.”

“Ôi, ý em là em đã có một... chị hiểu rồi. Thật là, câu chuyện trở nên phức tạp rồi đây, nhưng chị cũng không quan tâm. Chị sẽ ra đi. Chị sẽ sống ở trong một khách sạn không đắt tiền hay là một nơi đại loại như vậy. Nghe này, dù sao thì: em có nghĩ rằng em có thể giúp chị tìm việc làm được chứ? Chị cũng có thể viết quảng cáo mà. Chị vẫn thường - em biết đấy - dí dỏm mà.”

“Công việc đòi hỏi hơn như thế,” Emily nói. “Phải mất một vài năm mới có thể kiếm được một việc làm giống như em. Em thật sự nghĩ rằng chị nên tìm một loại công việc khác.”

“Loại công việc nào?”

“Thật ra, có thể làm một lễ tân, hay một công việc nào đó tương tự như vậy.” Dừng một lúc. “Nghe này, Sarah, chị có chắc là chị muốn làm điều đó không?” Emily cầm điện thoại bằng cả hai tay và bặm môi, cố gắng hiểu được động cơ của chị mình. Cách đây không lâu cô giục già chị mình phải bỏ đi; nay cô lại khẩn thiết chị mình ở lại.

“Ôi, chị không biết nữa, Emmy,” Sarah nói. “Chị nghĩ chị không chắc lắm về bất kỳ một việc gì. Mọi thứ đều... bị lộn xộn.”

“Tony có ở đó không?” Emily hỏi. “Em có thể nói chuyện với anh ta được không?” Và khi Tony đến với một tiếng lẩm bẩm nga nga say, cô cảm giác sự cảm phần quay trở lại thật mau lẹ, chính xác mà cô đã cảm nhận được đêm hôm đó ở khách sạn. “Nghe này, Wilson,” cô bắt đầu. “Tôi muốn anh hãy để cho chị tôi được yên, anh hiểu chứ?” Khi giọng cô dâng lên rồi lại dịu lại, cô hiểu vì sao cô đang làm như vậy: cô đang thể hiện với Howard. Điều này sẽ chứng tỏ cô không luôn dịu dàng và đáng yêu; cô có thể cứng rắn, kiên cường và can đảm; cô có một cách nhìn về cuộc sống hoàn toàn không ủy mị. “... tôi muốn anh hãy giữ lấy cái bàn tay chết tiệt của anh,” cô nói, “và nếu tôi là một người đàn ông, tôi sẽ đến đó tối nay và làm cho anh hiểu là anh chưa bao giờ tồn tại cái bàn tay này. Có hiểu không? Để Sarah nói chuyện lại với tôi.”

Có những tiếng loạt soạt, nặng nề, như thể đồ đạc nặng nề trong nhà phải di chuyển trước khi Sarah có thể đến được chỗ để điện thoại. Khi cô chị đến được chỗ để điện thoại, rõ ràng là cô đã thay đổi ý định.

“Chị xin lỗi là đã lại làm phiền em, Emmy.” Cô nói. “Đáng nhẽ chị không nên gọi em mới phải. Chị sẽ ỏn thôi.”

“Chị ơi, nghe em nói này,” Emily nói, cảm thấy thở phào nhẹ nhõm. “Hãy gọi cho em bất kỳ lúc nào. Chị hãy gọi em lúc nào chị muốn, trong lúc chờ đợi em sẽ tìm kiếm trong mục quảng cáo ‘Cần trợ giúp’ ở tờ Thời báo, được chứ ạ? Tất cả chỉ vì em không nghĩ rằng bây giờ chưa phải là lúc thích hợp cho chị đến.”

“Không, chị cũng nghĩ thế. Ỏn thôi, Emmy. Chị cảm ơn.”

Khi chiếc điện thoại đã được đặt vào giá đỡ, Howard đưa cho cô một ly rượu và nói “Thật kinh khủng. Điều đó chắc rất khó khăn với em.”

“Thật ra em cũng không làm gì khác được, Howard,” cô nói. Cô muốn ông ta ôm cô trong vòng tay, như thể cô có thể khóc trên bờ vai của ông ta, nhưng ông ta không hề đến gần cô chút nào.

“Thật ra,” ông ta nói, “Thật ra, em nên để cho chị em sử dụng căn hộ của em một thời gian; chúng ta có thể ở tại căn hộ của tôi.”

“Em biết, điều đó đã nảy lên trong em; nhưng vấn đề là căn hộ chỉ là điểm bắt đầu. Ông sẽ không thể hình dung được chị ấy vô dụng đến như thế nào đâu, chị ấy - một người phụ nữ ngoại tứ tuần, bé nhỏ hài hước với những bộ quần áo kinh dị và cái hàm răng khùng khiếp và không hề có một kỹ năng gì - chị thậm chí còn đánh máy mỗ cò.”

“À, thế thì tôi hình dung ra được những công việc mà chị em có thể làm rồi. Tôi thậm chí có thể giúp chị em tìm được công việc gì đó ở National Carbon.”

“Và chị ấy sẽ là gánh nặng cho ông đấy,”

Emily nói với một giọng cay đắng hơn là cô dự định. “Chúng ta sẽ không bao giờ được tự do với chị ấy, dù là chỉ một phút nếu chị ấy ở đây. Em không muốn có chị ấy, Howard. Em biết rằng nghe rất phũ phàng, nhưng em không muốn chị ấy kéo theo cuộc đời của em.”

“Được thôi,” ông ta nói, mỉm cười và cau mày cùng một lúc. “Được thôi. Hãy làm cho mọi việc được đơn giản.”

Một vài tuần trôi qua trước khi có một cuộc điện thoại tiếp theo, vào cùng giờ buổi tối, và lần này là Tony gọi. Nghe có vẻ anh ta lại say xỉn, và cô hầu như không nghe thấy anh ta nói gì vì có những giọng khác của nam giới nói líu nhíu ở phía đằng sau, mà chỉ sau hai giây cô phát hiện ra đó là tiếng vô tuyến bật quá to.

“... chị cô ở trong bệnh viện,” giọng của Tony lại vang lên, cố gắng nói ở mức độ trung giống như giọng của một gã cảnh sát thô lỗ đang thuật lại cảnh nạn nhân tiếp theo.

“Bệnh viện á? Bệnh viện nào?”

“Central Islip,” cái giọng lại vang lên; rồi lại thêm vào “nơi thuộc về cô ta,” và sự im lặng được lấp đầy chỉ với tiếng vang đến nghẹt thở và tiếng rầm rầm của giọng nói phát ra từ vô tuyến.

“Ôi, Chúa ơi, Howard,” Emily nói khi cô gác máy điện thoại. “Chị ấy đang ở Central Islip.”

“Chuyện gì thế?”

“Đó là nơi mẹ em đang nằm. Bệnh viện bang. Nhà thương điên.”

“Nghe này, Emily,” Howard nói nhẹ nhàng. “Chồng chị ấy không thể để chị ấy ở đấy được. Nếu chị ấy cam kết ở đó thì chỉ có lý do duy nhất là vì bác sĩ đã quyết định đưa chị ấy tới đó để chữa trị. Bây giờ không phải là thế kỷ thứ mười chín; không ai nói là ‘nhà thương điên’ nữa. Nó là một bệnh viện tâm lý hiện đại và nó...”

“Ông không biết sự việc là như thế nào đâu, Howard. Còn em thì có. Em đã đến đó thăm mẹ. Đó là nơi có hai mươi hay có thể năm mươi tòa nhà xây bằng gạch; thậm chí khi ông ở đó ông cũng không thể nhận ra được nó rộng lớn đến như thế nào vì có quá nhiều cây. Ông đi dọc trên những con đường đó và nghĩ cũng không đến nỗi tồi, và rồi hai tòa nhà khác hiện lên trước mắt ông qua rặng cây, và hai tòa nhà nữa, và hai tòa nhà nữa. Và họ có những trần song trên cửa sổ, và thỉnh thoảng ông sẽ nghe thấy một ai đó kêu lên ở đó.”

“Đừng có cường điệu sự việc lên như thế, Emily,” Howard nói. “Việc đầu tiên phải làm là điện thoại đến bệnh viện và tìm hiểu xem chị ấy ở đó là vì lý do gì?”

“Đã là mười một giờ đêm rồi. Ngoài ra, họ sẽ không bao giờ cho em biết - một giọng nói xa lạ sẽ vang lên trên điện thoại. Chắc họ sẽ có nguyên tắc về việc đó. Ông nên là một bác sĩ để...”

“Hay là một luật sư, có thể như vậy,” ông ta nói. “Thỉnh thoảng là một luật sư cũng có ích vào một việc gì đó. Tôi sẽ tìm ra chẩn đoán của chị em vào ngày mai, và tôi sẽ nói cho em biết vào tối mai. Được không? Còn bây giờ thì đi ngủ thôi và đừng có hành động như một diễn viên nữa.”

Khi ông ta về nhà buổi tối sau đó, ông ta nói “nghiện rượu cấp tính.”

Rồi ông ta nói tiếp “Thôi nào, Emily, điều đó không quá tệ. Tất cả những việc mà chị em cần làm là phải cấm rượu hoàn toàn và rồi họ sẽ thả chị em ra. Nó không giống như ‘chứng hoang tưởng, tâm thần phân liệt,’ hay là một loại bệnh gì đó tương tự như vậy.” Chuyện xảy ra vào ngày thứ hai. Đến thứ bảy trước khi Emily được tự do để có thể đáp chuyến tàu đến Central Islip mang theo hai hộp thuốc lá (một hộp cho mẹ và một hộp cho chị); trên sân ga cô vẫy một trong những lái xe taxi trông thật lười nhai đang mời chào quanh cô - dường như họ cũng kiếm được khá từ dịch vụ phí một đôla để đưa khách đến bệnh viện và quay trở lại - và rồi cô rơi vào trạng thái hoang mang của mê cung những cây và nhà.

Tòa nhà của Sarah là một trong những tòa nhà cũ hơn - nó có một vẻ nhìn của sự “chuyển giao thế kỷ” - và Emily có thể tìm thấy cô chị đang ở ngoài hiên trên gác được che chắn rất nặng nề, ngồi nói chuyện say sưa với một người phụ nữ khác cùng lứa tuổi của mình. Cả hai người đều đang mặc áo bệnh viện được ghi

tên và đi giày vải, và toàn bộ đầu của Sarah được bao bởi một cái gì đó màu trắng mà thoát nhìn thì trông giống như một cái mũ không vành - một kiểu mũ thịnh hành ở đầu những năm bốn mươi - nhưng thật ra nó là một cái băng.

“Emmy!” Cô chị kêu lên. “Mary Ann, tôi muốn giới thiệu với chị đây là cô em gái xuất sắc của tôi - người mà tôi vừa mới kể với chị. Emmy, đây là bạn tốt nhất của chị, Mary Ann Polchek.”

Và Emily cười với khuôn mặt trắng bệch, hơi hoảng sợ một chút.

“Hãy ra đây ngồi, em, để chúng ta có thể nói chuyện,” Sarah nói, dịch chuyển chậm chạp khi cô đưa Emily đến chỗ một vài cái ghế trống trong bóng chiều. “Chúa ơi, em thật tốt quá, đã đi cả một chặng đường đến đây thăm chị. Ôi, mà em còn mang theo cả thuốc lá nữa; em có dễ thương không cơ chứ.”

“Ý chị là người phụ nữ kia là bạn thân nhất của chị từ khi chị còn ở nhà?” Emily hỏi khi họ đã ổn định chỗ ngồi, “hay là vừa mới ở đây?”

“Vừa mới ở đây. Chị ấy là một người tuyệt vời. Em không cần phải đi cả một đoạn đường xa đến như thế này; chị sẽ ra khỏi đây sau một vài tuần nữa thôi.”

“Thật vậy chứ?”

“Thật ra, nhiều nhất là ba tuần, bác sĩ nói thế. Chị chỉ cần nghỉ ngơi một chút. Thật ra, tất cả những gì chị quan tâm là ra khỏi đây trước khi Tony Junior về nhà. Chị đã nói với em là thanh toán viện phí của Tony Junior đã được giải quyết chưa? Tony Junior đã bị thương ở hông trong lần gặp phải tai nạn của chiếc xe jeep, và việc này làm cho cu cậu không phải đến Việt Nam; tin tức gần đây nhất về cu cậu là cu cậu đã cưới một cô gái người California. Chị không thể đợi để gặp nó được,” Sarah nói. “Cu cậu đã quyết định sẽ ổn định tại St.Charles với gia đình của cu cậu.”

“Gia đình của cu cậu?”

“Thật ra, người con gái mà cu cậu đã cưới có hai con, em thấy đấy.”

“Ôi, rồi cậu ấy sẽ làm gì?”

“Quay trở lại làm việc ở garage, chị nghĩ thế. Họ thích có cu cậu ở đó.”

“Nghe này, Sarah, hãy nói em nghe chuyện của chị. Chị cảm thấy thế nào?”

“Ổn thôi.” Nụ cười của Sarah dường như muốn chứng tỏ không có chuyện gì xấu cả, và Emily đã nhận ra bàn rằng chị cô đã trắng trở lại: chắc hẳn chị ấy đã phải chuẩn bị và đánh rửa sạch sẽ.

Một câu hỏi quan trọng cần phải được hỏi, thay vì nở một nụ cười, và Emily đã hỏi câu hỏi đó. “Chị đã làm đầu chị bị thương như thế nào?”

“À, thật ra đó là điều ngu xuẩn,” Sarah nói. “Tất cả đều là lỗi của chị. Cái hôm chị tỉnh dậy vào lúc nửa đêm vì không ngủ được, chị đi xuống tầng dưới để uống một cốc sữa. Và trong lúc quay lên, gần đến đầu cầu thang thì chị bị trượt chân và lộn nhào xuống cầu thang. Em thấy có ngớ ngẩn không?”

Và Emily cảm nhận thấy miệng của mình méo xệch khi phải công nhận việc đó thật sự là ngớ ngẩn đến mức nào. “Chị bị đau lắm, đúng không?”

“Không, không có gì.” Cô chị lơ đãng lấy một tay chỉ vào cái băng. “Chuyện này chẳng là gì cả.”

Chuyện đó chẳng là gì cả; họ chắc hẳn đã phải cạo đầu cô trước khi quấn băng - nó được quấn thật chặt - và Emily gần như suýt nói “Họ đã cạo đầu chị phải không?” nhưng lại nghĩ ra điều hay hơn. “Thế à,” cô nói thay vì một câu hỏi. “Thật là tốt khi nhìn thấy chị tươi tỉnh như thế này.”

Trong khoảnh khắc họ ngồi đó và hút thuốc, mỉm cười mỗi khi mắt họ chạm nhau để thể hiện là mọi việc vẫn ổn.

Sarah không biết rằng Emily đã biết về chẩn đoán “nghiện rượu cấp tính”; Emily tự hỏi không biết có nên khéo léo đưa vấn đề này ra không, và quyết định không nên.

Rõ ràng là khi họ ngồi đó Sarah có thể tự mình giải quyết với những vướng mắc của mình kể từ nay trở đi. Bây giờ sẽ không có giải bày tâm sự, không điện thoại và cũng không một cầu cứu nào nữa.

“Chị có... nghĩ rằng mọi việc sẽ ổn khi chị về nhà?” Emily hỏi.

“Ý em là gì?”

“Liệu chị vẫn còn giữ ý định đến New York chứ?”

“À, không.” Trông Sarah ngượng ngịu. “Điều đó thật ngốc nghếch. Chị xin lỗi đã gọi em tối hôm đó. Chị chỉ - em biết đấy - mệt mỏi và chán nản. Mọi thứ đã qua. Chị cần được nghỉ ngơi, tất cả chỉ có thế.”

“Vì em vẫn đang theo dõi mục ‘Cần trợ giúp’”, Emily nói, “và em có người bạn nghĩ rằng chị có thể có được việc làm ở National Carbon. Và không có lý do gì để chị không ở tại căn hộ của em trong một khoảng thời gian, cho đến khi chị ổn định.” Sarah lắc đầu. “Không, Emmy. Tất cả đều đã qua. Hãy quên chuyện đó đi, được không em?”

“Vâng, được thôi. Ngoại trừ việc em... vâng, được thôi.”

“Em sẽ đi thăm Pookie trong lúc em ở đây chứ?”

“Em nghĩ rằng em sẽ. Chị có biết đi đến chỗ mẹ như thế nào không?” Và Emily nhận ra ngay đây là một câu hỏi ngớ ngẩn. Làm sao mà Sarah có thể biết chỗ của bất kỳ một tòa nhà nào khác khi cô ấy đang bị giữ ở đây? “Không sao,” cô nói thật nhanh. “Em sẽ tìm được.”

“Thật ra,” Sarah nói, chậm chậm đứng lên. “Chị nghĩ em nên đi về đi. Chị cảm ơn em đã đến. Thật vui khi được gặp em ở đây. Cho chị gửi lời thăm mẹ nhé.”

Lại đi dưới những rặng cây, Emily đi bộ một đoạn đường dài trước khi nhận ra cô không thể nhớ nổi liệu người đàn ông ở cửa ra vào chỉ ba tòa phía dưới và bốn tòa về phía bên tay phải hay là bốn tòa ở phía dưới và ba tòa ở phía bên tay phải, và cũng không có một ai để hỏi. Một cái biển ở chỗ đường giao nhau chỉ E-4 đến E-9, nhưng cũng chẳng giúp được gì, và một cái biển khác dưới đó chỉ NHÀ XÁC. Ở đằng xa là hai ống khói chọc vút lên nền trời xám xịt. Có thể đó duy nhất là nhà máy điện - cô biết thế - nhưng cô cũng tự hỏi liệu nó có phải là lò hỏa thiêu không. “Xin lỗi,” cô nói với một ông già ngồi trên ghế băng. “Ông có thể chỉ cho tôi nơi...”

“Đừng làm phiền tôi, thưa quý bà,” ông ta nói, và rồi, trong lúc dùng ngón tay cái cho vào một lỗ mũi, ông ta ngả người về đằng trước và xỉ mũi ở lỗ mũi bên kia. “Đừng làm phiền tôi.”

Cô đi tiếp và cố không nghĩ đến ông già, cho đến khi taxi đi chậm chậm về chỗ vòng và người lái xe taxi hát đầu và nói “Đi taxi chứ?”

“Vâng,” cô nói. “Cảm ơn.”

Và thật sự không vấn đề gì, cô quả quyết với chính mình khi taxi chuyển bánh đi về phía sân ga. Pookie già nua chắc hẳn chỉ nằm lặng lẽ với cái vẻ hờn dỗi theo định kỳ hiện trên gương mặt; bà có thể với tay lấy thuốc lá nhưng sẽ không thêm nở một nụ cười, không thêm nói chuyện, có thể còn không thể hiện là có biết Emily là ai nữa hay không.

Quay trở lại thành phố, cô đợi phải ngoài ba tuần trước khi cô gọi St.Charles để xem là Sarah đã về nhà chưa. Cô làm việc đó ở văn phòng, vào cuối giờ làm của buổi sáng, vì chắc rằng Tony sẽ không ở đó.

“Ôi, Emmy... đương nhiên rồi, chị đã về nhà được nhiều ngày rồi... ai làm sao cơ?”

“Em nói mọi việc thế nào?”

“Mọi thứ ổn. Tony Junior đã ở đây, cùng với vợ và con của cô ta, vì thế nơi đây như thể là một bệnh viện tâm thần vậy. Cô ta rất nhả nhặn và đang có bầu. Chúng sẽ ở đây một thời gian và bọn chị sẽ giúp chúng tìm một ngôi nhà cho chúng.”

“Em hiểu rồi. Giữ liên lạc nhé, Sarah. Hãy nói với em bất cứ điều gì chị cần - chị biết đấy - bất kỳ điều gì em có thể làm được.” Và Sarah đã giữ liên lạc, nhưng không phải bằng điện thoại. Một thời gian sau đó

cô ấy gửi cho Emily một lá thư. Phong bì được đề địa chỉ bằng cách viết tay non nớt, ngộ nghĩnh cổ xưa, nhưng chính lá thư lại được đánh máy, với rất nhiều lỗi chính tả được đánh dấu bằng bút bi.

“Emmy thương yêu:

Chị viết thư đến em thay vì gọi điện vì chị muốn thử chiếc máy tính mà Peter tặng chị nhân ngày sinh nhật. Đó là một cái máy chữ dùng rồi, xách tay hiệu Underwood, và nó có một vài lỗi ở đôi chỗ, nhưng nó đã đánh được! Với một chút lau chùi và chỉnh sửa, chị sẽ luôn mang nó bên mình.

Đó là một cu tí! Tám pao bảy ounce(1). Và cu tí trông giống y hệt ông nội, chồng chị. (Điều này làm cho chồng chị rất tức giận, vì nó làm cho anh ta cảm thấy mình giống như ông vậy, và anh ta không quan tâm đến việc có ý nghĩa như thế nào.) Chị vừa làm xong một cái xe đẩy có mui bằng mây. Không bao giờ lặp lại nữa! Chị bắt đầu với một giỏ quần áo to, một vài miếng bọt cao su, một vài miếng lót đệm được tráng nylon trên bề mặt, một vài tấm ga, một vài đinh bấm, và một vài dải ruybăng dài vô tận màu xanh. Đó là một sự khởi đầu dũng cảm, và dần dần một tuần sau đó thì có được thành quả. Sự chiến thắng, nhưng một lần, chị lái xe mang nó đến nhà Tony Junior, nhưng không có ai ở nhà.

Cái đồ ngớ ngẩn này ở trong xe của chị hai ngày trước khi cuối cùng nó cũng đã được đưa về nơi cần đến.

Tuần này chị ngập đầu với cánh đồng mâm xôi. Cánh đồng của nhà chị gồm một phần tư mẫu toàn mâm xôi đang cần phải được thu hoạch. Cho đến giờ chị đã hái, rửa, làm xi-rô và làm đông 30 panh(2), và làm 20 lọ mứt, và chị vẫn không làm xuể. Cá nhân mà nói, chị ghét mâm xôi. Chị làm điều này, nhớ lại những gì mà người ta đã nói khi được hỏi tại sao lại muốn leo lên đỉnh Everest... Chỉ vì có nó ở đó.”

Chị đã không gặp Pookie hai mùa nay rồi. Trước hết, việc lái xe của chị bị hạn chế nghiêm ngặt ở địa phương, ít nhất cho đến khi chị cảm thấy tự tin hơn và mọc thêm tóc ra. Sau đó, vì chị hầu như không bao giờ lái xe, Tony lái chiếc xe T-bird của anh ta đến Magnum, Eric lái chiếc xe T-bird của cu cậu đến xưởng xe máy nơi cu cậu làm việc, và Peter lái chiếc xe của chị đến chỗ có công việc hè ở Setauket.

Chị phải dừng bút thôi và quay trở lại với cánh đồng mâm xôi đây.

Hãy chăm sóc mình nhé.

Yêu em,

Sarah”

“Anh hiểu nó là gì?” Emily hỏi Howard khi ông ta đọc lá thư.

“Ý em là gì, “hiểu nó là gì”? Chỉ là một lá thư chia vui thôi mà, tất cả chỉ có vậy thôi.”

“Nhưng đó chính là vấn đề, Howard - nó quá vui. Trừ có một dòng nói về việc mọc tóc của chị ấy làm cho ông nghĩ là chị ấy là một bà nội trợ bé nhỏ thoải mãn nhất, hạnh phúc nhất trên đời.”

“Có thể đó là cách mà chị em thích nhìn về mình như thế.”

“Thật ra, nhưng vấn đề là em biết nhiều hơn như thế... và chị ấy cũng biết em biết nhiều hơn như thế.”

“Thôi nào,” Howard nói, đứng lên khỏi ghế đi quanh phòng một cách thiếu kiên nhẫn. “Em muốn gì từ cô ta? Em muốn cô ta cởi lòng cởi dạ với em cứ năm phút một lần hay sao? Để nói với em rằng trong tháng này hẳn ta đã đánh cô ấy bao nhiêu lần hay sao? Khi cô ta nói với em thì em nói em ‘không muốn cô ta kéo cuộc đời của em vào’. Em thật là một cô gái hóm hỉnh, Emily”

Và tối muộn đêm đó, khi họ nằm ôm nhau trên chiếc giường của cô, cô ngập ngừng chạm tay vào ông ta và nói “Howard!”

“Mm?”

“Nếu em hỏi ông điều này, liệu ông sẽ trả lời em thành thật chứ?”

“Mm.”

“Ông có thật sự nghĩ em là một cô gái hài hước không?”

Mùa hè năm 1967 họ đi nghỉ ở chỗ cũ của Howard, ở Đông Hampton, nơi ông ta đã không ở đó kể từ năm cuối cùng của cuộc hôn nhân. Cô thích sự tươi sáng, sự rộng rãi và mùi cỏ, mùi cát của ngôi nhà - đằng sau cuộc sống nơi thành phố, nó giống như được hít thở không khí trong lành - và cô thích những cái ván lợp bằng gỗ tuyết tùng được phơi nắng gió, phản chiếu ánh bạc trên nền trời. Cái từ “thú vị” cứ vang mãi trong đầu cô (“Chúng tôi đã có một kỳ nghỉ thú vị,” cô sẽ nói như vậy với bất kỳ một ai hỏi cô, khi họ quay về New York). Cô thích lướt sóng, và cái cách Howard lao vào từng cơn sóng và nhảy lên với mỗi lần cơn sóng vỡ tan; cô thích cái cách mà cái phần quý giá nhất của ông ta nhả lại và ngả màu tím chuyển sang xanh dưới gió và nước biển, đến nỗi chỉ có môi và lưỡi cô, cảm nhận vị mặn, mới có thể làm cho nó lớn khoẻ trở lại.

“Howard?” Cô nói ở buổi sáng cuối cùng, vào ngày Chủ nhật. “Em đang nghĩ là em nên gọi điện cho chị em. Có thể chúng ta sẽ đi đường vòng và dừng ở đó để thăm chị em trên đường về nhà.”

“Hay đấy,” ông ta nói. “Một ý kiến hay.”

“Nhưng ý em là liệu ông có cảm thấy bị phiền không? Nó thật sự cách xa đường về nhà, và có thể chúng ta sẽ rơi vào tình trạng nhếch nhác, bẩn thỉu và mệt lử.”

“Chúa ơi, Emily, đương nhiên là tôi không ngại gì cả. Tôi luôn muốn được gặp chị của em.”

Và vì thế cô gọi điện thoại. Một người đàn ông trả lời, nhưng đó không phải là Tony. “Hiện giờ bà ấy đang nghỉ,” anh ta nói. “Tôi có thể ghi lời nhắn được không?”

“Thôi, không cần đâu, tôi chỉ... ai đấy? Có phải là Tony Junior đấy không?”

“Không, tôi là Peter.”

“Ôi, Peter. Dì đây... Dì Emily đây. Emily Grimes.”

“Ôi, Dì Emmy!” Cậu ta nói. “Con đã nghĩ nghe có vẻ như giọng của dì...”

Kế hoạch được sắp xếp là họ sẽ dừng ở đó vào khoảng hai hay ba giờ gì đó vào buổi chiều. “Ông sẽ phải gắng sức lắm đấy, Howard,” cô nói khi cuối cùng họ cũng tìm thấy đường vào St.Charles.

“Thật là ngớ ngẩn quá.”

“Dừng có ngốc nghếch thế,” ông ta nói với cô như vậy.

Cô đã hy vọng Peter có thể là người ra mở cửa - rồi sau đó sẽ là ôm hôn và bắt tay lịch sự (“Xin chào ông”) trước khi họ cười nói đi vào trong phòng khách - nhưng thay vào đó là Tony. Anh ta mở cửa chỉ một vài inch và đứng đó sẵn sàng đóng cửa lại, giống như một người đàn ông có ý định bảo vệ sự bất khả xâm phạm của nhà mình. Khi anh ta nhìn ra là ai, anh ta chớp mắt và lùi lại, mở cửa rộng hơn, và Emily tự hỏi cô có thể chào anh ta như thế nào, sau khi gọi anh là một kẻ đáng khinh, đồ quỷ tha ma bắt và dọa nạt cuộc sống của anh ta. “Xin chào, Tony,” cô nói. “Đây là Howard Dunninger; Tony Wilson.”

Anh ta mở lời một chút, lẩm bẩm rằng anh ta vui khi được gặp Howard, và dẫn họ qua tiền sảnh.

Sarah ngồi cuộn tròn trên ghế sofa, theo cách mà Edna Wilson thường hay ngồi, cười một cách lơ đãng. Emily nhìn sâu vào điệu cười đó ít nhất là một giây trước khi nhận ra rằng có gì không ổn: nửa dưới của khuôn mặt Sarah bị méo mó.

“Ôi, Emmy,” cô chị rên rỉ, cố gắng một cách vô vọng để che đi cái miệng của mình với một bàn tay, “chị quên không lấp răng vào”

“Không sao đâu,” Emily nói. “Chị cứ ngồi yên.” Nhưng rõ ràng rằng Sarah đã ngồi im suốt cả ngày; cô ấy có thể đã không thể đứng lên cho dù cô ấy có muốn đi chẳng nữa.

“Hãy đến ngồi cạnh chị, Emmy,” cô chị nói khi phần giới thiệu kết thúc. “Thật là tuyệt khi lại được gặp em.” Và cô nắm cả hai tay Emmy thật chặt đầy xúc động. Emily cảm thấy bất tiện khi ngồi ở đó, với tay qua lối đi để được âu yếm trong lòng chị mình; cách duy nhất là phải ngồi gần hơn, cho đến tận khi họ chạm được vào đùi nhau, và khi cô đến gần cô nhận thấy mùi rượu nồng nặc.

“... Người em gái duy nhất của tôi,” Sarah nói trong khi Emily cố gắng không nhìn vào cái lợi đen sì, nhẵn nhớt. “Mọi người có nhận ra đây chính là cô em gái bé bỏng duy nhất của tôi không?”

Tony ngồi lạnh nhạt trong cái ghế chéo qua ghế sofa, mặc bộ quần áo công nhân bị dính sơn và trông giống như một kẻ lao công mệt mỏi. Bên cạnh anh ta, Howard Dunniger cười một cách không dễ dàng gì. Thành viên duy nhất trong nhóm người ngồi ở đây có được tự tin là Peter, người đã trở thành một thanh niên đầy ẩn tượng. Cậu cũng mặc quần áo bị vấy bẩn - chắc hẳn cậu và bố cậu đã sơn nhà trước khi khách đến - và Emily thích dáng vẻ của cậu ta. Cậu ta không cao và không hẳn là đẹp trai, nhưng khi cậu đi quanh trong dáng vẻ phong nhã thì có cái gì đó hài hước và thông minh thể hiện trên nét mặt cậu.

“Con đã kết thúc trường dòng chưa, Peter?” Cô hỏi.

“Còn hơn một năm nữa ạ,” cậu ta nói. “Khoá học bắt đầu từ tuần sau.”

“Mùa hè của con thế nào?”

“Ồn ả. Con ở châu Phi một thời gian.”

“Ở châu Phi Á? Thật à?”

Và cậu dẫn buổi nói chuyện trong một vài phút, để đỡ cho những ai cố gắng muốn nói gì đó, trong lúc cậu mô tả Châu Phi như một người khổng lồ đang ngái ngủ “chỉ vừa mới bắt đầu vươn vai.” Khi cậu ta nói, cậu ta nâng và rải rộng cánh tay cân đối, nắm tay rắn chắc trong một trạng thái vươn mình ngái ngủ, và điều đó làm cho Emily nghĩ rằng chắc hẳn sẽ có một số các cô gái nhìn nhận Peter là một người rất hấp dẫn.

“Ôi, Emmy,” Sarah nói. “Cô em gái bé bỏng thông minh của chị - Chị yêu em.”

“Được rồi,” Emily nói. “Thôi mà chị.” Và cô nhận ra ngay lập tức, nếu chỉ vì Tony đang nhìn cô từng li từng tí, thì điều đó có nghĩa rằng đó là một lời nói không đúng chỗ. “Ý em là,” cô sửa lại, “chị biết mà; em cũng yêu chị.”

“Chẳng phải cô ấy thật tuyệt diệu hay sao?” Sarah hỏi mọi người. “Chẳng phải cô em gái bé bỏng của tôi thật tuyệt vời hay sao? Anh thấy thế nào, Howie? Nếu gọi anh là Howie có được không?”

“Vâng, được mà,” Howard nói một cách chân tình. “Tôi nghĩ cô ấy thật tuyệt diệu.” Đến bây giờ đã là hơn một năm kể từ ngày đầu của Sarah bị cạo, nhưng tóc cô vẫn có một dáng vẻ bù xù và ngắn, và nó không bóng. Phần còn lại, phía dưới một nửa khuôn mặt bị méo mó, tất cả đều giảm sút và phù nề: trông cô già hơn so với tuổi. Ngay khi mọi người bắt đầu nói chuyện với nhau, bỏ mặc chị em gái ngồi một mình trên ghế sofa, Emily tận dụng ngay cơ hội đó để hỏi “Em không biết là chị đã bị mất răng, Sarah. Chuyện xảy ra khi nào thế?”

“Ôi, chị cũng không nhớ nữa; cách đây một vài năm,” Sarah nói với cùng một cách thể hiện nhấn mạnh thật thoải mái, ngưỡng ngệ mà cô đã thốt ra khi phủ nhận chấn thương trên đầu cô bằng câu “không có gì” hỏi còn ở Central Islip, và Emily nhận ra quá muộn đó không phải là một câu hỏi khéo léo. Để thay đổi tình thế cô nắm thật chặt âu yếm bàn tay xanh xao đang tự siết chặt lấy cô và nói “Trông chị rất khỏe.”

“Peter!” Sarah gọi cao giọng, và Emily nghĩ có thể chị ấy sẽ nói ‘Trật tự nào’, nhưng thay vào đó chị ấy nói “Hãy kể cho mọi người nghe linh mục da đen mà con gặp ở châu Phi đi.”

“Không có gì đâu, mẹ,” cậu ta nói.

“Thôi nào, Peter.”

“Mẹ, con thật sự không muốn nói về chuyện đó, có được không mẹ? Dù sao đi nữa, đó không phải là một ‘câu chuyện’.”

“Không, đương nhiên đó là một câu chuyện,” cô van nài. “Khi Peter ở châu Phi, cu cậu đã gặp người linh mục tuyệt vời này, và cu cậu...”

“Mẹ, mẹ có thể dừng lại được không?” Cậu ta nói, cười để thể hiện là cậu ta thật sự không cáu với mẹ mình, và chỉ có như vậy mẹ cậu mới buông tha cho cậu. vẫn cười, cậu chun nhẹ môi như thể hôn gió mẹ mình. Rồi cậu ta quay sang Howard và nói “Ông theo ngành luật nào ạ?”

Một chút sau đó cánh cửa phòng bếp đóng sầm lại và một thanh niên mắt lé, vụng về bước vào, đang mặc một chiếc áo jacket bằng da toàn đinh và đi ủng bước vào, trông như thể cậu ta có thể làm đau tất cả mọi người; phải mất một lúc Emily mới nhận ra đây là cậu con trai thứ ba của Sarah, Eric. Cậu ta cúi đầu chào Emily một cách lịch sự và bắt tay Howard; rồi cậu kéo bố và anh mình sang bên để thảo luận rì rầm một lúc lâu, có vẻ như đang nói về những công việc của xe, và rồi khi câu chuyện của họ kết thúc cậu ta lại lừ đừ biến ra ngoài.

Đó là một buổi chiều tháng chín rực rỡ. Cây xào xạc trong gió phía đằng xa cửa sổ, và bóng in lên chiếc cửa ra vào đầy bụi. Không ai nghĩ ra được bất kỳ một chủ đề nào để nói chuyện.

“Anthony?” Sarah gọi nhỏ, như thể nhắc chồng mình về một vài việc cá nhân. “Mm,” anh ta trả lời, và đi ra ngoài về phía phòng bếp. Khi anh ta quay lại, anh ta mang theo cái gì đó trông giống như một ly nước cam, nhưng không có gì hồ hởi trong cái cách mà anh ta đưa đến cho cô: cái ly lững lơ từ những ngón tay anh ta, đặt sát với một bên đùi của chiếc quần jean, và dường như anh ta lén ấn nó vào bàn tay đang chờ đợi của cô chị. Cô chị nuốt vài ngụm đầu tiên thật chậm và nghiêm nghị đủ để nói rõ là có vodka hay là gin gì đó trong đó.

“Mọi người có muốn một chút cà phê... hay gì đó không?” Tony Wilson hỏi những vị khách của mình.

“Không, xin cảm ơn,” Emily nói. “Thật ra, chúng tôi nên đi bây giờ; đường còn dài lắm.”

“Ôi, em không thể đi bây giờ,” Sarah nói với cô. “Em vừa mới đến mà. Chị không cho em đi đâu.” Và rồi, khi ly nước của cô bắt đầu có tác dụng, cô gọi mở ra một ý kiến. “Peter,” cô nói. “Con có thể giúp mẹ được chứ? Một việc nhỏ thôi?”

“Việc gì thế ạ?”

Cô dừng lại để gây ấn tượng xúc động. “Lấy guitar ra đây con.”

Trông cậu ta đầy xấu hổ. “Thôi mà, mẹ,” cậu ta nói, và một trong những cánh tay của mình đang để ở trên gối khi cậu ngồi làm điệu bộ từ chối muốn nói là không thích hợp.

“Thôi nào, Peter.”

“Không.”

Nhưng Sarah không chấp nhận câu trả lời không. “Tất cả những gì con cần làm,” cô giải thích, “là đi ra chỗ đồ ô tô của con và mang nó đến đây, và chơi bài ‘Tất cả những bông hoa đi đâu rồi’.”

Cuối cùng thì chính Tony là người giải tỏa sự bế tắc. “Con không muốn mà em,” anh ta nói với vợ mình.

Rồi Emily chuẩn bị đứng dậy, mỉm cười, để muốn nói rằng cô thật sự có ý khi cô nói là cô và Howard phải rời khỏi đây. Sarah, trông thật hoang mang trên ghế sofa, đã không đứng lên để chào tạm biệt họ.

Không có thêm một lá thư nào từ Sarah, và cũng không một cuộc điện thoại nào nữa. Và mùa Giáng sinh bức thiệp chúc mừng của gia đình Wilson được Tony ký vội vàng, chứ không phải từ bàn tay hân hoan của Sarah, điều này khá là khó chịu. “Ông có nghĩ là em nên gọi chị ấy không?” Emily hỏi Howard.

“Để làm gì? Chỉ vì cái thiệp chúc mừng Giáng sinh á? Đừng, em yêu. Nếu cô ấy gặp trục trặc cô ấy sẽ gọi em.”

“Vâng, được thôi. Em hy vọng rằng ông đúng.”

Và rồi vào một buổi tối muộn tháng năm của năm 1968 - ba tháng, vì Emily phát hiện ra sau đó, trước sinh nhật lần thứ bốn mươi bảy của Sarah - chuông điện thoại reo làm cho Emily nhảy ra khỏi giường.

“Di Emily đấy ạ?”

“Peter đấy à?”

“Không, con là Tony Junior... Con muốn nói chị của dì đã qua đời hôm nay.”

Và điều đầu tiên hiện lên trong cô, thậm chí còn trước cả lúc cái tin reo xuống, là chính cái điều giống như Tony Junior phải nói “qua đời” thay vì nói là “chết”.

“Chị ấy... chết vì lý do gì?” Cô van nài trong khoảnh khắc.

“Bà ấy đã bị mắc chứng đau gan từ rất lâu,” cậu ta nói khàn khàn, “nên, thật sự là, đã trở nên rất nặng vào mùa thu bà chuyển về nhà.”

“Dì hiểu rồi.” Và Emily nhận thấy giọng mình chết lặng đi theo cách mà người ta vẫn thể hiện khi nhận được thông báo về cái chết ở trong phim. Không một điều gì dường như là thật cả. “Bố con thế nào?”

“À, ông ta... giải quyết tình hình khá tốt.”

“Thế à,” cô nói, “Chuyển cho ông ta... con biết đấy... sự thương cảm của dì nhé.”

10. Chương 10

Chiếc xe của Howard đang được sửa, vì thế họ phải đi tàu đến lễ tang.

“Đổi tàu,” trưởng tàu nói.

Suốt cả chặng đường đến St.Charles, nhìn đầu đầu ra ngoài qua cái cửa sổ bên phải về phía những ngoại ô đang chậm chậm trôi qua, Emily thả mình với những ký ức về chị mình. Sarah ở tuổi hai mươi, duyên dáng trong bộ quần áo đi mượn và phàn nàn rằng chị ấy không quan tâm đến cuộc diễu hành của Lễ Phục sinh ngõ ngắn; Sarah lúc mười sáu tuổi với cái hàm đeo răng, cúi gập người qua bồn rửa mỗi tối để giặt cái áo len của mình; Sarah mới mười hai; Sarah lên chín.

Vào độ tuổi chín hay mười gì đó, Sarah đã mơ tưởng nhiều về những cô gái đom đóm. Chị ấy có thể mua một cuốn sách ở cửa hàng bách hoá của hệ thống trung tâm thương mại Woolworth có in hình những cô gái búp bê bằng giấy, cắt những cô gái búp bê và những bộ quần áo đã được ghi chú mà không cần phải đọc hết hướng dẫn, và thiết kế cho mỗi cô gái búp bê mặc đồ theo từng cá tính riêng. Chị ấy có thể quyết được cô gái búp bê nào là xinh nhất và thịnh hành nhất (và nếu chị ấy cảm thấy vậy của cô gái búp bê chưa đủ độ đẹp, chị ấy sẽ thiết kế và làm ra bộ váy đẹp hơn, sử dụng bút chì màu và màu nước để tô điểm); rồi chị ấy cuộn tất cả hình của những cô gái búp bê khác lên đến hông để các cô ấy ở tư thế ngồi ở vị trí khán giả; chị ấy sẽ giữ cho cô gái búp bê đóng vai biểu diễn luôn đứng thẳng, làm cho cô ta rung nhẹ người theo cách mà những ca sĩ thật vẫn hay làm, và hát bài “Xin chào, mùa xuân ngọt ngào” hay bài “Tìm kiếm vận may,” mà cả hai bài này chị ấy đều thuộc lời.

“Em ổn chứ, Emily?” Howard hỏi, ôm lấy tay cô.

“Vâng, em ổn.” Cô nói.

Eric trẻ trung đón họ ở sân ga, đeo kính râm phản quang và mặc một bộ vét sẫm màu rẻ tiền làm cho cổ tay cậu ta lơ lửng giống như một miếng thịt.

“Peter có ở đây không?” Cô hỏi cậu ta. “Mọi người đều đang ở đây,” cậu ta nói khi lái xe sành điệu qua nút giao thông. Chuẩn bị kính khủng lắm đây. Điều duy nhất cần làm là phải vượt qua, bằng mọi cách phải khắc phục, và cố nhớ rằng đang có Howard Dunninger ở đây với cô. Ông ta ngồi một mình ở ghế sau của Eric, nhưng khi quay đầu nhẹ cô nhìn thấy cái quần của ông ta bằng vải flanen màu xám hiệu Oxford được là phẳng phiu, và điều đó đã an ủi cô.

“Đây sẽ không phải thực sự là một đám tang,” Eric nói ở vị trí của người lái. “Chúng con sẽ tổ chức một cái lễ nhỏ ở... dì biết đấy... ở khu mộ.”

Rồi tất cả bọn họ bước trên cỏ tươi giữa những bia mộ, dưới trời xanh, và điều đó đã loé lên trong Emily suy nghĩ rằng dù sao gia đình Wilson chắc hẳn là một gia đình quan trọng, nếu họ có một khu chôn cất riêng trong một những vùng đông dân nhất của Long Island như thế này. Cái mồ trống của Sarah được che bằng vải dầu màu xám. Cái quan tài kín của chị ấy, đang được đặt một cách kỳ cục rồi sẽ được đặt sâu vào lòng đất, trông thật nhỏ bé - chị ấy chưa bao giờ là người to lớn ngoại trừ thời bé thơ. Không xa lắm, một trong những bia mộ trông còn mới đề “Edna; người vợ thương yêu của Geoffrey,” và đó là lần đầu Emily biết rằng Edna đã chết: thật là hài hước khi Sarah không kể với cô điều này. Cô tự nhủ sẽ hỏi Sarah về việc này sau lễ tang, trước khi suy nghĩ chợt làm cho cô hiểu rằng cô sẽ không bao giờ có thể hỏi Sarah về bất

kỳ điều gì được nữa. Ngượng ngịu, giống như một đứa trẻ đang tìm sự tha thứ của người cha, cô vòng tay ôm lấy Howard. Cô gần như nghe thấy giọng nói của Sarah vang lên “Không sao đâu, Emmy. Ổn thôi mà.”

Về phía bên trái họ, một người đàn ông trông ôn hòa, to lớn đứng đó rơi lệ, hay chính xác hơn là đang cố kiềm chế cái miệng của mình và chớp chớp đôi mắt đỏ hoe; ngay sát cạnh ông ta là một phụ nữ trẻ đoan trang với một đứa bé đang chấp chững cùng với một cậu con trai và một cô con gái nhiều tuổi hơn bám riết lấy cái váy của cô ta. Đó chính là Tony Junior cùng với vợ và con và những đứa con của vợ mình. Mục sư cũng có ở đó, nắm chặt lấy quyển kinh trong khi họ đợi những người đưa tang khác nữa đến.

Từ xa những cánh cửa xe ô tô đóng sầm sập và chẳng bao lâu một nhóm người xuất hiện, rảo bước rất nhanh. Tony ở giữa, nói chuyện sôi nổi với những người kia. Đường như anh ta đang cười và nói cùng một lúc, và anh ta lặp lại cùng điệu bộ mà anh ta đã thể hiện cách đây nhiều năm trong khi nói với Jack Flanders về tốc độ cất cánh của máy bay phản lực Magnum (“Shoom!”) - dẹt bàn tay xoẹt qua đầu từ thái dương. Người đàn ông bên cạnh anh ta cười và gật đầu, và rồi anh ta đập vào vai Tony với nắm tay của mình. Từ cách ăn mặc và tác phong của họ - nghi thức và rắn chắc, tầng lớp thấp - Emily cho rằng những người đàn ông kia là bạn cùng làm với Tony ở nhà máy Magnum; đằng sau họ là Peter và một nhóm khác gồm những thanh niên nghiêm nghị cùng tuổi với cậu ta trông giống như những sinh viên tốt nghiệp.

Tony vẫn đang nói khi anh ta đến chỗ Emily và Howard đứng. “... thẳng tiến!” anh ta yêu cầu người đứng cạnh mình. “Không ngoái lại” - anh ta làm điệu bộ chào... - “mọi thứ đều thẳng tiến.”

“Đúng đấy, Tony,” người đàn ông nói. “Đúng là như vậy đấy.”

“Ôi, ý tôi là,” Tony nói, chớp mắt. “Xin chào Emmy.” Những chỗ trũng trên mắt của anh ta đỏ và sưng lên, như thể anh ta hẳn đã đâm vào mắt mình một cách mạnh mẽ một lúc lâu.

“Xin chào, Tony.”

Rồi anh ta nhìn Howard và bắt tay. “Rất vui được gặp ông, ông Howinger. Tôi muốn nói là, một trong những người của chúng tôi đã đến hăng luật của ông tháng trước; tôi nói với anh ta rằng ‘tôi biết người tư vấn luật ở đây; có thể sẽ giúp ích cho anh đấy.’ Có thể ông sẽ tình cờ gặp anh ta rồi đấy; tên gã đó kỳ lắm - ồ, không, đợi đã. Cái tên đó là Union Carbide.”

“Thật ra,” Howard nói, “chúng cũng khá giống nhau thôi mà.”

Và Tony lại liếc đôi mắt đỏ bừng về phía Emily. Anh ta dường như muốn nói với cô điều gì nhưng bị thiếu từ. “Ý tôi,” anh ta nói, đưa lòng bàn tay lên cạnh mắt.

“Thẳng tiến. Không nhìn lại; không nhìn sang bên...”. Bàn tay đưa về phía trước. “Thẳng tiến.”

“Đúng đấy, Tony,” cô nói.

Khi lễ tang bắt đầu, những người đàn ông Magnum và những sinh viên tốt nghiệp kính cẩn lùi lại một khoảng cách. Peter, mắt và miệng không thể hiện cảm xúc nhưng tỏ vẻ quan tâm, để cho bố mình đứng sang một phía bên mộ và giữ anh ta thật chắc bằng cẳng tay như thể không để cho anh ta bị lộn nhào xuống. Khi giọng của mục sư cất lên những từ kinh thánh thì quai hàm của Tony mở ra để lộ những sợi nước bọt dính và rung lên giữa môi của anh ta.

“... Đất lại trở về với đất,” mục sư nói, “Cát bụi lại về với cát bụi...”, và ông ta bóp vụn đầy tay một nắm đất ở trên nắp quan tài của Sarah để thể hiện cho việc bắt đầu an táng.

Rồi, thế là mọi việc kết thúc, và họ đều bước ra khỏi khu mộ. Peter để bố mình lại với những người của Magnum; giờ thì cậu ta quay ra với Emily và Howard, nói “Hai người quay lại nhà con một chút nhé. Chúng ta sẽ đi bằng xe của con.”

Ngoại trừ việc bàn tay của cậu ta rung lên một chút khi mở khóa xe và nổ máy, cậu ta dường như kiểm soát được bản thân mình.

“Những cậu trẻ hơn con là bạn học cùng trường dòng với con,” cậu ta nói trong khi lái xe. “Con không nói họ đến; họ biết được và tự đến. Mọi người luôn làm con ngạc nhiên về lòng tốt của mọi người.”

“Mm,” Emily nói. Cô muốn hỏi “Mẹ cháu đã chết như thế nào, Peter? Hãy nói cho dì biết sự thật”, thay vào đó cô quay ra nhìn những siêu thị rực sáng và trạm xăng đi qua. “Peter,” sau đó cô nói, “Bố con ổn chứ?”

“Ôi, bố con ổn, thưa dì Emmy. Ông muốn ra ngoài hôm nay, nhưng ông không cảm thấy khỏe, ông đã ở nhà an dưỡng một thời gian, dì biết đấy.”

Căn nhà cũ kỹ thậm chí trông thê lương và gớm ghiếc hơn cô tưởng. Một trong những đứa con của vợ Tony mở cửa cho họ, cười rúc rích, và chạy đi trốn trong phòng khách ẩm mốc; phần còn lại của buổi lễ được tập hợp quanh phòng bếp vương vãi toàn đồ làm bánh sandwich và nào là những lon bia và soda... Đó là một buổi tụ họp ồn ào.

“... Và người thanh niên này,” một trong những người của Magnum nói, đập vai thân mật với Tony, “thanh niên này bắt được cả một bát cá nhỏ ngớ ngẩn, và anh ta sắp có một món hời lớn từ việc này, tôi nghĩ anh ta sắp đưa tiền tip cho cả hội đấy.”

Tony, mắt anh ta vẫn sưng, xoay người với cái đập vai cười ngất lên và đưa lon bia vào miệng.

“Con lấy một chút gì cho dì nhé, dì Emmy?” Peter hỏi.

“Không, dì cảm ơn. À, mà có... cho dì ít bia, nếu con có đủ.”

“Còn ông dùng gì ạ?”

“Không, tôi cảm ơn,” Howard nói. “Tôi đủ rồi.”

“Không, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên được lần chúng ta đi chơi,” người đàn ông đến từ Magnum nói. Mặt đỏ bừng với thành công của câu chuyện câu cá, gã ta chuyển sang một câu chuyện khác mà không nhận ra rằng gã đã mất gần hết khán giả. “Những người nào luôn đi cùng với chúng ta nhỉ, Tony? Anh, tôi, Fred Slovic... tôi quên mất. Dù sao, chúng ta...”

“Có ai muốn thêm xúc xích gan không?” Tony Junior hỏi. Cậu ta đang mời sandwich. “Em có muốn phết loại mù tạt thường hay là loại dành cho trẻ con?” Vợ cậu ta, chắc là vừa mới cho bé con đi ngủ, đang cố gắng lau vết CocaCola bị đổ trên váy của đứa trẻ hay hờn dỗi năm tuổi.

“Dù sao thì hãy nói cho em biết,” một trong những sinh viên ở trường dòng, một cậu bé ưa nhìn với phát âm của người miền Nam, cười ngượng nghịu với Tony Junior. “Có một điều em không hiểu. Lúc bé sao anh lại không nện cho cậu em trai mình nhiều hơn nhỉ?”

“À, anh cũng đã cố đấy,” Tony Junior nói trong lúc phết mayonnaise lên bánh mì đen. “Anh đã thử nhiều lần, nhưng thật chẳng dễ chút nào. Ý anh là cậu ta tuy bé nhưng rắn chắc và dẻo dai.”

“...Vì thế ý tôi là ‘tôi đã kiếm được năm đồng xu,’” người đàn ông Magnum đang hét lên. “Tôi kiếm được năm đồng xu trong khi cả ngày Wilson chẳng kiếm được gì.”

“Ôi, Chúa ơi, Marty,” Tony nói, cười và lắc đầu với sự vui sướng quá khích. “Anh sẽ kể mãi chuyện này cho đến tận lúc tất cả mọi người chúng ta chết à?”

Peter đi trả lời điện thoại; khi cậu ta quay lại cậu ta nói “Đấy là điện thoại của bố.” vẫn còn hưng phấn với phần kết câu chuyện của Marty (với câu kết là anh ta bắt được nhiều cá hơn tất cả mọi người ở trên thuyền ngày hôm đó), Tony nheo mắt qua ly whiskey và nói “Ai đấy, Peter?”

“Sĩ quan Ryan. Bố biết mà; ở đồn cảnh sát.”

Tony uống ngụm whiskey và nhăn mặt vì vị đắng ngọt. “Cảnh sát,” anh ta thì thầm, chuẩn bị đi. “Thằng cảnh sát chết tiệt nghĩ là tôi đã giết vợ.”

“Thôi mà bố,” Peter nói xoa dịu khi cậu ta theo cha ra khỏi phòng. “Bố hiểu vấn đề mà. Con đã nói với bố là đó chỉ là điều tra thông thường thôi.”

Cuộc nói chuyện với sĩ quan Ryan không kéo dài; khi anh ta quay trở lại bàn tiệc anh ta uống thêm nữa - hai chai whiskey hiện giờ đang được chuyển quanh bàn - những tiếng hò hét và tiếng cười kéo dài mãi đến tận chiều muộn.

Bóng nắng xanh thẫm trải dài trên ngôi nhà khi Emily đứng lên đi về phía phòng tắm. Trên lối đi hành lang cô trượt chân và suýt ngã; trong lúc tự lấy lại thăng bằng cô nhận thấy cô đã va vào một cái tủ nhỏ đựng những tờ tạp chí cũ Tin tức hàng ngày được xếp thành đồng dày ba phút. Lúc quay trở lại cô lướt qua một cái khung ảnh, đây là bức ảnh chụp hình của Tony và Sarah vào Lễ Phục sinh ngày Chủ nhật năm 1941. Bức ảnh bị treo lệch đi như thể vì bị một vài cơn gió thổi mạnh làm rung chuyển bức tường, cẩn thận, với những ngón tay run rẩy, cô với lên bức ảnh và để cho nó được thẳng lại.

Đèn bắt đầu được bật lên để chống chọi lại với bóng tối của chiều tà đang buông xuống.

“... Không, nhưng những gì mà tôi muốn biết,” người đàn ông Magnum nói với Tony Junior, “những gì mà tôi muốn biết là công việc nào cháu có thể làm cho tôi?”

“Cách tốt nhất, Marty,” Tony Junior khẳng định với gã ta. “Chú có thể hỏi bất kỳ một ai: chúng cháu là những thợ kỹ thuật tốt nhất ở bộ phận này của hạt Suffolk.”

“Vì, ý tôi, theo quan điểm của tôi,” Marty khẳng định, “theo quan điểm của tôi, đó là - cháu biết đấy - sự cân nhắc duy nhất.”

“Mẹ,” một trong những đứa trẻ khóc nhai nhai. “Mẹ, chúng ta về nhà đi mẹ?”

“Ý chú là, đến uống một chút gì đi các cháu,” Tony nói với nhóm sinh viên trường dòng còn đang ngập ngừng. “Các cháu chưa bao giờ uống, đúng không?”

“Cám ơn chú,” một cậu trong nhóm nói, “một chút rượu và nước.”

“Em ổn chứ, Emily?” Howard hỏi, nhìn lên trong lúc nói chuyện với một người đàn ông khác trong nhóm người Magnum.

“Em ổn. Em lấy chút gì cho anh nhé?”

“Anh có rồi, cám ơn em.”

Trong suốt cả buổi Eric chỉ đứng một mình tựa người vào khung cửa phòng bếp, im lặng và khó hiểu dưới lớp kính phản quang, giống như một bảo vệ được thuê để giữ cho bữa tiệc không bị vượt tầm kiểm soát.

Vợ của Tony Junior đưa trẻ về nhà mà không nói lời tạm biệt với ai hết; không lâu sau nhóm sinh viên trường dòng ra về, và rồi đến nhóm Magnum nhưng rồi Marty lại khơi mào.

“... Nghe này Tony,” Marty nói. “Anh sẽ phải ăn chứ? Chúng ta qua chỗ Manny dùng bít tết đi.”

Và trong những chiếc xe, sau một lúc cãi cọ do ngã ngửa về việc ai sẽ ngồi với ai, những kẻ khóc thuê rồ máy về phía đường cao tốc đi đến một nhà hàng theo phong cách California tràn ngập ánh sáng có tên gọi Nhà hàng thịnh sù của Manny Feldon.

Bên trong chỗ ngồi tối đến nỗi mà họ chỉ nhìn thấy mặt nhau qua bàn khi họ cụng ly cocktail bằng những chiếc cốc nặng nề. Peter không say rượu: cậu ta ngồi đằng sau cha mình, như thể bữa tiệc liên hoan này, giống như lúc ở khu mộ, có thể sẽ cần sự trợ giúp của cậu ta. Marty và Tony Junior lại đắm chìm trong nói chuyện về công việc. Không thay thế được tay nghề ở bất kỳ một bộ phận nào, Marty nói, trong lúc Tony Junior gật đầu chậm rãi và càng chứng tỏ rằng cậu ta không đồng ý. “Ý tôi là ở tất cả các bộ phận, dù cho là bộ phận cơ khí hay mộc hay sản xuất giấy hay bất kỳ một bộ phận nào mà cậu đặt tên. Có phải vậy không?”

Emily nắm chặt lấy thành bàn bằng cả hai tay vì chỉ có mỗi nó đang trở nên một khối thống nhất duy nhất: còn tất cả những thứ khác đều đang chao đảo. Bên cạnh cô, sâu trong chiếc ghế tựa vào tường - và bức tường cũng trở nên lung lay - là Howard đang nốc đủ rượu để chuẩn bị, có thể đây là đêm thứ ba hay tư gì đó, kể từ khi cô biết ông ta, cho việc đi ngủ trong say khướt.

Eric không ngồi cạnh ai cả, và cậu ta là người duy nhất ăn ngẫu nhiên khi những món bít tết được mang đến. Cậu ta ăn với lòng hăng say của một người bị chết đói, cong người qua đĩa như thể muốn chắc rằng đĩa thức ăn sẽ không bị mang đi mất.

“... Không, nhưng tôi đang về già rồi,” Marty vẫn nói, “... và lưu ý với cậu rằng, tôi nhận ra có thể tôi chỉ còn lại nhiều nhất là mười lăm năm... càng về già tôi lại càng phải dừng lại và suy nghĩ. Ý tôi là cậu thấy

đấy, bọn trẻ bây giờ chạy rong với tóc dài lượt thướt, với những cái quần jeans nhếch nhác và những suy nghĩ điên rồ, và chúng thì hiểu biết những gì nào? Tôi nói có đúng không? Ý tôi là liệu chúng thì biết được gì?”

Cuối cùng thì Howard cũng đủ tỉnh táo để rút ra được tờ lịch trình khỏi ví, xem kỹ lịch trình dưới ánh sáng lập lòe của chiếc bật lửa và xác định rằng họ chỉ có mười lăm phút còn lại để bắt kịp giờ tàu.

“Hãy giữ liên lạc nhé, dì Emmy,” Peter nói, cao giọng chào họ, và cậu ta bắt tay Howard. “Cám ơn ông đã đến.”

Tony cố gắng ra khỏi ghế, đi lảo đảo. Anh ta lảo bảo cái gì đó không thể nghe thấy được với Howard, lau miệng của mình và trông có vẻ do dự không biết liệu có nên hôn Emmy vào má không. Thay vào đó anh ta nắm tay cô trong giây lát, không hẳn hoàn toàn nhìn vào mắt cô; anh ta để cho họ đi, chậm chậm cho tay lên thái dương và đưa về đằng trước. “Thăng tiến nhé.” Anh ta nói.

Phải mất một thời gian dài Emily mới nhận ra là Sarah đã chết. Thỉnh thoảng, chợt tỉnh dậy với giấc mơ thời bé con được lấp đầy bởi khuôn mặt của Sarah và giọng nói của Sarah, cô sẵn sàng đi ngắm khuôn mặt của mình trước gương ở phòng tắm sáng rực cho đến tận khi cô khẳng định được đấy vẫn là khuôn mặt của em gái Sarah, và rằng trông nó không già. “Howard!”, một lần cô nói khi họ nằm trên giường, trong lúc sắp ngủ. “ông có biết không? Em thật sự ước rằng ông đã từng gặp Sarah trong những ngày xa xưa, trước khi mọi thứ trở nên tan vỡ như thế này. Chị ấy thật đáng yêu.”

“Mm,” ông ta nói.

“Đáng yêu, tươi sáng và đầy sức sống... và nghe có vẻ ngớ ngẩn, nhưng em nghĩ giá mà ông biết chị ấy thì ông sẽ hiểu em hơn.”

“Ôi, tôi cũng không biết nữa. Tôi nghĩ rằng tôi khá là hiểu em đấy chứ.”

“Không, ông không hiểu gì,” cô nói.

“Thật thế á?”

“Ông thật sự không hiểu. Hầu như chúng ta chưa bao giờ nói chuyện.”

“Em đùa đấy à? Chúng ta luôn nói chuyện với nhau trong mọi lúc, Emily.”

“Ông chưa bao giờ muốn nghe chuyện về thời thơ ấu của em hay bất kỳ chuyện gì.”

“Có chứ. Tôi biết hết về thời thơ ấu của em. Ngoài ra, thời thơ ấu của mọi người hầu như đều giống nhau.”

“Sao ông có thể nói như vậy được? Chỉ có người vô tình và trì độn nhất trên thế gian này mới nói ra điều như vậy.”

“Được rồi, được rồi, được rồi,” ông ta nói đầy ngái ngủ. “Hãy kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của em nào. Hãy kể thật náo nức vào nhé.”

“Ugh!” Và cô xoay người cách xa ông ta. “Ông thật không thể chấp nhận được. Ông đúng là một tên người vượn Neandectan.”

“Mm.”

Một lần khác, khi họ quay trở về vào lúc chiều tà trong chuyến đi dã ngoại ở ngoại ô, cô nói “Làm thế nào ông có thể chắc rằng đó là bệnh xơ gan, Howard?”

“Tôi không chắc; tôi chỉ muốn nói là nó có vẻ như vậy, bằng cách xem xét việc cô ấy uống rượu.”

“Nhưng rồi chính cái nghĩa ám muội khi nói ‘mùa thu chị ấy dọn về nhà.’ Và rồi cảnh sát đến, và Tony nói ‘Cảnh sát nghĩ là tôi giết vợ.’ Em cá là hẳn ta đã làm thế, Howard. Em cá là hẳn ta đã nhảy xổ vào trong một lần say khướt và đã đánh chị ấy với cái ghế hay là thứ gì đó.”

“Họ không bắt anh ta, có phải vậy không? Nếu họ có bằng chứng, chắc hẳn là họ đã bắt anh ấy.”

“Thật ra, nhưng anh ta và bọn trẻ có thể che đậy bằng chứng.”

“Cùng à, chúng ta đã nói về chuyện này hàng trăm lần rồi. Đó chỉ là một trong vô vàn thứ mà em sẽ không bao giờ biết được. Cuộc sống đầy rẫy những việc xảy ra như vậy.”

Đi qua ba hay bốn khu nhà thô sơ, và rồi một số khu ngoại ô phát triển, và rồi bắt đầu đi đến Bronx(1); họ đi suốt đến cầu Henry Hudson(2) trước khi cô nói “Ông đứng rồi.”

“Đứng về điều gì?”

“Cuộc sống đầy rẫy những việc như thế này.”

Cũng có những điều mà sẽ chẳng bao giờ cô biết được về Howard, tuy vậy cô vẫn cũng có thể yêu ông ta đến nhường nào. Thỉnh thoảng dường như cô chỉ vừa mới biết ông ta vậy.

Công việc ở cơ quan dường như không được tốt lắm. Hannah Baldwin ít mời Emily đi ăn trưa hơn - bà ta mời những người phụ nữ khác trẻ hơn cùng phòng với Emily đi ăn trưa - và bà ta ít gọi cô là “cưng” hơn, và cũng ít đến phòng làm việc riêng của cô để đặt cái hông chắc nịch lên cạnh bàn làm việc và lãng phí hàng giờ đồng hồ làm nhảm những điều vô nghĩa vào giữa ngày làm việc. Bà ta bắt đầu dành cho Emily cái nhìn mà cô mô tả với Howard là “cái nhìn kỳ lạ” - một cái nhìn thăm dò, không thân thiện - và bà ta tìm ra đủ mọi thứ để bình luận về cách mà Emily thực hiện công việc.

“Bản viết này nông quá,” bà ta nói một lần về một công việc mà Emily đã phải làm việc nhiều ngày. “Nó cứ đuồn đuối. Chẳng nhẽ không có cách nào để hà hơi cuộc sống vào trong đó được à?”

Khi tên của một nhà nhập khẩu người Thụy Điển được in ra trong bản in bị mất dấu trên một trong những nguyên âm, Hannah đã chỉ trích nặng nề rằng đó chính là lỗi của Emily. Và khi Emily để cho một quảng cáo của National Carbon đi vào thực hiện mà lại không phát hiện ra cụm từ “đang chờ được công nhận đặc quyền chế tạo” không có đằng sau từ “Tynol,” Hannah đã cư xử như thể đang có một tai họa vậy. “Chẳng lẽ cô không hề biết về tư cách pháp lý trong một việc như thế này hay sao?” Bà ta hạch sách. “Hannah, tôi chắc là sẽ ổn thôi,” Emily nói. “Tôi biết nhà tư vấn luật cho National Carbon mà.”

Hannah chớp mắt và nheo lại. “Cô ‘biết’ ông ta? Cô có ý gì, cô ‘biết’ ông ta?”

Emily cảm thấy máu đang chảy trên mặt mình. “Ý tôi là chúng tôi là những người bạn.”

Ngập ngừng trong giây lát. “Thế à,” cuối cùng Hannah nói, “thật là tốt khi là những người bạn, nhưng điều đó chẳng có nghĩa gì trong công việc kinh doanh.”

Tối đó Emily nói với Howard về chuyện xảy ra, vào bữa tối, và ông ta nói “Nghe có vẻ như bà ta sắp mất kinh vậy. Em sẽ chẳng làm được gì với chuyện này đâu.” Ông ta thái một lát lát bít tết và nhai thật kỹ trước khi nuốt. Rồi ông ta nói “Tại sao em không bỏ cái công việc chết tiệt ấy đi, Emily? Em không cần phải làm việc. Chúng ta không cần tiền.”

“Không, không,” cô nói thật nhanh. “Nó không tồi tệ đến như thế; em chưa chuẩn bị tinh thần cho việc này.” Nhưng sau đó, khi đứng ở bồn rửa để rửa bát trong lúc ông ta đang tập trung vào đồ uống sau bữa tối, cô cảm thấy muốn được khóc. Cô muốn đi đến chỗ ông ta và khóc một cách duyên dáng vào áo của ông ta. Ông ta đã nói “Chúng ta không cần tiền,” như thể họ đã lấy nhau vậy.

Một tối, một năm sau cái chết của Sarah, một giọng phụ nữ mệt mỏi tự đồng cảm khi bệnh viện bang Central Islip gọi đến thông báo “Chúng tôi lấy làm tiếc thông báo với chị về cái chết của Esther Grimes.”

“Ôi,” Emily nói. “Tôi hiểu rồi. Thế à, chị có thể nói cho tôi biết thủ tục là như thế nào không?”

“Thủ tục á?”

“Ý tôi là... cô biết đấy... về việc sắp xếp lễ tang.”

“Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào cô, cô Grimes.”

“Tôi biết là điều đó phụ thuộc vào tôi. Tất cả những điều tôi muốn nói là...”

“Nếu cô muốn thực hiện một lễ tang cá nhân, chúng tôi có thể gợi ý cho cô vô vàn nhà tang lễ trong khu vực này.”

“Chị hãy gợi ý cho tôi một nhà tang lễ, có được không?”

“Chỉ dẫn của chúng tôi là phải gọi ý mọi nhà tang lễ.”

“Được thôi, đợi đã... để tôi lấy cái bút chì.” Và khi cô đi qua ghế của Howard từ chỗ để điện thoại cô nói “Mẹ em mất rồi. Ông có biết gì về việc đó không?”

Khi việc đã được thống nhất Howard nói “Emily! Em có muốn tôi cùng với em đi đến chỗ đó vào ngày mai không?”

“Dạ, thôi ạ,” cô nói với ông ta. “Đó chỉ là một lễ tang nhỏ, khó chịu thôi, ở một nơi, mà gọi là gì nhỉ, nhà xác. Em có thể giải quyết được công việc một mình.”

Cả ba đứa cháu của Pookie đang đợi ở dưới hàng cây ở Central Islip khi taxi của Emily xuất hiện phía bên ngoài nhà xác buổi chiều hôm sau. Họ là những người duy nhất có mặt ở đó. Peter để anh em mình đứng đó và đi về phía cô giúp cô ra khỏi xe, mỉm cười. “Con rất vui lại được gặp dì, dì Emmy,” cậu ta nói. Cậu ta đang mặc áo mục sư; cậu ta đã được phong chức. “Thường thì họ đưa một mục sư của bệnh viện đến để làm lễ,” cậu ta nói, “nhưng nếu con hỏi liệu con có thể làm việc đó không và họ đồng ý.”

“Thế à, thế thì... tốt rồi, Peter,” cô nói. “Thế thì ổn rồi.”

Nhà thờ tối lờ mờ bốc mùi của bụi và véc ni. Emily, Eric và Tony Junior ngồi ở hàng ghế dài phía trên, đối diện với án thờ nơi quan tài đã được đóng nắp của Pookie để giữa hai giá đỡ nến. Rồi Peter đi vào từ cửa bên, mặc một loại áo choàng mục sư của nhà thờ Tân giáo, và bắt đầu đọc to từ quyển kinh cầu nguyện.

“... Chúng ta không mang gì đến cho thế giới này, và chắc chắn là chúng ta cũng không mang đi theo mình được thứ gì. Chúa đã ban tặng, và Chúa cũng lấy đi; hãy ban phúc cho con chiến mang tên của Ngài...”

Khi buổi lễ kết thúc, Emily đi đến phòng hành chính và đến quầy thu ngân, nơi có một người đàn ông đưa cho cô một hóa đơn đã được ghi thành từng khoản và nhận séc thanh toán của cô, sau khi hỏi xem bằng lái xe của cô. “Chị có thể đi cùng thi hài đến đài hoá thân,” anh ta nói, “nhưng tôi không khuyên chị làm điều đó. Không có gì để xem cả.”

“Xin cảm ơn,” cô nói, nhớ lại hai ống khói ở phía đường chân trời của bệnh viện Central Islip.

“Xin cảm ơn.”

Ba chàng trai nhà Wilson đang đợi cô. “Dì Emmy!” Peter nói. “Con nghĩ là cha con muốn gặp dì. Con có thể đưa dì đến đó, chỉ vài phút thôi, có được không?”

“Thế à, dì - được thôi.”

“Thế còn các con thì sao?”

Nhưng hoá ra là cả hai anh em kia đều quay về đi làm, và sau khi họ lăm bắm chào, những chiếc xe của họ rồ máy đi theo những hướng khác nhau.

“Bố con đã tái hôn,” Peter nói khi cậu ta lái xe đi thẳng trên con đường dài. “Dì có biết không ạ?”

“Không, dì không biết.”

“Đó là điều tốt nhất trên đời này dành cho ông. Ông đã cưới một người phụ nữ rất dễ thương đang làm chủ nhà hàng ở St.Charles, một goá phụ. Họ đã làm bạn với nhau trong nhiều năm.”

“Dì hiểu rồi. Và họ có sống ở...”

“Không ạ. Great Hedges đã được bán từ lâu rồi. Ông bán cho một người làm nghề triển khai dự án chẳng bao lâu sau cái chết của mẹ con. Không có gì ở đó bây giờ ngoại trừ bụi và xe ủi đất. Không, ông chuyển đến sống cùng với người vợ mới - tên cô ta là Vera - trong một căn hộ phía bên trên nhà hàng. Nó rất dễ chịu. Và ông cũng đã về hưu, không làm ở Magnum nữa - dì có biết việc đó không ạ?”

“Không.”

“Thật ra, ông đã bị một tai nạn rất nặng cách đây sáu tháng, bị chấn thương rất nặng và bị vỡ bả vai, vì thế ông xin về hưu sớm. Hiện giờ ông đang phục hồi sức khỏe và làm những việc nhẹ; con nghĩ khi ông lại có thể đi làm lại, ông sẽ trở thành một đối tác công việc với Vera trong việc kinh doanh nhà hàng.”

“Dì hiểu rồi.” Sau một lúc thì chợt lóe lên trong đầu cô muốn biết về Geoffrey già. “Ông nội con thế nào rồi, Peter?”

“Ôi, ông con mất rồi, dì Emmy. Ông con mất năm ngoái.”

“Thế à, dì rất lấy làm tiếc.”

Những cánh đồng hai bên đường dẫn đến những khu dân cư đông đúc, và những trung tâm thương mại với hàng mẫu những bãi đỗ xe. “Hãy kể cho dì nghe về con nào, Peter,” cô nói. “Bây giờ con ở đâu?”

“Con may mắn có được một công việc thú vị,” cậu ta nói, nhìn lướt qua tay lái. “Con là giáo sĩ trợ lý ở trường Edwards, ở phía trên của New Hampshire. Dì đã nghe nói đến trường Edwards chưa ạ?”

“Dì đã nghe đến rồi.”

“Con không thể đòi hỏi được một vị trí tốt hơn ở công việc đầu tiên,” cậu ta nói tiếp.

“Sếp của con là một người đàn ông dễ chịu, và dường như bọn con suy nghĩ giống nhau. Công việc rất thử thách và rất phấn chấn. Thêm nữa, con thích làm việc với thanh niên.”

“Mm,” cô nói. “Thế à, thế thì tốt rồi. Dì chúc mừng nhé.”

“Thế còn dì thì sao rồi ạ, dì Emmy?”

“À, với dì thì mọi việc vẫn thế.”

Ngừng một lúc, rồi trầm ngâm nhìn về con đường phía trước, cậu ta nói “Dì có biết không? Con luôn ngưỡng mộ dì, dì Emmy ạ. Mẹ con thường nói ‘Emmy luôn có những suy nghĩ tự do.’ Con không hiểu điều đó có nghĩa gì khi con còn bé, vì thế con đã hỏi mẹ con một lần. Và mẹ con trả lời ‘Emmy không quan tâm đến việc mọi người nghĩ gì. Dì làm chủ bản thân và đi theo con đường của riêng mình.’”

Cổ họng của Emily dường như bị nghẹn lại. Khi cô cảm thấy tự tin để nói, cô nói “Mẹ con thật sự đã nói như vậy á?”

“Theo đúng như trí nhớ của con, đó chính là điều mẹ con đã nói.”

Giờ thì họ đi qua những con phố ở khu ngoại ô dân cư dày đặc đến nỗi cậu ta phải nhấn phanh dừng lại ở đèn giao thông. “Không còn xa nữa đâu ạ,” cậu ta nói. “Ồ ngay góc rẽ tiếp theo... Đến nơi rồi ạ”

Biển hiệu của nhà hàng ghi BÍT TẾT, TÔM HÙM và COCKTAILS nhưng nó lại có vẻ ảm đạm: sơn đã bị phai ở cái ván che màu trắng ở phía đằng trước, và những cửa sổ thì quá bé. Nó là một nơi mà làm cho một người đàn ông và một người đàn bà đang đối ngồi trong ô tô sẽ phải dành hàng nhiều phút để cân nhắc. (“Em nghĩ gì?”, “Thật ra, em cũng không biết nữa; trông nó thật kinh khủng. Có thể đằng kia sẽ có nơi khác khá hơn.”, “Em à, anh đã nói với em rồi: sẽ không có một thứ gì khác ở những dặm sắp tới đâu.”, “Vậy thì, chẳng còn cách nào khác, vậy thôi.”) Peter đỗ xe ở chỗ đậu rải sỏi có cỏ mọc và dẫn Emily đi quanh phía sau tòa nhà đến một chiếc cầu thang bằng gỗ để đi đến tầng hai.

“Bố à!”, cậu ta gọi, “Bố có nhà không ạ?” Và kia là Tony Wilson, trông giống như một Laurence Olivier hoang mang, đang về già khi anh ta mở cánh cửa mỏng mảnh và mời mọi người vào nhà. “Mời vào,” anh ta nói. “Xin chào Emmy.”

Cái căn hộ bé nhỏ trông tạm bợ - nó gợi Emily nhớ về căn hộ cũ kỹ của Pookie phía trên garage ở Great Hedges - và nó chứa quá nhiều đồ. Hai cụ tổ của Tony nhìn chằm chằm từ phía những bức tường lộn xộn; những bức tranh khác được đóng khung bằng những chiếc khung tranh được mua ở cửa hàng tạp hoá bán giá rẻ. Vera đi lằng xằng từ dưới bếp lên, cười toe toét, một người phụ nữ xương to sôi nổi ở độ tuổi bốn mươi, đang mặc chiếc quần soóc.

“Tôi mong rằng cô sẽ không nghĩ chân tôi luôn to như thế này,” chị ta nói. “Tôi bị dị ứng nặng, nên thỉnh thoảng chúng làm cho chân tôi sưng tấy.” Và chị ta ấn tay mình vào một bên đùi đang run lấy bầy tỏ ý bị sưng. “Chị ngồi đi. Peter, chuyển cái hộp ra khỏi cái ghế xanh để dì cháu ngồi.”

“Xin cảm ơn,” Emily nói.

“Chúng tôi rất lấy làm tiếc về tin của mẹ chị,” Vera hạ thấp giọng nói, ngồi bên cạnh Tony trong chiếc ghế sofa nhỏ mà Emily nhận ra là nó từ nhà cũ. “Chúng ta chỉ có một mẹ thôi mà.”

“Thật ra, mẹ tôi đã bị... rất ốm trong một thời gian dài.”

“Tôi biết mà. Mẹ tôi cũng bị như vậy. Năm năm ra vào bệnh viện, với những cơn đau liên miên. Ung thư lá lách. Chồng trước của tôi, cũng... ung thư ruột. Anh ấy chết trong đau đớn. Và chuyện này nữa.” Chị ta huých mạnh tay Tony. “Chúa ơi, anh ấy đã làm cho tôi sợ đến mức nào. Peter đã nói với chị về tai nạn chưa? ôi, tôi quên mất không mời chị thứ gì. Chị uống cà phê nhé? Hay chè?”

“Thôi, xin cảm ơn chị. Tôi đủ rồi.”

“Dù sao thì chị cũng thử bánh đi, nó ngon đấy.” Chị ta chỉ cái đĩa đựng bánh quy sô-cô-la ở trên bàn cà phê. Peter với lấy một cái, nhai trệu trạo trong lúc nói. “Dù sao thì,” chị ta nói, “Đội tuần tra trên đường cao tốc gọi tôi vào lúc năm giờ ba mươi chiều, và tôi vội đến bệnh viện trước khi họ làm gì anh ấy. Họ để cho anh ấy nằm trên một cái cang ở phòng cấp cứu, bất tỉnh, máu me đầy mặt, và thẻ có Chúa tôi nghĩ rằng anh ấy đã chết. Não của anh ấy đang sắp lòi ra ngoài.”

“Thôi mà, Vera,” Peter nói với đầy mồm bánh quy.

Chị ta quay sang cậu, đôi mắt tròn vô tội và giận dữ. “Cháu không tin cô à? Cháu không tin cô à? Thẻ có Chúa. Thẻ có Chúa, Peter, não của người đàn ông này đang lộ ra ngoài tóc.”

Peter nuốt bánh. “Thật ra,” cậu ta nói, “ít nhất là họ cũng đã giải quyết cấp cứu được bố con.” Và cậu quay ra với cha mình. “Bố, đây là đoạn mà con đã kể với bố, đoạn mà con nghĩ bố có thể sẽ thích đọc.” Từ cái ví ở phía bên trong áo choàng cậu ta lôi ra một tờ quảng cáo đã được cuộn lại, được in đẹp trên loại giấy màu nâu vàng nhạt đậm, với tiêu ngữ theo kiểu Anh cổ và dòng chữ “Đại học Edwards” là một phần của tiêu đề.

“Cái gì thế này?” Vera gắng hỏi, vẫn tỏ vẻ giận dữ về việc cậu ta không tin nào dính trên tóc. “Một bài thuyết pháp hay là gì vậy?”

“Thôi nào, Vera,” Peter nói. “Cô biết là cháu chưa bao giờ đưa cô xem một bài thuyết pháp nào. Nó chỉ là một tờ tin mà nhà thờ phát hành.”

“Mm,” Tony nói. Anh ta lấy cái kính ra từ túi áo sơ mi, đeo kính vào và đọc lướt bài báo với cặp kính của mình, nháy mắt liên hồi.

“Bài viết đầu tiên của sếp con,” Peter giải thích. “Có thể bố sẽ thấy thú vị khi đọc bài viết này. Phần viết của con nằm ở trang bên trong.”

“Mm.” Tony cẩn thận để tờ tin vào túi áo, cùng với cái kính và bao thuốc lá, và nói “Rất tốt, Peter.”

“Ôi, Peter này,” Vera giải bày với Emily. “Chẳng phải là cậu ta đã quá được chiều sao? Chẳng phải cậu ta sẽ làm cho một vài cô gái được hạnh phúc một ngày nào đó sao?”

“Cậu ta chắc là sẽ như vậy rồi.”

“Tony Junior và tôi có vướng một số chuyện,” chị ta nói, “và Eric - thật ra tôi không biết gì về Eric; nhưng với Peter này... Cậu ta thật sự là quá được chiều. Chỉ có mình cháu mới hiểu được, phải vậy không? Họ đang làm hư cậu bé, tất cả những người phụ nữ ở trường Edward.”

Họ đang làm hư hỏng cậu bé. Họ dọn thức ăn cho cậu ta; họ dọn giường cho cậu ta; họ giặt quần áo cho cậu ta...”

“Thôi mà, Vera,” Peter nói, và rồi cậu xem đồng hồ. “Con nghĩ chúng ta nên đi thôi, dì Emmy, nếu chúng ta muốn kịp tàu.”

Một lần ở mùa đông năm sau, Howard lại phải đến Los Angeles - đó là chuyến đi thứ bảy hay tám gì đó kể từ ngày cô biết ông ta.

“Tôi không cần tất cả những đồ nặng này,” ông ta nói khi cô đang giúp ông chuẩn bị đồ. “Em không biết được là ở đó ẩm đến như thế nào đâu.”

“Ôi,” cô nói. “À, đúng rồi, em quên mất.”

Và rồi cô để cho ông ta tự chuẩn bị nốt đồ của mình.

Cô đi vào bếp để pha cà phê, nhưng lại thay đổi ý định và làm cho mình một ly. Những chuyến đi như thế này thật luôn khó chịu. Cô không định hỏi ông ta xem liệu ông ta có đến gặp Linda không: lần trước cô đã hỏi ông ta về điều này, ở chuyến đi thứ ba hay bốn gì đó, nó gần như mang lại một cuộc cãi vã. Ngoài ra, cô tự khẳng định với mình, khi chất cồn làm nóng mạch máu của cô, rằng thật sự rất không có khả năng đó xảy ra. Ông ta và Linda đã ly thân với nhau gần được sáu năm rồi - sáu năm, vì Chúa - và mặc dầu thỉnh thoảng ông ta vẫn nhắc đến cô ta theo cách khùng điên cũ kĩ, rõ ràng rằng cho đến giờ cuộc hôn nhân đó đã bị hủy bỏ.

Nhưng điều đó lại âm ỉ một câu hỏi đã giày vò cô ngay từ lúc đầu, đe dọa cô không biết bao nhiêu lần, làm cho cô muốn nhảy xổ vào ông ta để kéo nhều có được một câu trả lời: nếu hôn nhân đã tan vỡ, sao họ lại không ly dị?

“Có chuyện gì thế?” Howard nói, mỉm cười ở cửa bếp. “Em đang uống một mình à?”

“Vâng, em luôn uống một mình khi ông có những chuyến đi như thế này. Em đang cố làm quen với việc ông sẽ biến mất ở California mãi mãi. Hãy cho em một vài năm và em sẽ là một trong những người phụ nữ già nua góm ghềnh mà ông sẽ nhìn thấy trên đường với bốn túi hàng, nhặt những lon rác và tự nói một mình.”

“Thôi đi, Emily. Em giận tôi à? Em giận tôi về việc gì?”

“Đương nhiên là em không giận ông đâu. Ông có muốn uống không?”

Chuyến đi California lần đó đã không có một lý do nào làm cho cô phải lo lắng.

Ông ta gọi cô đến bốn lần trong lúc ông ta đi vắng, và lần thứ tư, thì ông ta nói ông ta mệt mỏi, cô nói “Nghe này, Howard: ông đừng đi taxi về nhà sau suốt một chặng đường đi công tác mệt mỏi đến như vậy. Em sẽ lái xe đến đón ông.”

“Không, không,” ông ta nói. “Em không cần phải làm thế.”

“Em biết là em không phải làm như vậy. Chỉ là việc em thích làm thôi.”

Ngập ngừng trong giây lát, dường như lúc đó ông ta suy nghĩ lắm. Rồi, ông ta nói “Được rồi. Em thật là một người đáng yêu, Emily.”

Cô không thường xuyên lái chiếc xe không ồn ào và to này của ông ta, đặc biệt là vào ban đêm và trong mưa. Công suất máy và dung tích xe làm cho cô sợ - cô thường xuyên nhấn phanh nhiều hơn cần thiết, làm cho những người lái xe sau cô phải bấm còi - nhưng cô thích thú cái cảm giác choáng ngợp đó và kiểu màu xanh thẫm của cái mui xe rộng được đọng từng giọt nước mưa rung rinh.

Howard trông u sầu và mệt mỏi khi ông ta xuất hiện từ thang máy bay - trông ông ta già - nhưng khi ông ta nhìn thấy bóng cô, khuôn mặt ông ta trở nên đỏ bừng hoàn toàn như trẻ con vậy. “Khỉ thật,” ông ta nói. “Thật vui khi nhìn thấy em chờ tôi ở đây.”

Chưa đầy một năm sau đó ông ta lại đi California - và lần này sự vắng mặt của ông ta được lấp đầy bởi sự im lặng và khiếp sợ. Thậm chí cô không thể lên kế hoạch đón ông ta bằng xe vì cô không chắc ngày nào hay đêm nào ông ta sẽ về nhà, một mình trở lại trong chuyến bay nào. Tất cả những gì cô có thể làm là chờ đợi - cố gắng nhượng bộ với thái độ cầu kính của Hannah Baldwin trong những giờ làm, cố gắng kìm nén sự ham muốn được uống một mình cho đến lúc buồn ngủ trong những buổi tối.

Một lần trong khoảng thời gian đó, quay về văn phòng sau khi ăn trưa, cô nhìn thấy khuôn mặt của một người phụ nữ nóng nảy, phờ phạc - một khuôn mặt mà bất cứ ai đều có thể nói đang về già, nặng nề (đôi mắt thâm quầng và có nếp nhăn; một cái miệng luôn tự thương xót mình, yếu đuối) - và ngỡ ngàng nhận thấy đó là chính mình, một cách vô thức đã được phản chiếu trong chiếc cửa sổ làm bằng kính. Đêm đó, một mình trước gương trong phòng tắm, cô cố gắng mọi cách để làm cho khuôn mặt mình trông khá hơn: nheo mắt trong nụ cười huyền ảo và rồi trong một nụ cười rộng hơn đầy tươi vui trong sáng, mám môi mở miệng ở nhiều cấp độ khác nhau, sử dụng một tay cầm gương để phán đoán sự thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau, thử nghiệm một cách không mệt mỏi với những cách mới để làm tăng hình thể qua việc để những kiểu tóc

khác nhau. Rồi, trước toàn bộ chiều dài của gương ở hành lang, cô cởi bỏ quần áo và nhìn chăm chú cơ thể mình qua những ngọn đèn sáng. Cái bụng của cô phải được ép phẳng trước khi để trông được ổn, nhưng ngực nhỏ hiện giờ hoàn toàn là một sự bất tiện; không làm được gì nhiều ở độ tuổi này nữa rồi. Quay lại, cô nhìn qua vai để xác định rằng cái mông của mình đã bị xệ và phần sau đùi đã bị nhão; nhưng về tổng thể, cô quyết định, đối mặt với gương lần nữa, cô cũng không đến nỗi tệ. Cô sai bước với khoảng cách mười phút, cho đến khi cô đứng ở trên thảm phòng khách, và ở đó cô đi những bước nhảy mà cô đã học được ở một lớp học nhảy hiện đại ở trường Barnard - Đó là một bài tập thể dục tốt, và nó mang đến cho cô một cảm giác đa tình đầy hãnh diện. Cái gương đằng xa cho thấy một cô gái uyển chuyển, mảnh mai trong sự di chuyển không cần phải cố gắng nhiều, cho đến khi cô đi một bước sai và chết cứng trong sự vụng về. Cô đang thở gấp và bắt đầu toát mồ hôi. Thật là ngốc.

Việc cần làm là phải đi tắm. Nhưng khi cô đi vào phòng tắm cái gương ở tủ thuốc đã bắt lấy hình cô một cách độc ác như lúc bắt gặp hình ảnh mình ở cửa sổ ở trên phố ngày hôm đó, và rồi lại là: khuôn mặt của một người phụ nữ trung niên trong tuyệt vọng và có nhu cầu kinh khủng. Howard về nhà hai đêm sau cái đêm cô thôi không mong chờ ông ta nữa, và cô biết khoảnh khắc mà cô nhìn thấy ông ta, nếu như không phải từ âm thanh phát ra từ chiếc chìa khoá của ông ta trong ổ, đó hoàn toàn là sự kết thúc.

“... Đáng nhẽ tôi đã phải gọi điện cho em,” ông ta giải thích, “nhưng tôi không thấy có bất kỳ một lý do gì để làm em phải thức giấc chỉ để nói mỗi câu là tôi sẽ về muộn. Em thế nào rồi?”

“Cũng ổn ạ. Chuyến đi của ông thế nào?”

“À, nó chỉ là... một chuyến đi thôi mà. Để tôi rót rượu đã nhé, rồi chúng ta cùng nói chuyện.” Từ bếp vọng ra tiếng đá cục và ly rượu, ông ta gọi “Thật ra, Emily, có rất nhiều chuyện để nói,” và ông ta quay lại với cô với hai ly rượu đầy. Trông ông ta như hồi lỗi vậy. “Trước tiên,” ông ta bắt đầu sau khi thở dài tiếp theo là những ngụm rượu đầu tiên, “Tôi không cho rằng đây thật sự là một tin tức đối với em về việc thỉnh thoảng tôi đã thăm Linda trong những chuyến đi như thế này trong suốt cả quãng thời gian trong quá khứ... cho dù cách đây bao lâu đi nữa.”

“Không,” cô nói. “Đó không phải là một tin tức.”

“Thỉnh thoảng tôi kết thúc công việc sớm hơn một hay hai ngày trước dự định,” ông ta tiếp tục, nghe có vẻ như được động viên lắm, “và tôi đã bay đến San Francisco và chúng tôi đã ăn tối với nhau. Không có gì ngoài việc đó. Cô ấy kể cho tôi nghe cô ấy đang như thế nào - và thật sự là cô ấy đang rất ổn: cô ấy và một cô gái khác có một công việc riêng, thiết kế quần áo - và tôi ngồi đó ứng xử như một người cha vậy. Đôi khi tôi hỏi liệu cô ấy đã gặp thanh niên tuần tú nào chưa, và rồi khi cô ấy kể cho tôi về những người đàn ông mà cô ấy đã ‘gặp’ hay là ‘hẹn hò’ tôi cảm thấy trái tim tôi bắt đầu đập như điên vậy - tôi cũng không biết nữa. Tôi cảm thấy máu đang chảy xuống tận các đầu ngón tay. Tôi cảm thấy...”

“Đi vào vấn đề đi, Howard.”

“Được rồi.” ông ta gần như uống gần hết ly rượu của mình và rồi lại thở dài, như thể phần khó khăn nhất đã qua rồi. “Vấn đề là thật sự không có công việc nào liên quan đến National Carbon trong chuyến đi này,” ông ta nói. “Tôi đã nói dối em điều này, Emily, và tôi xin lỗi. Tôi ghét phải nói dối. Tôi đã dành toàn bộ thời gian cho Linda. Giờ thì cô ấy đã ba mươi nhăm rồi - không ai có thể gọi cô ấy là một đứa trẻ nhay cảm nữa - và cô ấy đã quyết định muốn quay lại với tôi.”

Trong nhiều tuần và tháng sau đó, Emily nghĩ về những câu trả lời được sắp xếp ý tứ thật khéo, xúc cảm mà đáng nhẽ ra cô đã phải nói; vào lúc đó, dù sao, tất cả những gì cô có thể tập trung vào là cụm từ khá nhu mì và yếu đuối mà cô đã sử dụng từ thời niên thiếu là: “Em hiểu rồi.” Phải mất vài ngày để Howard chuyển đồ của ông ta ra khỏi căn hộ. Ông ta rất xin lỗi về tất cả mọi việc. Chỉ có một lần, khi ông ta rút cả vạt bằng lụa dày ra khỏi phòng để đồ, là cái lần mà có thể coi như một cảnh vậy, và nó đã trở thành một cái cảnh tồi tệ và bẩn thỉu - cái cảnh đó đã được kết thúc bằng việc cô quỳ gối xuống để ôm lấy chân ông ta và cầu xin ông ta, cầu xin ông ta ở lại - đến nỗi mà Emily có thể làm với tất cả khả năng của mình để rũ bỏ cuộc tình hoàn toàn ra khỏi đầu mình.

Có những điều khác trên đời này còn tồi tệ hơn là phải sống một mình. Cô tự nhủ hàng ngày về điều đó trong lúc cô làm việc một cách đầy hiệu quả, dành trọn tám giờ cho công ty quảng cáo Baldwin và chinh phục những buổi tối cho đến khi cô rơi vào giấc ngủ.

Không còn danh sách của Michael Hogan trong danh mục điện thoại Manhattan nữa, hay bất kỳ một danh sách nào của công ty quảng cáo của anh ta nữa. Anh ta vẫn thường nói là sẽ chuyển đến Texas, nơi là nhà của anh ta; có thể anh đã chuyển đi rồi.

Ted Banks vẫn còn trong danh sách, với địa chỉ cũ, nhưng khi cô gọi điện anh ta giải thích với một vẻ dường như ngượng ngịu rằng anh ta đã cưới một người phụ nữ tuyệt vời.

Cô cố gắng thử với những người khác - dường như cuộc sống của cô được lấp đầy với những người đàn ông - nhưng không một ai đi qua được cuộc đời cô. Không có ai với tên Flanders, John; và khi cô thử Flanders, J., ở Đại lộ cuối Tây, hóa ra lại là một giọng phụ nữ.

Trong một năm cô nhận thấy một nỗi đau thấm thía - hoàn toàn thú vị - trong việc đối mặt với thế giới như thể cô không quan tâm. Hãy nhìn tôi đây này, cô có thể nói với bản thân mình vào giữa của một ngày đầy khó khăn. Hãy nhìn tôi đây này: tôi đang sống sót; tôi đang đương đầu; tôi đang điều khiển được tình hình.

Nhưng rồi lại có một vài ngày tồi tệ hơn những ngày khác; và một buổi chiều, một vài ngày trước khi sinh nhật lần thứ bốn mươi tám của mình, lại trở thành một buổi chiều tồi tệ nhất. Cô đang mang một tập bản thảo đã được hoàn thành lên phố trên để lấy sự chấp nhận của khách hàng, và trên đường về, cô đang đi vào văn phòng của Hannah Baldwin trước khi phát hiện ra mình đã để quên tập bản thảo đó ở trên xe taxi.

“Ôi, Chúa ơi!” Hannah kêu lên, quay cuồng trên chiếc ghế như thể bà ta bị bắn qua tim vậy. Rồi bà ta lại ngã người về phía trước, để cả hai tay lên bàn và ôm đầu với cả mười đầu ngón tay, làm xù bộ tóc chính tề của mình. “Cô đang đùa đấy à?” Bà ta nói. “Đó là một bản thảo đã hoàn thành. Đó là một bản thảo đã được chấp nhận. Nó có chữ ký của khách hàng trên đó...”

Và Emily đứng đó trân trân nhìn bà ta, cuối cùng nhận ra bà ta đã không ưa mình đến mức nào, biết rằng đây có thể là lần cuối cùng cô phải đối mặt với sự bẽ bàng này.

“... Hoàn toàn là một sự cẩu thả,” Hannah nói. “Bất kỳ một đứa trẻ nào cũng đều có thể tin tưởng với một việc như thế này, và điều này thật đúng là đặc trưng của cô, Emily. Và nó không giống như thể cô không được cảnh báo trước vậy; Tôi đã cho cô nhiều cơ hội. Tôi đã cư xử mang cô tôi đã cư xử mang cô hàng năm trời nay - và đơn giản là tôi không thể chịu đựng hơn được nữa.”

“Tôi có nhiều điều muốn nói với bà, Hannah,” Emily nói, tự hào là mình chỉ run có một chút và rằng giọng cô hoàn toàn chắc chắn, “và điều đầu tiên là tôi đã làm việc ở đây quá lâu để có thể ‘bị đuổi việc’. Tôi muốn nghỉ việc hôm nay.”

Hannah hạ tay xuống khỏi mái tóc rối bời và nhìn vào mắt Emily một lúc. “Ôi, Emily, cô thật sự là một đứa trẻ. Chẳng nhẽ cô không nhận thấy là tôi đang giúp cô à? Nếu cô xin nghỉ việc thì cô sẽ chẳng có một cái gì. Nếu cô để tôi đuổi việc cô, cô sẽ được trợ cấp thất nghiệp. Chẳng nhẽ cô không biết điều đó hay sao? Cô sinh ra từ khi nào vậy?”

11. Chương 11

MỘT ĐỜI NGƯỜI - CÂU CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ

Nếu bạn bị đuổi việc ở New York, bạn có thể nhận được trợ cấp thất nghiệp trong vòng bốn mươi hai tuần. Sau đó, nếu bạn vẫn chưa tìm được việc làm, sự cầu viện duy nhất của bạn là đi đến Quỹ phúc lợi xã hội.

Tôi là một sinh viên tốt nghiệp đại học, theo giáo phái Tin lành, dòng giống Anglo Saxon, da trắng. Tôi luôn kiếm sống bằng công việc chuyên môn của mình - như là một thủ thư, một nhà báo, và cuối cùng là một người viết quảng cáo. Hiện tại tôi đang ở trong tình trạng thất nghiệp đến tháng thứ chín, không có một chút gì ngoài sự trợ cấp xã hội. Những nhà tư vấn công việc của tôi, cả nhà nước và tư nhân, đã làm tất cả những gì có thể; họ nói với tôi rằng đơn giản là không có việc gì cho tôi.

Có thể không ai giải thích được đầy đủ tình thế khó khăn này, nhưng với tất cả sự mạo hiểm thể hiện sự tự thương xót bản thân một cách quá lịch sự và dễ hiểu, tôi sẽ đánh bạo một sự phỏng đoán: tôi là một phụ nữ, và tôi không còn trẻ nữa.

Bài báo của Emily viết được đến đó. Nó đã được cuộn trong máy chữ của cô hàng tuần nay rồi; hiện giờ trang giấy đã bị cong mép, bạc màu và toàn bụi.

Cô đã rơi vào tình trạng thất nghiệp được mười một tháng khi cô bắt đầu lo lắng là cô sẽ bị mất trí nhớ nữa. Cô đã không còn ở căn hộ cũ mà chuyển về một nơi nhỏ hơn, rẻ hơn ở West Twenties, không xa nơi Jack Flanders đã sống ở đó một lần. Nhìn ánh sáng buổi sớm ban mai trải dài trên những tòa nhà xếp trên phố, cô thường hay nghĩ về Jack Flanders vuốt ve khuỷu tay của cô trong áo choàng và nói “Thỉnh thoảng, nếu bạn chơi những con bài đúng nước, bạn sẽ gặp được một cô gái xinh đẹp.” Nhưng đó chỉ là một phần của sự phiền muộn: cô luôn sống trong ký ức. Không một cảnh tượng nào hay một âm thanh nào hay một thứ nào ở trên toàn New York lại không có liên quan đến những mối quan hệ cũ; bất cứ nơi nào cô đi qua, thỉnh thoảng cô thả bộ hàng giờ liền, và cô chỉ nhìn thấy quá khứ.

Những ly rượu nặng làm cho cô sợ, nhưng cô uống một lượng vừa đủ để giúp cô có thể ngủ trong những buổi chiều - đó là một cách tốt để giết thời gian - và chính là những lúc thức dậy từ những giấc ngủ ngày đó, ngồi ở trên giường và nhìn chăm chăm vào những lon bia trống rỗng trên sàn, đã báo hiệu những dấu hiệu đầu tiên của chứng loạn trí. Nếu bất kỳ một ai hỏi cô đó là ngày nào, tháng nào hay năm nào, cô sẽ phải nói “Gượng đã... để tôi tính,” và cô không biết liệu bóng xám đằng xa phía cửa sổ là bóng hoàng hôn hay là bụi nữa. Thậm chí còn tồi tệ hơn, những giấc mơ của cô lấp đầy những giọng nói vang hét từ quá khứ, và hiện giờ những giọng nói đó vẫn còn vang lên. Cô chạy ra cửa để đảm bảo rằng cửa đã được khoá - Tốt; không ai có thể vào đây; cô một mình và an toàn trong căn phòng của riêng mình - và sau khi đứng một lúc lâu với việc mút tay cô lấy ra cuốn niên giám điện thoại và dò tìm toàn “thành phố New York” những danh sách cho đến khi cô tìm thấy “Dịch vụ chẩn đoán Bệnh tâm thần.” Nhưng khi cô cố gọi số đó đến mười một lần nhưng không có ai nhắc máy, cô nhớ ra đó là Chủ nhật; và cô phải đợi.

“Chị phải đi ra ngoài và gặp gỡ mọi người, Emily,” Grace Talbot thường nói với cô như vậy. Grace Talbot cũng làm việc ở công ty quảng cáo Baldwin, cho đến khi cô ta tìm thấy một công việc tốt hơn với một hãng lớn hơn, và gần đây trở thành người bạn duy nhất của Emily. Cô ta hài hước, có khuôn mặt như điều hâu và không dễ thương lắm, nhưng một lần một tuần, khi họ cùng nhau ăn tối ở nhà hàng, dường như cô ta tốt hơn bất kỳ điều gì vậy.

Và thật sự cô ta tốt hơn bất kỳ một thứ gì trong thời điểm hiện tại. Emily đang gọi số điện thoại của cô ta được nửa chừng trước khi cô nhận ra cô không biết nói gì. Cô không thể nói “Grace, tôi nghĩ tôi sẽ bị điên” mà lại không có vẻ như một người khủng.

“Xin chào!”

“Chào Grace, Emily đây. Tôi chỉ gọi... chị biết đấy... không vì một lý do nào cả, ngoài việc nói chuyện thôi mà.”

“Ôi, tốt thôi. Chị thế nào rồi?”

“Ồn thôi. Tôi nghĩ, ngoại trừ những ngày Chủ nhật ở New York có thể thật kinh khủng.”

“Thật á? Chúa ơi, tôi yêu những ngày Chủ nhật. Tôi sung sướng trên giường hàng giờ liền với tờ Thời báo, và với bánh mì quế và những cốc chè, và rồi buổi chiều tôi đi bộ trong công viên, hay thỉnh thoảng có bạn đến chơi, hoặc thỉnh thoảng tôi đi xem phim. Đó là ngày duy nhất trong tuần tôi thật sự cảm thấy dành cho riêng mình.” Ngập ngừng một lúc trong lúc Emily hồi tiếc đã gọi điện cho cô ta. Rồi cô nói “Chị làm gì chiều nay?”

“À, tôi đi uống rượu với một vài người bạn, George và Myra Fox. Tôi đã kể với chị về họ: anh ta viết giới thiệu quảng cáo bìa cho những cuốn sách; cô ta là một họa sĩ thương mại. Họ là những người dễ chịu.”

“Ôi, thế à, tôi nghĩ tôi sẽ cùng với chị và... chị biết đấy... để xem chị thế nào rồi.” Những điều cô đã nói làm cho cô cảm ghét chính bản thân mình ngày càng nhiều hơn. “Tôi xin lỗi đã làm phiền chị trong lúc chị đang dang dở công việc, hay một việc gì đó như vậy.”

Và lại có một sự ngập ngừng khác. “Emily?” cuối cùng Grace Talbot nói, “Chị có biết không? Tôi mong rằng chị không lừa dối tôi, và lừa dối mình nữa. Tôi biết chị cô đơn đến như thế nào; đó là một tội lỗi cho bất kỳ một ai cô đơn đến như vậy. Nghe này: George và Myra có một vài người đến chơi vào tối thứ sáu tới. Chị có muốn đi cùng tôi không...?”

Một bữa tiệc. Nó có thể sẽ là một bữa tiệc kéo dài hơn việc cô muốn nhớ, và thứ sáu chỉ còn có năm ngày nữa.

Cả tuần cô chẳng nghĩ được điều gì khác; rồi thứ sáu đã đến, và tất cả những việc cần làm trên đời này là chuẩn bị trang phục và dầu tóc cho tốt. Cô mặc một chiếc váy đen đơn giản (Cô không thể nhớ là Howard Dunninger đã nói như thế nào, về Linda, “Cô ấy mặc một chiếc váy ngắn màu đen đơn giản...”) và một kiểu tóc thả một chút điệu đà vương trên mắt. Trông cô ổn. Có thể sẽ có một người đàn ông ở đó, một anh chàng trông ưa nhìn, tóc hoa râm cùng độ tuổi với cô hay già hơn, có thể sẽ nói “Hãy kể cho tôi về em, Emily.” Nhưng thật sự đây không hẳn là một bữa tiệc. Tám hay mười người ở trong phòng khách của gia đình Fox không rời khỏi ghế của mình; dường như tất cả bọn họ đều biết nhau, và họ ngồi với trạng thái mệt mỏi, với những khuôn mặt mĩa mai, nhấp những ngụm rượu vang đỏ rẻ tiền. Không có một người đàn ông nào không bị ràng buộc. Emily và Grace, ngồi cách xa nhóm chính, hoàn toàn bị tách khỏi câu chuyện cho đến khi hồi hã nói vọng ra cứu nguy cho họ, đánh thức tất cả những cái nhìn trông có vẻ như đang lắng nghe từ phía những người khách khác.

“Tôi đã giới thiệu chị với Trudy chưa?” Cô ta hỏi Grace. “Hàng xóm cùng tầng với chúng tôi? Cô ta nói cô ta sẽ đến sau, nên có thể chị sẽ gặp cô ta, nhưng thật sự chị nên biết về cô ta trước đã. Cô ta thật ra là... Cô ta...”

Và đây là George Fox, đứng với một chai rượu trong tư thế sẵn sàng rót rượu, ngắt lời vợ mình với một cái giọng đủ to cho cả nhóm nghe thấy. “Trudy quản lý một phòng mạch về vấn đề thủ dâm của phụ nữ,” anh ta nói.

“Ôi, George, nó không phải là một ‘phòng mạch’. Nó là một phòng phát thanh.”

“Đúng rồi, một phòng phát thanh,” George Fox nói. “Cô ta thu nạp phụ nữ ở mọi lứa tuổi - nhóm họp hầu hết phụ nữ ở lứa tuổi trung niên - và cô ta sẽ lấy một chút phí. Những lớp học được tập trung ở phòng thu thanh của cô ấy và thường được bắt đầu bằng một việc thông lệ là nhảy hiện đại - đương nhiên là khóa thân - rồi họ bắt đầu công việc bằng tay, ta có thể nói như vậy. Vì Trudy không cho rằng thủ dâm là một sự thay thế bản cùng cho đồ thật, mọi người biết đấy; cô ta cho rằng thủ dâm là một cách sống. Một thể loại cơ bản cho trường phái nữ quyền cấp tiến. Ai cần đàn ông cơ chứ?”

“Tôi không tin vào điều đó,” có ai đó nói. “Bạn không tin điều đó à? Hãy ở đây. Bạn sẽ gặp cô ấy. Hãy hỏi cô ấy về bản thân bạn. Và cô ấy không thích bất cứ một thứ gì ngoài việc chỉ cho khách đến thăm quan phòng quay.”

Trudy có ghé qua sau đó - hay chính xác ra là cô ta bước vào. Điều đáng ngạc nhiên nhất về cô ta là đầu cô ta được cạo trọc - cô ta giống như một người đàn ông hói hoàn toàn, đẹp trai ở độ tuổi bốn mươi hay trạc lứa tuổi đó - và khi bạn nhận ra quần áo của cô ta: một chiếc áo lót màu tím của đàn ông mà qua đó những đầu ti của bộ ngực nhỏ lộ ra, và một cái quần jean màu xanh bạc màu mà cái đũng quần được đính hình một con bướm màu vàng to. Cô ta hòa vào với nhóm một lúc, chăm chú với điều thuốc theo cách làm nổi bật lên cái má hóp và gò má nhô cao; và rồi khi một vài người khách bắt đầu ra về, cô ta nói “Có ai muốn xem phòng quay của tôi không?”

Đầu tiên là bước vào một sảnh lớn với nhiều cái mắc áo trên tường và một cái biển trên mái vòm đề XIN HÃY ĐỂ QUẦN ÁO CỦA BẠN Ở ĐÂY. “Mọi người có thể bỏ qua cái biển đó,” Trudy nói, “nhưng làm ơn hãy cởi giày,” và cô ta để cho những người khác mặc tất quần đi vào trong phòng chính được trải thảm rộng và sâu.

Ở trên một mặt tường là một bức vẽ giải phẫu, to và hoàn hảo về một phụ nữ khóa thân ngồi tựa với chân dang rộng, một bên tay vuốt ve bộ ngực và tay kia đưa bộ phận đồ rung bằng điện vào phần dưới của mình. Ở trên một bức tường khác, được tắm trong đèn chiếu hắt từ trần xuống, là cái gì đó trông như thể một ánh mặt trời lóe sáng được làm nên từ những hình thù bằng nhôm giống như kén. Đến gần, những cái kén chính là sự thể hiện chính xác, đúng kích cỡ thật của âm đạo mở - một vài âm đạo to hơn những âm đạo khác, tất cả với những loại phức tạp khác nhau về môi ngoài và môi trong của âm hộ. Emily đang nghiên cứu phần trưng bày thì Trudy đến gần và đập vào vai cô. “Đây là một vài tác phẩm của sinh viên tôi,” cô ta giải thích. “Một nhà điêu khắc, một người bạn của tôi thiết kế chúng bằng sáp ong, rồi họ chuyển sang nhôm.”

“Tôi hiểu rồi,” Emily nói. “Thật ra điều đó thật là rất... thú vị.” Cái ly rượu bị nóng lên và dính chặt vào tay cô, và xương sống của cô đau nhức vì mệt. Cô linh cảm rằng nếu cô không ra khỏi đây ngay lập tức, Trudy sẽ mời cô tham gia vào lớp này mất.

Cố gắng không tỏ ra vội vàng, cô xin thứ lỗi và đi ra phía sảnh đợi nơi giày của cô để ở đó và rồi quay lại căn hộ của gia đình Fox nơi mọi người đều đang đồng ý là phòng quay của Trudy thật sự là một nơi họ chưa bao giờ được nhìn thấy.

“Tôi đã nói với các bạn rồi mà,” George Fox nói. “Các bạn có thể sẽ không tin tôi, nhưng tôi đã nói với bạn là...”

Rồi bữa tiệc kết thúc và cô đi ra phía đường dành cho người đi bộ, chào tạm biệt Grace Talbot đang cố nói là đêm nay thật thú vị, và rồi cô trên đường về nhà. Không có một bữa tiệc nào nữa, và cô không còn thói quen đi dạo nữa. Cô chỉ rời căn hộ khi đi mua thức ăn (“những bữa ăn sẵn chỉ cần hâm nóng” và những thực phẩm qua chế biến, loại rẻ tiền, dễ chuẩn bị và nhanh được ăn), và thậm chí có nhiều ngày cô còn không làm cả việc đó. Một lần, bất minh phải đi ra phố và đi vào một nhà hàng ở góc phố, khi cô lựa chọn đồ trên giá và trong tủ đông lạnh và để chúng ở quầy thu tiền thì cô ngược lên và nhận thấy người chủ cửa hàng mỉm cười với cô. Ông ta là một người đàn ông mập mạp, nhẹ nhàng ở độ tuổi sáu mươi, với những đốm cà phê trên tạp dề, và trước đó chưa một lần nào khi cô tiếp xúc với ông ta ông ta nở một nụ cười như vậy cả, hay thậm chí lúc này còn nói chuyện với cô nữa.

“Cô có biết không?” ông ta nói, ngượng ngịu cứ như thể ông ta đang tỏ tình vậy, “Nếu như tất cả khách hàng của tôi đều như cô, vợ tôi sẽ vui lắm đấy.”

“Mm,” cô nói. “Tại sao lại vậy?”

“Vì cô luôn tự làm lấy,” ông ta nói. “Cô tự chọn đồ và mang chúng đến đây. Điều đó thật dễ chịu. Hầu như mọi người - đặc biệt là phụ nữ - đến đây và hay nói ‘Hộp bột mì.’ Tôi phải đi xuống tận nơi có giá để đồ ngũ cốc, mang chúng lại đây, và rồi họ nói ‘Ồi, tôi quên mất... một hộp Gạo Krispies nữa,’ vì thế với ba mươi chín xu tôi có thể sẽ bị đau tim. Không phải cô, không bao giờ là cô. Bán hàng cho cô thật thú vị.”

“Thế à,” cô nói. “Cám ơn ông.” Và những ngón tay của cô run lên thể cô đang đếm những đồng đô la vậy. Đây là lần đầu tiên trong gần một tuần cô mới nghe thấy giọng của mình, và đã là quá lâu kể từ khi có bất kỳ một ai - bất kỳ một ai - nói điều gì đó tốt đẹp với cô.

Đã nhiều lần cô quay số điện thoại của Dịch vụ Thông tin bệnh Tâm thần, nhưng “Mm,” cô nói. “Tại sao lại vậy?”

“Vì cô luôn tự làm lấy,” ông ta nói. “Cô tự chọn đồ và mang chúng đến đây. Điều đó thật dễ chịu. Hầu như mọi người - đặc biệt là phụ nữ - đến đây và hay nói ‘Hộp bột mì.’ Tôi phải đi xuống tận nơi có giá để đồ ngũ cốc, mang chúng lại đây, và rồi họ nói ‘Ồi, tôi quên mất... một hộp Gạo Krispies nữa,’ vì thế với ba mươi chín xu tôi có thể sẽ bị đau tim. Không phải cô, không bao giờ là cô. Bán hàng cho cô thật thú vị.”

“Thế à,” cô nói. “Cám ơn ông.” Và những ngón tay của cô run lên thể cô đang đếm những đồng đô la vậy. Đây là lần đầu tiên trong gần một tuần cô mới nghe thấy giọng của mình, và đã là quá lâu kể từ khi có bất kỳ một ai - bất kỳ một ai - nói điều gì đó tốt đẹp với cô.

Đã nhiều lần cô quay số điện thoại của Dịch vụ Thông tin bệnh Tâm thần, nhưng lại không thể bắt mình hoàn thành được việc gọi điện. Rồi một lần cô đã hoàn thành cú điện thoại đó và nó lại được chuyển đến một số khác, ở đó một người phụ nữ với kiểu phát âm Tây Ban Nha nặng, nói rất cẩn thận, giải thích lịch trình: Emily có thể đến bệnh viện Bellevue bất kỳ một buổi sáng nào trong tuần trước mười giờ, đi xuống tầng hầm và tìm một cái biển đề MỜI VÀO PHÒNG KHÁM. Ở đó cô sẽ được một nhân viên xã hội phỏng vấn, một cuộc phỏng vấn với một bác sĩ tâm lý sẽ được sắp xếp một ngày sau đó.

“Cám ơn rất nhiều,” Emily nói, nhưng cô không bao giờ đến cả. Cái viễn cảnh đi xuống lòng của Bellevue để tìm cái biển đề dòng chữ Mời vào phòng khám dường như làm cho cô mất hết hy vọng, giống như thể bước vào phòng quay của Trudy vậy.

Một buổi chiều khi cô bất minh phải đi bộ về làng để làm - một chuyến viếng thăm với những suy nghĩ về cái chết - thì cô chợt dừng lại ở lối người đi bộ và cảm thấy máu trong mình chạy nhanh hơn với những sự

bắt đầu của một ý tưởng mới. Cô vội về nhà, và ngay lập tức cô lại một mình, đằng sau cánh cửa đã khoá, kéo một cái hộp bìa cứng nặng, đẩy bụi ra khỏi chỗ để đồ chứa và để nó ở giữa sàn. Đó là một cái hộp gồm toàn thư cũ - cô chưa bao giờ có thể ném đi được một lá thư nào - và cô lướt qua một ô tay rất dày gồm toàn phong bì trơn, tất cả những phong bì đó đều không theo một thứ tự thời gian nào cả, trước khi cô nhận ra một trong hai phong bì mà cô đang tìm.

Ông và bà Martin S. Gregory

Xin hân hạnh được thông báo lễ thành hôn của con gái chúng tôi Carol Elizabeth với Đức cha Peter J. Wilson Vào thứ sáu, ngày mười một tháng mười, 1969 tại Nhà thờ St.John Edwardstown, New Hampshire

Cô nhớ là mình đã hơi bị tổn thương khi không được mời đến đám cưới, nhưng Howard nói “Thật là ngu xuẩn; không ai còn tổ chức đám cưới to và ngông cuồng như thế này nữa.” Cô đã gửi đi một quà tặng bằng bạc đắt tiền và nhận được một thư cảm ơn chu đáo, nghe cảm động kiểu trẻ con từ chú rể Peter, viết tay theo kiểu học trường tư, nét khá đậm.

Dường như phải mất hàng giờ để tìm thấy lá thư thứ hai vừa mới nhận gần đây và quả thật là một tin tốt.

Đức cha và Bà Peter J. Wilson

Xin thông báo sự ra đời của con gái Sarah Jane

Bảy pound, sáu ounce

Tháng mười hai ngày mồng ba, 1970

“Ôi, xem này, Howard,” cô đã nói. “Chúng đặt tên cho con chúng có tên đệm Sarah. Chẳng phải là dễ thương hay sao?”

“Mm,” ông ta nói. “Rất dễ thương.”

Nhưng bây giờ khi tìm được hai bức thiệp này cô lại không biết mình phải làm gì với nó. Để giấu đi sự không chắc chắn của chính mình, cô dành một lúc lâu lau những lá thư vương vãi trên sàn và lại nhét chúng vào trong hộp, cái mà cô lại khệ nệ tổng chặt vào bóng tối nơi thuộc về chúng. Rồi cô phủi bụi trên tay mình và ngồi im lặng với lon bia đã nguội lạnh, cố suy nghĩ.

Đó là bốn hay năm ngày trước khi cô lấy hết nghị lực để quyết định đi đến một nơi để gặp một người có tên là Đức cha Peter J.Wilson ở Edwardstown, New Hampshire.

“Dì Emmy!” Anh ta nói. “Vui quá lại được gặp dì. Dì thế nào ạ?”

“Dì cũng ổn. Và gia đình cháu thế nào? Cún con thế nào rồi?”

Và họ cứ nói chuyện mãi theo cách như vậy, chẳng về một chủ đề nào cả, cho đến khi anh ta nói “Dì vẫn làm việc ở công ty quảng cáo chứ ạ?”

“Không, dì... thật ra, dì đã không làm việc ở đó được một khoảng thời gian rồi. Thật sự bây giờ dì không đi làm.” Cô đã nói từ “thật sự” đến hai lần, và điều đó đã làm cho cô căng vào môi. “Dì sống một mình, và dì có rất nhiều thời gian rảnh rỗi, vì thế, dì nghĩ, đó là lý do vì sao” - cô cố gắng nở một nụ cười...- “lý do vì sao dì quyết định đến gặp cháu hoàn toàn bất ngờ.”

“Thế ạ,” anh ta nói, và cái cách mà anh ta nói từ “thế ạ” đã chứng tỏ anh ta hiểu cụm từ “sống một mình” có nghĩa là gì. “Thế à. Dì đã bao giờ nghĩ đến việc này chưa?”

“Việc gì cơ?”

“Dì đã bao giờ nghĩ đến việc này chưa? New England? New Hampshire? Vì, ý con là bọn con yêu dì. Carol luôn muốn gặp dì. Có thể dì qua đây với bọn con ngày nghỉ cuối tuần hay một thời gian nào đó. Gượng đã: con có một sáng kiến. Ngày nghỉ cuối tuần sắp tới được không ạ?”

“Ôi, Peter...” Tim cô đập rộn lên. “Giờ thì nghe như là dì đang mời chính dì vậy.”

“Không, không,” anh ta cố nói. “Dì đừng nghĩ thế... con không có ý như vậy. Bọn con có rất nhiều phòng; dì sẽ cảm thấy thoải mái... và dì cũng không phải chỉ ở có một tuần, dì có thể ở đến khi nào dì muốn...”

Thế là sự việc đã được sắp xếp. Cô có thể đi đến Edwardstown bằng ô tô buýt vào thứ sáu tới - đó là một chuyến đi mất sáu tiếng, với một giờ nghỉ ở Boston - và Peter sẽ đón cô ở sân ga.

Trong một vài ngày sau đó cô đi lại với một tinh thần mới, cảm giác của chính mình như một người quan trọng, như được cho là có ai đó để yêu thương.

Trang phục là một vấn đề: cô có ít quần áo thích hợp với mùa xuân ở New England đến nỗi cô có ý định sẽ mua quần áo mới, nhưng thật là ngớ ngẩn; cô lại không có tiền để mua. Vào đêm trước chuyến đi cô thức khuya để giặt tất cả đồ lót và đồ nịt của mình dưới ánh đèn vàng yếu ớt trong phòng tắm (chủ nhà đã tiết kiệm điện bằng cách dùng đèn hai mươi nhăm oát ở trong tất cả các phòng tắm) và sau đó cô không thể ngủ được. Cô vẫn bị mệt mỏi vì thiếu ngủ khi cô mang cái va li bé nhỏ của mình vào khu vực ngầm không theo một trật tự nào ở cửa kiểm tra của tuyến ô tô buýt vào sáng sớm hôm thứ sáu.

Cô nghĩ là cô có thể sẽ ngủ trên ô tô, nhưng một lúc lâu tất cả những gì cô có thể làm là hút nhiều thuốc và nhìn chằm chằm qua cái cửa sổ được phủ màu xanh khi đi qua các cảnh vật bên đường. Đó là một ngày tháng tư tươi sáng. Rồi một cơn buồn ngủ chợt đến với cô vào đầu giờ chiều; cô tỉnh dậy với một bên tay bị chuột rút, với bộ quần áo nhàu nhĩ và con người cảm thấy cay xè. Ô tô chỉ cách Edwardstown có vài phút nữa thôi.

Sự đón chào của Peter thật nhiệt tình.

Anh ta đón lấy vai li của cô như thể việc cô phải mang một cái va li như vậy sẽ làm cho anh ta khó chịu, và dẫn cô đi về phía chỗ để ô tô. Thật là thú vị khi được đi cạnh anh ta: anh ta rải những bước mạnh mẽ, dễ dàng và nắm tay cô bằng tay còn để trống. Anh ta đang đeo một cái cà vạt mục sư - cô nghĩ rằng chắc hẳn anh ta đã có một vị trí cao ở nhà thờ Tân giáo, nếu như anh ta đeo chúng suốt như vậy - với một bộ vét xám nhạt khá chải chuốt.

“Cảnh vật ở đây đẹp lắm,” anh ta nói trong lúc lái. “Và dì đã chọn được ngày đẹp trời đấy ạ.”

“Mm. Thật tuyệt. Thật là tuyệt... khi con đã mời dì.”

“Con cũng rất vui khi dì đến.”

“Nhà con có xa đây không?”

“Chỉ một vài dặm thôi.” Sau một lúc rồi anh ta nói “Dì có biết không, dì Emmy? Con luôn nghĩ đến dì kể từ ngày phong trào Giải phóng Phụ nữ bắt đầu. Dì luôn ở trong con như một người phụ nữ tự do truyền thống.”

“Tự do khỏi cái gì?”

“Dì biết đấy... từ những quan niệm xã hội lỗi thời về bổn phận của người phụ nữ phải làm gì.”

“Ôi, Chúa ơi, Peter. Dì hy vọng rằng con sẽ nói điều đó được hay hơn khi con làm lễ ở nhà thờ.”

“Hay hơn cái gì ạ?”

“Sử dụng cụm từ giống như ‘những quan niệm xã hội lỗi thời.’ Con là ai nhỉ - một trong những mục sư ‘được ưa chuộng’?”

“Vâng, con khá được tin tưởng. Mình sẽ phải như vậy, nếu mình làm việc với thanh niên dì ạ.”

“Con bao nhiêu tuổi rồi nhỉ, Peter? Hai mươi tám? Hai mươi chín?”

“Dì quên hết thời gian rồi, dì Emmy. Con đã ba mươi một rồi.”

“Con gái con bao nhiêu tuổi?”

“Sắp bốn tuổi rồi ạ.”

“Dì rất... hài lòng,” cô nói “về việc con và vợ con đặt tên con gái mình sau tên mẹ con.”

“Vâng ạ,” anh ta nói khi đi vào phần đường vượt để vượt lên chiếc xe tải chở nhiên liệu. Khi anh ta lái xe trở lại đường lái chính anh ta nói “Con cảm thấy vui khi dì hài lòng. Và con nói với dì điều này: bọn con

đang mong có một cu cậu trong lần sinh tới, nhưng nếu bọn con lại sinh con gái bọn con sẽ đặt tên sau tên dì. Dì nghĩ gì về chuyện đó ạ?”

“Thế à, dì rất... điều đó thật rất...”, nhưng cô đã không thể kết thúc câu nói của mình vì cô suy sụp hoàn toàn và ôm mặt khóc nức nở ở phía cửa xe chỗ dành cho khách ngồi.

“Dì Emmy!”, anh ta ngưỡng ngượng nói. “Dì Emmy, dì ổn chứ ạ?”

Thật là bẽ bàng. Cô vừa mới gặp cháu mình chưa đầy mười phút, thế mà cô đã cho cháu mình thấy mình khóc như thế nào. “Dì ổn mà,” cô nói ngay khi có thể.

“Dì chỉ hơi... mệt, chỉ có vậy thôi. Tối qua dì đã ngủ không được nhiều lắm.”

“Thế à, tối nay dì sẽ ngủ. Không khí ở đây thật trong lành và thoáng đãng; mọi người nói không khí ở đây làm cho người ta ngủ như chết vậy.”

“Mm.” Và cô lại bận rộn với việc châm thuốc hút, một nghi thức mà cô đã tựa cả cuộc đời mình vào mỗi khi cần lấy lại bình tĩnh.

“Mẹ con cũng thường xuyên có vấn đề với việc ngủ,” anh ta nói. “Con nhớ rằng khi bọn con còn bé bọn con thường nói ‘Hãy trật tự. Mẹ đang cố ngủ đây.’”

“Đúng thế”, cô nói. “Dì biết là mẹ con có vấn đề với việc ngủ.” Cô lại trỗi dậy muốn biết “Chị ấy đã chết như thế nào?” nhưng đã kiềm chế bản thân. Thay vào đó cô nói “Vợ con thế nào, Peter?”

“À, dì sẽ gặp vợ con sớm thôi mà. Dì sẽ hiểu về cô ấy.”

“Con bé có xinh không?”

“Ôi, cô ấy luôn như thế. Cô ấy đẹp. Con nghĩ giống như những người đàn ông khác con luôn nghĩ về những người phụ nữ đẹp, nhưng cô gái này thật sự là một điều kỳ lạ đã đến với cuộc đời. Dì hãy đợi nhé.”

“Được rồi, dì sẽ đợi. Thế con làm gì, cả hai con làm gì? Con ngồi quanh và nói về Chúa Giê-su cả ngày hay sao?”

“Bọn con làm gì ạ? Con thường xuyên thức khuya để nói về Chúa và làm phục sinh và những chuyện tương tự như vậy?”

Anh ta liếc nhìn cô và trông bối rối. “Con không hiểu dì muốn nói gì?”

“Dì chỉ muốn hình dung ra hình ảnh của con... con như thế nào... cách con dành thời gian với điều kỳ lạ đã đến với cuộc sống.” Cô nhận thấy sự kích động đang dâng lên trong giọng mình. Cô kéo một phần cửa đang mở xuống và búng tàn thuốc lá theo chiều gió, và ngay lập tức cô cảm thấy mạnh mẽ và được truyền thêm sinh khí, cái cách mà cô đã đối đầu với Tony. “Được thôi, thưa ông Tuyệt vời,” cô nói. “Hãy lau đi. Chị ấy đã chết như thế nào?”

“Thậm chí con càng không hiểu dì định nói ý gì...”

“Peter, cha con thường xuyên đánh mẹ. Đó là điều vô tình dì được biết, và dì nghĩ là con cũng biết về điều đó. Chị ấy nói với dì là cả ba con đều biết. Đừng có nói dối dì; mẹ con chết như thế nào?”

“Mẹ con chết vì một chứng bệnh xơ gan...”

“... bệnh trở nên nặng khi mẹ về nhà vào mùa thu. Ôi, dì đã nghe bài hát đó và điệu nhảy đó trước kia rồi. Các con đương nhiên là phải nhớ những câu chữ đó rồi. Thật ra, chính là từ mùa thu dì muốn nghe. Chị ấy đã ngã như thế nào? Chị ấy đã bị đau như thế nào?”

“Con không ở đó, dì Emmy.”

“Chúa ơi, thật là vô trách nhiệm. Con không ở đó. Và con đã không bao giờ hỏi?”

“Đương nhiên là có. Eric ở đó; cậu ta nói mẹ ngã khỏi ghế và đập đầu.”

“Và con có nghĩ rằng điều đó đủ để nói lên như vậy là giết người?”

“Vâng, có thể là như thế, nếu người đó bị ngã nghiêm trọng.”

“Được rồi. Hãy kể cho dì nghe điều tra của cảnh sát. Dì vô tình được biết có điều tra của cảnh sát, Peter.”

“Sẽ luôn có điều tra trong hoàn cảnh như vậy. Họ không tìm thấy gì; không có gì để tìm. Nghe có vẻ như dì... sao dì lại tra hỏi con, dì Emmy?”

“Vì dì muốn biết sự thật. Bố con là một người đàn ông rất cục súc.”

Hàng cây và những ngôi nhà màu trắng gọn gàng đi lướt qua cửa xe, với một rừng núi xanh xa tít tận chân trời, và Peter đã dành thời gian để trả lời cô - lâu đến mức mà cô bắt đầu cảm thấy sợ rằng anh ta đang tìm một chỗ để quay đầu xe lại, để đưa cô quay trở lại bến xe và trả cô về nhà.

“Bố con là một người có nhiều hạn chế,” cuối cùng anh ta nói, rất cẩn thận, “trong nhiều phương diện ông là một người vô tình, nhưng con sẽ không gọi ông là cục súc.”

“Cục súc,” cô gắng nói, run lên. “Hắn ta cục súc và ngu xuẩn, và hắn ta đã giết chị của dì... hắn ta đã giết chị của dì với hai mươi năm năm hành xử cục súc, ngu xuẩn và thờ ơ.”

“Thôi nào, dì Emmy; dừng lại thôi ạ. Bố con luôn làm những gì tốt nhất mà ông có thể. Mọi người đều làm tốt nhất khả năng của mình. Khi có điều tồi tệ xảy ra, không phải lúc nào cũng phải có một ai đó để đổ tội.”

“Điều đó có nghĩa là gì? Vì Chúa? Đó là điều con học được ở trường dòng hay sao, cùng với tư tưởng ‘Nhận một đòn mà không đánh lại’ sao?”

Anh ta lái chậm lại và nháy đèn để quay xe, và giờ thì cô nhìn thấy một lối đi bằng xi măng ngắn, một bãi cỏ ngắn nấp, và một ngôi nhà hai tầng đúng y như trong tưởng tượng của cô. Họ sống ở đây. Bên trong garage, nơi anh ta dừng xe, ngắn nấp hơn bất kỳ garage của một nhà nào đó. Dựa vào tường là hai chiếc xe đạp nhỏ, một cái xe có một chỗ ngồi dành cho em bé có chỗ tựa chân.

“Xe đạp của con đấy à?”, cô nói với anh ta qua mui xe. Cô bước ra thật nhanh, vẫn còn run, lấy chiếc va li của mình ở ghế sau; rồi, vì cần phải có một âm thanh lớn mang tính tích cực để nhấn mạnh cơn thịnh nộ của mình, cô đóng cửa xe bằng tất cả sức mạnh. “Đó là những gì con làm đấy à? Ôi, và cũng thật là một quan cảnh đẹp, và hai con đi xe đạp với... tên cún con là gì nhỉ - vào chiều chủ nhật, tất cả đều râm nắng trong chiếc quần jean hơi cộc gợi tình - con chắc hẳn là sự đổ kỵ của toàn New Hampshire...” Cô đi ra đằng sau chiếc xe để đi theo anh ta, nhưng anh ta chỉ đứng đó và nhìn cô, mắt chớp chớp.

“... Và rồi con về nhà và tắm... các con có tắm cùng nhau không?... và có thể con sẽ ngưng nguỷ cái móng của mình trong bếp trong khi con pha rượu, và rồi con ăn tối và cho bé con đi ngủ và ngồi quanh để nói chuyện về Chúa Giê-su và làm phục sinh trong giấy lát, và rồi làm cái việc chính trong ngày, có phải vậy không? Con và vợ con đi ngủ - phòng và cửa phòng được đóng lại, và các con giúp nhau cởi quần áo, và rồi, Lạy Đức Chúa lòng lành - nói về những điều kỳ lạ đến với cuộc sống...”

“Dì Emmy,” anh ta nói. “Dì lạc đề rồi.”

Ngoài lề. Thở dốc, với quai hàm mím chặt, cô mang va li đi về phía lối đi vào nhà rồi đi ra phố. Cô không biết nơi cô sắp đi là đâu nhưng cô biết trông cô thật kỳ dị, và không thể cuộc bộ đi về theo bất kỳ con đường nào.

Ở phía cuối đường cô dừng lại, không ngoái đầu, và sau một lúc cô nghe thấy tiếng leng keng của những đồng xu trong ví hay chìa khoá gì đó và tiếng đế giày cao su; anh ta đang đi về phía cô.

Cô quay lại. “Ôi, Peter, dì xin lỗi,” cô nói, không nhìn vào anh ta. “Dì không biết phải nói xin lỗi với con như thế nào nữa.” Dường như cậu ta cảm thấy ngượng. “Dì không phải xin lỗi,” anh ta nói, cầm lấy chiếc va li từ tay cô. “Con nghĩ dì có thể đã rất mệt và cần được nghỉ ngơi.” Cháu cô đang nhìn cô với vẻ thăm dò và vô tư, giống như một bác sĩ tâm lý trẻ ranh lợi hơn là một mục sư.

“Ừ, dì mệt,” cô nói. “Con có biết điều hài hước là gì không? Dì đã gần năm mươi và dì chẳng hiểu một chút gì về cuộc đời mình cả.”

“Ồn thôi mà dì,” anh ta nói thật khê. “Ồn thôi mà dì, dì Emmy. Giờ thì dì đã muốn vào nhà và gặp mọi người chưa ạ?”

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/le-dieu-hanh-phuc-sinh>